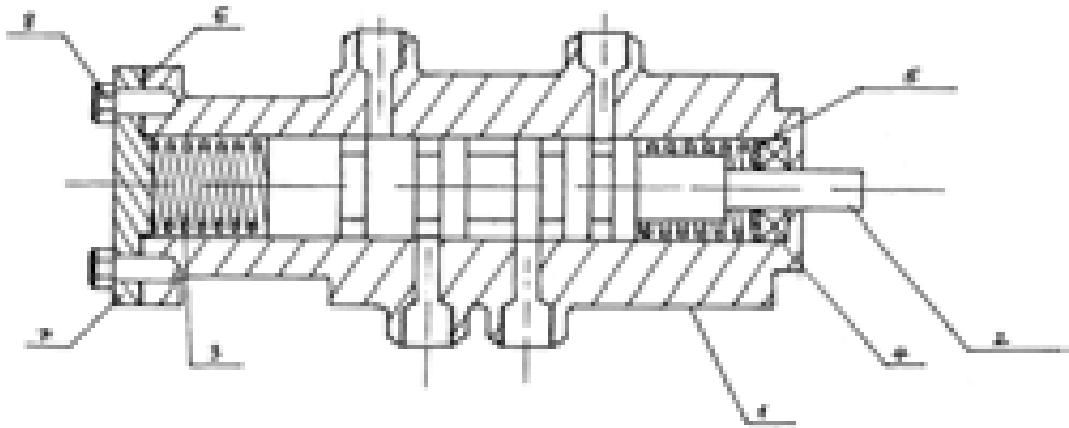


PHẦN I

**ĐƠN SÁNG CHẾ YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

- (11) **16956**
- (21) 1-2006-01756 (51)<sup>7</sup> **F01L 15/00**
- (22) 26.10.2006 (43) 26.05.2008
- (75) **TRẦN QUANG VŨ (VN)**  
116/55 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
- (54) **VAN HƯỚNG DÒNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến van hướng dòng, là thiết bị điều khiển hướng dòng lưu lượng trong hệ thống thủy lực, phục vụ lắp ráp trên các máy công nghiệp có trang bị hệ thống thủy lực. Van có bốn cổng nối với bốn đường dẫn, trong đó có một đường nối với bơm, một đường nối với thùng chứa, hai đường còn lại nối với động cơ thủy lực. Van có ba vị trí điều khiển, là vị trí trung hoà và hai vị trí đối xứng qua nó. Van được làm từ thép cacbon thuộc nhóm A. Van có hình dáng nhỏ gọn, dễ sản xuất.



(11) **16957**

(21) 1-2006-01845

(51)<sup>7</sup> **A61K 35/78**

(22) 08.11.2006

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 08.11.2006

(75) NGUYỄN ĐỨC TÀO (VN)

107, P2, ngõ 178, đường Giải phóng, phường Phương liệt, quận Thanh xuân, thành phố Hà Nội

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(54) THUỐC ĐÔNG Y CHỮA ĐAU THẮT ĐỘNG MẠCH VÀNH

(57) Sáng chế đề cập đến thuốc đông y chữa bệnh đau thắt động mạch vành gồm có các dược liệu với tỷ lệ thành phần tính theo phần trăm khối lượng như sau: Đan sâm 65-85%, Tam thất 6,5-12,5%, Huyết kiệt 0,5- 1%, Băng phiến tổng hợp (Boméol) 0,8%-0,9%, Tá dược Polyetylen glycol (PEG) 15,8-16,5% được sản xuất theo quy trình, cụ thể gồm các bước sau: Bào chế chế phẩm A: lấy Tầm đan sâm nấu cao bằng nước ăn được, chiết 3 lần; trước khi kết thúc lần chiết thứ 3 khoảng 20 phút thì cho bột Huyết kiệt vào, sau đó lọc lấy dịch. Trộn cả 3 dịch chiết, để lắng cho loại cặn ở nhiệt độ 5 đến 10°C, xong đem cô ở áp suất giảm đến tỷ trọng khoảng 1,3 ở nhiệt độ từ 55 đến 60°C - thu được chế phẩm A. Bào chế chế phẩm B : xay thô tam thất qua rây cỡ 1 đến 2 mm, sau đó chiết bằng nước và cô đặc đến tỷ trọng khoảng 1,3 ở nhiệt độ từ 55 đến 60°C - thu được chế phẩm B. Sau đó, tiến hành phối chế hỗn hợp tạo bán thành phẩm thuốc bằng cách đun nóng tá dược Polyetylen glycol (PEG) ở nhiệt độ 60°C cho chảy lỏng, sau đó cho bột băng phiến tổng hợp (Bomeol) vào và trộn đều, tiếp theo cho các chế phẩm A và B vào và tiếp tục trộn đều hỗn hợp ở nhiệt độ 60°C và tiến hành nhỏ giọt để tạo ra các viên hoàn giọt trên máy chuyên dụng trong dung môi là dầu parafin có nhiệt độ từ 4 đến 6°C. Sau đó vớt các viên thuốc hoàn giọt ra khỏi dung môi và sấy khô bằng không khí sạch có độ ẩm tương đối từ 30 đến 40% và có nhiệt độ từ 20 đến 25°C.

- (11) **16958**
- (21) 1-2006-01847 (51)<sup>7</sup> **A01G 23/10**, 23/00
- (22) 09.11.2006 (43) 26.05.2008
- (71) MALAYSIAN RUBBER BOARD (MY)  
17th & 18th Floor, Bangunan Getah Asli 148, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur,  
Malaysia
- (72) MOHD. AKBAR BIN MD. SAID (MY), YUSOF BIN AZIZ (MY)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) THIẾT BỊ HẤP THU CHẤT KÍCH THÍCH DẠNG KHÍ ĐỂ TĂNG SẢN LƯỢNG  
CỦA CÂY CHO MỦ
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị để kích thích sự chảy mủ từ cây cho mủ. Thiết bị này bao  
gồm túi chứa để sử dụng có thể thổi phồng và thiết bị tạo khí để cung cấp chất kích thích  
đạng khí nén hoá lỏng lên mô có mủ.

(11) **16959**

(21) 1-2006-01856

(51)<sup>7</sup> **A01G 7/06**, 7/00, A01H 3/00, A01N  
65/00, A61H 5/00

(22) 13.11.2006

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 13.11.2006

(75) NGUYỄN NGỌC SƠN (VN)

Phòng 105 nhà 54 ngõ 295 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TRẦM HƯƠNG TRÊN CÂY DÓ

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp tạo trầm hương trên cây Dó. Cụ thể hơn, sáng chế đề xuất phương án dùng lực tác dụng lên phần thân cây Dó kết hợp với việc phun và/hoặc đắp hỗn hợp tạo trầm hương lên phần tác động để tạo trầm hương trên cây Dó.

(11) **16960**

(21) 1-2006-01865

(51)<sup>7</sup> **A61K**

(22) 14.11.2006

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.11.2006

(75) **PHÙNG MINH DŨNG (VN)**

68 tổ 12, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(54) **THUỐC ĐÔNG Y CHỮA BỆNH RA MỒ HÔI TRỘM Ở TRẺ EM**

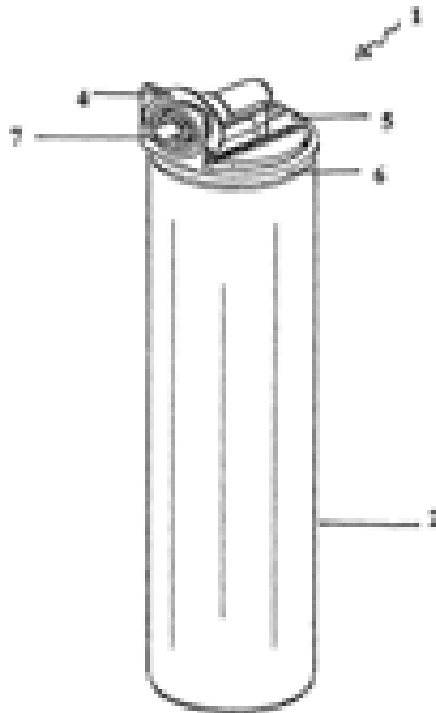
(57) Sáng chế đề cập đến thuốc đông y chữa bệnh ra mồ hôi trộm ở trẻ em gồm có các dược liệu với tỷ lệ thành phần tính theo phần trăm khối lượng như sau: Thục địa: 16-18%, Hoài sơn: 8-9%, Sơn thù: 8-10%, Mấu đơn: 6-8%, Bạch phục linh: 6-7%, Trạch tả: 6-7%, Ngũ vị tử: 4-5%, Mạch môn: 6-7%, Đại táo: 4-5%, Ma hoàng căn: 2-3%; Đường kính trắng: 24-30%, Đường lactoza: 10-15%, được sản xuất theo quy trình như sau: Chọn kỹ các dược liệu (các vị thuốc) và loại bỏ tạp chất, sau đó cân đúng khối lượng từng vị thuốc với tỷ lệ thành phần tính theo phần trăm khối lượng: Thục địa: 16-18%, Hoài sơn: 8-9%, Sơn thù: 8-10%, Mấu đơn: 6-8%, Bạch phục linh: 6-7%, Trạch tả: 6-7%, Ngũ vị tử: 4-5%, Mạch môn: 6-7%, Đại táo: 4-5%, Ma hoàng căn: 2-3% sau đó rửa sạch, thái nhỏ theo kích thước 3 đến 5 mm. Cho vào nồi bằng thép không gỉ sắc 3 lần với nước ăn được, mỗi lần trong thời gian khoảng 3 giờ. Dịch chiết được từ 3 lần sắc trên được trộn đều và để lắng ở nhiệt độ 5 đến 7 độ C cách đêm, sau đó đưa ra lọc kỹ. Cô dịch lọc được ở nhiệt độ dưới 100 độ C và áp suất giảm. Sau khi dịch cô đạt tỷ trọng 1,30-1,35 ở nhiệt độ 55 đến 60 độ C - tương đương bằng 1/10 khối lượng dược liệu đưa vào chiết thì được. Sau đó, cho đường kính trắng và đường lactoza vào trộn đều bằng máy, tiếp theo cho vào máy xát cốm để tạo thành cốm, tiếp theo sấy khô cốm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- (11) **16961**
- (21) 1-2006-02151 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/662**, A61P 31/12, C07D 207/08, C07F 9/141
- (22) 18.07.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2005/025503 18.07.2005 (87) WO2006/020276 23.02.2006
- (30) 60/588,633 16.07.2004 US  
60/591,635 27.07.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.12.2007
- (71) GILEAD SCIENCES, INC. (US)  
333 Lakeside Drive, Foster City, California 94404, United States of America
- (72) CHAUDHARY, Kleem (CA), FLEURY, Melissa (CA), KIM, Choung, U. (US),  
MCMURTRIE, Darren, J. (CA), SHENG, Xiaoning, C. (US)
- (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)
- (54) **HỢP CHẤT KHÁNG VIRUT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất kháng virut được thế phospho và chế phẩm chứa hợp chất này. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình và các chất trung gian được dùng để điều chế các hợp chất này.

- (11) **16962**  
(21) 1-2007-00257 (51)<sup>7</sup> **B65D 83/42**, 83/28  
(22) 06.07.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/NZ2005/000158 06.07.2005 (87) WO2006/004443 12.01.2006  
(30) 532150 06.07.2004 NZ  
540629 08.06.2005 NZ

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.01.2008

- (75) 1. REX MCCORMACK (NZ)  
22 Pine Grove, Tairua 2853, New Zealand  
2. HAMISH WILLIAM HAMILTON (NZ)  
17 Maldon Street, Sydenham, Christchurch 8002, New Zealand  
(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)  
(54) VAN ĐỊNH LƯỢNG NẠP LẠI ĐƯỢC  
(57) Sáng chế đề cập đến van định lượng nạp lại được ở bên ngoài để sử dụng cho pin nhiên liệu, bình sol khí hay ống định lượng chất lưu. Cụ thể là, sáng chế đề cập đến van định lượng nạp lại được ở bên ngoài dùng để cấp nhiên liệu hydrocacbon cho dụng cụ dẫn động tự nạp khí. Van định lượng nạp lại được này gồm có một điểm vào và một van một chiều để cho bình nhiên liệu có thể được nạp lại sau khi túi nhiên liệu bên trong bình nhiên liệu hết hoàn toàn nhiên liệu. Van được làm thích ứng để được lắp vào bình nhiên liệu sao cho nó được nối thông với nhiên liệu trong bình và phối hợp hoạt động với một vòi nạp lại của thiết bị được làm thích ứng để cấp một chất từ thùng chứa qua van định lượng để nạp lại chất này vào một vật chứa có sử dụng van này. Van này cũng có kết cấu để có một buồng định lượng trong, buồng này làm cho một lượng định trước nhiên liệu có thể được cấp tới một buồng định lượng bên trong dụng cụ dẫn động tự nạp khí. Khí dư bên trong buồng nhiên liệu cũng có thể được lấy ra khi buồng nhiên liệu cần vớt bỏ.



- (11) **16963**
- (21) 1-2007-00470 (51)<sup>7</sup> **C07G 17/00**, G01N 33/544, A61K 39/02
- (22) 10.08.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2005/028464 10.08.2005 (87) WO/2006/020730 23.02.2006
- (30) 10/918,006 13.08.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.03.2007
- (71) BOEHRINGER INGELHEIM VETMEDICA, INC. (US)  
2621 North Belt Highway, St. Joseph, MO 64506, US
- (72) KROLL, Jeremy, J. (US), ROOF, Michael, B (US), EICHMEYER, Marc, A (US)
- (74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
- (54) PHƯƠNG PHÁP XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH CHẨN ĐOÁN CHỨNG VIÊM RUỘT HỒI
- (57) Sáng chế này đề cập đến các xét nghiệm miễn dịch để bảo vệ các kháng thể kháng lại Lawsonia trong nội bào cho phép phát hiện một cách dễ dàng và nhanh chóng các kháng thể kháng lawsonia nồng độ thấp ở các mẫu mô được lấy từ cơ thể động vật. Tốt hơn là, các xét nghiệm được tiến hành theo phương pháp ELISA có sử dụng phân chiết kháng nguyên của L nội bào lipopolysacant.



(11) **16964**

(21) 1-2007-00786

(51)<sup>7</sup> **B63H 25/06**

(22) 13.04.2007

(43) 26.05.2008

(30) DE 20 2006 017 370.6

13.11.2006 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 22.05.2007

(71) BECKER MARINE SYSTEMS GMBH & CO. KG (DE)

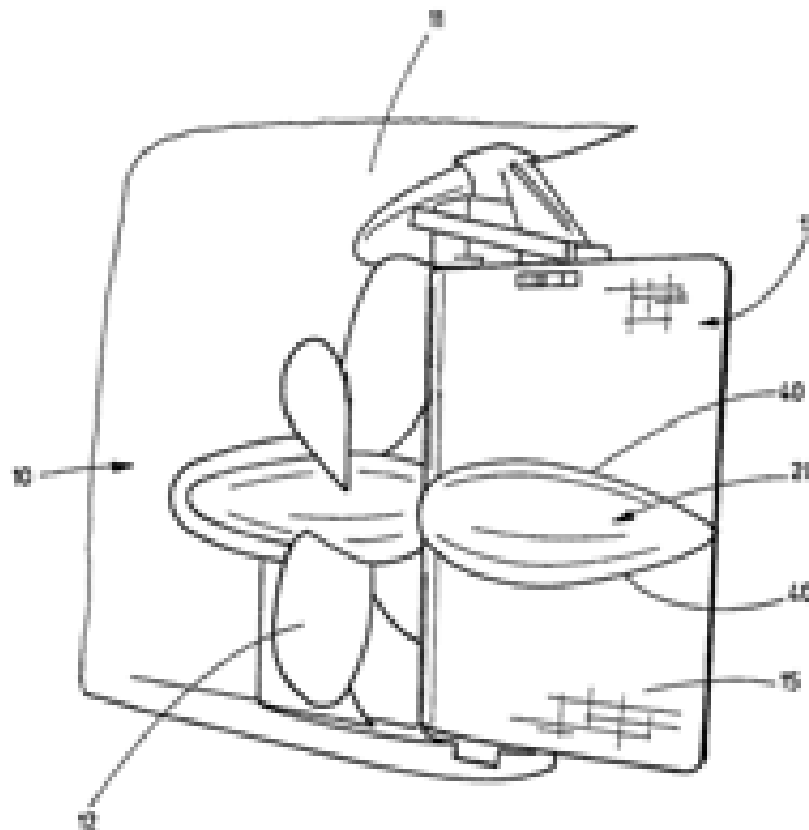
Neulander Kamp 3, D-21079 Hamburg, Germany

(72) KLUGE, Mathias (DE), LEHMANN, Dirk (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) BÁNH LÁI CHO TÀU THUY

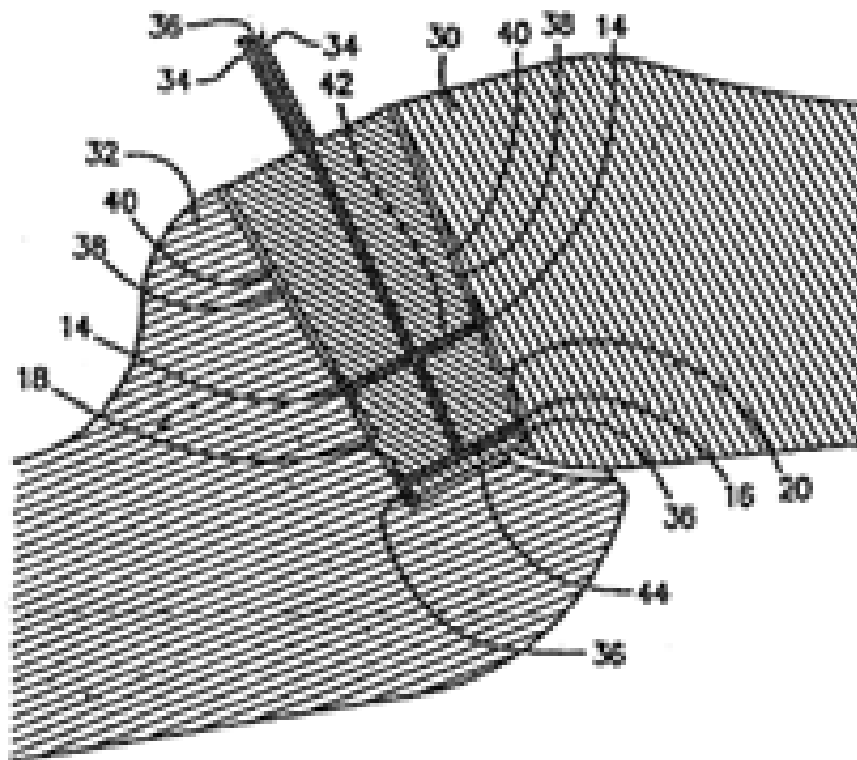
(57) Sáng chế đề cập đến bánh lái cho tàu thủy, bao gồm cánh bánh lái (15), mà tương xứng của nó là chân vịt (12) được bố trí trên trục đẩy bị dẫn, nhờ đó thân luồng (20) được bố trí trên cánh bánh lái (15), mà được thiết kế dạng bầu hoặc dạng zeppelin và được bố trí là phần kéo dài của trục đẩy trong vùng của cánh bánh lái (15), khác biệt ở chỗ, thân luồng (20) được thiết kế để tự phá hủy hoặc tự nhả khi có tác động của lực, sự nổ, xung hoặc áp lực tăng lên.



- (11) **16965**  
(21) 1-2007-01142 (51)<sup>7</sup> **A61F 2/44**  
(22) 21.11.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2005/042073 21.11.2005 (87) WO2006/057943 01.06.2006  
(30) 10/992,720 22.11.2004 US  
11/232,519 22.09.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 08.06.2007

- (71) ORTHOPEDIC DEVELOPMENT CORPORATION (US)  
2730 McMullen Booth Road, Suite 203, Clearwater, Florida 33761, United States of America  
(72) PETERSEN, David, A. (US)  
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)  
(54) ĐỆM XƯƠNG SỐNG DÙNG CHO HỆ THỐNG DUNG HỢP DIỆN KHỚP XÂM NHẬP TỐI THIỂU  
(57) Thân hình cột có lỗ hổng ở mặt trên và cặp lỗ hổng thứ nhất và thứ hai đối diện nhau ở mặt bên, các rãnh ngang bên trong thứ nhất và thứ hai nối với các lỗ hổng đối diện nhau thứ nhất và thứ hai. Rãnh dọc từ lỗ hổng phía trên nối với các rãnh thứ nhất và thứ hai. Sau khi thân được chèn vào trong lỗ trong diện khớp, vật liệu tổng hợp hoặc sinh học tương thích được chèn vào rãnh dọc cho tới khi vật liệu thoát ra từ các lỗ hổng thứ nhất và thứ hai ở mặt bên. ít nhất một cặp bích nằm ở phần ngoài mặt bên của thân có tác dụng như chốt để giữ thân nằm đúng vị trí trong lỗ diện khớp.



- (11) **16966**  
(21) 1-2007-01187 (51)<sup>7</sup> **C07K 14/55**  
(22) 16.11.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/CU2005/000009 16.11.2005 (87) WO2006/053508 26.05.2006  
(30) 261-2004 16.11.2004 CU

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 09.08.2007

- (71) CENTRO DE INMUNOLOGIA MOLECULAR (CU)  
Calle 216 esq. 15, Atabey, Playa, Ciudad de la Habana, C.D. 160, Ciudad de La Habana 12100, Cuba  
(72) MONTERO CASIMIRO José Enrique (CU), ALONSO SARDUY Liván Bladimir (CU), PEREZ RODRIGUEZ Rolando (CU), LAGE DAVILA Agustín Bienvenido (CU)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) CHẾ PHẨM TẠO ĐÁP ỨNG MIỄN DỊCH ĐỐI VỚI IL-2  
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa vaccin và các kháng thể đơn dòng làm trung hoà interleukin-2, hữu ích để điều trị các khối u.

Đặc biệt, sáng chế đề cập đến các chế phẩm có thể làm tăng khả năng sinh miễn dịch của IL- 2 được liên hợp với protein chất mang P64k từ Neisseria meningitidis trong tá được Montanide ISA 51 để gây cảm ứng tự kháng thể trung hoà IL-2 để điều trị khối u, bao gồm ung thư vú và khối u ác tính.

Ngoài ra, sáng chế đề cập đến hỗn hợp trị liệu gồm vaccin chứa IL-2 và các vaccin ung thư khác chứa các kháng nguyên khối u đặc hiệu hoặc các nhân tố sinh trưởng khối u, cũng như các chất điều trị hoá học hoặc điều trị phóng xạ để sử dụng chuẩn trong điều trị bệnh ung thư.

(11) **16967**

(21) 1-2007-01327

(51)<sup>7</sup> **H01M 2/10**

(22) 03.07.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-190332 07.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.07.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

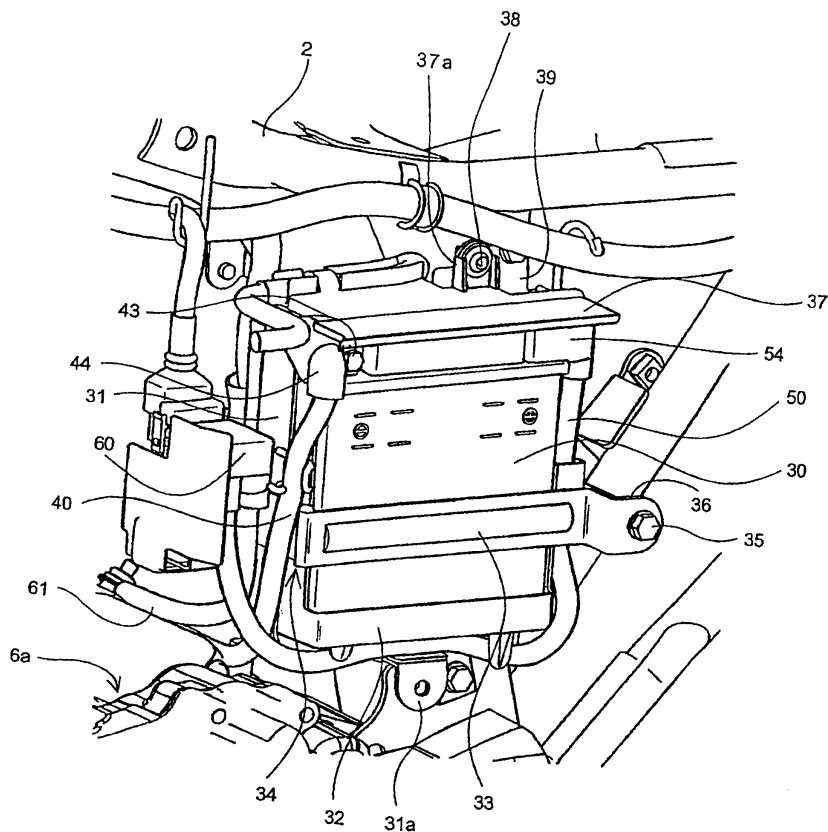
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan

(72) Masaharu ANDO (JP), Yoichi OKAZAKI (JP), Tetsuhito YOKOMORI (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **CỤM KẾT CẤU LẮP ẮC QUY**

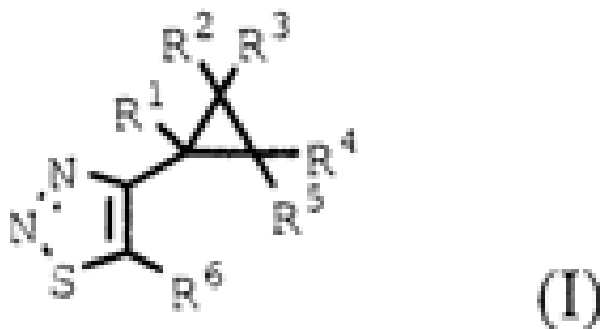
(57) Sáng chế đề xuất cụm kết cấu lắp ắc quy tạo thuận lợi cho việc tháo các cực điện dương và âm theo một trình tự đúng khi các đầu điện cực ắc quy hay dây dẫn điện được tháo nối. Cụm kết cấu lắp ắc quy bao gồm: ắc quy (30) gồm đầu phía điện cực dương (52) và đầu phía điện cực âm (42); dây dẫn phía điện cực dương (50) nối với đầu phía điện cực dương (52) qua giá đỡ đầu nối (51); nắp bảo vệ (54) che đầu phía điện cực dương (52) từ bên trên mà dây dẫn phía điện cực dương (50) được nối vào đó; dây dẫn phía điện cực âm (40) có phía đầu nối thứ nhất nối với đầu phía điện cực âm (42) qua giá đỡ đầu nối (41) và phía đầu nối thứ hai được nối đất vào phía thân xe; và nắp (37) được bố trí bên trên, và ít nhất gắn với, nắp bảo vệ (54) khi ắc quy (30) được lắp ở vị trí nhất định. Nắp (37) được lắp cố định vào giá đỡ (31) chứa ắc quy (30). Ắc quy (30) được lắp vào vị trí nhất định khi đai giữ (33) được đóng. Sự có mặt của nắp (37) nhắc nhở việc tháo ở phía điện cực âm đầu tiên.



- (11) **16968**  
 (21) 1-2007-01352 (51)<sup>7</sup> **C07D 285/06**, 285/13, 417/04, 417/12, 417/14, A01N 43/828, 43/836, 43/86  
 (22) 23.02.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/303313 23.02.2006 (87) WO2006/098128 21.09.2006  
 (30) 2005-049431 24.02.2005 JP  
 2005-263617 12.09.2005 JP

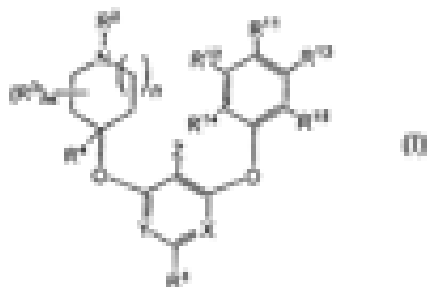
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.04.2008

- (71) NIHON NOHYAKU CO., LTD. (JP)  
 2-5, Nihonbashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-0023, Japan  
 (72) UMETANI, Kunihisa (JP), SHIMAOKA, Takashi (JP), YAMAGUCHI, Minoru (JP), ODA, Masatsugu (JP), KYOMURA, Nobuo (JP), TAKEMOTO, Tsuyoshi (JP), KIKUTAKE, Kazuhiko (JP)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) HỢP CHẤT 4-XYCLOPROPYL-1,2,3-THIADIAZOL, CHẤT KIỂM SOÁT BỆNH CÂY SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ NGHỀ LÀM VƯỜN VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG CHẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất 1,2,3-thiadiazol có công thức (I):

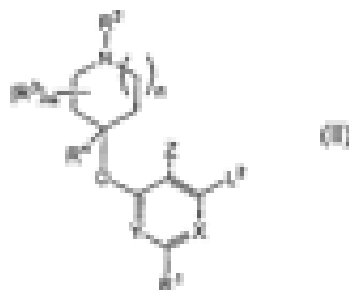


Trong đó R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, R<sup>3</sup>, R<sup>4</sup> và R<sup>5</sup> là H, halogen, CN, alkyl, alkoxyalkyl, aryl, arylalkyl, alkylcarbonyl hoặc các nhóm tương tự; R<sup>6</sup> là -C=(W<sup>1</sup>)YR<sup>7</sup> trong đó R<sup>7</sup> là H, alkyl, alkenyl, phenylcarbonyl, cacbonyl dị vòng, arylsulfonyl hoặc nhóm tương tự; Y là O, S, -N(R<sup>11</sup>), -N(R<sup>11</sup>)O- trong đó R<sup>11</sup> là H, alkyl, xycloalkyl, phenyl được thế, hoặc các nhóm tương tự; W<sup>1</sup> là O hoặc S; và các ký hiệu trong công thức được xác định một cách chi tiết trong bản mô tả hoặc các muối của chúng, và đề cập đến chất kiểm soát bệnh sử dụng trong nông nghiệp và nghề làm vườn chứa hợp chất này làm hoạt chất.

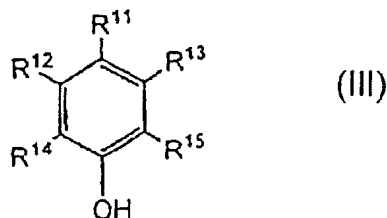
- (11) **16969**  
 (21) 1-2007-01355 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/12**  
 (22) 09.01.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/000565 09.01.2006 (87) WO2006/076243 20.07.2006  
 (30) 60/642,627 10.01.2005 US  
 (71) ARENA PHARMACEUTICALS, INC. (US)  
 6166 Nancy Ridge Drive, San Diego, California 92121, United States of America  
 (72) GHARBAOUI, Tawfik (MA), FRITCH, John, R (US), KRISHNAN, Ashwin, M (US), THROOP, Beverly, Wolgast (US), KATO, Naomi, S (US)  
 (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)  
 (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ DẪN XUẤT AXIT 4(PHENOXY-5-METYL-PYRIMIDIN-4-YLOXY)PIPERIDIN-1-CARBOXYLIC VÀ CÁC HỢP CHẤT CÓ LIÊN QUAN  
 (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế các hợp chất có công thức (I):



trong đó quy trình này bao gồm việc cho hợp chất có công thức (II):



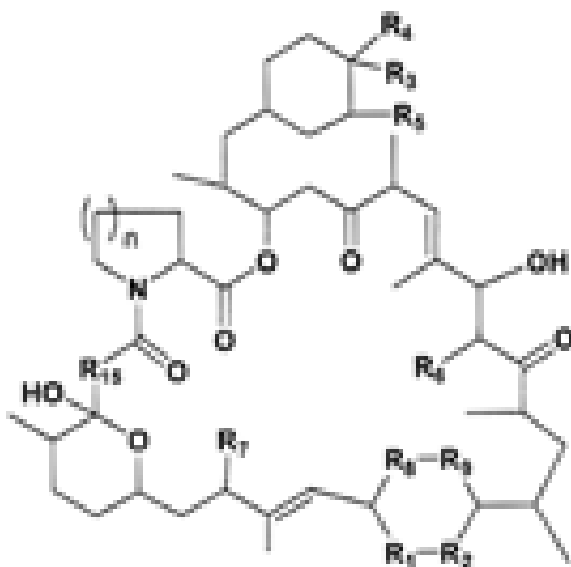
trong đó L<sup>2</sup> là nhóm rời chuyển, phản ứng với hợp chất có công thức (IH):



với sự có mặt của bazơ và muối, theo đó tạo ra hợp chất có công thức (I). Các phân tử thế và các biến được xác định như trong yêu cầu bảo hộ.

- (11) **16970**
- (21) 1-2007-01406 (51)<sup>7</sup> **C07D 487/04**
- (22) 12.01.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/001020 12.01.2006 (87) WO2006/076455 20.07.2006
- (30) 60/643,712 13.01.2005 US
- (71) ARENA PHARMACEUTICALS, INC. (US)  
6166 Nancy Ridge Drive, San Diego, CA 92121, United States of America
- (72) GHARBAOUI, Tawfik (MA), SENGUPTA, Dipanjan (US), LALLY, Edward, A. (US), KATO, Naomi, S. (US), CARLOS, Marlon (US), RODRIGUEZ, Natalie (US)
- (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ PYRAZOLO[3,4-D]PYRIMIDIN ETE
- (57) Sáng chế đề cập đến các quy trình điều chế các hợp chất pyrazolo[3,4- d]pyrimidin etc, các hợp chất này là các chất điều biến chuyển hóa glucoza và do đó có thể được sử dụng trong điều trị loạn chuyển hóa như bệnh đái tháo đường và bệnh béo phì.

- (11) **16971**  
(21) 1-2007-01446 (51)<sup>7</sup> **C07D 498/18**, A61K 31/435  
(22) 15.12.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2005/045331 15.12.2005 (87) WO2006/068905 29.06.2006  
(30) 60/638,004 20.12.2004 US  
(71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
(72) GRAZIANI, Edmund, Idris (CA), PONG, Kevin (US), SKOTNICKI, Jerauld (US)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)  
(54) **HỢP CHẤT RAPAMYXIN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ**  
(57) Sáng chế đề xuất hợp chất có cấu trúc sau, trong đó R<sub>1</sub>-R<sub>9</sub>, R<sub>15</sub>, và n là như được xác định trong phần mô tả



Sáng chế cũng đề cập phương pháp điều chế hợp chất này, quy trình sản xuất thuốc để điều trị rối loạn thần kinh hoặc biến chứng do đột quỵ hoặc tổn thương đầu bao gồm việc sử dụng hợp chất này và hợp chất này cũng là chất bảo vệ thần kinh và chất tái tạo thần kinh.



- (11) **16972**
- (21) 1-2007-01481 (51)<sup>7</sup> **A61K 47/48**
- (22) 21.12.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2005/013756 21.12.2005 (87) WO2006/066891 29.06.2006
- (30) 04030415,6 22.12.2004 EP
- (71) F. HOFMANN-LA ROCHE AG (CH)  
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel (Switzerland)
- (72) Beat Amrein (CH), Stefan Foser (DE), Friederike Hesse (DE), Klaus-Peter Kuenkele (DE), Kurt Lang (DE), Martin Lanzendoerfer (DE), Friedrich Metzger (DE), Jorg Regula (DE), Andreas Schaubmar (DE)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) THỂ LIÊN HỢP CHỨA NHÂN TỐ SINH TRƯỞNG 1 TƯƠNG TỰ ISULIN VÀ POLY(ETYLENE GLYCOL)
- (57) Sáng chế đề cập đến thể liên hợp chứa dạng biến dị nhân tố sinh trưởng 1 (IGF-I) tương tự insulin và một hoặc hai nhóm poly(etylen glycol), khác biệt ở chỗ dạng biến dị (IGF-I) này có một xen kẽ axit amin tại trên ba vị trí axit amin 27, 31, 65, 68 của trình tự axit amin IGF-I kiểu hoang dại sao cho một hoặc hai trong số axit amin này là lysin và axit amin 27 là axit aminio phân cực nhưng không phải là lysin, được kết hợp qua (các) nhóm amino bậc nhất của (các) lysin này và (các) nhóm poly(etylen glycol) có phân tử lượng toàn bộ nằm trong khoảng từ 20 đến 100 kDa. Thể liên hợp này được sử dụng để điều trị các rối loạn thoái hoá thần kinh như Alzheimer.

- (11) **16973**
- (21) 1-2007-01513 (51)<sup>7</sup> **A61M 1/34**, B01D 61/14
- (22) 24.01.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/001231 24.01.2006 (87) WO2006/087643 24.08.2006
- (30) 60/647,184 25.01.2005 US
- (71) WYETH RESEARCH IRELAND LIMITED (IE)  
Little Connell, Newbridge, County Kildare, Ireland
- (72) PIERCE, James (IE), MORAN, Enda (IE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP LỌC THẨM TÁCH
- (57) Việc thêm chất đệm vào dòng thu hồi trong quá trình lọc thẩm tách có thể làm tăng độ đục và có các tác dụng không mong muốn khác, trong đó bao gồm việc hạn chế khả năng thu hồi sản phẩm. Do đó, sáng chế đề xuất chế phẩm và phương pháp sử dụng chất hoạt động bề mặt không ion để cải thiện quá trình thẩm tách.

(11) **16974**

(21) 1-2007-01526

(51)<sup>7</sup> **E04C 3/02**

(22) 26.07.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095220016 14.11.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.07.2007

(71) TEST POST-TENSIONING LTD. (TW)

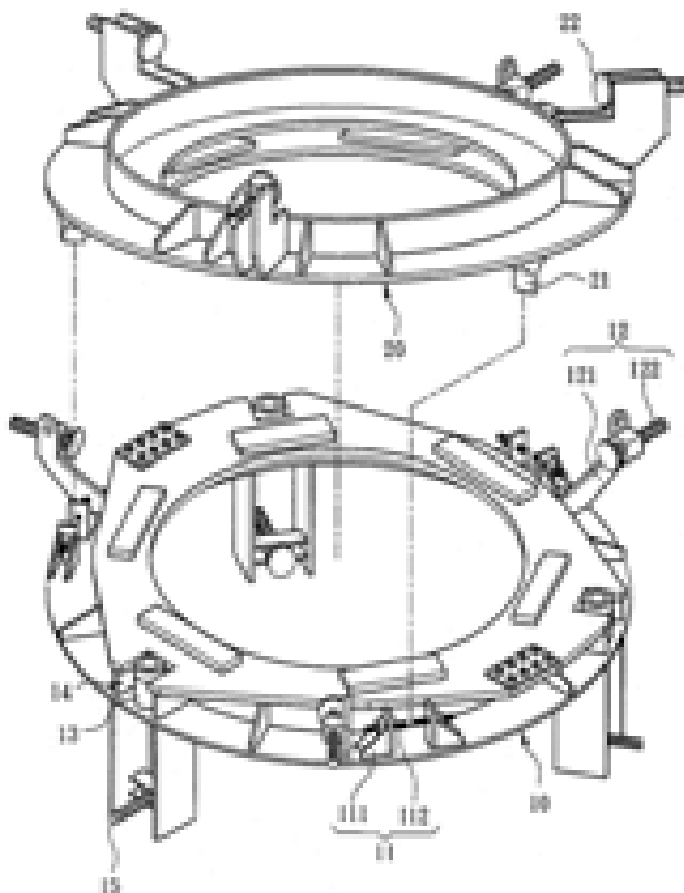
10F-1, No. 95, Sec. 3, Roosevelt Rd., Taipei, Taiwan

(72) Wei-Kiang TRAN (TW)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

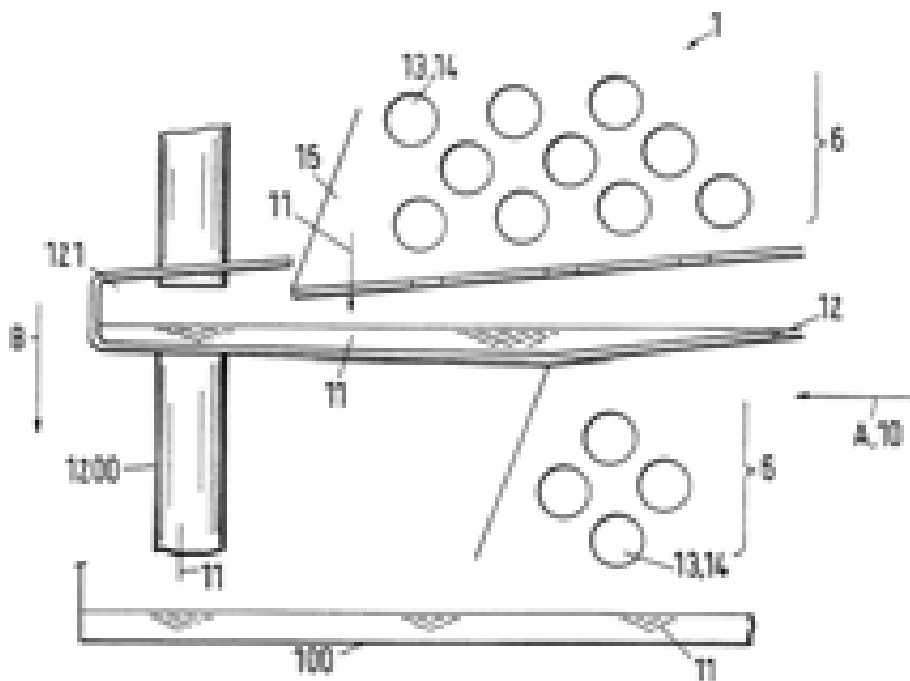
(54) THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH DÂM NẮP DỌC

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều chỉnh dâm nắp dọc được sử dụng để gắn dâm nắp dọc lên trụ đỡ và để điều chỉnh vị trí và góc của dâm nắp dọc so với trụ đỡ, thiết bị bao gồm vòng định vị dưới, có đai và được cố định vào đỉnh của trụ đỡ và vòng định vị trên. Mép dưới của vòng định vị dưới có bộ phận liên kết thứ nhất, bộ phận liên kết thứ hai và bộ phận liên kết thứ ba, và qua việc điều chỉnh bộ phận liên kết thứ nhất, thứ hai và thứ ba này, vòng định vị trên có thể được liên kết để di chuyển, để điều chỉnh góc theo chiều trục, vị trí trung tâm và chiều cao của dâm nắp dọc. Do đó, nhờ thiết bị theo sáng chế, không cần phải xây dựng giàn đỡ có diện tích lớn có thể gây ảnh hưởng đến lưu thông, và vị trí của dâm nắp dọc có thể dễ dàng được điều chỉnh theo ba chiều tại vị trí xây dựng.



- (11) **16975**
- (21) 1-2007-01530 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/506**, 31/505, C07D  
239/42, 239/48, 401/04, 403/04,  
417/04
- (22) 30.01.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/000774 30.01.2006 (87) WO/2006/079556 03.08.2006
- (30) 05001955.3 31.01.2005 EP
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.07.2007
- (71) BASF AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
67056 Ludwigshafen, Germany
- (72) RHEINHEIMER, Joachim (DE), GROTE, Thomas (DE), MULLER, Bernd (DE),  
NAVE, Barbara (AT), SCHIEWECK, Frank (DE), SCHWOGLER, Anja (DE), JABS,  
Thorsten (DE), BLETTNER, Carsten (DE)
- (74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
- (54) **DUỐC PHẨM CHỨA 5-PHENYL PYRIMIDIN VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa 5-phenyl pyrimidin được thế có công thức I, mang gốc X tại vị trí 4 của vòng pyrimidin, gốc Y ở vị trí 6 của vòng pyrimidin, gốc X là nhóm có công thức NR<sup>1</sup>R<sup>2</sup>, OR<sup>1a</sup> hoặc SR<sup>1a</sup>, trong đó R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, độc lập với nhau, là hydro, C<sub>1</sub>-C<sub>10</sub>-alkyl, C<sub>2</sub>-C<sub>6</sub>-alkenyl, C<sub>2</sub>-C<sub>6</sub>-alkynyl, C<sub>1</sub>-C<sub>10</sub>-haloalkyl, C<sub>3</sub>-C<sub>8</sub>-xycloalkyl, C<sub>3</sub>-C<sub>8</sub>-haloxycloalkyl, phenyl, hoặc heteroary có 5 hoặc 6 cạnh hoặc heterocyclyl có 5 hoặc 6 cạnh, chứa 1, 2, 3 hoặc 4 nguyên tử nitơ hoặc 1, 2 hoặc 3 nguyên tử nitơ và một nguyên tử lưu huỳnh hoặc oxy là m thành phần của vòng, gốc này có thể không được thế hoặc có thể mang 1, 2, 3 hoặc 4 gốc R<sup>al</sup>; hoặc gốc NR<sup>1</sup>R<sup>2</sup> có thể tạo thành nhân dị vòng được thế tùy ý có 5 hoặc 6 cạnh, chứa 1, 2, 3 hoặc 4 nguyên tử nitơ hoặc 1, 2 hoặc 3 nguyên tử nitơ và một nguyên tử lưu huỳnh hoặc oxy là m thành phần của vòng không liên kề với nitơ của NR<sup>1</sup>R<sup>2</sup>, trong đó hai nguyên tử C liên kề hoặc một nguyên tử N và một nguyên tử C liên kề có thể được liên kết bởi mạch alkylen C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub>- và trong đó vòng dị vòng có thể không được thế hoặc mang 1, 2, 3 hoặc 4 gốc R<sup>al</sup> như nêu trong điểm 1, R<sup>1a</sup> có một trong những nghĩa của R<sup>1</sup> trừ hydro; gốc Y được chọn từ nhóm gồm halogen, xyano, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub>-alkyl, C<sub>2</sub>-C<sub>4</sub>-alkenyl, C<sub>2</sub>-C<sub>4</sub>-alkynyl, C<sub>3</sub>-C<sub>6</sub>-xycloalkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub>-alkoxy, C<sub>3</sub>-C<sub>4</sub>-alkenyloxy, C<sub>3</sub>-C<sub>4</sub>-alkynyloxy, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>-alkylthio, di-(C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>-alkyl)amino hoặc C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>-alkylamino, trong đó các gốc alkyl, alkenyl và alkynyl của Y có thể được thế bằng halogen, xyano, nitro, C<sub>1</sub>-C<sub>2</sub>-alkoxy hoặc C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub>-alkoxycarbonyl; và trong đó gốc pyrimidin cũng có thể mang một gốc không phải là hydro ở vị trí 2 và trong đó vòng phenyl ở vị trí 5 của vòng pyrimidin có thể không được thế hoặc mang 1, 2, 3, 4 hoặc 5 gốc L không phải là hydro và muối được dụng của chúng 5-phenyl pyrimidin được thế dùng trong điều trị bệnh, cụ thể là trong điều trị bệnh ung thư.

- (11) **16976**
- (21) 1-2007-01544 (51)<sup>7</sup> **F02B**
- (22) 30.07.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 06123180.9 30.10.2006 EP
- (71) WARTSILA SCHWEIZ AG (CH)  
Zurcherstrasse 12, CH-8401 Winterthur, Switzerland
- (72) Schulz Reiner (DE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) THIẾT BỊ LÀM NGUỘI KHÔNG KHÍ NẠP DÙNG CHO ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG KIỂU PIT TÔNG CHUYỂN ĐỘNG TỊNH TIẾN QUA LẠI
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị làm nguội không khí nạp (1) dùng cho động cơ đốt trong kiểu pit tông chuyển động tịnh tiến qua lại, cụ thể là động cơ điêzen hai kỳ cỡ lớn, trong đó thiết bị làm nguội không khí nạp (1) bao gồm vỏ (5) kéo dài từ cửa nạp (3) đến cửa xả (4) dọc theo trục dọc (L) có hộp làm nguội (6) được lắp đặt bên trong vỏ (5) và có cửa nạp (3) có thể được nối với một cửa xả (71) của bộ khuếch tán (7), và cửa xả (4) có thể được nối với thiết bị tách nước (8) của động cơ đốt trong kiểu pit tông chuyển động tịnh tiến qua lại (2), sao cho khi động cơ (2) ở trạng thái hoạt động, không khí sạch (10) là không khí nạp có thể được nạp từ thiết bị nạp khí xả kiểu tuabin (9) qua bộ khuếch tán (7) vào thiết bị làm nguội không khí nạp (10). Theo sáng chế này, thiết bị làm nguội không khí nạp (1) gồm có ít nhất hai hộp làm nguội (6) để làm nguội không khí nạp (10) và để tách nước ngưng tụ (11) ra khỏi không khí nạp (10), mà chúng được tách ra khỏi nhau nhờ thiết bị thoát nước (12) để dẫn nước ngưng tụ (11) ra khỏi thiết bị làm nguội không khí nạp (1).



(11) 16977

(21) 1-2007-01594

(51)<sup>7</sup> E04F 15/16, B32B 27/12, 37/26,  
E04C 2/24, 2/20, 2/10, B32B 27/12,  
37/14

(22) 06.08.2007

(43) 26.05.2008

(30) 11/595,559 09.11.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.08.2007

(71) TRU WOODS LIMITED (CN)

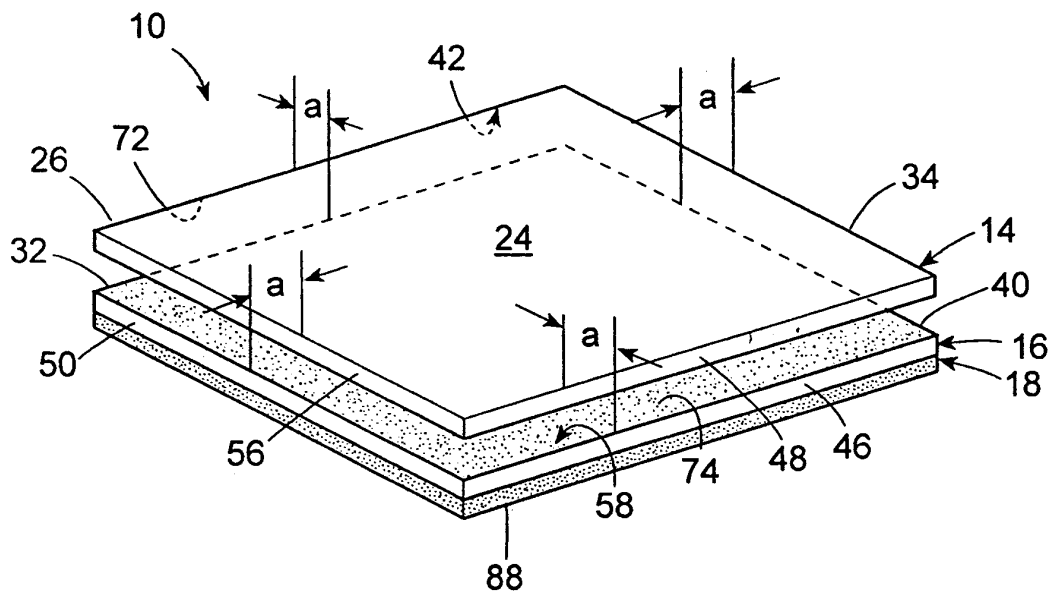
28 Yee Woo Street, Causeway Bay, Hong Kong, CHINA

(72) NORMAN STONE (US), SONG ZHENGXING (CN)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(54) TẤM LÁT SÀN

(57) Sáng chế đề cập đến tấm lát sàn là một tấm gồm hai lớp được làm từ vật liệu dẻo dạng tấm được dán vào nhau theo kiểu bù trừ để tạo ra một phần lồi bù trừ cho mỗi lớp. Mỗi phần lồi bù trừ có các bề mặt phủ lớp chất dính đối diện nhau. Một lớp xốp và/hoặc một tấm sợi thủy tinh có thể được đưa vào cấu trúc tấm của tấm lát sàn. Tấm lát sàn này có thể phù hợp với đường bao của bề mặt sàn. Lớp đáy của tấm lát sàn, cho dù là tấm vật liệu dẻo hoặc xốp đều phù hợp với bề mặt không bằng phẳng của sàn. Một bộ phận đóng gói để bóc tách nguyên chiếc che phủ lên các bề mặt phủ chất bám dính đặt đối diện nhau của các phần lồi bù trừ.



- (11) **16978**
- (21) 1-2007-01601 (51)<sup>7</sup> **A61G 39/04**, C07K 14/35
- (22) 05.01.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/GB2006/000023 05.01.2006 (87) WO2006/072787 13.07.2006
- (30) 0500102.9 05.01.2005 GB  
60/649,804 03.02.2005 US
- (71) ISIS INNOVATION LIMITED (GB)  
University Offices, Wellington Square Oxford OX1 2JD (GB)
- (72) MCSHANE Helen (GB), PATHAN Ansar A. (GB), HILL Adrian (GB), GILBERT Sarah C. (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)
- (54) CHẾ PHẨM VACCIN GÂY MIỄN DỊCH KHÁNG VI KHUẨN MYCOBACTERIUM
- (57) Sáng chế đề cập đến vaccin trên cơ sở vật truyền chứa virus không sao chép hay mất khả năng sao chép biểu hiện sản phẩm dịch mã của gen kháng nguyên 85A của mycobacterium.

(11) **16979**

(21) 1-2007-01725

(22) 28.08.2007

(51)<sup>7</sup> **E04H**

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.08.2007

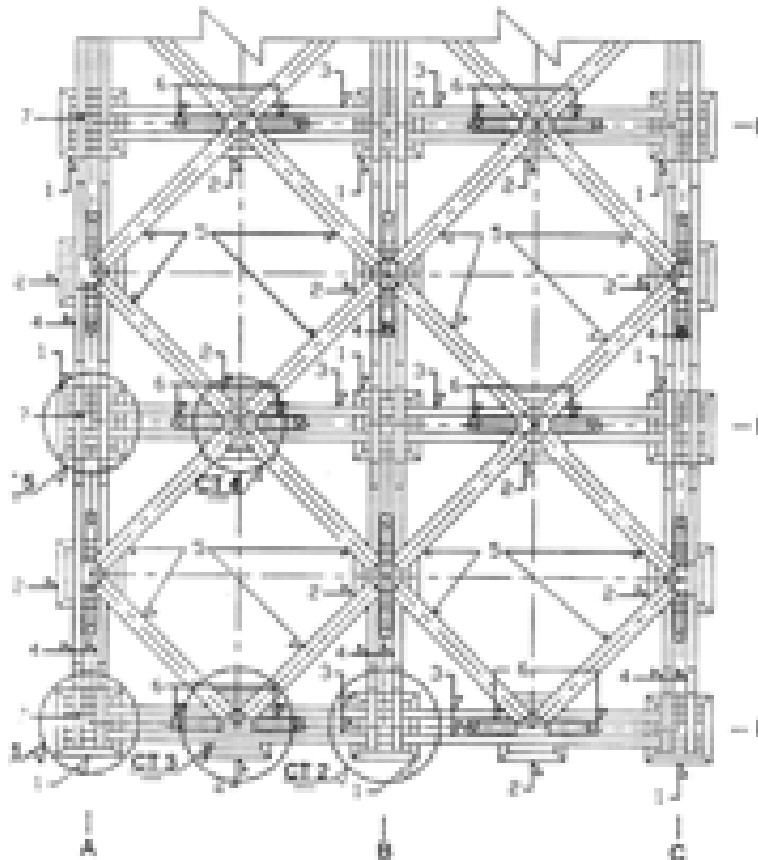
(75) **TRẦN LÊ VĂN (VN)**

Số 62, phố Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

(54) **NHÀ LẮP GHÉP KHUNG MIẾNG CỨNG CHỊU LỰC ĐA CHIỀU**

(57) Sáng chế đề cập đến nhà lắp ghép khung miếng cứng chịu lực đa chiều chống động đất, chống bão lụt bao gồm cả hai loại thanh ghép và thanh đơn được tạo bởi lắp ghép các vách cứng có cửa hoặc không có cửa, sàn cứng có cầu thang hay không có cầu thang, có hành lang hay không có hành lang ngoài nhà để tạo thành lồng cứng. Trong đó các vách cứng, sàn cứng được lắp ghép bởi các miếng cứng và các miếng cứng được tạo bởi việc lắp ghép các thanh thẳng hoặc thanh cong trong cùng một mặt phẳng chịu lực.

Móng nhà và các thanh của khung nhà được liên kết với nhau tại các mắt khung bằng các chi tiết liên kết râu thép, chi tiết liên kết mắt, chi tiết liên kết hàn ghép thép bản và thép góc rời tác với nhau tại mắt khung trong quá trình lắp ghép cấu kiện; và bằng liên kết hàn các chi tiết liên kết cơ khí chính xác dưới các dạng chi tiết liên kết ngàm hoàn toàn, chi tiết liên kết chân vịt bán ngàm, chi tiết liên kết âm dương, chi tiết liên kết có rãnh định hướng và có gờ định vị.





(11) **16980**

(21) 1-2007-01736

(51)<sup>7</sup> **C07K 14/575**, A61K 47/48, 38/22

(22) 30.01.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/IB2006/000270 30.01.2006

(87) WO2006/082517 10.08.2006

(30) 60/650,366 04.02.2005 US

60/733,656 04.11.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 29.08.2007

(71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)

Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, USA

(72) Rory Francis FINN (US), Ned Roger SIEGEL (US), Neena Lynne SUMMERS (US),  
Nancy Ann NARDONE (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) CHẤT CHỦ VẬN PYY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề xuất biến thể PYY<sub>3-36</sub> và các dẫn xuất PEG hoá của nó và dược phẩm chứa chúng để điều trị tình trạng bệnh được điều chỉnh bằng chất chủ vận thụ thể NPY Y2.

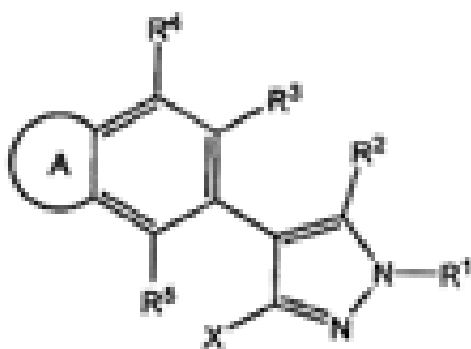
- (11) **16981**
- (21) 1-2007-01759 (51)<sup>7</sup> **C12N 15/00**
- (22) 07.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/000238 07.02.2006 (87) WO2006/082515 10.08.2006
- (30) 60/650,115 07.02.2005 US
- (71) GLYCART BIOTECHNOLOGY AG (CH)  
Wagistrasse 18, CH-8952 Schlieren-Zurich, Switzerland
- (72) UMANA, Pablo (CR), MOSSNER, Ekkehard (DE)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) **PHÂN TỬ KHÁNG NGUYÊN LIÊN KẾT ECFR VÀ VECTƠ MÃ HOÁ PHÂN TỬ ĐÓ**
- (57) Sáng chế đề cập đến các phân tử gắn kết kháng nguyên (ABMs). Trong các phương án đặc biệt, sáng chế đề cập đến to các kháng thể đơn dòng tái tổ hợp, bao gồm các kháng thể được làm cho có tính người hoặc động vật linh trưởng, dạng khảm đặc hiệu đối với EGFR người. Ngoài ra, sáng chế đề cập đến các phân tử axit nucleic mã hoá các ABM này, và các vật truyền và tế bào chủ bao gồm các phân tử axit nucleic này. Sáng chế còn đề cập đến các phương pháp để tạo ra các ABM theo sáng chế, và đến các phương pháp sử dụng các ABM đó để điều trị bệnh. Ngoài ra, sáng chế đề cập đến các ABM với các glycosyl cải biến có các đặc tính điều trị được cải thiện, bao gồm các kháng thể với gắn kết thụ thể Fc tăng và chức năng tác động tăng.

- (11) **16982**  
(21) 1-2007-01770 (51)<sup>7</sup> **A61K 47/48**  
(22) 31.01.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/EP2006/050551 31.01.2006 (87) WO2006/082184 10.08.2006  
(30) 05100688.0 01.02.2005 EP

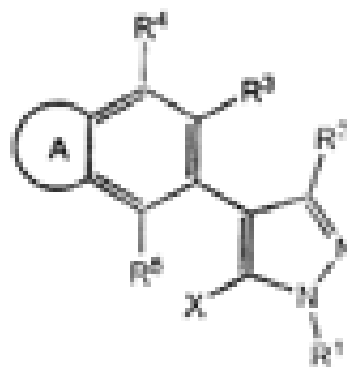
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.04.2008

- (71) N.V. ORGANON (NL)  
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, the Netherlands  
(72) Bos Ebo Sybren (NL), De Kort, Martin (NL), Smit, Meertinus, Jan (NL), Van Boeckel, Constant, Adriaan, Anton (NL)  
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
(54) CHẤT TIẾP HỢP CỦA POLYPEPTIT VÀ PENTASACARIT  
(57) Sáng chế đề cập đến các thể liên hợp của polypeptit và oligosacarit, trong đó polypeptit được liên hợp với ít nhất một gốc oligosacarit-phân đệm, oligosacarit là một oligosacarit tổng hợp được sulfat hóa chứa từ 4 đến 18 đơn vị monosacarit và tự nó có ái lực với kháng thrombin III và phân đệm là một liên kết hoặc gốc liên kết linh động gần như không có hoạt tính dược lý, hoặc muối dược dụng của nó. Các thể liên hợp theo sáng chế có các đặc tính động dược học cải thiện so với các polypeptit nguyên gốc (tức là chính các polypeptit không được liên hợp tương ứng).

- (11) **16983**
- (21) 1-2007-01789 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, 401/14, 471/04, A61K 31/415, A61P 25/00, 35/00, 3/10, 9/10, 17/06, 37/00
- (22) 02.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/003654 02.02.2006 (87) WO2006/084015 01.08.2006
- (30) 60/650,050 04.02.2005 US
- (71) 1. GENENTECH, INC. (US)  
1 DNA Way, South San Francisco, CA 94080, United States of America  
2. ARRAY BIOPHARMA INC. (US)  
3200 Walnut Street, Boulder, CO 80301, United States of America
- (72) LAIRD, Ellen (KR), LYSSIKATOS, Joseph P. (US), WELCH, Mike (US), GRINA, Jonas (US), HANSEN, Josh (US), NEWHOUSE, Brad (US), OLIVERO, Alan (US), TOPOLAV, George (US)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) CÁC HỢP CHẤT ỨC CHẾ RAF VÀ PHƯƠNG PHÁP THU ĐƯỢC CÁC HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất pyrazolyl có Công thức Ia và Ib hữu ích trong việc ức chế enzym kinaza Raf và để điều trị những rối loạn do các enzym này gây ra. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất pyrazolyl dùng để chẩn đoán, ngăn ngừa hoặc điều trị in vitro, tại chỗ, và in vivo cho các rối loạn này ở các tế bào của động vật có vú, hoặc các tình trạng bệnh liên quan.



Ia

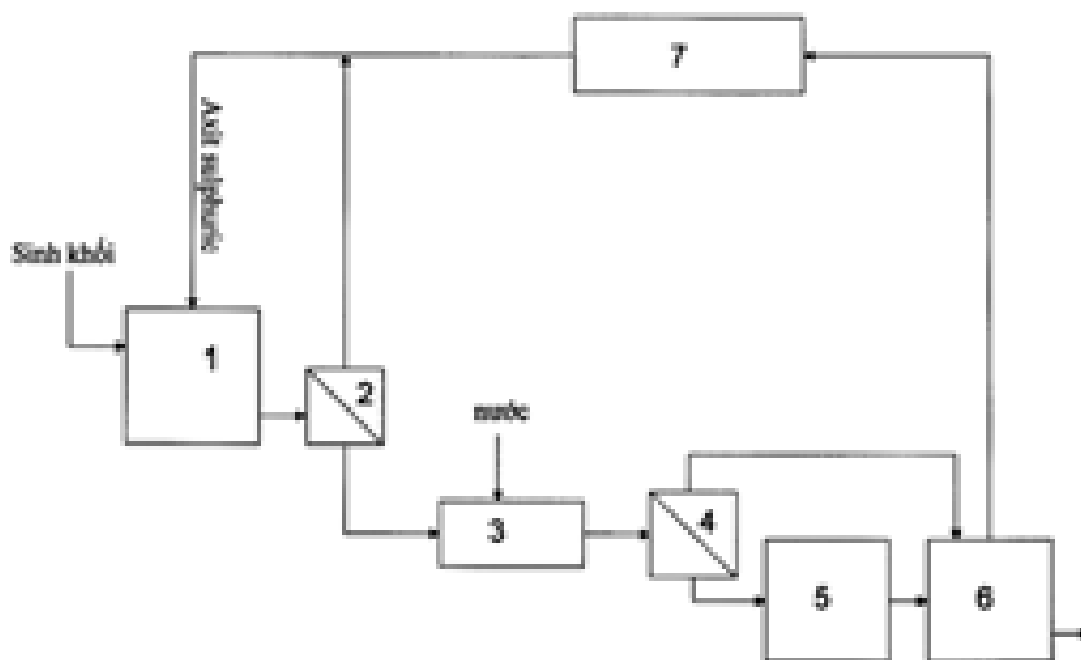


Ib

- (11) **16984**
- (21) 1-2007-01798 (51)<sup>7</sup> **C23C 22/34**, 22/50
- (22) 14.11.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2005/041414 14.11.2005 (87) WO/2006/088519 24.08.2006
- (30) 11/076,106 15.02.2005 US  
11/058,715 15.02.2005 US  
11/116,166 21.04.2005 US
- (71) THE UNITED STATES OF AMERICA, as represented by THE SECRETARY OF THE NAVY ET AL. (US)  
Bldg. 435, Suite A, Naval Air Warfare Center Aircraft Division, 47076 Liljencrantz Road, Patuxent River, Maryland 20670-1550, United States of America
- (72) MATZDORF, Craig, A. (US), NICKERSON, Jr., William, C. (US), GREEN, James, L. (US)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **HỢP PHẦN VÀ QUY TRÌNH ĐỂ TẠO CHẤT PHỦ TRÊN NỀN KIM LOẠI**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp phần và quy trình sử dụng hợp phần này để tạo lớp phủ trên các nền kim loại khác nhau. Sáng chế còn đề xuất dung dịch nước axit để xử lý nền kim loại để tăng cường độ bám dính và chống ăn mòn có chứa lượng hữu hiệu của hợp chất crom hoá trị ba tan trong nước, flozinconat, các hợp chất flo kim loại, các hợp chất kẽm, các chất làm đặc, các chất hoạt động bề mặt, và ít nhất khoảng 0,001 mol cho một lít dung dịch axit có ít nhất một polyhydroxy và/hoặc hợp chất carboxylic làm chất làm ổn định cho dung dịch nước.

- (11) **16985**
- (21) 1-2007-01824 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/575**, A61P 25/28
- (22) 08.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/004394 08.02.2006 (87) WO2006/086452 17.08.2006
- (30) 60/651,729 10.02.2005 US
- (71) 1. REGENTS OF THE UNIVERSITY OF MINNESOTA (US)  
1000 Westgate Drive, Suite 160, Saint Paul, Minnesota 55114-8658, United States of America  
2. EMORY UNIVERSITY (US)  
1784 North Decatur Road, Suite 130, Atlanta, GA 30322, USA  
3. UNIVERSIDADE DE LISBOA (PT)  
Alameda da Universidade, 16449-004 Lisboa, Portugal  
4. DEPARTMENT OF VETERANS AFFAIRS (US)  
810 Vermont Avenue, Washington, 20420, USA
- (72) STEER, Clifford, J. (US), LOW, Walter, C. (US), OLSEN, Timothy, W. (US),  
BOATRIGT, Jeffrey, H. (US), NICKERSON, John, M. (US), RODRIGUES, Cecilla,  
M., P. (PT), PARDUE, Machel, T. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC RỐI LOẠN THỊ LỰC
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất thuốc dùng để điều trị cho đối tượng mắc rối loạn thị lực bao gồm bước sử dụng hợp chất được chọn từ nhóm gồm axit mật ưa nước, muối của nó, chất tương tự của nó, hoặc các hỗn hợp của nó. Các rối loạn thị lực bao gồm thoái hoá điểm vàng, viêm võng mạc sắc tố, tăng nhãn áp, và/hoặc thoái hoá võng mạc.

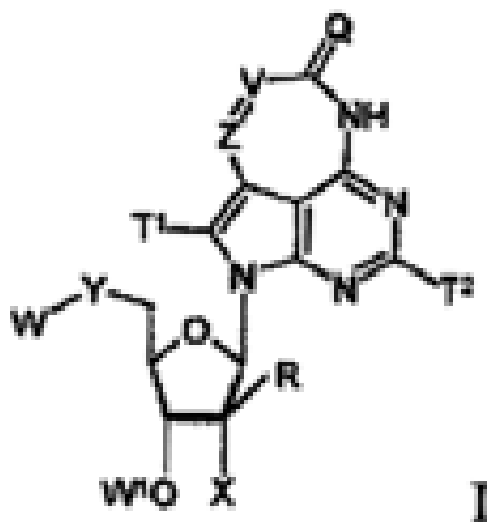
- (11) **16986**
- (21) 1-2007-01827 (51)<sup>7</sup> **C01B 17/90**, 17/92
- (22) 13.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/NL2006/000074 13.02.2006 (87) WO2006/085763 17.08.2006
- (30) 05075350.8 11.02.2005 EP
- (71) 1. NEDERLANDSE ORGANISATIE VOOR TOEGEPAST-NATUURWETENSCHAPPELIJK ONDERZOEK TNO (NL)  
Schoemakerstraat 97, 2628 VK Delft, The Netherlands  
2. TECHNO INVENT INGENIEURSBUREAU VOOR MILIEUTECHNIEK B.V. (NL)  
Mispelgaarde 12, 2723 BG Zoetermeer, The Netherlands
- (72) van Groenestijn, Johannes Wouterus (NL), Hazewinkel, Jacob Hendrik Obbo (NL), Creusen, Raymond Johannes Maria (NL), Meesters, Koen Peter Henri (NL)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) QUY TRÌNH THU HỒI AXIT SULFURIC
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình thu hồi axit sulphuric từ hỗn hợp gồm axit sulphuric và các hydrocacbon, cụ thể là các hydrat cacbon. Theo sáng chế, hỗn hợp bao gồm axit sulphuric và các hợp chất hydrat cacbon được cho tiếp xúc với màng chọn lọc anion, nhờ đó sản xuất dòng nước lọc giàu axit sulphuric và dòng nghèo axit sulphuric.



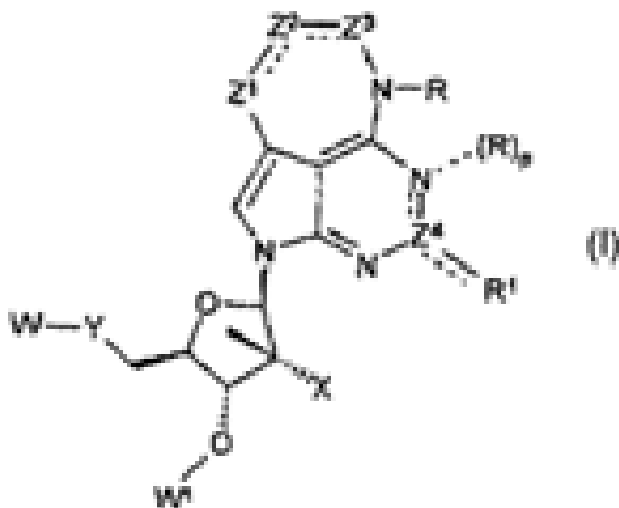
- (11) **16987**
- (21) 1-2007-01836 (51)<sup>7</sup> **C01F 7/04**, 7/46, 7/47
- (22) 10.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/AU2006/000172 10.02.2006 (87) WO2006/084328 17.08.2006
- (30) 2005900629 11.02.2005 AU
- (71) BILLITON ALUMINIUM AUSTRALIA PTY LTD (AU)  
PO Box 344, Collie, Western Australia 6225, AUSTRALIA
- (72) Steven Philip ROSENBERG (AU)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) QUY TRÌNH THU HỒI ALUMIN
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình thu hồi alumin từ phân lỏng ngưng thứ nhất có nồng độ ban đầu của ion aluminat và ion hydroxyl trong dung dịch. Phân lỏng ngưng thứ nhất được xử lý bằng hydroxit của kim loại không phải nhôm để tạo ra hydroxit chứa nhôm dạng lớp kép và tạo thành dòng chất lỏng ngưng thứ nhất đã xử lý, dòng chất lỏng ngưng thứ nhất đã xử lý có nồng độ cuối cùng của ion aluminat nhỏ hơn nồng độ ban đầu của ion aluminat. Hydroxit chứa nhôm dạng lớp kép được tách ra khỏi dòng chất lỏng ngưng thứ nhất đã xử lý. Sau đó, dòng chất lỏng ngưng thứ nhất đã xử lý đã gạn trong được đưa trở lại vị trí thứ nhất trong nhà máy tinh chế alumin. Cho hydroxit chứa nhôm dạng lớp kép được tách ra tiếp xúc với dung dịch có chứa ion cacbonat để tạo ra huyền phù đặc chứa muối không tan của kim loại không phải nhôm và phân lỏng ngưng thứ hai bao gồm ion aluminat được giải phóng từ hydroxit chứa nhôm dạng lớp kép.



- (11) **16988**
- (21) 1-2007-01854 (51)<sup>7</sup> **C07H 19/23**, A61K 31/55, C07D 487/16, A61P 31/12
- (22) 28.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/007132 28.02.2006 (87) WO2006/093987 08.09.2006
- (30) 60/657,463 28.02.2005 US
- (71) 1. GENELABS TECHNOLOGIES, INC. (US)  
505 Penobscot Drive, Redwood City, California 94063 (US)  
2. GILEAD SCIENCES, INC. (US)  
333 Lakeside Drive, Foster City, California 94404 (US)
- (72) KEICHER, Jesse, D. (US), ROBERTS, Christopher, Don (US), LIEHR, Sebastian, Johannes, Reinhard. (DE), ZHENG, Xiaoling (US), PRHAVC, Marija (SI), RAJWANSHI, Vivek, Kumar (IN), GRIFFITH, Ronald, Conrad (US), KIM, Choung, U. (US)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) HỢP CHẤT NUCLEOSIT BA VÒNG ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH LÂY NHIỄM VI RÚT
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất nucleosit ba vòng có công thức (I), và các phương pháp của chúng để điều trị các bệnh lây nhiễm virus ít nhất một phần do virus thuộc họ Flaviviridae gây ra.

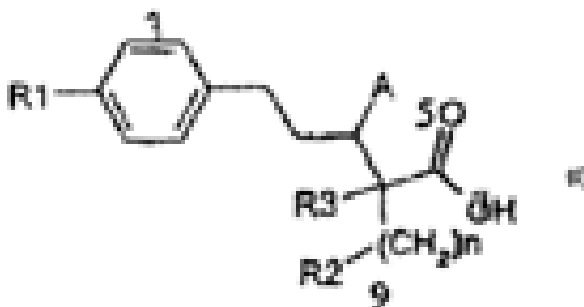


- (11) **16989**
- (21) 1-2007-01855 (51)<sup>7</sup> **C07H 19/23**, A61P 31/12, C07D 487/16, A61K 31/7064, 31/55
- (22) 28.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/007131 28.02.2006 (87) WO2006/093986 08.09.2006
- (30) 60/657,463 28.02.2005 US
- (71) GENELABS TECHNOLOGIES, INC. (US)  
505 Penobscot Drive, Redwood City, California 94063 (US)
- (72) KEICHER, Jesse, D. (US), ROBERTS, Christopher, Don (US)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) HỢP CHẤT NUCLEOSIT BA VÒNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH LÂY NHIỄM VI RÚT
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất mới được sử dụng để điều trị các bệnh lây nhiễm virus ít nhất một phần do virus thuộc họ Flaviviridae gây ra ở động vật có vú. Theo một trong các khía cạnh khác, sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức I.



- (11) **16990**
- (21) 1-2007-01856 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/20**
- (22) 16.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/001395 16.02.2006 (87) WO2006/089674 31.08.2006
- (30) 05101458.7 25.02.2005 EP
- (71) F. HOFMANN-LA ROCHE AG (CH)  
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
- (72) BERNIGAL, Nathalie (FR), GARCIA, Eric (FR), PAGE, Susanne (DE), TARDIO, Joseph (FR)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) **DUỢC PHẨM DẠNG VIÊN NÉN CÓ ĐỘ PHÂN TÁN CỦA DUỢC CHẤT ĐƯỢC CẢI THIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO CHẾ DUỢC PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dạng viên nén có độ phân tán của dược chất được cải thiện và phương pháp bào chế dược phẩm dạng viên nén này, phương pháp này đặc trưng ở chỗ nó bao gồm các bước: a) điều chế thể phân tán chứa ít nhất một dược chất có hoạt tính dược và ít nhất một và ít nhất một chất hoạt động bề mặt và/hoặc chất kết dính trong chất lỏng; b) điều chế chất mang bằng cách trộn khô một hoặc nhiều tá dược bao gồm ít nhất một chất mang xốp; và c) tạo hạt phun thể phân tán được điều chế ở bước a) thành chất mang được điều chế ở bước b) để thu được sản phẩm dạng hạt phun.

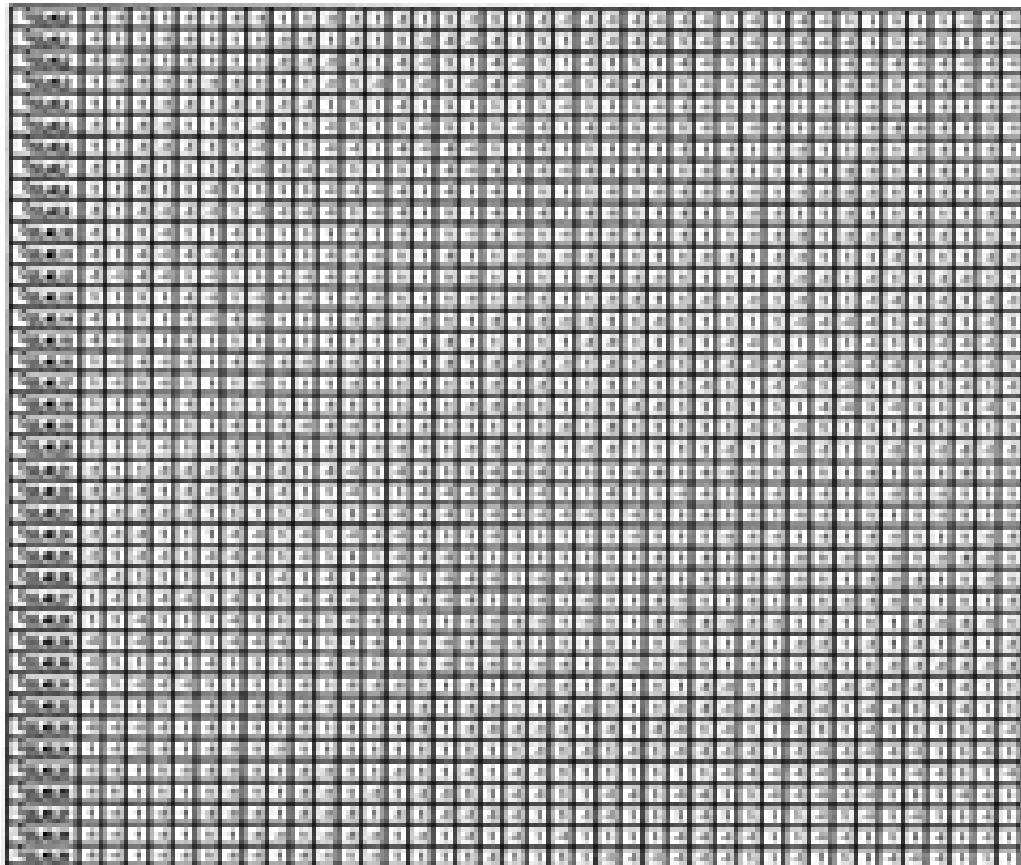
- (11) **16991**
- (21) 1-2007-01857 (51)<sup>7</sup> **C07D 249/18**, 209/48, 237/32, 209/12, 239/54, 213/64, 265/28, 211/88, 207/40, 263/58, 239/96, 471/04, 401/10, 403/10, A61P 11/06
- (22) 21.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/000349 21.02.2006 (87) WO2006/090235 31.08.2006
- (30) 380/Del/2005 22.02.2005 IN
- (71) RANBAXY LABORATORIES LIMITED (IN)  
Plot No.90, Sector 32, Gurgaon, Haryana 122001, India
- (72) PALLE, Venkata, P. (US), SATTIGERI, Viswajanani, Jitendra (IS), KHERA, Manoj, Kumar (IN), VOLETI, Sreedhara, Rao (IN), RAY, Abhijit (IN), DASTIDAR, Sunanda, G. (IN)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) HỢP CHẤT AXIT 5-PHENYL-PENTANOIC LÀM CHẤT ỨC CHẾ METALOPROTEINAZA GIAN BÀO ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH HEN VÀ CÁC BỆNH KHÁC
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức cấu tạo I: trong đó n là số nguyên nằm trong khoảng từ 1 đến 5; R<sub>1</sub> tùy ý là alkyl, alkenyl, alkynyl, xycloalkyl, aryl, heteroxyclyl, heteroaryl, aralkyl, alkoxy, aryloxy, alkenyloxy hoặc alkynyloxy thế; R<sub>2</sub> là alkenyl, alkynyl, aryl, heteroxyclyl, heteroaryl, xycloalkyl, NR<sub>4</sub>R<sub>5</sub>, -NHC(=Y)R<sub>4</sub>, -NHC(-Y)NR<sub>5</sub>R<sub>x</sub>, -NHC(=O)OR<sub>4</sub>, -NHSO<sub>2</sub>R<sub>4</sub>' C(=Y)NR<sub>4</sub>R<sub>5</sub>' C(=O)OR<sub>6</sub> [trong đó Y là oxy hoặc lưu huỳnh], OR<sub>5</sub>, -O(C=O)NR<sub>4</sub>R<sub>5</sub>, O-axyl, S(O)<sub>m</sub>R<sub>4</sub>, -SO<sub>2</sub>N(R<sub>4</sub>)<sub>2</sub>, xyano, amidino hoặc guanidino [trong đó R<sub>4</sub> là alkyl, alkenyl, alkynyl, xycloalkyl, aryl, heteroxyclyl, heteroaryl, aralkyl, heteroarylalkyl, heteroxyclylalkyl hoặc xycloalkylalkyl và m là một số nguyên 0-2; R<sub>5</sub> là hydro hoặc R<sub>4</sub>; R<sub>x</sub> là R<sub>4</sub> hoặc -SO<sub>2</sub>N(R<sub>4</sub>)<sub>2</sub> và R<sub>6</sub> là hydro, alkyl, xycloalkyl, aralkyl, heteroarylalkyl, heteroxyclylalkyl hoặc xycloalkylalkyl]; R<sub>3</sub> là hydro, flo, alkyl, xycloalkylalkyl hoặc aralkyl; A là OH, OR<sub>4</sub>, -OC(=O)NR<sub>4</sub>R<sub>5</sub>, O-axyl, NH<sub>2</sub>, NR<sub>4</sub>R<sub>5</sub>, -NHC(=Y)R<sub>4</sub>, -NHC(=Y)NR<sub>5</sub>R<sub>x</sub>, -NHC(=O)OR<sub>4</sub>, -NHSO<sub>2</sub>R<sub>4</sub>, và quy trình tổng hợp hợp chất này. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất theo sáng chế, dược phẩm này có tác dụng điều trị bệnh hen, bệnh viêm đa khớp dạng thấp, bệnh COPD, viêm mũi, viêm xương, viêm khớp vảy nến, bệnh vảy nến, xơ hoá phổi, hội chứng suy hô hấp cấp, xơ cứng rải rác, viêm lợi, xơ vữa động mạch, tăng sinh nội mạc mạch mới, gây tái phát hẹp và suy tim do thiếu máu cục bộ, đột quỵ, bệnh thận, khối u di căn và các rối loạn viêm khác đặc trưng bởi tình trạng biểu hiện quá mức và hoạt hoá quá mức metaloproteinaza gian bào.



- (11) **16992**  
(21) 1-2007-01863 (51)<sup>7</sup> **H04J 11/00**  
(22) 06.02.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/EP2006/050677 06.02.2006 (87) WO2006/087270 24.08.2006  
(30) 10 2005 006 893.6 15.02.2005 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 15.01.2008

- (71) SIEMENS AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
Wittelsbacherplatz 2, D-80333 Munchen, Germany  
(72) MICHEL, Jurgen (DE), RAAF, Bernhard (DE)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) TRẠM PHÁT RĂĐIÔ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN DỮ LIỆU  
(57) Sáng chế đề cập đến dãy mã mà được ma trận mã mô tả bằng hàng, được thực hiện theo các bước như sau: tạo lập ma trận Hadamard có độ dài n và nhân các hàng của ma trận Hadamard này với -1.



(11) **16993**

(21) 1-2007-01877

(51)<sup>7</sup> **E04C**

(22) 17.09.2007

(43) 26.05.2008

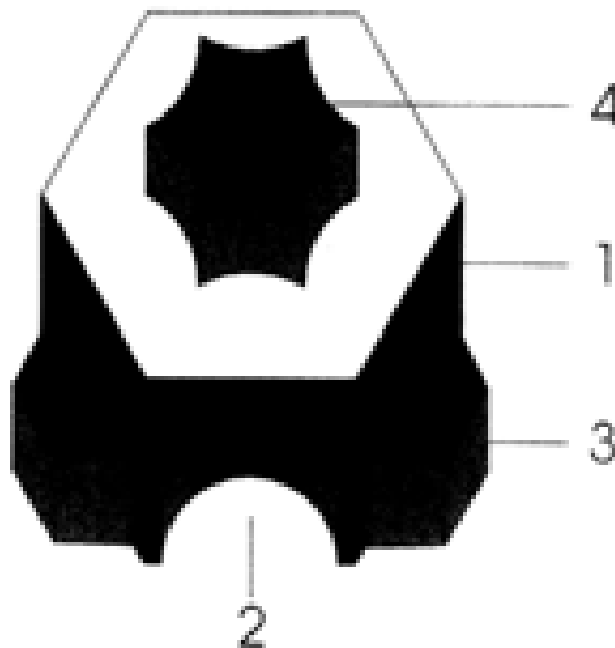
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 29.01.2008

(75) NGUYỄN ANH TIẾN (VN)

Nhà số 07 (đường nội bộ số 3), hẻm 157, đường 11, tổ 7, khu phố 9, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

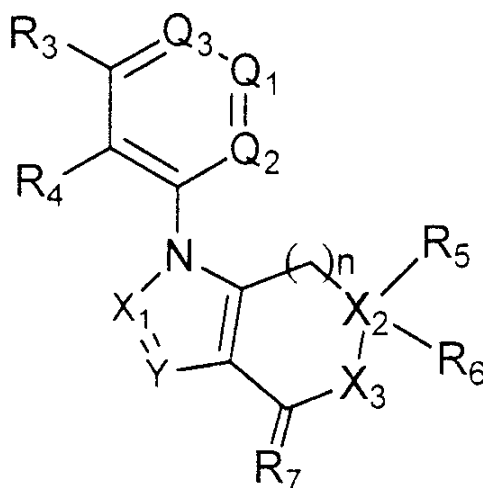
(54) **MẢNG BÊ TÔNG LIÊN KẾT GÀI TỰ CHÈN BA CHIỀU LẮP GHÉP DÙNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(57) Sáng chế này đề cập đến mảng bê tông liên kết gài tự chèn ba chiều dùng cho các công trình xây dựng lắp ghép bằng các cấu kiện bê tông đúc sẵn bao gồm phần thân cấu kiện (1) là một khối trụ đặc có kiểu dáng là hình lăng trụ lục giác đều bị khuyết lõm bởi ba hình nửa trụ tròn đối xứng, ngàm cấu kiện (2) chính là phần thể tích khuyết lõm của thân cấu kiện, chân cấu kiện (3) là hình lăng trụ đặc tiết diện hình thang cân lồi so với mặt bên, mố nhám cấu kiện (4) là một hình lăng trụ đặc dạng sao sáu cánh cong ngược lồi so với mặt trên. Khác biệt ở chỗ, liên kết trong mảng là liên kết gài tự chèn ba chiều, ngàm như một khóa mềm không chế chuyển dịch chân cấu kiện.



- (11) **16994**
- (21) 1-2007-01884 (51)<sup>7</sup> **C12Q 1/42**, A61K 31/661,  
31/6615, C07F 9/09
- (22) 15.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/001841 15.05.2006 (87) WO2006/123254 23.11.2006
- (30) 0509956.9 16.05.2005 GB
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.09.2007
- (71) DANISCO A/S (DK)  
Langebrogade 1 P.O.Box 17 DK-1001 Copenhagen K, DK
- (72) KUMAR, Vijay (GB), MIASNIKOV, Andrei (FI)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ BỘ KIT DÙNG ĐỂ XÁC ĐỊNH HOẠT TÍNH CỦA PHYTAZA TRONG MÁU
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp xác định hoạt tính phytaza trong mẫu, phương pháp này bao gồm tạo sự kết hợp giữa chất nền phytaza và mẫu này, và đo mức của chất chuyển hoá hữu cơ của chất nền phytaza.

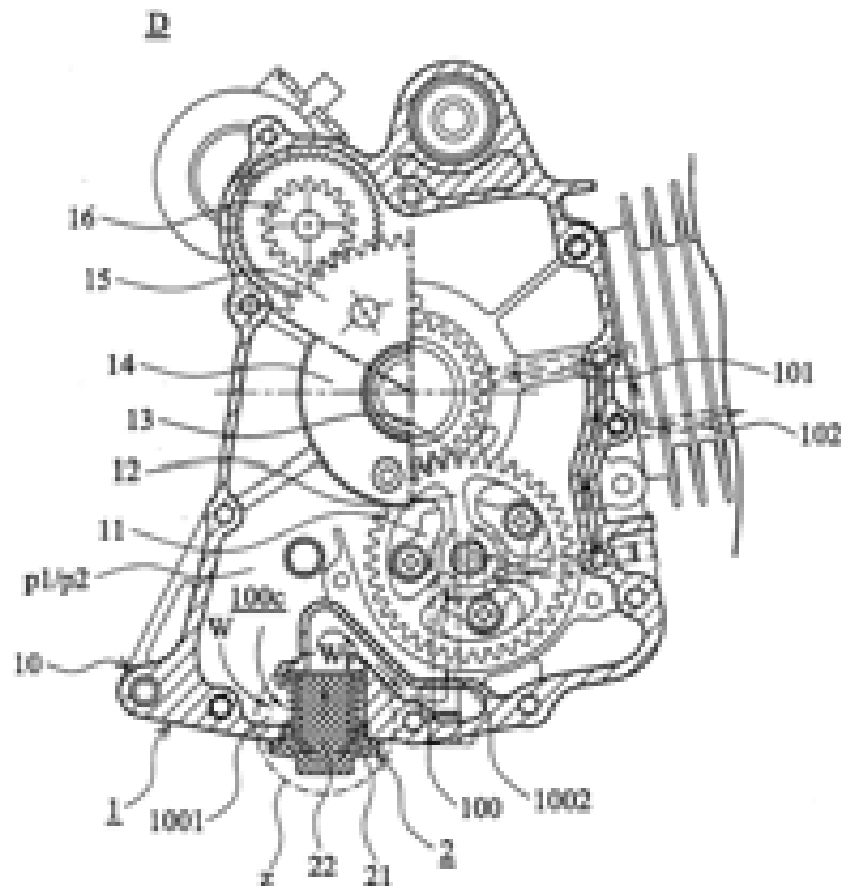
- (11) **16995**
- (21) 1-2007-01940 (51)<sup>7</sup> **C07D 231/56**, A61K 31/416, A61P 35/00, C07D 209/14
- (22) 27.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/006988 27.02.2006 (87) WO2006/091963 31.08.2006
- (30) 60/656,230 25.02.2005 US  
60/705,715 04.08.2005 US  
60/727,965 18.10.2005 US
- (71) SERENEX, INC. (US)  
323 Foster Street, Durham, North Carolina 27701, United States of America
- (72) KENNETH HE HUANG (US), JERON EAVES (US), JAMES VEAL (US), THOMAS E. BARTA (US), LIFENG GENG (US), LINDSAY HINKLEY (US), GUNNAR J. HANSON (US)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT TETRAHYDROINDOLON VÀ TETRAHYDROINDAZOLON
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất và muối dược dụng có công thức I



trong đó  $R_1$ ,  $R_2$ ,  $R_3$ ,  $R_4$ ,  $R_5$ ,  $R_6$ ,  $R_7$ ,  $n$ ,  $Q_1$ ,  $Q_2$ ,  $Q_3$ ,  $Y$ , và  $X_1$ - $X_4$  được xác định như nêu ở đây. Các hợp chất có công thức I hữu hiệu để điều trị một số bệnh và/hoặc tình trạng bệnh liên quan đến sự tăng sinh tế bào, như bệnh ung thư, bệnh viêm, chứng viêm khớp dạng thấp, sự tạo mạch, hoặc các bệnh tương tự. Sáng chế cũng đề cập đến các dược phẩm chứa các hợp chất theo sáng chế.



- (11) **16996**  
(21) 1-2007-01955 (51)<sup>7</sup> **B60R 17/00**  
(22) 25.09.2007 (43) 26.05.2008  
(30) 095140569 02.11.2006 TW  
(71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)  
No. 184, Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu County 304, Taiwan  
(72) Jin-Lu LEE (TW), Ming-Dar HWANG (TW)  
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)  
(54) **CƠ CẤU LỌC DẦU ĐỘNG CƠ**  
(57) Cơ cấu lọc dầu động cơ bao gồm thân động cơ và bộ lọc. Thân động cơ bao gồm đường dẫn dầu động cơ. Dầu động cơ được truyền dẫn bằng đường dẫn dầu động cơ có chứa các chất có từ tính và các chất không có từ tính và truyền dẫn theo đường dẫn dầu động cơ. Bộ lọc bao gồm nam châm được dùng để hút các chất có từ tính có trong dầu động cơ và chi tiết lọc được dùng để lọc các chất không có từ tính có trong dầu động cơ.



(11) **16997**

(21) 1-2007-02014

(51)<sup>7</sup> **F01N 7/10**, 1/00, 3/24, 3/28, 7/00

(22) 03.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-299687 02.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.10.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556 JAPAN

(72) Hiroshi INOKAWA (JP), Takafumi NAKANISHI (JP)

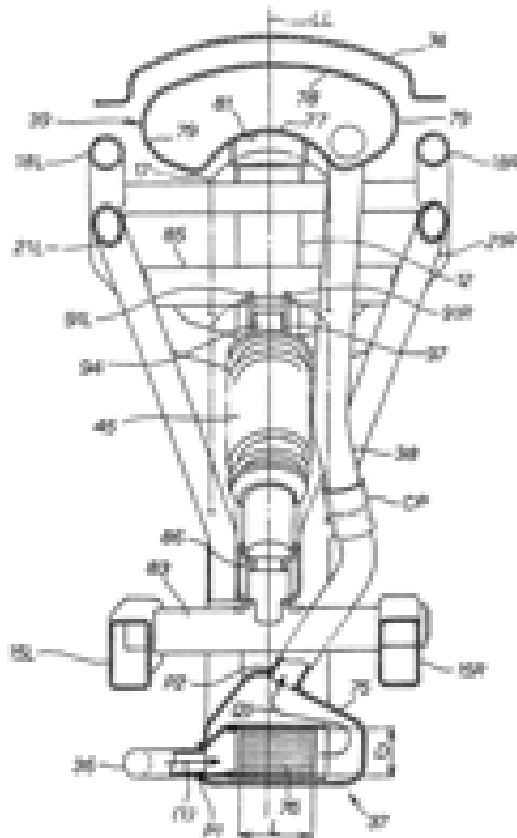
(74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(54) XE MÁY

(57) Sáng chế đề cập đến xe máy cho phép bộ xúc tác có thể được bố trí trong đó một cách dễ dàng.

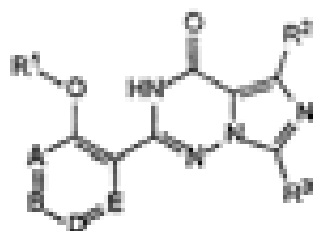
Hình vẽ được công bố là hình nhìn từ phía sau thân xe. Phần nằm ngang xe được bố trí theo chiều rộng của xe trong có lắp bộ xúc tác (76) hình ống nằm dài theo phương nằm ngang mà chiều dài (L) của nó lớn hơn đường kính ngoài (D) của nó. Khí xả được xả ra từ phần trước ống xả (36) đi như được biểu thị bởi mũi tên (1) và mũi tên (2) và đi vào phần sau ống xả (38). Phần sau ống xả 38 kéo dài giữa các đòn lắc sau bên trái và bên phải (15L, 15R) và ở phía bên phải bộ giảm xóc đơn (45) đến bộ giảm thanh (39).

Do bộ xúc tác được bố trí theo chiều rộng của xe nên bộ xúc tác có chiều dài cán thiết có thể được bố trí và chức năng làm sạch khí thải có thể gia tăng mà không bị ảnh hưởng bởi chiều dài từ phía trước đến phía sau của thân xe.

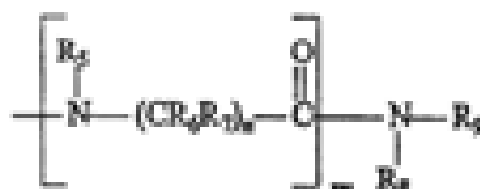


- (11) **16998**
- (21) 1-2007-02015 (51)<sup>7</sup> **A61K 35/74**, A61P 37/08, 43/00, A23C 9/00, A23L 1/30, C12N 1/20
- (22) 23.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/303295 23.02.2006 (87) WO2006/093022 08.09.2006
- (30) 2005-059460 03.03.2005 JP
- (71) **MEIJI DAIRIES CORPORATION (JP)**  
2-10, Shinsuna 1-chome, Koto-ku, Tokyo 136-8908, Japan
- (72) **SASHIHARA, Toshihiro (JP), YAMAGUCHI, Makoto (JP), NAKAMURA, Yoshitaka (JP), IKEGAMI, Shuji (JP), NARUSHIMA, Seiko (JP), KIMURA, Katsunori (JP), NAGAFUCHI, Shinya (JP), TERAHARA, Masaki (JP)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền (INVENCO)
- (54) **TÁC NHÂN ĐIỀU HOÀ CHỨC NĂNG MIỄN DỊCH**
- (57) Lactobacillus vi sinh có ích được phát hiện từ lactobacilli của giống Lactobacillus được phân lập độc lập từ phân người trưởng thành. Lactobacillus có ích được chọn từ các chủng vi khuẩn về: (1) có khả năng chịu axit dạ dày/axit mật cao; (2) có tác dụng thúc đẩy cao lên sự sản xuất IL-12 từ các tế bào lách có nguồn gốc chuột và tác dụng cải thiện cân bằng Th1/Th2 cao; (3) có khả năng cao ức chế sự sản xuất IgE đặc hiệu kháng nguyên gây ra do sử dụng ovalbumin trong màng bụng cho chuột BALB/c; (4) có khả năng cao ức chế sản xuất IgE đặc hiệu kháng nguyên gây nhiễm do sử dụng kháng nguyên thức ăn cho chuột C57BL/6N; (5) có khả năng hoạt hoá tế bào diệt tự nhiên cao; (6) có tác dụng thúc đẩy sự sản xuất IL-12 cao lên các tế bào lách và các tế bào hạch bạch huyết mạc treo ruột có nguồn gốc từ chuột được gây miễn dịch bằng ovalbumin và tác dụng cải thiện cân bằng Th1/Th2 cao; và (7) có khả năng cao ức chế tăng bạch cầu ưa eosin gây nhiễm bằng kháng nguyên chiết từ phấn hoa tuyết tùng.

- (11) **16999**  
 (21) 1-2007-02036 (51)<sup>7</sup> **C07D 487/04**, A61P 15/00, A61K 31/53  
 (22) 21.02.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/006048 21.02.2006 (87) WO2006/089276 24.08.2006  
 (30) 60/653,933 18.02.2005 US  
 (71) SURFACE LOGIX, INC. (US)  
 50 Solders Field Place, Brighton, MA 02135, United States of America  
 (72) CAMPBELL Stewart (CA), DUFFY David (GB), GORGAN Michael (US), KATES Steven (US), OSTUNI Emanuele (IT), SCHUELLER Olivier (FR), SWEETNAM Paul (US)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) CÁC HỢP CHẤT IMIDAZOTRIAZINON ĐƯỢC THẾ 2-PHENYL, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ  
 (57)



(A)



(C)

Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức A có các đặc tính gắn kết không đặc hiệu và các tính chất dược động học được cải thiện: hoặc muối dược dụng, chất đồng phân lập thể, hoặc hydrat của nó; trong đó R<sup>1</sup> là al-kyll thấp; R<sup>2</sup> và R<sup>3</sup> được chọn một cách độc lập từ alkyl thấp, và alkenyl thấp và alkynyl thấp, trong đó alkyl thấp, alkenyl thấp, và alkynyl thấp có thể tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều halogen, alkoxy thấp, hydroxy, CN, NO<sub>2</sub>, amino, axylamino, amido, carbonyl, và alkylthio, A là N hoặc C-H, B là N, C-H, C-(SO<sub>2</sub>-R<sup>4</sup>), hoặc C-CO-R<sup>4</sup>, D là N, C-H, C (SO<sub>2</sub>-R<sup>4</sup>) hoặc C-CO-R<sup>4</sup>, E là N hoặc C-H, trong đó duy nhất một trong số A, B hoặc E có thể là N, và một trong số B hoặc D là C-(SO<sub>2</sub>-R<sup>4</sup>) hoặc C-CO-R<sup>4</sup>, R<sup>4</sup> là nhóm có công thức: (C) trong đó mỗi R<sup>5</sup>, R<sup>6</sup>, R<sup>7</sup> và R<sup>8</sup> được chọn một cách độc lập từ H và alkyl thấp, trong đó alkyl thấp có thể tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều halogen, alkoxy thấp, hydroxy, CN, NO<sub>2</sub>, amino, axylamino, amido, carbonyl, và alkylthio; và ngoài ra hoặc theo cách khác nhau R<sup>6</sup> và R<sup>5</sup> cùng với nhau tạo ra vòng có 5 hoặc 6 cạnh, hoặc R<sup>6</sup> và R<sup>7</sup> cùng với nhau tạo ra vòng có từ 3 tới 6 cạnh; R<sup>9</sup> được chọn một cách độc lập từ H và alkyl thấp, trong đó alkyl thấp có thể tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều halogen, alkoxy thấp, hydroxy, CN, NO<sub>2</sub>, amino, axylamino, amido, carbonyl, và alkylthio; theo cách khác R<sup>8</sup> và R<sup>9</sup> cùng với nitơ mà chúng gắn vào tạo ra vòng có 5 hoặc 6 cạnh; n bằng từ 1 tới 4; và m bằng từ 1 tới 6.

(11) **17000**

(21) 1-2007-02067

(51)<sup>7</sup> **H04L 9/00**

(22) 10.10.2007

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.10.2007

(75) NGUYỄN HIẾU MINH (VN)

Bộ môn An ninh mạng, Khoa CNTT, Học viện KTQS, 100 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(54) PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH VÀ KIỂM TRA CHỮ KÝ SỐ TẬP THỂ DỰA TRÊN ĐƯỜNG CONG ELLIPTIC, ĐỂ CHỨNG THỰC CÁC VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

(57) Sáng chế này nhằm ứng dụng trong lĩnh vực truyền tin của mạng máy tính, cụ thể hơn là thuộc lĩnh vực mật mã khóa công khai trên cơ sở đường cong elliptic (EC), để bảo đảm khả năng chứng thực các văn bản trong các giao dịch điện tử. Phương pháp có tên gọi ngắn gọn: Chữ ký số tập thể trên elliptic.

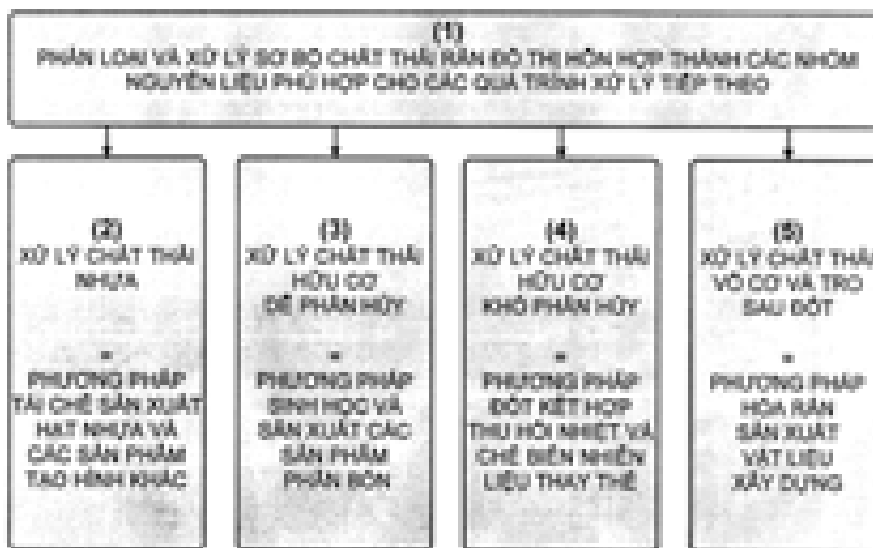
Kết quả đạt được của sáng chế là giảm nhỏ kích thước chữ ký tập thể, so với chữ ký khi thực hiện theo từng người ký riêng biệt và độc lập lẫn nhau, mà không làm giảm độ tin cậy của CKS. Phương pháp được xây dựng với giả thiết số người sử dụng tham gia ký  $m \geq 2$ .

Phương pháp CKS tập thể trên cơ sở EC có liên quan đến các quá trình thực hiện sau: phát sinh EC dưới dạng là tập hợp của các điểm, mỗi điểm gồm hai tọa độ  $(x, y)$ , chúng là dãy số nhị phân (DSNP). Khóa riêng của mỗi người ký  $k_1, k_2, \dots, k_n$  được chọn ngẫu nhiên. Theo  $n$  khóa riêng phát sinh khóa công khai của mỗi người ký  $P_1, P_2, \dots, P_n$  là các điểm trên EC. Bản tóm lược của tin tức  $h$ , được phát sinh nhờ hàm băm an toàn. Chữ ký  $Q$  được hình thành dưới dạng là cặp DSNP. Để kiểm tra CKS tập thể, cần phát sinh khóa công khai tập thể  $P$  là một điểm trên EC. Sự phát sinh  $P$  phụ thuộc vào các khóa công khai  $P\alpha_1, P\alpha_2, \dots, P\alpha_m$ , ở đây  $\alpha_1, \alpha_2, \dots, \alpha_m$  các số tự nhiên,  $2 \leq m \leq n$ ,  $\alpha_j \leq n$  và  $j = 1, 2, \dots, m$ . Xác định các giá trị kiểm tra  $A$  và  $B$ . Đem so sánh  $A$  và  $B$ , nếu  $A = B$  thì CKS được xác minh là chân chính và văn bản  $M$  là toàn vẹn.

- (11) **17001**  
 (21) 1-2007-02069 (51)<sup>7</sup> **B03B 9/06**, B29B 17/00, C05F 9/00, C04B 18/04, F23G  
 (22) 10.10.2007 (43) 26.05.2008

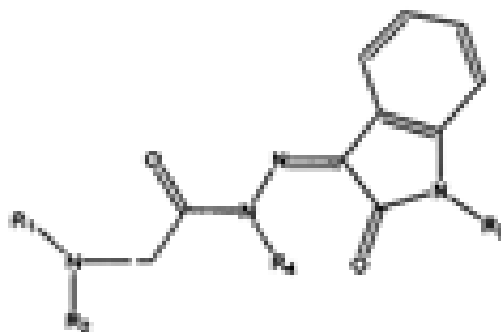
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.10.2007

- (71) **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH SERAPHIN (VN)**  
 Phòng 303, nhà 17T1, khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 (72) Chu Nhật Quang (VN), Phạm Quỳnh Vân (VN), Phạm Minh Tân (VN)  
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)  
 (54) **QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ**  
 (57) Sáng chế đề xuất quy trình xử lý chất thải rắn đô thị kết hợp đồng thời các phương pháp xử lý cơ, sinh học và nhiệt bao gồm: phân loại và xử lý sơ bộ chất thải rắn đô thị hỗn hợp bằng phương pháp cơ học thành các nhóm nguyên liệu phù hợp cho các quá trình xử lý tiếp theo; xử lý chất thải nhựa bằng phương pháp tái chế sản xuất hạt nhựa nguyên liệu và các sản phẩm bằng nhựa tái chế theo khuôn tạo hình khác nhau; xử lý phần chất thải hữu cơ dễ phân hủy bằng phương pháp phân hủy sinh học và sản xuất các loại phân bón; xử lý phần chất thải hữu cơ khó phân hủy sinh học có nhiệt trị cao bằng phương pháp đốt kết hợp thu hồi nhiệt và chế biến thành nhiên liệu thay thế, xử lý phần chất thải vô cơ và tro sau đốt bằng phương pháp hóa rắn sản xuất các loại vật liệu xây dựng. Nhờ đó có thể xử lý và thu hồi được tối đa từ chất thải rắn đô thị, giảm thiểu phần phải đem chôn lấp.



**SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG PHÁP CƠ SINH HỌC VÀ NHIỆT**

- (11) **17002**  
(21) 1-2007-02082 (51)<sup>7</sup> **A61K 8/49**  
(22) 27.02.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/EP2006/001825 27.02.2006 (87) WO2006/097193 21.09.2006  
(30) EP05251512 12.03.2005 EP  
(71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands  
(72) Ranjit Bhogal (GB), Jasveen Chugh (GB), Helen Meldrum (GB)  
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
(54) **CHẾ PHẨM CHĂM SÓC TÓC VÀ/HOẶC DA ĐẦU CHỨA CÁC HỢP CHẤT AMINO-OXO-YLIDEN VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM NÀY**  
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm xử lý tóc và/hoặc da đầu chứa hợp chất amino-oxo-indol-yliden có công thức chung (I):



trong đó: mỗi R<sub>1</sub>, R<sub>2</sub>, R<sub>3</sub> và R<sub>4</sub> độc lập là hydro hoặc là nhóm hữu cơ hoá trị một được chọn từ alkyl, alkenyl, alkynyl, aryl, alkylenaryl, xycloalkyl, xycloalkenyl, và nhóm dị vòng. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất chế phẩm này.

(11) **17003**

(21) 1-2007-02090

(51)<sup>7</sup> **B62M 7/02**, B62J 9/00, F02M  
35/16, 69/04

(22) 11.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-316003 22.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.10.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556 Japan

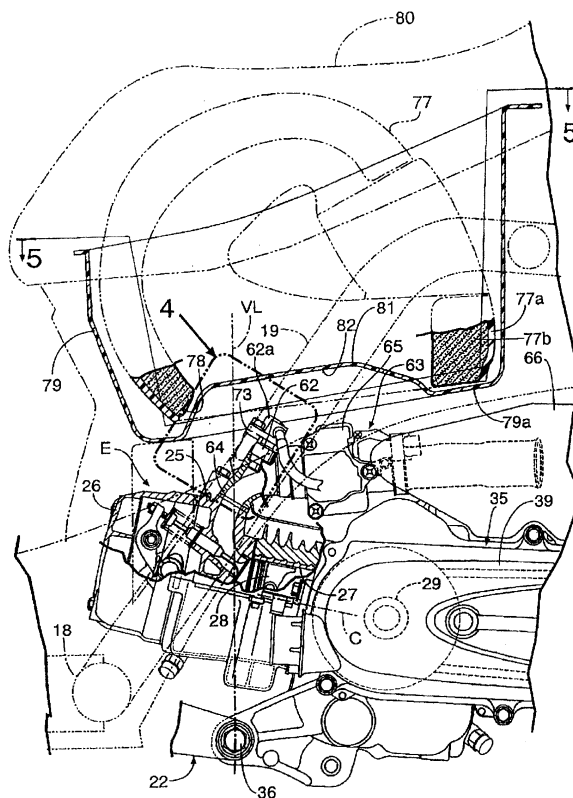
(72) Kenichiro IKEDA (JP), Yasuo NAOI (JP), Shosuke SUZUKI (JP)

(74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(54) XE MÁY

(57) Sáng chế đề cập đến xe máy nhằm mục đích hạn chế sự giảm khả năng chứa của hộp chứa hành lý đồng thời tránh được sự va chạm của hộp chứa hành lý với hệ thống nạp của xe máy, trong đó hệ thống nạp có van phun nhiên liệu và kéo dài về phía sau từ đầu xi lanh được nối với thành bên phía trên của đầu xi lanh của động cơ được đỡ lác được vào khung thân xe máy có đường trục xi lanh nằm nghiêng, và hộp chứa hành lý mà mũ bảo hiểm có thể nằm trong đó với phần miệng của nó quay xuống dưới hộp chứa hành lý được gắn cố định vào khung thân xe máy ở bên trên hệ thống nạp.

Để đạt được mục đích nêu trên phần nhô (81), nhô vào trong phần miệng (78) của mũ bảo hiểm (77) nằm bên trong hộp chứa hành lý (79), được tạo nhô ra trên thành đáy (79a) của hộp chứa hành lý (79) sao cho nó tạo thành phần lõm (82) mở xuống phía dưới nằm ngay bên trên hệ thống nạp (63) ở vị trí có bố trí van phun nhiên liệu (62).





- (11) **17004**
- (21) 1-2007-02104 (51)<sup>7</sup> **A61K 8/49**
- (22) 27.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/001824 27.02.2006 (87) WO2006/097192 21.09.2006
- (30) EP05251511 12.03.2005 EP
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Ranjit Bhogal (GB), Jasveen Chugh (GB), Helen Meldrum (GB)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẾ PHẨM CHĂM SÓC TÓC VÀ/HOẶC DA ĐẦU CHỨA VISNADIN VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chăm sóc tóc và/hoặc da đầu, trong đó chế phẩm này là dầu gội đầu, chứa chất hoạt động bề mặt làm sạch dạng anion với lượng nằm trong khoảng từ đến 30% trọng lượng và visnadin. Sáng chế cũng đề cập đến chế phẩm chăm sóc tóc và/hoặc da đầu, trong đó chế phẩm này là chế phẩm dưỡng tóc, chứa chất hoạt động bề mặt dưỡng dạng cation với lượng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 10% trọng lượng và visnadin. Sáng chế cũng đề xuất quy trình sản xuất chế phẩm xử lý và/hoặc phòng ngừa các tình trạng viêm da như ngứa da đầu và bong da liên quan đến cách sử dụng visnadin.

(11) **17005**

(21) 1-2007-02131

(51)<sup>7</sup> **F16H 61/02**, 63/18

(22) 16.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-292896 27.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 16.10.2007

(71) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

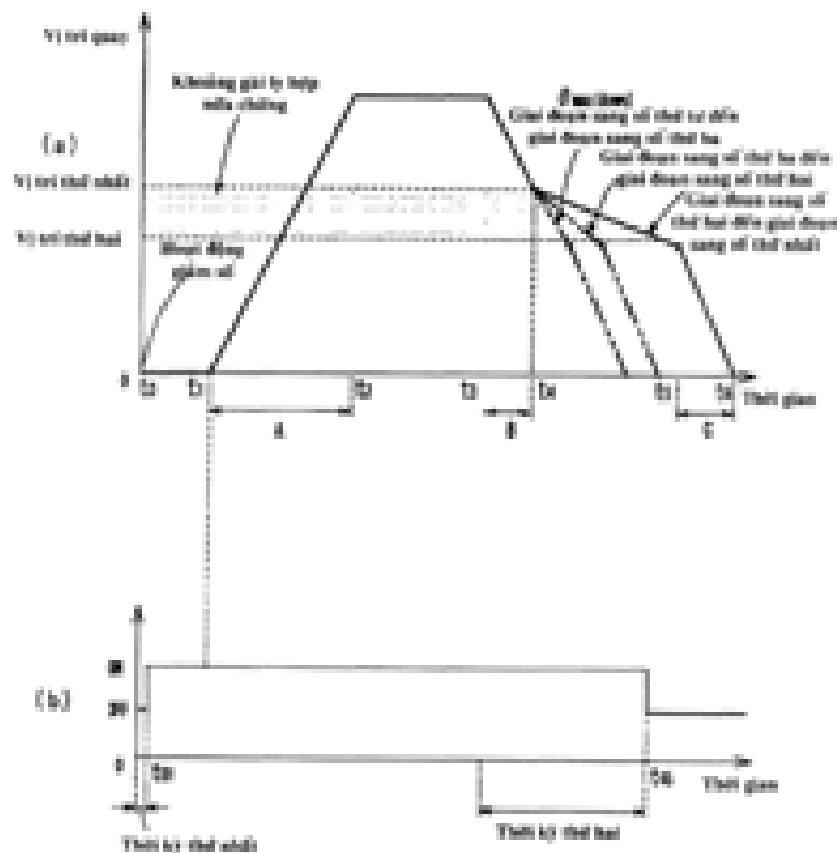
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan

(72) Kazutaka Hiroi (JP), Shigeo Morisugi (JP), Masao Sugita (JP)

(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(54) **CƠ CẤU ĐIỀU KHIỂN SANG SỐ VÀ XE MÁY SỬ DỤNG CƠ CẤU ĐIỀU KHIỂN SANG SỐ ĐÓ**

(57) Sáng chế đề xuất giải pháp làm giảm chấn động phát sinh tại thời điểm gài ly hợp trong thao tác sang số ở xe máy có cơ cấu điều khiển sang số vận hành ly hợp và thao tác sang số bằng cách sử dụng năng lượng của cơ cấu chấp hành, và để tăng cảm giác lái của xe. Cơ cấu điều khiển sang số theo sáng chế bao gồm cơ cấu chấp hành được điều khiển dựa vào vị trí quay và vận tốc của trục sang số. Khi vị trí quay của trục sang số nằm giữa vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai, trục sang số được quay với tốc độ thấp hơn vận tốc quay mà trục sang số quay trước khi đạt đến vị trí thứ nhất để gài ly hợp sang số ở tốc độ thấp. Vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai được định ra theo cách sao cho ly hợp sang số ở trạng thái nửa gài khi trục sang số nằm ở vị trí quay giữa vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai.



- (11) **17006**  
 (21) 1-2007-02132 (51)<sup>7</sup> **F16H 63/18**, 61/32  
 (22) 16.10.2007 (43) 26.05.2008  
 (30) 2006-292897 27.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 16.10.2007

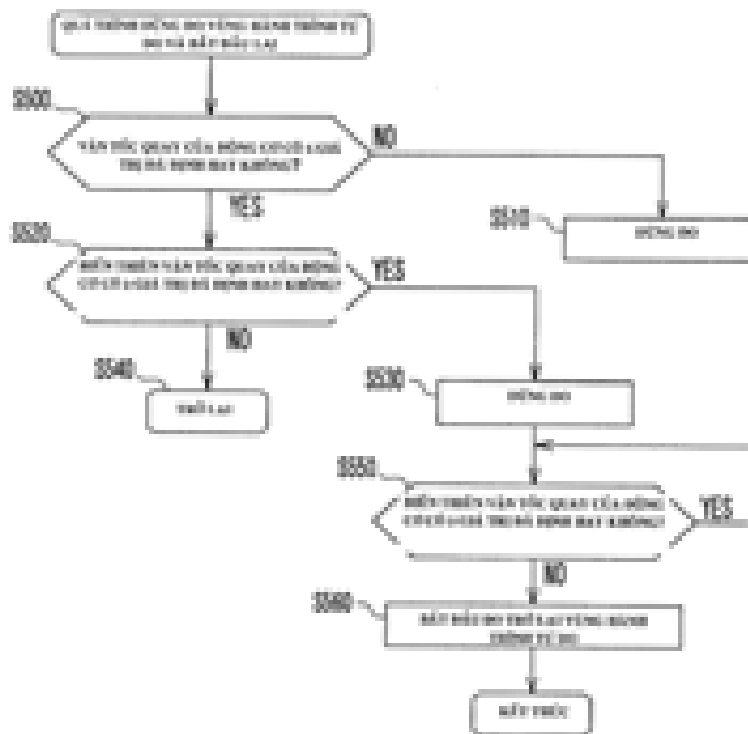
(71) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**  
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan

(72) **Kazutaka Hiroi (JP)**

(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(54) **BỘ ĐIỀU KHIỂN TRUYỀN ĐỘNG VÀ XE CÓ BỘ ĐIỀU KHIỂN TRUYỀN ĐỘNG**

(57) Sáng chế nhằm mục đích hoàn thành quá trình sang số chính xác ngay cả khi có các sai số thiết kế hoặc các sai số lắp ráp. Sáng chế đề xuất bộ điều khiển truyền động (300) bao gồm ly hợp tốc độ thay đổi (37), bộ truyền động, cơ cấu chấp hành (75), trục sang số (70) quay theo hướng bình thường và ngược lại bởi lực dẫn động của cơ cấu chấp hành (75), cơ cấu dời ly hợp hoàn thành quá trình gài và nhả ly hợp tốc độ thay đổi (37) theo chuyển động quay của trục sang số (70), và cơ cấu dời bộ truyền động hoàn thành hoạt động thay đổi tốc độ của bộ truyền động theo chuyển động quay của trục sang số (70). Bộ điều khiển truyền động (300) quay trục sang số (70) hoặc theo hướng bình thường hoặc theo hướng ngược lại bằng cách cung cấp dòng nhỏ đến mức cơ cấu dời ly hợp không bị hoạt động đối với cơ cấu chấp hành (75), và dò tìm các vị trí ngừng quay theo chiều quay bình thường và ngược lại bằng cách sử dụng bộ cảm biến góc quay (106). Bộ điều khiển truyền động (300) tính toán vùng hành trình tự do của trục sang số (70) dựa trên các vị trí dừng chuyển động quay theo hướng bình thường và ngược lại.

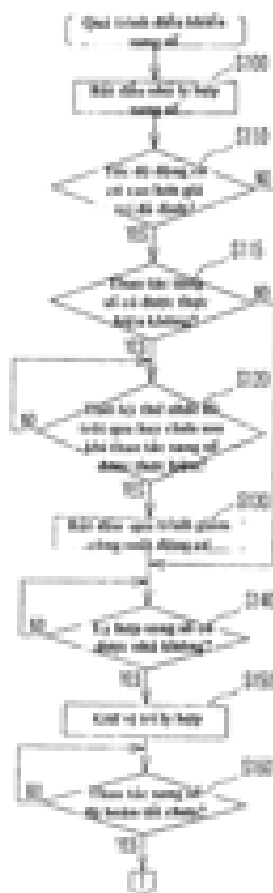


- (11) **17007**  
 (21) 1-2007-02133 (51)<sup>7</sup> **F16H 61/02**, 63/18  
 (22) 16.10.2007 (43) 26.05.2008  
 (30) 2006-292898 27.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 16.10.2007

- (71) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**  
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan  
 (72) **Kazutaka Hiroi (JP)**  
 (74) **Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)**  
 (54) **XE MÁY**

(57) Sáng chế đề xuất giải pháp nhằm giảm chấn động phát sinh tại thời điểm gài ly hợp trong thao tác sang số ở xe máy bằng cách sử dụng cơ cấu chấp hành chung để dẫn động cả ly hợp lẫn bộ chuyển số và tăng cảm giác lái của xe. Xe máy theo sáng chế bao gồm ly hợp sang số, bộ chuyển số bánh răng, trục sang số được quay bởi lực dẫn động của cơ cấu chấp hành, và cơ cấu truyền năng lượng vận hành ly hợp sang số và bộ chuyển số bánh răng cùng với chuyển động quay của trục sang số khi thao tác sang số được thực hiện. Khi tốc độ động cơ đạt hoặc vượt một giá trị được định trước trong thao tác tăng số, ECU của xe máy thực hiện quá trình giảm công suất động cơ trong đó công suất động cơ được giảm đến thấp hơn công suất được cho khi tốc độ động cơ không đạt giá trị được định trước.



(11) **17008**

(21) 1-2007-02134

(51)<sup>7</sup> **F16D 43/20**, B60K 17/02

(22) 16.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-292899 27.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 16.10.2007

(71) 1. YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan

2. MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)

7-3, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, TOKYO 100-8310 JAPAN

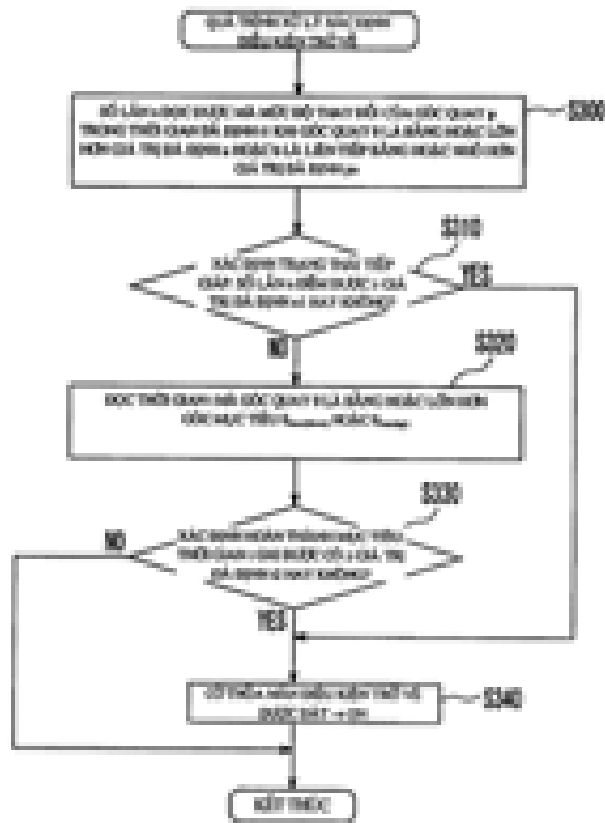
(72) Kazutaka Hiroi (JP), Yasuhiro Takahashi (JP)

(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(54) **CƠ CẤU ĐIỀU KHIỂN SANG SỐ VÀ XE**

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu sang số cho phép thực hiện quá trình sang số một cách đáng tin cậy ngay cả khi có các sai số thiết kế, sai số lắp ráp hoặc tương tự.

Số lần (n) được tính toán là số lần (n) mà độ thay đổi góc (p) trong một thời gian định trước (t1) khi góc quay ( $\theta$ ) của trục sang số bằng hoặc lớn hơn một giá trị định trước (a) hoặc (b) liên tục bằng hoặc nhỏ hơn một giá trị được định trước (p0). Ngoài ra, việc xác định trạng thái tiếp giáp được thực hiện và xác định xem số lần (n) có bằng hoặc cao hơn giá trị được định trước (n1) hay không, và nếu xác định rằng có trạng thái tiếp giáp (tức là trục sang số đạt đến góc quay tối đa thực tế), tiến trình chuyển sang quá trình gài khớp của ly hợp sang số.



- (11) **17009**
- (21) 1-2007-02140 (51)<sup>7</sup> **B01J 29/65**, 23/06, 23/745, 29/072, 29/68, 29/80, C10G 11/05, 11/18
- (22) 24.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/010843 24.03.2006 (87) WO2006/115665 02.11.2006
- (30) 60/675,150 27.04.2005 US
- (71) W.R. GRACE & CO.-CONN. (US)  
7500 Grace Drive, Columbia, Maryland 21044-4098, United States of America
- (72) ZIEBARTH, Michael, S. (US), KRISHNAMOORTHY, Meenakshi, Sundaram (IN), LUSSIER, Roger, J. (US)
- (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)
- (54) QUY TRÌNH LÀM GIẢM NO<sub>x</sub> GIẢI PHÓNG RA TRONG QUÁ TRÌNH CRACKING XÚC TÁC TẦNG SÔI
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình làm giảm NO<sub>x</sub> giải phóng ra trong quá trình cracking xúc tác, ưu tiên là quá trình cracking xúc tác tầng sôi. Quy trình này sử dụng hỗn hợp chất xúc tác cracking xúc tác tầng sôi, ưu tiên là chứa zeolit loại Y, và zeolit làm giảm NO<sub>x</sub> có cỡ lỗ xốp nằm trong khoảng từ 2 đến 7,2 angstrom (từ 0,2 đến 0,72nm) và tỷ lệ mol SiO<sub>2</sub> trên Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> nhỏ hơn khoảng 500 và được làm bền bằng kim loại hoặc ion kim loại được chọn từ nhóm gồm có kẽm, sắt và các hỗn hợp của chúng. Tốt hơn nếu các hạt zeolit làm giảm NO<sub>x</sub> liên kết với nhau nhờ có chất kết dính vô cơ để tạo thành hỗn hợp hạt. Theo cách khác, các hạt zeolit làm giảm NO<sub>x</sub> được đưa vào chất xúc tác cracking ở dạng thành phần cấu thành của chất xúc tác. Các hỗn hợp của sáng chế có hiệu quả cao trong việc làm giảm NO<sub>x</sub> giải phóng ra từ thiết bị hoàn nguyên của thiết bị cracking xúc tác tầng sôi vận hành trong điều kiện của quy trình FCC nhưng hầu như không làm thay đổi mức chuyển hóa hoặc hiệu suất các sản phẩm cracking. Sáng chế còn đề cập đến việc sử dụng các hỗn hợp này.

(11) **17010**

(21) 1-2007-02150

(51)<sup>7</sup> **A01M 1/20**

(22) 13.04.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/SG2006/000098 13.04.2006

(87) WO2006/112796 26.10.2006

(30) MY20050001717 18.04.2005 MY

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.03.2008

(71) TAN SOON CHENG SDN. BHD. (MY)

78, Jalan SS20/4, Damansara Utama, 47400 Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan, Malaysia

(72) Tan Soon Cheng (MY)

(74) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(54) SẢN PHẨM CHỨA CHẤT TỎA MÙI

(57) Sáng chế đề cập đến sản phẩm chứa chất tỏa mùi bao gồm một chi tiết dễ cháy kết hợp với chất diệt sinh vật gây hại và/ hoặc hương thơm, trong đó chi tiết dễ cháy làm từ bìa cứng có hình vòng xoắn, đặc trưng ở chỗ, chi tiết dễ cháy được làm từ sợi xơ cọ. Sợi xơ cọ được thu nhận từ chùm quả rỗng của cây cọ dầu và/ hoặc vỏ quả giữa (trung bì) của trái cây cọ dầu. Chi tiết dễ cháy được tạo từ 90% đến 99,5% trọng lượng của sợi xơ cọ và các thành phần phụ khác được chọn từ nhóm chất gồm chất độn, chất điều chỉnh sự cháy, thuốc nhuộm và chất diệt sinh vật gây hại hoặc hỗn hợp của chúng chiếm trọng lượng còn lại. Chi tiết dễ cháy có tỷ trọng nằm trong khoảng từ 400-1000 kgm-3, tốt hơn là từ 600 đến 750 kgm-3. Trong đó mảnh bìa cứng có hình vòng xoắn được làm từ bìa cứng dát mỏng, chất diệt sinh vật gây hại và hương thơm có thể kết hợp thành chất kết dính được sử dụng để dát mỏng các tờ giấy để tạo bìa cứng dát mỏng.

(11) **17011**

(21) 1-2007-02155

(51)<sup>7</sup> **H01H 31/00**

(22) 17.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 10-2006-0101060 17.10.2006 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.10.2007

(71) LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

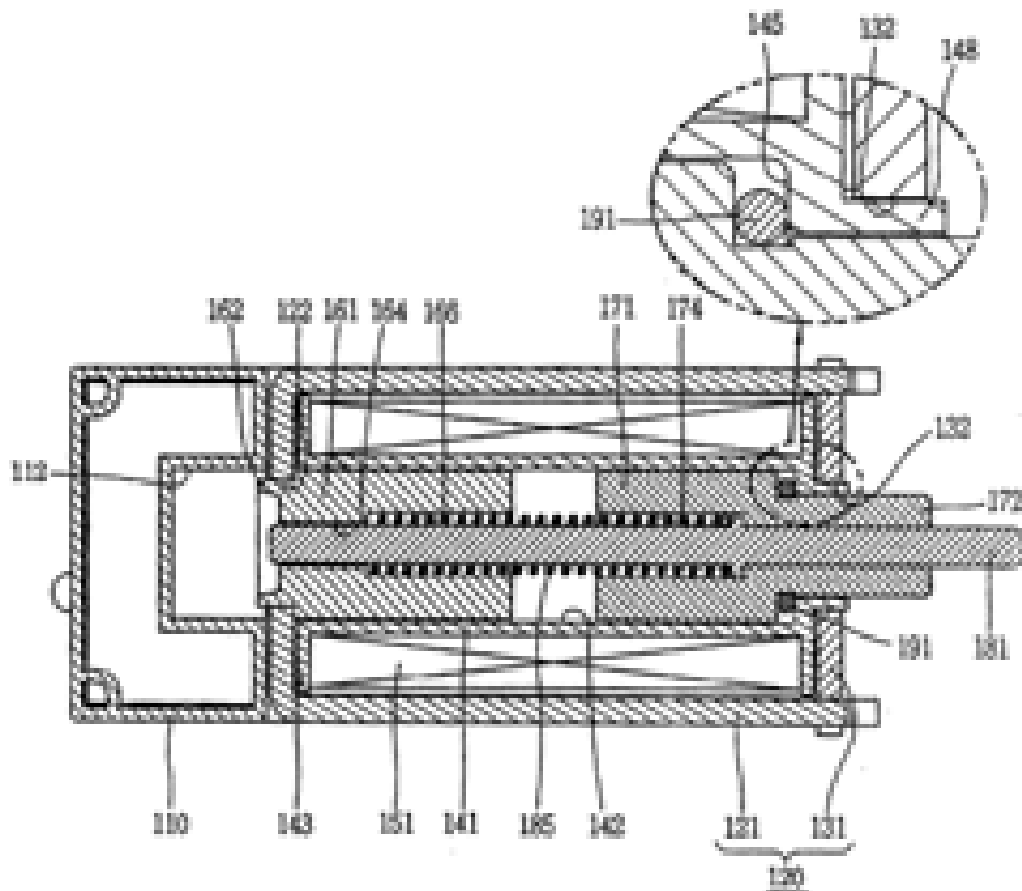
84-11, 5Ga, Namdaemun-Ro, Jung-Gu, Seoul, Republic of Korea

(72) Jong-Mahn SOHN (KR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **CƠ CẤU DẪN ĐỘNG**

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu dẫn động bao gồm ách từ có khoảng trống tiếp nhận trong đó; lõi cuộn dây nằm trong ách từ và có một hốc; cuộn dây quấn trên chu vi của lõi cuộn dây và tạo ra một lực từ trường; lõi cố định được bố trí cố định ở mặt trong của lõi cuộn dây; lõi di động được bố trí ở một mặt trong khác của lõi cuộn dây; và phân tách rời được làm bằng vật liệu phi kim loại, và được bố trí xen giữa ách từ và lõi đi động để tách rời giữa các bộ phận này. Khi lực từ trường được tạo ra từ cuộn dây, lõi di động được dịch chuyển nhanh chóng tới lõi cố định. Hơn nữa, va chạm kim loại giữa ách từ và lõi di động được ngăn ngừa, nhờ đó có thể ngăn ngừa tiếng ồn và biến dạng.





(11) **17012**

(21) 1-2007-02169

(51)<sup>7</sup> **F25D 23/02**

(22) 18.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-292318 27.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.10.2007

(71) MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)

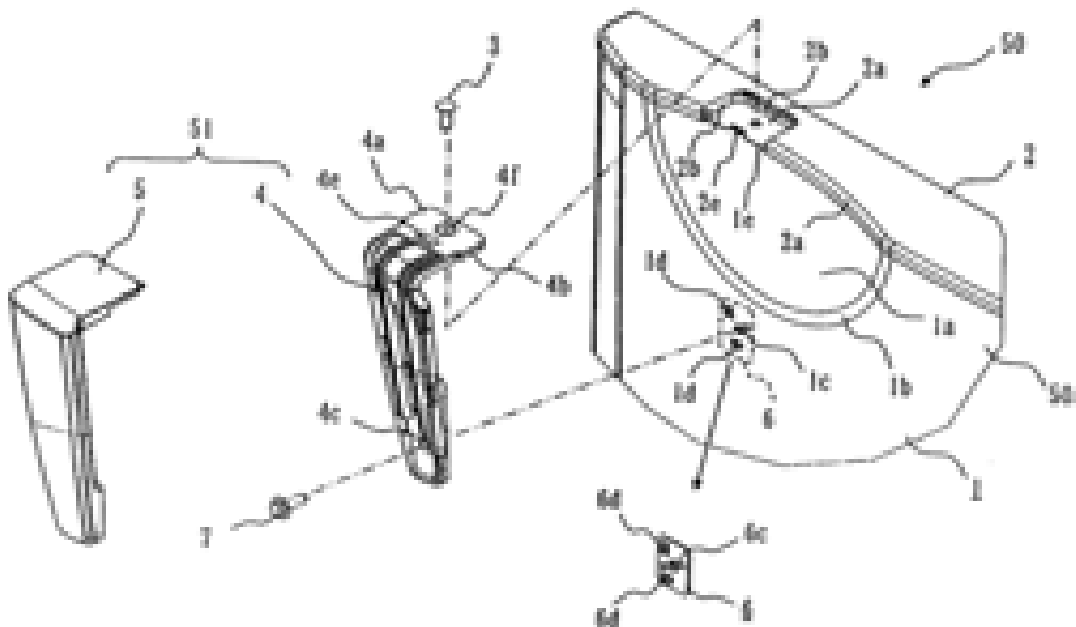
7-3, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, TOKYO 100-8310 JAPAN

(72) Akihiro SASAKI (JP), Minoru OTSUBO (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **CÁNH CỬA DỪNG CHO TỦ LẠNH**

(57) Sáng chế đề cập đến cánh cửa dùng cho tủ lạnh được thiết kế tinh vi gồm có tay cầm có độ bền phù hợp với chi phí thấp trong khi vẫn giữ được kích thước bên ngoài nhỏ. Cánh cửa dùng cho tủ lạnh gồm có lớp vỏ cánh tạo nên bề mặt trước, nắp cánh cửa ăn khớp với đầu trên và đầu dưới của lớp vỏ cánh, thân chính của cánh cửa dùng cho tủ lạnh bao gồm phân cách nhiệt bằng bọt xốp được chèn vào khoảng trống được tạo bởi lớp vỏ cánh, nắp cánh cửa và tấm bên trong, và được đỡ có thể quay được quanh trục ở phía trước của thân chính của tủ lạnh và được lắp cố định theo cách có thể mở và đóng được, tay cầm được tạo thành dạng tổng thể gần giống hình chữ L, được lắp trên thân chính của cánh cửa dùng cho tủ lạnh, trong đó đoạn thẳng đứng của phân hình chữ L được lắp cố định vào lớp vỏ cánh, đoạn nằm ngang của phân hình chữ L được lắp cố định vào nắp cánh cửa, và hướng lắp cố định của đoạn thẳng đứng của phân hình chữ L và hướng lắp cố định của đoạn nằm ngang của phân hình chữ L là khác nhau xấp xỉ 90°.



(11) **17013**

(21) 1-2007-02170

(51)<sup>7</sup> **H05K 1/00**, H01L 23/00

(22) 18.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-292803 27.10.2006 JP

(71) NITTO DENKO CORPORATION (JP)

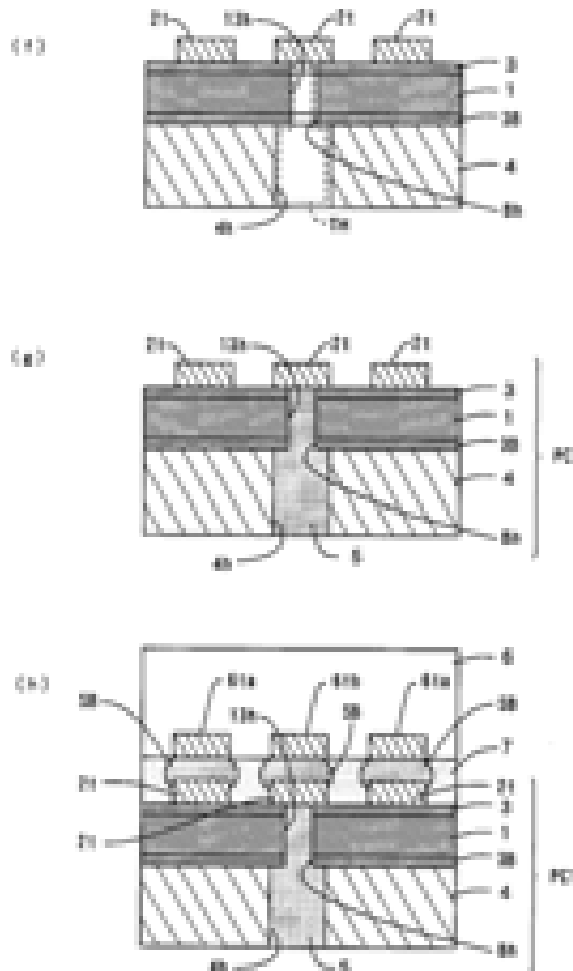
1-1-2, Shimohozumi, Ibaraki-shi, Osaka 567-8680 JAPAN

(72) Kensuke NISHI (JP), Akinori ITOKAWA (JP), Visit THAVEEPRUNGSRIPOORN (TH)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **BẢNG MẠCH IN VÀ BẢNG MẠCH ĐIỆN TỬ**

(57) Sáng chế đề cập đến vật liệu nền trong đó lớp nền cách điện và lớp kim loại được tạo lớp được chuẩn bị. Lớp kim loại được xử lý thành mẫu định trước để tạo nên các mẫu nối dây bao gồm các phân cực. Lỗ được tạo nên trong một vùng dưới phân cực định trước mà ở đó lớp nền cách điện được tạo nên bằng cách chiếu trực tiếp tia laze từ bên dưới. Bảng mạch gia cường có lỗ thông được lắp vào mặt dưới của lớp nền cách điện bằng chất dính dạng tấm có lỗ thông, với các lỗ được sắp thẳng với nhau. Khoảng trống hở được tạo nên bởi các lỗ được điền đầy bột kim loại bằng phương pháp in lưới. Theo cách này, bảng mạch in được chế tạo. Thành phần điện tử được lắp trên bảng mạch in.



(11) **17014**

(21) 1-2007-02180

(51)<sup>7</sup> **B62J 1/28**

(22) 19.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-299692 02.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.10.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

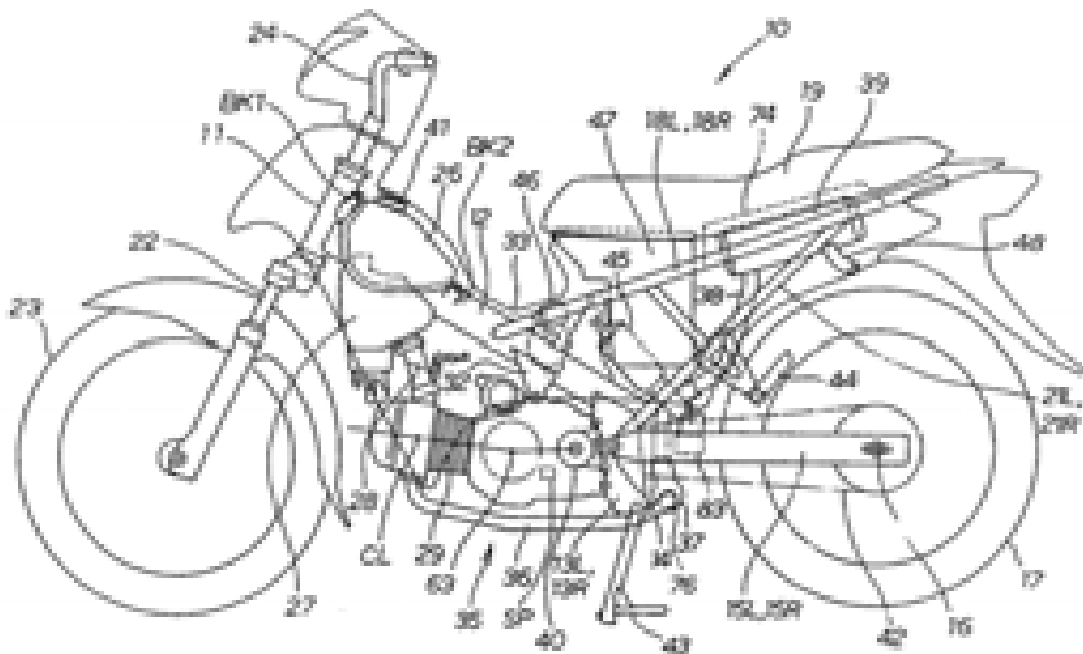
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Jana

(72) Hiroshi INOKAWA (JP), Takafumi NAKANISHI (JP), Masaaki YAMAGUCHI (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) XE MÁY

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu bố trí xe máy cho phép đảm bảo được khả năng lên xe khi người lái trèo lên xe đồng thời chiều dài của ống nhiên liệu được giảm xuống. Bình nhiên liệu 26 được lắp chặt vào phần trước của khung chính đơn 12 ngay phía sau của ống đầu 11, và bộ lọc không khí 27 được bố trí trước bên trên động cơ 31 bên dưới bình nhiên liệu 26. Hệ thống nạp 28 (theo Fig.3, ống nối 28a, thân van tiết lưu 28b, và cụm ống nạp 28c) kéo dài về phía sau xuống phía dưới từ bộ lọc không khí 27. Động cơ mà xi lanh 29 của nó kéo dài gần như nằm ngang về phía trước được treo bên dưới khung chính đơn 12, và hệ thống nạp 28 được nối với xi lanh 29. Bình nhiên liệu được bố trí trên khung chính đơn nằm gần xi lanh nằm ngang. Đặc biệt là, có thể bố trí được bình nhiên liệu bên trên xi lanh và ống nhiên liệu có thể được tạo ngắn hơn.



(11) **17015**

(21) 1-2007-02194

(51)<sup>7</sup> **B62K 25/10**, 11/02

(22) 22.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-299690 02.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 22.10.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

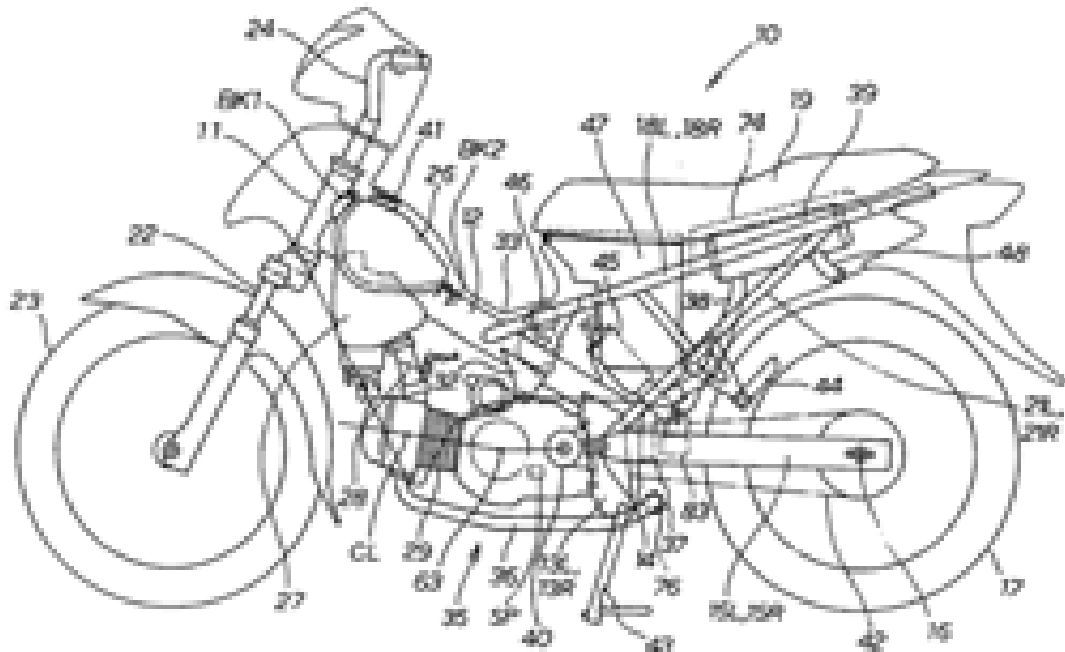
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minatoku, Tokyo 107-8556, Japan

(72) Takafumi NAKANISHI (JP), Tatsuya SEIJI (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

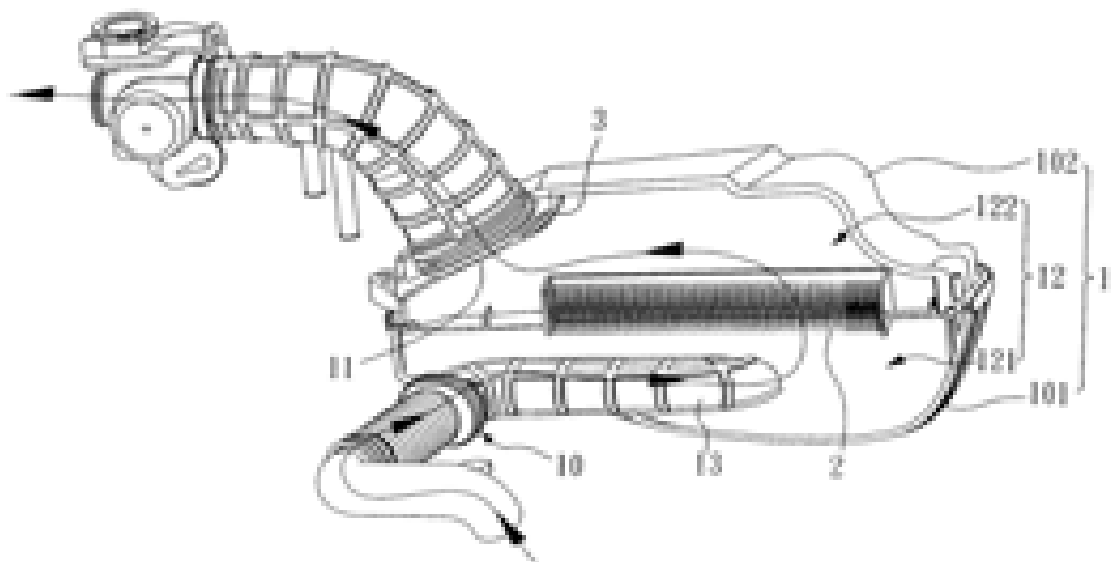
(54) XE MÁY

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu dùng cho xe máy có bộ phận treo đơn cho phép một số lượng lớn các đồ phụ tùng và các bộ phận khác được bố trí gắn đầu trên của bộ phận treo đơn. Bộ phận treo đơn (45) theo sáng chế được lắp trên giá đỡ dưới 86 được tạo ra ở giữa chi tiết ngang (83) kéo dài giữa các đòn lắc sau (15L, 15R) và giá đỡ trên (90) được tạo ra ở giữa chi tiết ngang (85) kéo dài giữa các thanh đỡ yên (18L, 18R). Có thể thấy rằng chiều rộng W của giá đỡ trên (90) là đủ nhỏ. Nhờ đó, ắc quy có thể được bố trí dọc bộ phận treo đơn, đặc biệt ở bên phải của bộ phận treo đơn. Hơn nữa, phần dưới của hộp chứa đồ có thể được lồng dọc bộ phận treo đơn, đặc biệt ở phía trái của bộ phận treo đơn. Đặc biệt là, do giá đỡ trên nhỏ gọn, nên các khoảng trống ở bên trái và bên phải đối diện của bộ phận treo đơn có thể được sử dụng một cách hiệu quả khi bố trí các khoảng trống dùng cho các đồ phụ tùng và các bộ phận khác.



- (11) **17016**
- (21) 1-2007-02210 (51)<sup>7</sup> **A61K 39/39**, 39/145
- (22) 21.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/002837 21.03.2006 (87) WO2006/100110 28.09.2006
- (30) 0505998.5 23.03.2005 GB  
0506000.9 23.03.2005 GB  
0506001.7 23.03.2005 GB  
0505989.4 23.03.2005 GB  
0506004.1 23.03.2005 GB  
0510589.5 24.05.2005 GB  
0510591.1 24.05.2005 GB  
0510593.7 24.05.2005 GB  
0510596.0 24.05.2005 GB  
0510598.6 24.05.2005 GB  
0603789.9 24.02.2006 GB  
0603788.1 24.02.2006 GB  
0603790.7 24.02.2006 GB
- (71) GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS S.A. (BE)  
Rue de l'Institut 89, B-1330 Rixensart, Belgium
- (72) HANON, Emmanuel, Jules (BE), STEPHENNE, Jean (BE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **CHẾ PHẨM GÂY MIỄN DỊCH CÚM**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm vaccin cúm và chế độ dùng vaccin để gây miễn dịch chống lại bệnh cúm, cụ thể là các chế phẩm gây miễn dịch để gây ra các đáp ứng miễn dịch tăng đối với nhiều kháng nguyên, và các phương pháp bào chế. Cụ thể là, sáng chế đề cập đến chế phẩm gây miễn dịch cúm đa hoá trị chứa kháng nguyên cúm hoặc chế phẩm kháng nguyên của nó từ ít nhất hai chủng virut cúm, ít nhất một chủng có liên hệ với bùng nổ đại dịch hoặc có khả năng liên hệ với bùng nổ đại dịch, kết hợp với tá dược nhũ tương dầu trong nước.

- (11) **17017**
- (21) 1-2007-02212 (51)<sup>7</sup> **B60H 3/06**
- (22) 23.10.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 095139761 27.10.2006 TW
- (71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan
- (72) Chih-Long CHEN (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **BỘ LỌC KHÔNG KHÍ**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ lọc không khí có lưới chống nổ ngược và chi tiết lọc tách rời nhau, trong đó bộ lọc không khí này bao gồm vỏ, chi tiết lọc, và lưới chống nổ ngược. Chi tiết lọc được bố trí bên trong khoang chứa của vỏ và chia khoang chứa này thành một khoang lọc trước và một khoang lọc sau. Lưới chống nổ ngược được gắn chặt trong khoang lọc sau và được giữ cách khỏi chi tiết lọc một khoảng cách thích hợp. Do đó, khi sự nổ ngược diễn ra trong động cơ và sự nổ ngược này đi vào trong bộ lọc không khí, lưới chống nổ ngược ngăn ngọn lửa của sự nổ ngược để làm giảm nhiệt độ và làm giảm khả năng bốc cháy hỗn hợp không khí-nhiên liệu trong bộ lọc không khí, để ngăn không cho chi tiết lọc bị phá huỷ bởi sự nổ ngược, và để làm giảm trở lực thông khí từ bộ lọc không khí vào trong động cơ. Do vậy, đặc tính cháy đối với động cơ sẽ không bị ảnh hưởng bất lợi. Hơn nữa, vì lưới chống nổ ngược được bố trí liền kề với cửa xả của vỏ, trong đó chi tiết lọc và lưới chống nổ ngược được bố trí tách rời nhau, nên chi tiết lọc có thể được thay thế riêng biệt, và bởi vậy chi phí thay thế có thể được giảm.



- (11) **17018**
- (21) 1-2007-02216 (51)<sup>7</sup> C07F 9/09, C07D 215/22
- (22) 22.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/062502 22.05.2006 (87) WO/2006/125769 30.11.2006
- (30) 05104482.4 25.05.2005 EP
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) PORSTMANN, Frank, Ralf (DE), HORNS, Stefan (DE), BADER, Thomas (DE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ (ALPHA S, BETA-R)-6-BROMO-ALPHA-[2-(DIMETYLAMINO)ETYL]-2-METOXY-ALPHA-1-NAPHTALENYL-BETA-PHENYL-3-QUINOLINETANOL
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình tách ( $\alpha$ S,  $\beta$ R)-6-bromo- $\alpha$ - [2-(dimethylamino)ethyl]-2-methoxy- $\alpha$ -1-naphthalenyl- $\beta$ -phenyl-3- quinolineethanol từ hỗn hợp của các dạng chất đồng phân lập thể của 6-bromo- $\alpha$ -[2- (dimethylamino)ethyl]-2-methoxy- $\alpha$ -1-naphthalenyl- $\beta$ -phenyl-3-quinolineethanol bằng cách tách quang học sử dụng 4-hydroxydinaphtho[2,1-d:1',2'- f][1,3,2]dioxaphospherin 4-oxit không đối xứng hoặc dẫn xuất của nó, cụ thể là (11bR)-4-hydroxydinaphtho[2,1-d:1',2'-f][1,3,2]đioxaphospherin 4-oxit làm chất tách.

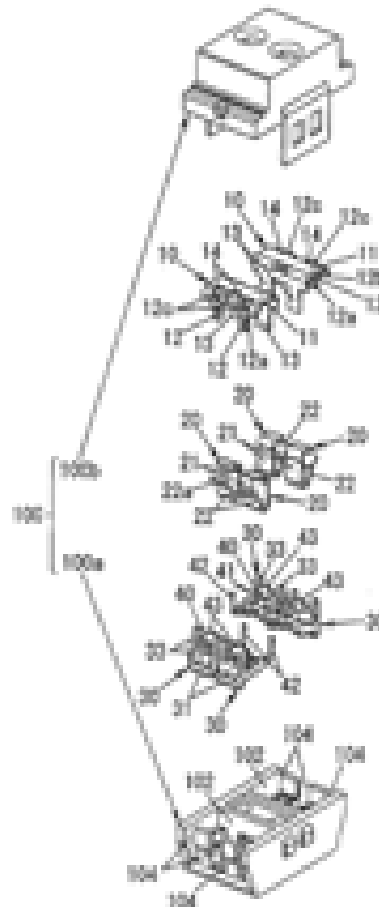
- (11) **17019**
- (21) 1-2007-02220 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/517**, 31/4709, C07D  
401/00, 403/00, 413/00, 417/00,  
419/00
- (22) 27.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/011271 27.03.2006 (87) WO2006/105081 15.10.2006
- (30) 60/665,165 25.03.2005 US
- (71) SURFACE LOGIX, INC. (US)  
50 Solders Field Place, Brighton, MA 02135, United States of America
- (72) CAMPBELL Stewart (CA), FOUDOULAKIS Hope (US), KIRK Brian (US), RAM  
Siya (US), BARTOLOZZI Alessandra (US), SWEETNAM Paul (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỢP CHẤT CÓ TÍNH CHẤT DƯỢC ĐỘNG HỌC CẢI THIỆN VÀ DƯỢC PHẨM  
CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập tới chất ức chế ROCK1 và ROCK2 và phương pháp điều biến các tính  
chất dược động học và/hoặc dược lực học của các hợp chất này. Ngoài ra, sáng chế còn  
đề cập đề cập tới phương pháp ức chế ROCK1 và hoặc ROCK2 in vitro.



- (11) **17020**  
(21) 1-2007-02229 (51)<sup>7</sup> **H01R 4/48**  
(22) 25.10.2007 (43) 26.05.2008  
(30) 2006-291779 26.10.2006 JP  
2006-291780 26.10.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.10.2007

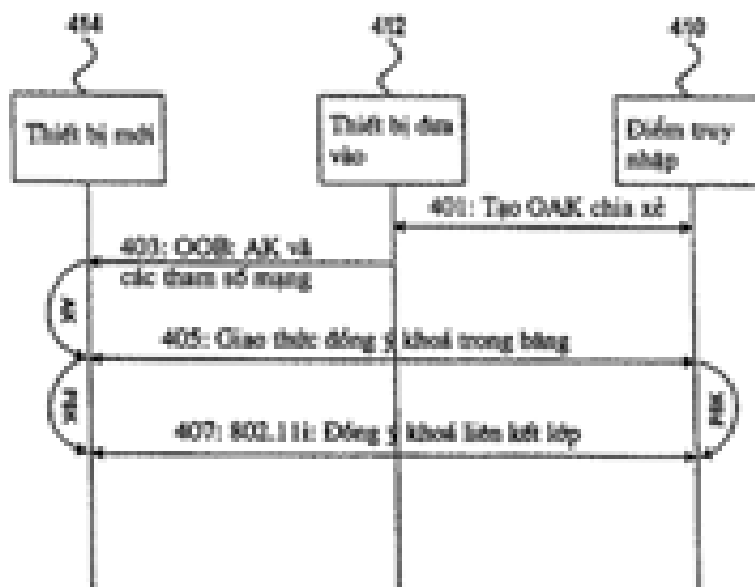
- (71) MATSUSHITA ELECTRIC WORKS, LTD. (JP)  
1048, Oaza-Kadoma, Kadoma-shi, Osaka, Japan  
(72) Minoru Honda (JP), Maki Kondo (JP)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) THIẾT BỊ CÓ ĐẦU NỐI NHANH  
(57) Sáng chế đề xuất thiết bị có đầu nối nhanh bao gồm tấm cực, bộ phận kẹp, và bộ phận nhả. Bộ phận nhả có cần nhả, phần bản lề, và phần đẩy. Bộ phận tỳ tỳ cần nhả theo chiều ngược với chiều tách rời bộ phận kẹp. Bộ phận gài gài cần nhả chống lại lực tỳ của bộ phận tỳ, cần nhả được nhả ra bởi dây dẫn điện khi dây dẫn điện được đưa vào trong vỏ. Cụm được gài có phần gài được tạo ra trong vỏ; phần gài được tạo ra ở cần nhả, phần gài được gài với phần gài và được đẩy bởi đầu dẫn của dây dẫn điện được đưa vào trong vỏ để được nhả ra khỏi phần gài; và chi tiết đỡ đỡ đàn hồi phần gài so với cần nhả.



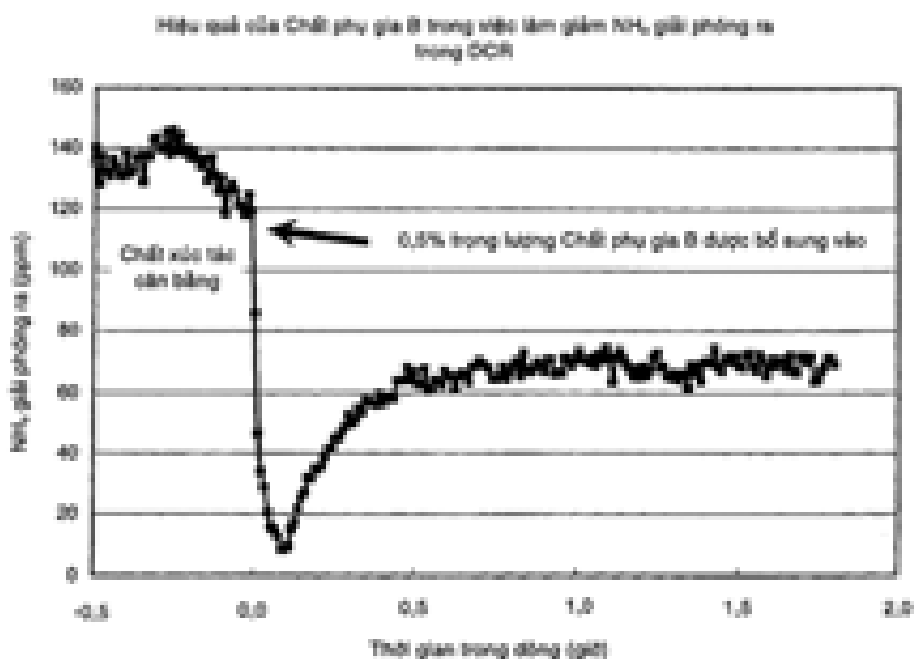
- |      |                   |                   |                                |
|------|-------------------|-------------------|--------------------------------|
| (11) | <b>17021</b>      |                   |                                |
| (21) | 1-2007-02230      | (51) <sup>7</sup> | <b>H04L 9/32</b> , 9/08, 12/28 |
| (22) | 30.03.2006        | (43)              | 26.05.2008                     |
| (86) | PCT/IB2006/000695 | 30.03.2006        | (87) WO2006/106393             |
| (30) | 60/667,661        | 04.04.2005        | US                             |
|      | 60/673,806        | 22.04.2005        | US                             |
|      | 11/169,328        | 29.06.2005        | US                             |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.10.2007

- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland
- (72) ASOKAN Nadarajah (CA), GINZBOORG Philip (IL), MOLONEY Seamus (IS), KOSTIAINEN Kari Ti (FI), SOVIO Sampo (FI), EKBERG Jan-Erik (FI), TAKALA Jari (FI)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ QUẢN LÝ CÁC MẠNG CỤC BỘ KHÔNG DÂY**
- (57) Sáng chế đề xuất các phương pháp các hệ thống để quản lý truy nhập mạng nội bộ không dây. Điểm truy nhập không dây (AP) có thể sử dụng phương pháp thống nhất để tận dụng kênh ngoài băng để truyền thông tin khoá xác nhận và địa chỉ mạng tới thiết bị khách, và tận dụng kênh trong băng để thiết lập việc truyền thông tin với thiết bị khách, và hỗ trợ cho việc cài đặt trong băng trên tất cả các thiết bị. Khả năng sử dụng kênh ngoài băng khi có thể sẽ làm tăng tính bảo mật và tiện ích, và tạo ra khả năng chuyển quyền truy nhập thiết bị này tới thiết bị khác Theo đó, phương pháp thống nhất cũng tạo ra sự quản lý dễ dàng đối với truy nhập khách tới WLAN.



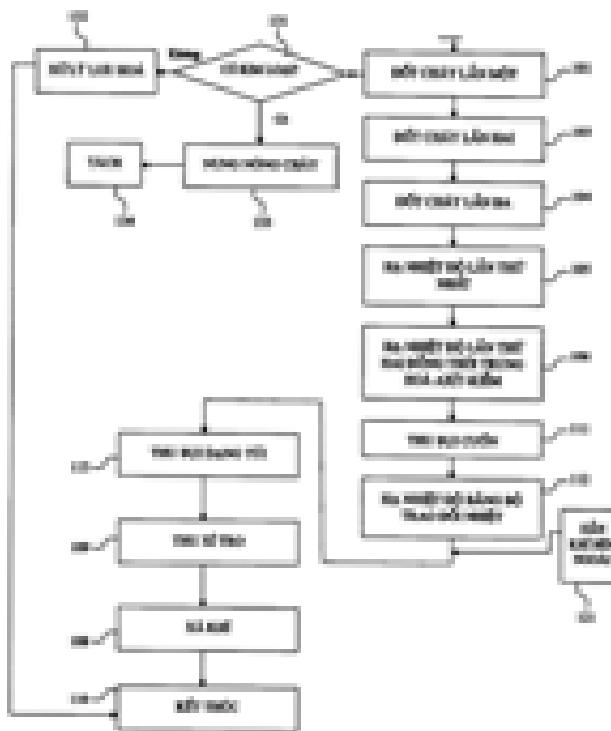
- (11) **17022**
- (21) 1-2007-02245 (51)<sup>7</sup> **B01J 29/65**, 23/745, 29/68, 29/80, 29/072, 23/06, C10G 11/05, 11/18
- (22) 24.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/010968 24.03.2006 (87) WO2006/118700 09.11.2006
- (30) 60/676,618 29.04.2005 US
- (71) W.R. GRACE & CO.-CONN. (US)  
7500 Grace Drive, Columbia, Maryland 21044-4098, United States of America
- (72) YALURIS, George (US), LUSSIER, Roger Jean (US), RUDESILL, John Allen (US), ZIEBARTH, Michael Scott (US), KRISHNAMOORTHY, Meenakshi Sundaram (IN)
- (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)
- (54) **HỖN HỢP LÀM GIẢM NO<sub>x</sub> SỬ DỤNG CHO QUY TRÌNH CRACKING XÚC TÁC TẦNG SÔI (FCC) ĐỐT CHÁY MỘT PHẦN**
- (57) Sáng chế đề cập đến hỗn hợp làm giảm NO<sub>x</sub> và quy trình sử dụng hỗn hợp này để làm giảm lượng NO<sub>x</sub> và các hợp chất nitơ pha khí được khử giải phóng ra từ vùng hoàn nguyên trong quá trình cracking xúc tác tầng sôi nguyên liệu hydrocacbon thành các hợp chất có trọng lượng phân tử thấp hơn. Quy trình này bao gồm bước cho nguyên liệu hydrocacbon trong quá trình cracking xúc tác tầng sôi (Fluid Catalytic Cracking - FCC), trong đó vùng hoàn nguyên của thiết bị cracking xúc tác tầng sôi (Fluid Catalytic Cracking Unit - FCCU) vận hành ở chế độ đốt cháy không hoàn toàn hoặc một phần trong điều kiện FCC, tiếp xúc với hỗn hợp chất xúc tác cracking FCC từ nhiều nguồn tuần hoàn và hỗn hợp làm giảm NO<sub>x</sub>. Hỗn hợp làm giảm NO<sub>x</sub> này có cỡ hạt trung bình lớn hơn 45 μm và bao gồm (1) thành phần zeolit có (i) cỡ lỗ xốp nằm trong khoảng từ 2 đến 7,1 angstrom (từ 0,2 đến 0,71nm) và (ii) tỷ lệ mol SiO<sub>2</sub> trên Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> nhỏ hơn 500, và (2) ít nhất một kim loại quý được chọn từ nhóm gồm có platin, paladi, rodi, iridi, osmi, ruteni, reni và các hỗn hợp của chúng.



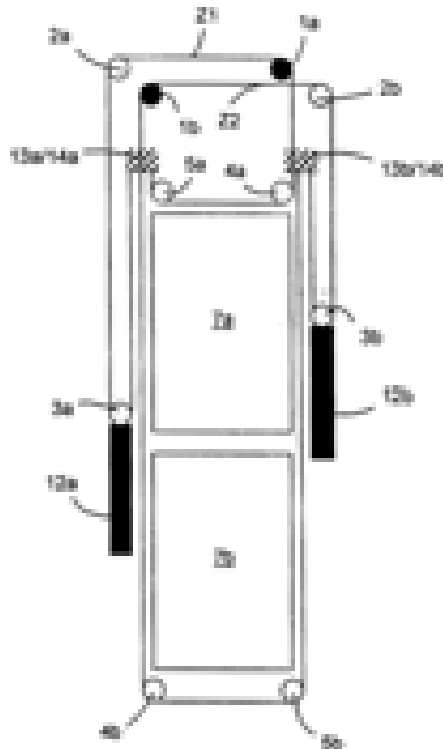
- (11) **17023**  
 (21) 1-2007-02252 (51)<sup>7</sup> **C21D 1/00**  
 (22) 29.10.2007 (43) 26.05.2008  
 (30) 095139852 27.10.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 29.10.2007

- (75) WU, YUO-SHIH (TW)  
 3F, No. 132, Sec. 1, WunHua Rd., Banciao City, Taipei County, Taiwan
- (74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ NUNG CHẢY BO MẠCH CHỦ VÀ CHI TIẾT MÁY TÍNH PHẾ THẢI BẰNG KIM LOẠI**
- (57) Thiết bị nung chảy bo mạch chủ và chi tiết máy tính phế thải bằng kim loại sử dụng chủ yếu một lò nung chính để thực hiện việc đốt cháy ban đầu ở nhiệt độ tương đối thấp để nung chảy các phần của bo mạch chủ, thiết bị ngoại vi máy tính, cáp, và chi tiết máy tính phế thải bằng kim loại để sau khi đốt cháy tách vật liệu phi kim loại ví dụ như các phân dễ cháy như nhựa và các phân không dễ cháy như thủy tinh. Hơn thế, qua ít nhất một lần đốt cháy lại ở một nhiệt độ tương đối cao, khí độc - DIOXIN sinh ra khi chất dẻo được đốt cháy được dẫn vào một buồng đốt khác nhằm giảm sự tập trung khí độc. Hơn nữa, bằng cách sử dụng ít nhất một tháp phun nước, khí trải qua quá trình hạ thấp nhiệt độ và trung hoà axít-kiềm để trung hoà axít có trong phần khí còn lại. Thiết bị thu bụi cuốn, bộ trao đổi nhiệt, và bộ phận thu bụi dạng túi cũng được sử dụng để đẩy nhanh quá trình hạ nhiệt độ và để thu các hạt lơ lửng sinh ra do việc hạ nhiệt độ. Thêm nữa, bộ xả khí được sử dụng để thải khí ra ngoài không khí để đạt được mục tiêu hạn chế tác động của việc hai lần bùng cháy trở lại, đạt được mục tiêu hạ nhiệt độ nhanh, và việc thải khí, và cuối cùng, để thải ra khí sạch.



- (11) **17024**
- (21) 1-2007-02254 (51)<sup>7</sup> **B66B**
- (22) 30.10.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 06 123 294.8 31.10.2006 EP
- (71) INVENTIO AG (CH)  
Seestrasse 55, CH-6052 Hergiswill NW, Switzerland
- (72) KOCHER Hans (CH)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) THANG MÁY CÓ HAI BUỒNG THANG MÁY, ĐƯỢC BỐ TRÍ CÁI NÀY TRÊN CÁI KIA, TRONG GIẾNG THANG MÁY
- (57) Sáng chế đề cập đến thang máy có ít nhất hai buồng thang máy (7a, 7b), được bố trí cái này trên cái kia, trong giếng thang máy, các buồng thang máy này chuyển động được theo phương thẳng đứng và mỗi buồng thang máy có một nguồn dẫn động (A1, A2) của chính nó, một đối trọng (12a, 12b) của chính nó và một phương tiện kéo (Z1, Z2) của chính nó, trong đó các nguồn dẫn động (A1, A2) này được lắp cố định ở vùng của đầu giếng thang máy theo cách sao cho một nguồn dẫn động (A1) được lắp cố định ở thành giếng thang máy thứ nhất và nguồn dẫn động tiếp theo (A2) được lắp cố định ở thành giếng thang máy đối diện thứ hai và mỗi nguồn dẫn động có ít nhất một puli dẫn động (1a, 1b). Ít nhất một con lăn đổi hướng thứ nhất (2a, 2b) được kết hợp với một nguồn dẫn động (A1, A2) và được định vị ở thành giếng thang máy thứ hai hoặc thứ nhất, nằm đối diện với nguồn dẫn động (A1, A2) này, bên trên đối trọng (12a, 12b) kết hợp với nguồn dẫn động (A1, A2) này. Phương tiện kéo (Z1, Z2) được dẫn từ đối trọng (12a, 12b) qua con lăn đổi hướng (2a, 2b) đến puli dẫn động (1a, 1b) và từ đó đến buồng thang máy (7a, 7b).



- (11) **17025**
- (21) 1-2007-02257 (51)<sup>7</sup> **C07K 16/28**
- (22) 31.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/002974 31.03.2006 (87) WO2006/103100 05.10.2006
- (30) 05007138.0 01.04.2005 EP
- (71) F. HOFMANN-LA ROCHE AG (CH)  
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel (Switzerland)
- (72) BRANDT, Michael (DE), SANKURATRI, Suryanarayana (US), SCHUMACHER, Ralf (DE), SEEBER, Stefan (DE)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) KHÁNG THỂ KHÁNG CCR5
- (57) Sáng chế đề cập đến kháng thể gắn kết với CCR5 ở người chứa chuỗi biến đổi nặng và nhẹ, khác biệt ở chỗ, chuỗi biến đổi nặng bao gồm các trình tự CDR như CDR<sub>1</sub>, CDR<sub>2</sub> và CDR<sub>3</sub>, trong đó CDR1 được chọn từ các nhóm gồm có SEQ ID NO : 1, 9, 10, 11,12; CDR2 được chọn độc lập từ nhóm gồm có SEQ ID NO : 13, 14, 15; CDR3 được lựa chọn từ nhóm gồm có SEQ ID NO : 16, 17, các CDR này được lựa chọn hoặc là độc lập với nhau hoặc là độc lập với biến thể dạng khảm của người hay các đoạn của kháng thể đã đề cập, có các đặc tính có lợi để điều trị các bệnh ức chế miễn dịch.

- (11) **17026**
- (21) 1-2007-02259 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/421**, 31/426, A61P 17/00, 17/04, 17/06, 17/08
- (22) 30.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000178 30.03.2006 (87) WO2006/102898 05.10.2006
- (30) PA 2005 00437 30.03.2005 DK  
PA 2005 00438 30.03.2005 DK  
PA 2005 00948 27.06.2005 DK  
PA 2005 00949 27.06.2005 DK  
60/694,774 27.06.2005 US  
60/695,040 28.06.2005 US
- (71) ASTION PHARMA A/S (DK)  
Fruebjergvej 3, DK-2100 Copenhagen, Denmark
- (72) WEIDNER, Morten, Sloth (DK)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)
- (54) DƯỢC PHẨM CHỨA OXAPROZIN HOẶC HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ ĐỂ ĐIỀU TRỊ ECZEMA
- (57) Sáng chế liên quan đến dược phẩm chứa oxaprozin hay một hợp chất tương tự hoặc muối của nó để điều trị bệnh viêm da, cụ thể là eczema.

- (11) **17027**
- (21) 1-2007-02260 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/421**, 31/426, A61P 17/00, 17/02, 17/04, 17/06, 17/08, 17/10
- (22) 30.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000181 30.03.2006 (87) WO2006/102900 05.10.2006
- (30) PA 2005 00437 30.03.2005 DK  
PA 2005 00438 30.03.2005 DK  
PA 2005 00948 27.06.2005 DK  
PA 2005 00949 27.06.2005 DK  
60/694,774 27.06.2005 US  
60/695,040 28.06.2005 US
- (71) ASTION PHARMA A/S (DK)  
Fruebjergvej 3, DK-2100 Copenhagen, Denmark
- (72) WEIDNER, Morten, Sloth (DK)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **DƯỢC PHẨM VÀ MUỐI ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH NGOÀI DA**
- (57) Sáng chế liên quan đến dược phẩm trị bệnh ngoài da chứa oxaprozin hay hợp chất tương tự phù hợp để điều trị bệnh ngoài da, trong đó ít nhất hai enzym được chọn từ protein tyrosin kinaza Syk, protein tyrosin kinaza ZAP-70 và phosphodiesteraza IV đóng vai trò làm trung gian trong bệnh ngoài da đó. Sáng chế cũng liên quan đến dược phẩm trị bệnh ngoài da để điều trị chứng ngứa.



- (11) **17028**
- (21) 1-2007-02261 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/421**, 31/426, A61P 17/00, 17/02, 17/04, 17/06, 17/08
- (22) 30.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000180 30.03.2006 (87) WO2006/102899 05.10.2006
- (30) PA 2005 00437 30.03.2005 DK  
PA 2005 00438 30.03.2005 DK  
PA 2005 00948 27.06.2005 DK  
PA 2005 00949 27.06.2005 DK  
60/694,774 27.06.2005 US  
60/695,040 28.06.2005 US
- (71) ASTION PHARMA A/S (DK)  
Fruebjergvej 3, DK-2100 Copenhagen, Denmark
- (72) WEIDNER, Morten, Sloth (DK)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)
- (54) **DUỐC PHẨM CHỨA OXAPROZIN HOẶC HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ ĐỂ ĐIỀU TRỊ HOẶC PHÒNG NGỪA CHỨNG NGỨA**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm để điều trị tình trạng ngứa thông thường hoặc chứng ngứa có nguyên nhân là hoặc kèm theo nhiều bệnh, như bệnh da. Chứng ngứa được điều trị bằng cách sử dụng theo đường toàn thân hoặc khu trú oxaprozin hoặc hợp chất có liên quan gần hoặc muối của nó cho đối tượng.



- (11) **17030**
- (21) 1-2007-02274 (51)<sup>7</sup> **A01N 27/00**
- (22) 29.11.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IN2005/000386 29.11.2005 (87) WO2006/126211 30.11.2006
- (30) 636/MUM/2005 27.05.2005 IN
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.03.2008
- (71) INDIAN OIL CORPORATION LIMITED (IN)  
9-G, Ali Yavar Jung Marg, Bandra (East), Mumbai 400051, India
- (72) BHATNAGAR, Pankaj (IN), POKHRIYAL, Naveen, Kumar (IN), SIVASURIAN, Natarajan (IN), TIWARI, Ashok, Kumar (IN), DESHMUKH, Vijay, Prabhakar (IN), KANDISSERIL, Jayaprakash, Chellappan (IN), TYAGI, Babu, Ram (IN), MALHOTRA, Ravinder, Kumar (IN), VERMA, Ram, Prakash (IN), RAJE, Niranjan, Reghunath (IN)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **CHẾ PHẨM DẦU PHUN TRONG NÔNG NGHIỆP**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dầu phun trong nông nghiệp chứa dầu nền parafin và các chất nhũ tương để phòng trừ bệnh và sinh vật gây hại ở vườn chè, đồn điền, vườn cây ăn quả v.v... Chế phẩm này trên cơ sở este của rượu poly glycol có từ 16 đến 18 nguyên tử cacbon và các chất nhũ tương khác.

(11) **17031**

(21) 1-2007-02275

(51)<sup>7</sup> **A43B 13/32**, 15/00

(22) 30.10.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095140135 30.10.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 30.10.2007

(71) CHEN MING - TE (TW)

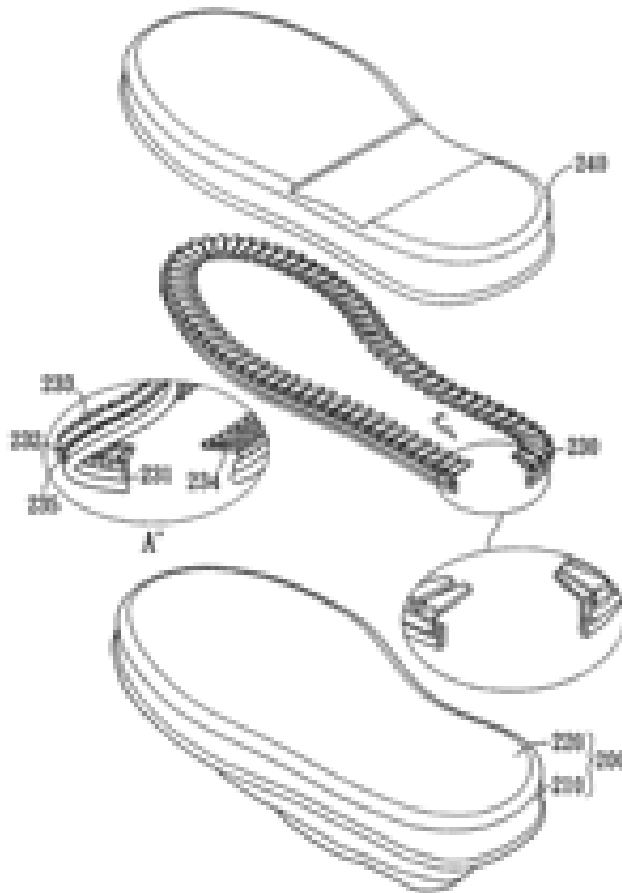
No. 2, Lane 334, San - Fon Road, Fon - Chou City, Taichung Hsien, Taiwan

(72) Chen Chuang - Chuan (TW)

(74) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYSCO.LTD.)

(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT GIÀY

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp giúp liên kết đế giày và phần viền ngoài của giày, trong đó đế giày gồm phần xung quanh đế và phần mặt đế; một bộ phận kết nối trung gian bao gồm một mặt thứ nhất bao quanh phần xung quanh đế, mặt thứ hai kết nối với mặt thứ nhất nêu trên và kéo dài hướng ra ngoài, mặt thứ ba kết nối với mặt thứ hai nêu trên và kéo dài xuống bên dưới, và mặt thứ tư kết nối với mặt thứ ba nêu trên và kéo dài vào bên trong, tại đó mặt thứ hai có nhiều lỗ rỗng; và một phần viền bên ngoài bao gồm bộ phận kết nối trung gian và phần mặt đế, trong đó vật liệu làm cho phần viền bên ngoài này có hình dáng có thể lắp đầy khe hở giữa mặt thứ tư của bộ phận kết nối trung gian và phần mặt đế và các lỗ rỗng ở mặt thứ hai.



- (11) **17032**
- (21) 1-2007-02278 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4453**, A61P 25/16, 25/28
- (22) 30.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/000739 30.03.2006 (87) WO2006/103546 05.10.2006
- (30) 05290727.6 01.04.2005 EP  
60/668,618 06.04.2005 US
- (71) BIOPROJET (FR)  
30, rue des Francs-Bourgeois - 75003 Paris, France
- (72) SCHWARTZ Jean-Charles (FR), LECOMTE Jeanne-Marie (FR)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) PHƯƠNG PHÁP BẢO CHẾ THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH PARKINSON, CHỨNG NGỪNG THỞ KHI NGỦ DO TẮC NGHẼN, BỆNH SA SÚT TRÍ TUỆ THỂ LEWY, BỆNH SA SÚT TRÍ TUỆ DO TỔN THƯƠNG MẠCH NÃO
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp bào chế thuốc điều trị bệnh Parkinson, chứng thở khi ngủ do tắc nghẽn, cơn ngủ kịch phát, bệnh sa sút trí tuệ thể Lewy, bệnh sa sút trí tuệ do tổn thương mạch não bao gồm bước sử dụng dẫn xuất alkylamin không chứa imidazol là chất đối kháng thụ thể histamin H<sub>3</sub>.

(11) **17033**

(21) 1-2007-02299

(51)<sup>7</sup> **B29C 39/22**

(22) 02.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095141498 09.11.2006 TW

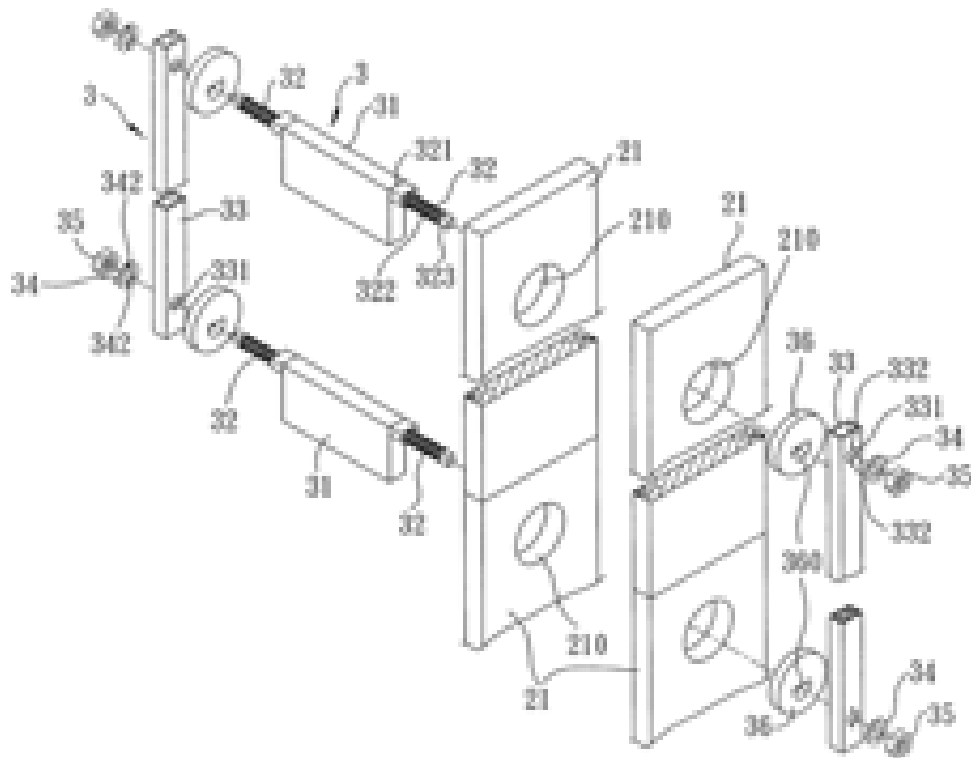
(75) JEN-HSIN LEE (TW)

No. 51, Lane 704, Sec. 2, Ta-Tung Rd., Tainan City, Taiwan

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) CỤM ĐỊNH VỊ VÁN ĐÚC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH VỊ VÁN ĐÚC

(57) Sáng chế đề cập đến cụm định vị ván đúc (3) được làm thích ứng để định vị ít nhất hai ván đúc đặt cách nhau (21), mỗi ván đúc có ít nhất một lỗ thông (210). Cụm định vị ván đúc (3) bao gồm một khối đệm (31) và hai đầu nối ren (32). Khối đệm (31) được làm thích ứng để đi qua lỗ thông (210) của một trong số các ván đúc (21) và được làm thích ứng để được định vị giữa và tựa vào các ván đúc (21). Các đầu nối ren (32) nhô ra tương ứng từ hai đầu đối diện của khối đệm (31), và mỗi một trong số các đầu nối ren (32) được làm thích ứng để xuyên qua lỗ thông (210) của một trong số các tương ứng các ván đúc (21). Khối đệm (31) có mặt cắt ngang lớn hơn mặt cắt ngang của các đầu nối ren (32).



(11) **17034**

(21) 1-2007-02303

(51)<sup>7</sup> **F01N 7/14**

(22) 02.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095141309 08.11.2006 TW

(71) SANYANG INDUSTRY CO. LTD. (TW)

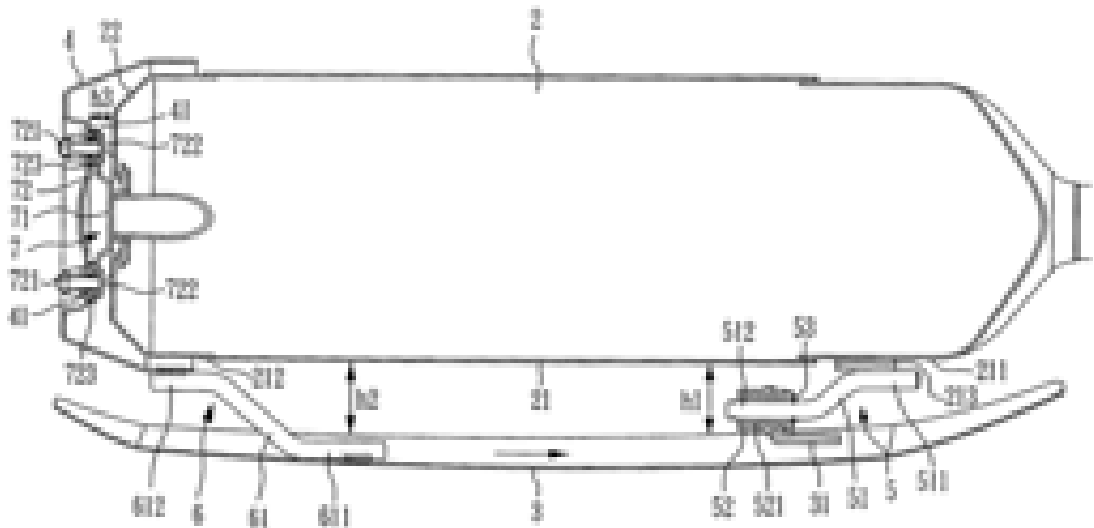
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan

(72) Kuo-Nan WU (TW), Wen-Cheng HUANG (TW)

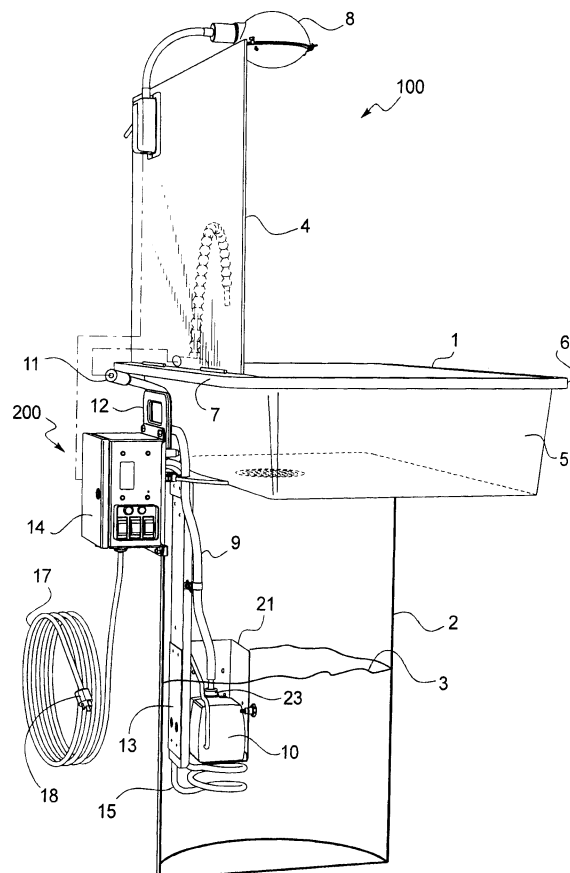
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)

(54) **KẾT CẤU CHE DỪNG CHO ỐNG XẢ**

(57) Sáng chế đề cập tới kết cấu che dùm cho ống xả, kết cấu che này bao gồm chi tiết che bên, chi tiết che sau, hai chi tiết đỡ trước, hai chi tiết đỡ sau, và chi tiết đỡ đầu sau, trong đó các chi tiết đỡ sau được sử dụng để cố định chi tiết che bên vào chi tiết che sau, và các chi tiết đỡ trước được sử dụng để cố định chi tiết che bên vào phía bên của ống xả, và chi tiết đỡ đầu sau được sử dụng để cố định chi tiết che sau vào đầu sau của ống xả. Nói cách khác, chi tiết che bên và chi tiết che sau được nối với nhau nhờ các chi tiết đỡ sau, vì thế số lượng các chi tiết dùm cho kết cấu che có thể được giảm bớt, và chi phí chế tạo được hạ thấp. Hơn nữa, khi lắp ráp chi tiết che bên và chi tiết che sau với nhau vào ống xả, chỉ cần lắp thanh trước của chi tiết đỡ trước vào ống bọc trước của chi tiết đỡ trước và gài chi tiết đỡ đầu sau với chi tiết che sau mà không bị giới hạn nhiều về khoảng trống. Hơn nữa, chi tiết che bên và chi tiết che sau được bố trí chắc chắn trên ống xả, với ít khả năng bị tuột ra khỏi đó, nhờ đó làm cho chi tiết che bên và chi tiết che sau có đặc tính bền.



- (11) **17035**
- (21) 1-2007-02307 (51)<sup>7</sup> **B08B 7/04**
- (22) 02.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 11/556,087 02.11.2006 US
- (71) SAFETY-KLEEN SYSTEMS, INC. (US)  
5400 Legacy Drive, Cluster II, Building 3, Plano, Texas 75024, USA
- (72) Brian E. Porter (US), Michael Endres (US), Scott Biba (US), Larry Gunseor (US), Charles Younger (US)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **MÁY RỬA CHI TIẾT**
- (57) Máy rửa chi tiết bao gồm nam châm được bố trí gần cửa vào của bơm để gom các hạt kim loại lơ lửng trong chất lỏng rửa; vỏ để bảo vệ cơ cấu bơm tránh va đập trong khi làm việc, bơm được bố trí theo phương nằm ngang để tạo thuận lợi cho việc ngăn cách chất lỏng rửa trong các lớp liên tục theo phương thẳng đứng; hai cảm biến mức chất lỏng để đo mức chất lỏng rửa trong thùng chứa; tấm điều chỉnh sự bay hơi được bố trí ở mặt ngăn cách giữa thùng chứa và bồn rửa để hạn chế bay hơi phần bay hơi của dung dịch rửa : các tay cầm được bố trí tiếp sau các nút điều khiển của mô đun điều khiển để bảo vệ thiết bị tránh va đập; và bộ điều khiển mô tơ của bơm để tạo ra tốc độ chảy thấp của chất lỏng rửa bằng cách sử dụng bơm không có bộ điều chỉnh biến thiên được.



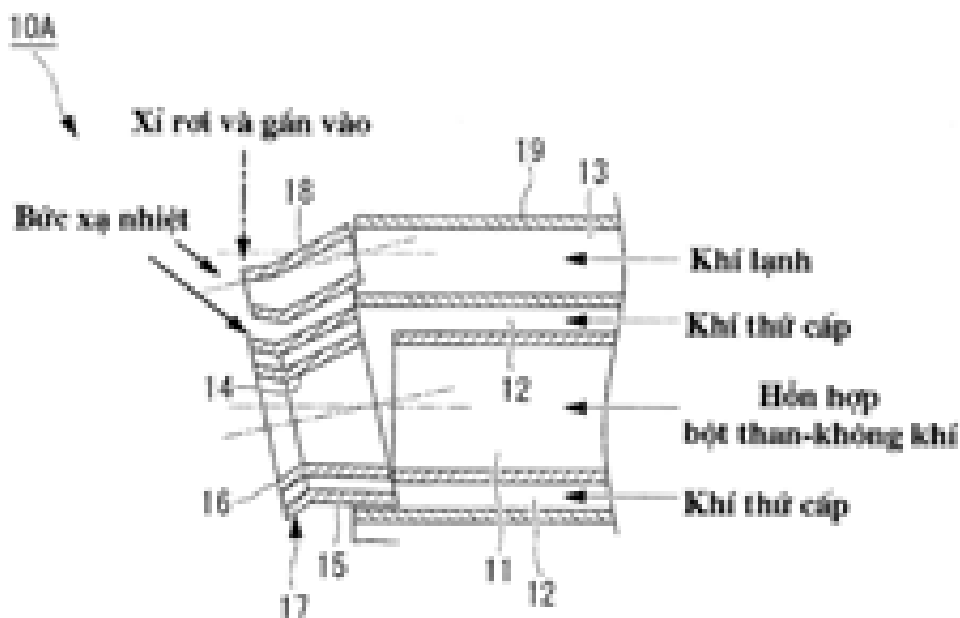


- (11) **17036**  
 (21) 1-2007-02309 (51)<sup>7</sup> **F23D 1/00**  
 (22) 02.11.2007 (43) 26.05.2008  
 (30) 2006-303780 09.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.11.2007

- (71) **MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES, LTD. (JP)**  
 16-5, Konan 2-chome, Minato-ku, Tokyo 108-8215, JAPAN  
 (72) Ryuhei **TAKASHIMA (JP)**, Koutaro **FUJIMURA (JP)**, Munchiro **KAKIMI (JP)**,  
 Iwamaro **AMANO (JP)**, Toshihiro **HIRATA (JP)**  
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (**VISION & ASSOCIATES CO.LTD.**)  
 (54) **LÒ ĐỐT**  
 (57) Sáng chế đề xuất lò đốt có khả năng làm nguội một cách hiệu quả thân chính của miệng phun bằng một lượng nhỏ không khí và ngăn ngừa một cách có hiệu quả hiện tượng xỉ rơi hoặc nhiệt bức xạ.

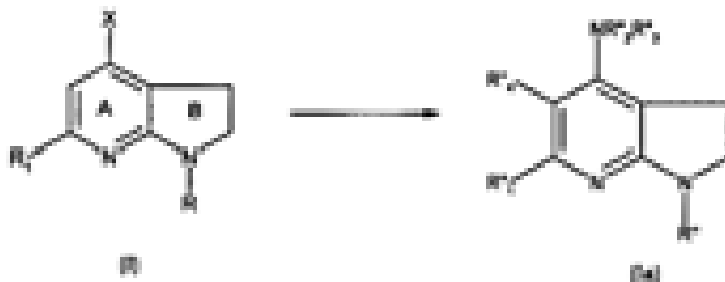
Lò đốt bao gồm: đường dẫn hỗn hợp than bột-không khí được bố trí ở bên trong phần giữa của lò đốt và cung cấp hỗn hợp của nhiên liệu và khí sơ cấp; đường dẫn khí thứ cấp được bố trí xung quanh đường dẫn hỗn hợp than bột-không khí và cung cấp khí thứ cấp; đường dẫn không khí làm nguội được bố trí xung quanh hoặc phía trên và phía dưới đường dẫn khí thứ cấp và cung cấp không khí làm nguội; thân chính của miệng phun được gắn vào các phần đầu ở cạnh lò của đường dẫn hỗn hợp than bột-không khí và đường dẫn khí thứ cấp ở dạng nghiêng và bố trí bộ phận giữ ngọn lửa tại đầu mũi của nó; và miệng phun khí làm nguội được gắn vào phần đầu ở cạnh lò của đường không khí làm nguội ở dạng nghiêng.



- (11) **17037**
- (21) 1-2007-02310 (51)<sup>7</sup> **G03G 15/08**, F16C 13/00
- (22) 02.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 2006-299685 02.11.2006 JP
- (71) SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES, LTD. (JP)  
6-9, Wakinoama-cho 3-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo, Japan
- (72) Yoshihisa MIZUMOTO (JP), Noriaki HITOMI (JP), Hirotohi MURAKAMI (JP),  
Yajun ZHANG (JP)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) CON LĂN CAO SU BÁN DẪN
- (57) Sáng chế đề cập đến con lăn cao su bán dẫn gồm có phần chuyển thuộc hiện lớp ngoài cùng của nó được chế tạo chủ yếu từ cao su lưu hoá có chứa từ 0,1 đến 30 phần khối lượng là hợp chất phthaloxyanin tính cho 100 phần khối lượng cao su lưu hoá. Giá trị điện trở của con lăn cao su bán dẫn được xác định ở nhiệt độ 23°C và độ ẩm 55% khi sử dụng điện áp 100V nằm trong khoảng từ 10<sup>3</sup> đến 10<sup>9</sup>Ω.

- (11) **17038**
- (21) 1-2007-02343 (51)<sup>7</sup> **C07D 403/12**, 401/12, 417/12, 413/12, A61K 31/4178, 31/427, 31/4439, A61P 25/00
- (22) 27.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/000947 27.03.2006 (87) WO2006/106425 12.10.2006
- (30) 60/669,472 08.04.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.11.2007
- (71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
- (72) Stanton Furst MCHARDY (US), John Adams Lowe III (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT [3.1.0] HETEROARYL AMIT CÓ HAI VÒNG DÙNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ VẬN CHUYỂN GLYXIN TYP 1
- (57) Sáng chế đề cập đến nhóm các hợp chất [3.1.0] heteroryl amit có hai vòng được thế có công thức I, trong đó A, Q, X, Y, Z và các nhóm R<sub>1</sub>-R<sub>5</sub> là như được xác định trong bản mô tả, có hoạt tính làm chất ức chế vận chuyển glyxin, muối dược dụng của chúng, dược phẩm chứa chúng để tăng cường khả năng nhận thức và điều trị các triệu chứng âm tính và dương tính của bệnh tâm thần phân liệt và các bệnh loạn thần khác ở động vật có vú, kể cả người.

- (11) **17039**
- (21) 1-2007-02364 (51)<sup>7</sup> **C07D 471/04**, A61P 1/00, A61K 31/437, A61P 25/00
- (22) 06.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/003480 06.04.2006 (87) WO2006/108689 19.10.2006
- (30) 0507195.6 08.04.2005 GB
- (71) 1. SB PHARMCO PUERTO RICO INC. (US)  
The Prentice Hall Corp System, c/o FGR Corporate Services, Inc., BBV Tower, 8th Floor, 254 Munoz Rivera Avenue, San Juan, Puerto Rico 00918, United States of America  
2. NEUROCRINE BIOSCIENCES INC. (US)  
12790 El Camino Real, San Diego, California 92130, USA
- (72) Daniele ANDREOTTI (IT), Sergio BACCHI (IT), Monica DELPOGETTO (IT), Simone GUELFÌ (IT), Alcide PERBONI (IT), Arianna RIBECAL (IT), Simone SPADA (IT), Paolo STABILE (IT), Marsia TAMPPIERI (IT)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CÁC HỢP CHẤT HAI VÒNG
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế các hợp chất có công thức (IA), là các chất đối kháng thụ thể tác nhân giải phóng corticotropin (CRF) hiệu nghiệm và đặc hiệu, từ các hợp chất trung gian có công thức (I), nhờ phản ứng liên hợp có xúc tác đồng giữa hợp chất có công thức (I) và (IA)



trong đó R là aryl hoặc heteroaryl, mỗi nhóm có thể được thế bằng từ 1 đến 4 nhóm được lựa chọn từ: halogen, C1-C6 alkyl, C1-C6 alkoxy, halo C1-C6 alkyl, C2-C6 alkenyl, C2-C6 alkynyl, halo C1-C6 alkoxy, -C(O)R<sub>5</sub>, nitro, -NR<sub>6</sub>R<sub>7</sub>, xyano, và nhóm R<sub>8</sub>;  
R<sub>1</sub> là hydro, C1-C6 alkyl, C2-C6 alkenyl, C2-C6 alkynyl, halo C1-C6 alkyl, halo C1 -C6 alkoxy, halogen, -NR<sub>6</sub>R<sub>7</sub> hoặc xyano;  
R<sub>5</sub> là C1-C4 alkyl, -OR<sub>6</sub> hoặc -NR<sub>6</sub>R<sub>7</sub>;  
R<sub>6</sub> là hydro hoặc C1 -C6 alkyl;  
R<sub>7</sub> là hydro hoặc C1 -C6 alkyl;  
R<sub>8</sub> là dị vòng 5-6 cạnh, có thể bão hòa hoặc có thể chứa từ 1 đến 3 liên kết đôi và có thể được thế bằng một hoặc nhiều nhóm R<sub>11</sub>;  
R<sub>9</sub> là C1-C6 alkyl mà có thể được thế bằng một hoặc nhiều nhóm được lựa chọn từ: C3 - C7 xycloalkyl, C1-C6 alkoxy, halo C1-C6 alkoxy, hydroxy, halo C1-C6 alkyl;  
R<sub>11</sub> là C3-C7 xycloalkyl, C1-C6 alkyl, C1-C6 alkoxy, halo C1-C6 alkyl, C2-C6 alkenyl, C2-C6 alkynyl, halo C1-C6 alkoxy, hydroxy, halogen, nitro, xyano hoặc C(O)NR<sub>6</sub>R<sub>7</sub>;  
X là halogen; và  
R'' tương ứng với R;  
R''<sub>1</sub> tương ứng với R<sub>1</sub>;

$R_2$  là hydro, C3-C7 xycloalkyl, hoặc nhóm  $R_9$ ;

$R_3$  là C3-C7 xycloalkyl, hoặc nhóm  $R_9$ ; hoặc

$R_2$  và  $R_3$  cùng với N tạo thành dị vòng có 5-14 cạnh, vòng này có thể được thế bằng từ 1 đến 3 nhóm  $R_{10}$ ;

$R''_4$  là hydro;

$R''_5$  tương ứng với  $R_5$ ;

$R''_6$  tương ứng với  $R_6$ ;

$R''_7$  tương ứng với  $R_7$ ;

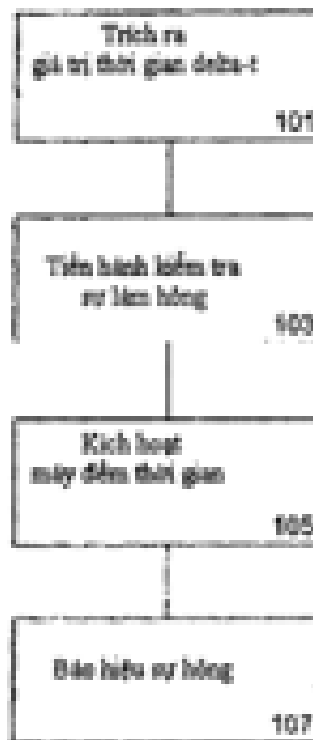
$R''_8$  tương ứng với  $R_8$ ;

$R''_9$  tương ứng với  $R_9$ ;

$R_{10}$  là nhóm  $R_8$ , C3-C7 xycloalkyl, C1-C6 alkyl, C1-C6 alkoxy, halo C1 -C6 alkyl, C2-C6 alkenyl, C2-C6 alkynyl, halo C1-C6 alkoxy, hydroxy, halogen, nitro, xyano, C(O)NR<sub>6</sub>R<sub>7</sub>, phenyl mà có thể được thế bằng từ 1 tới 4 nhóm  $R_{11}$ ;

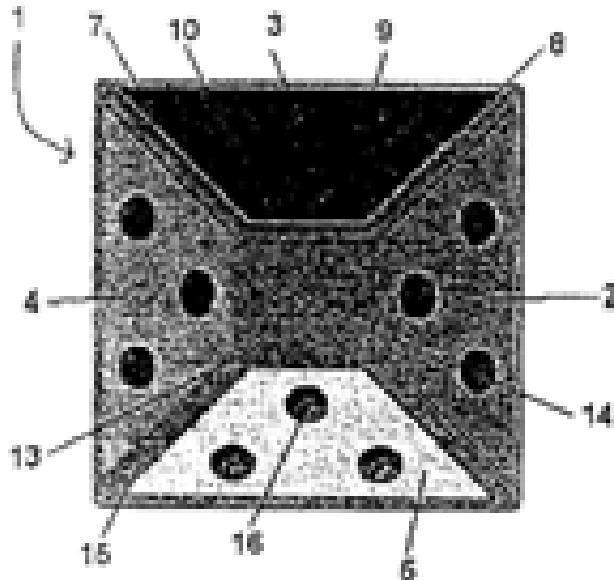
$R''_{11}$  tương ứng với  $R_{11}$ .

- (11) **17040**
- (21) 1-2007-02365 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/32**, H04H 1/00, H04N 7/08
- (22) 31.03.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/000945 31.03.2006 (87) WO2006/109169 19.10.2006
- (30) 11/105.896 13.04.2005 US
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo (FI)
- (72) Karkas, Pasi, A. (FI), Alamaunu, Jyrki (FI), Tomberg, Juha (FI)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP KHÔNG DÂY**
- (57) Sáng chế đề cập đến các hệ thống và các phương pháp có thể ứng dụng được, ví dụ, trong các giao tiếp không dây. Ví dụ, nút di động và/hoặc máy tính khác nhận chớp tín hiệu mảnh chia thời gian của dòng cơ bản có thể tác động để thu được giá trị thời gian delta-t ghi rõ thời gian trôi qua cho đến chớp tín hiệu tiếp theo, và/hoặc có thể tác động để thu được thông tin tương ứng với độ dài chớp tín hiệu. Một ví dụ khác, nút di động và/hoặc máy tính khác có thể thiết lập do giá trị thời gian delta-t báo động giá trị thời gian đã qua để kích hoạt sơ đồ điện thu vào. Còn một ví dụ nữa, nút di động và/hoặc máy tính khác có thể thiết lập do thông tin tương ứng với độ dài chớp tín hiệu báo động.



- (11) **17041**
- (21) 1-2007-02366 (51)<sup>7</sup> **B65B 25/08**, 9/10, 25/06, 51/10, B65D 77/38, 85/50
- (22) 15.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/302600 15.02.2006 (87) WO2006/120785 16.11.2006
- (30) 2005-139585 12.05.2005 JP
- (71) FUJI OIL COMPANY, LIMITED (JP)  
1-5, Nishishinsaibashi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 542-0086 Japan
- (72) Junichi KAMMURI (JP), Satoru NAKAMURA (JP), Toshihisa ISHII (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM DẠNG TẤM DÙNG CHO KINH DOANH**
- (57) Phương pháp đóng gói thực phẩm dạng tấm dùng cho kinh doanh, khác biệt ở chỗ thực phẩm dạng tấm được cung cấp liên tục từng tấm một lên màng bao gói được cung cấp theo chiều ngang đồng thời được tạo dạng hình trụ bằng cách hàn kín bằng nhiệt (hàn kín giữa) các mặt chồng lên nhau theo chiều dọc của màng bao gói bằng máy đóng túi để cho màng bao gói có thể được mở mà không bị gãy. Ngoài ra, các mặt chồng lên nhau theo chiều ngang của màng bao gói chứa thực phẩm bên trong được hàn kín bằng nhiệt (hàn kín đầu), và được cắt rời từng cái một để cho màng bao gói có thể được mở mà không bị gãy. Do đó, thu được phương pháp đóng gói thực phẩm dạng tấm dùng cho kinh doanh có ưu điểm là không có sự xâm nhập của các vật ngoại lai như bột giấy vào màng bao gói với chi phí thấp.

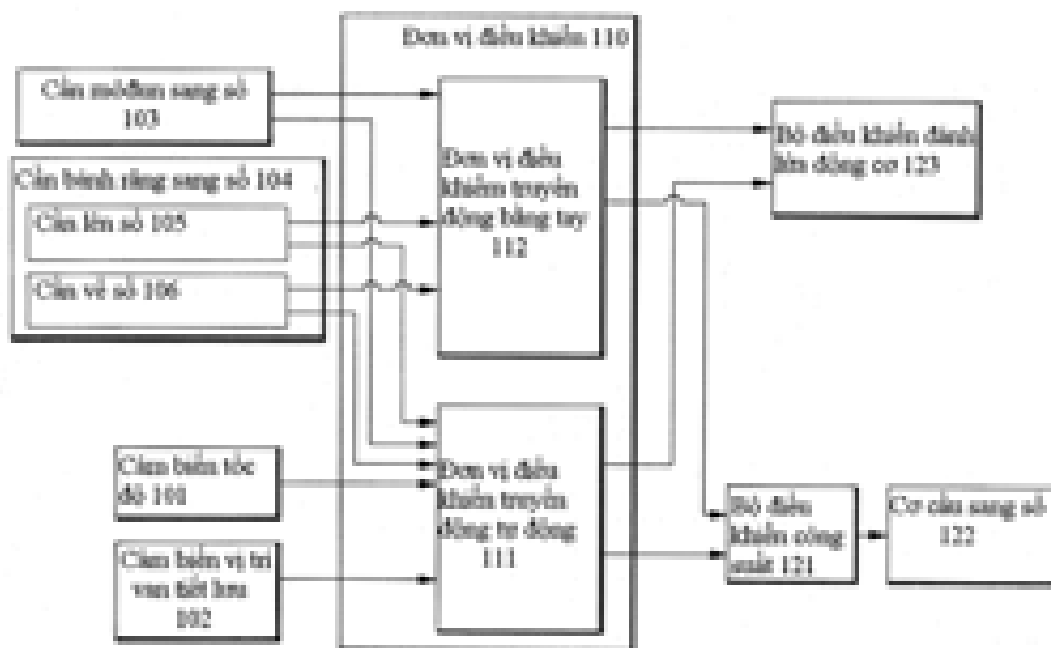
- (11) **17042**  
(21) 1-2007-02374 (51)<sup>7</sup> A47G , B22D , B29C , B29D  
(22) 09.11.2007 (43) 26.05.2008  
(30) 0622467.9 10.11.2006 GB  
(71) EVER NEW POWER LIMITED (HK)  
Flat A, 10/F, Wellpoint Industrial Building, 2 Kin Wing Lane, Tuen Mun, Hongkong  
(72) Chiu Tak Wang (HK), Chiu Chun Kui (HK)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) **VẬT CHỨA CÓ KẾT CẤU MÔĐUN VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO**  
(57) Sáng chế đề cập tới vật chứa có kết cấu môđun bao gồm: khung tạo ra từ vật liệu có khả năng đúc; và một hoặc nhiều tấm vật liệu, mỗi tấm có ít nhất phần của một mép được gắn chìm trong khung sao cho hai hay nhiều tấm được giữ đúng vị trí bởi khung để tạo ra hốc.



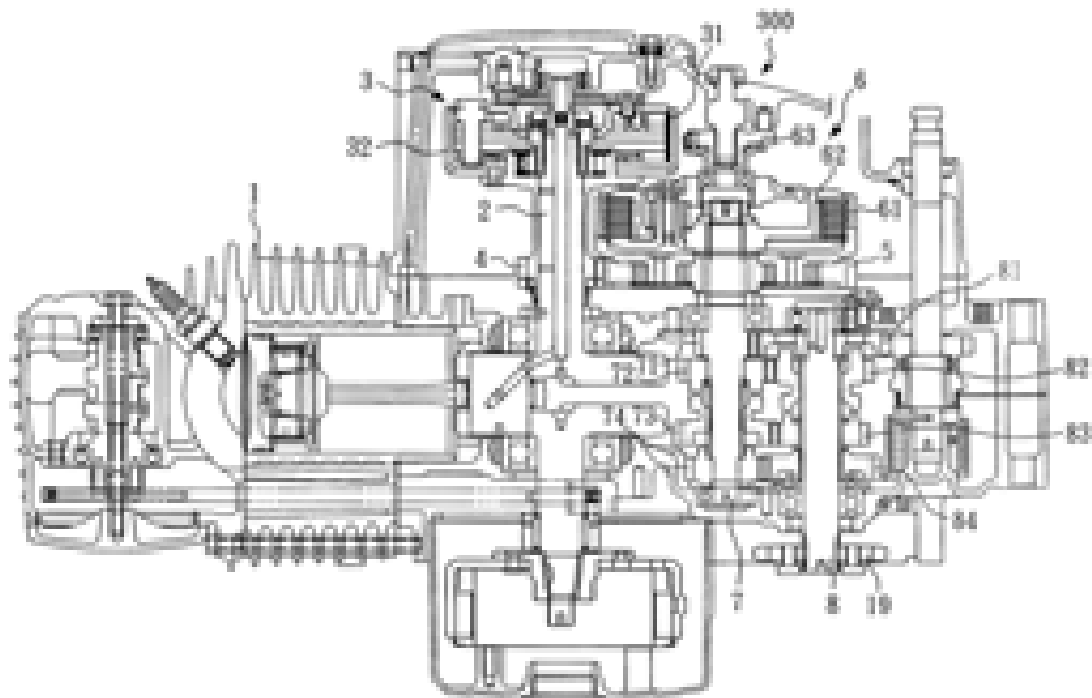


- (11) **17043**
- (21) 1-2007-02380 (51)<sup>7</sup> **C07D 277/46**, A61K 31/426, 31/427, A61P 25/00
- (22) 24.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000212 24.04.2006 (87) WO2006/114093 02.11.2006
- (30) PA200500594 25.04.2005 DK  
PA200501331 26.09.2005 DK  
PA200600445 28.03.2006 DK
- (71) H. LUNDBECK A/S (DK)  
Ottiliavej 9, DK-2500 Valby, Denmark
- (72) MIKKELSEN, Gitte (DK), GRAVEN SAMS, Anette (DK), BANG-ANDERSEN, Benny (DK), LARSEN, Mogens (DK)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) TIỀN CHẤT CỦA DẪN XUẤT N-THIAZOL-2-YL-BENZAMIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức I, trong đó các biến thể là như được xác định nêu trong yêu cầu bảo hộ. Các hợp chất này là các tiền chất của các phối tử thụ thể A<sub>2A</sub> có khả năng hoà tan trong nước cao và có tác dụng điều trị bệnh thần kinh và bệnh tâm thần có liên quan đến thụ thể A<sub>2A</sub>.

- (11) **17044**
- (21) 1-2007-02388 (51)<sup>7</sup> **F16D 23/00**
- (22) 12.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 095141668 10.11.2006 TW
- (71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan
- (72) Chun-Hsien WU (TW), Chi-Nam YEH (TW), Yan-San LIN (TW), Yu-Ting TO (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **BỘ ĐIỀU KHIỂN TRUYỀN CÔNG SUẤT CHO XE MÔTÔ**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ điều khiển truyền công suất cho xe mô tô bao gồm cảm biến tốc độ, cảm biến vị trí van tiết lưu, bộ điều khiển công suất, cơ cấu sang số, đơn vị điều khiển với đơn vị điều khiển truyền động tự động và đơn vị điều khiển truyền động bằng tay, bộ chuyển môđun sang số và bộ chuyển sang số với bộ lên số và bộ về số. Khi ở môđun truyền động tự động, đơn vị điều khiển truyền động tự động đầu tiên đọc các tín hiệu từ cảm biến gia tốc và cảm biến vị trí van tiết lưu và sau đó đưa ra tín hiệu điều khiển để kích hoạt bộ điều khiển công suất nhằm thao tác cơ cấu sang số để sang số. Ngược lại, khi ở môđun truyền động bằng tay, bộ lên số và về số dùng để kích hoạt có lựa chọn bộ điều khiển công suất và tiếp theo là thao tác cơ cấu sang số để sang số.



- (11) **17045**
- (21) 1-2007-02389 (51)<sup>7</sup> **F16D 23/00**
- (22) 12.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 095141665 10.11.2006 TW
- (71) SANYANG INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan
- (72) Chun-Hsien WU (TW), Chi-Nan YEH (TW), Yan-San LIN (TW), Chien-Hung CHUANG (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG DÙNG CHO XE MÔTÔ**
- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu truyền động dùng cho xe mô tô bao gồm cơ cấu sang số, đĩa ly hợp, khớp ly hợp ly tâm, trục truyền động, và bộ điều khiển công suất. Trục truyền động bao gồm cần sang số và cần ly hợp, trong đó cần ly hợp được kết nối với đĩa ly hợp, cần sang số và cơ cấu sang số được kết hợp với nhau, và bộ điều khiển công suất truyền được kết nối với trục truyền động để điều khiển trục truyền động này. Do đó, người lái mô tô chỉ cần điều khiển bộ điều khiển công suất để điều khiển trục truyền động, và qua sự điều khiển việc truyền động, điều khiển bằng tay cần ly hợp và cần sang số để điều khiển đĩa ly hợp một cách trực tiếp từ việc kết hợp trực thứ nhất và để điều khiển cơ cấu sang số cho việc sang số. Thông thường, người đi xe mô tô có thể thực hiện sang số một cách đơn giản, chứ không phức tạp như là việc kết hợp cả tay và chân.





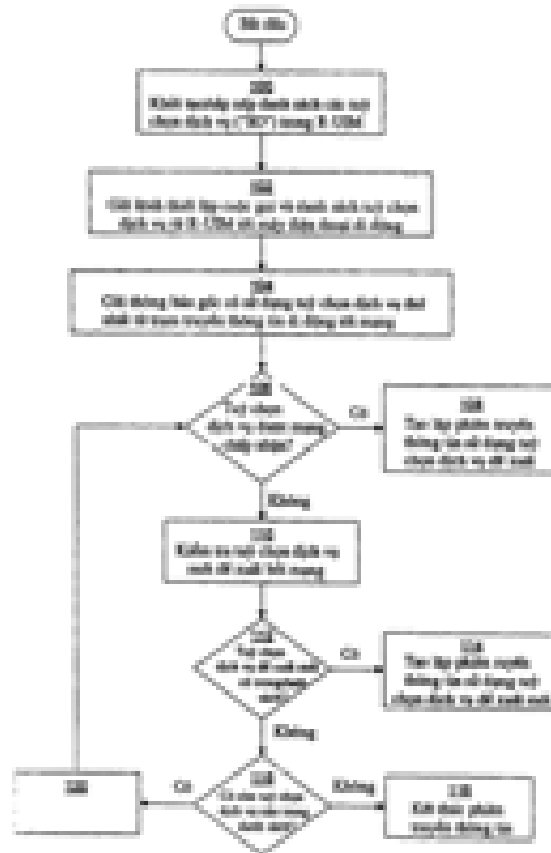
- (11) **17047**  
 (21) 1-2007-02397 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38, 7/32**  
 (22) 12.04.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/IB2006/000866 12.04.2006 (87) WO2006/109155 19.10.2006  
 (30) 60/671,644 15.04.2005 US  
 (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
 Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland

(72) CHENG Yi (CN)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP YÊU CẦU KHỞI TẠO PHIÊN LIÊN LẠC CÓ SỬ DỤNG CÁC THÔNG SỐ CẤU HÌNH KHẢ NĂNG VỚI BỘ DỤNG CỤ ỨNG DỤNG THẺ

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị và phương pháp nhờ đó danh sách các tùy chọn dịch vụ có thể được sử dụng như các thông số cấu hình khả năng để xác định lệnh thiết lập cuộc gọi Bộ dụng cụ ứng dụng thẻ, như từ các ứng dụng R-UIM. Ví dụ, khi ứng dụng R-UIM gửi lệnh thiết lập cuộc gọi tới trạm thông tin di động, thì ứng dụng R-UIM này còn có thể gửi danh sách các tùy chọn dịch vụ có thể được sử dụng bởi trạm thông tin di động để thoả thuận với mạng. Trong quá trình thoả thuận dịch vụ của việc thiết lập cuộc gọi, trạm thông tin di động sẽ chỉ sử dụng hoặc chấp nhận tùy chọn dịch vụ nào có trong danh sách tùy chọn dịch vụ.



(11) **17048**

(21) 1-2007-02404

(51)<sup>7</sup> **H01F 27/00**, H05K 13/00, H01F 17/00, H01Q 7/00

(22) 05.05.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/EP2006/004206 05.05.2006

(87) WO2006/122660 23.11.2006

(30) 102005022927.1 13.05.2005 DE

(71) WURTH ELEKTRONIK IBE GMBH (DE)

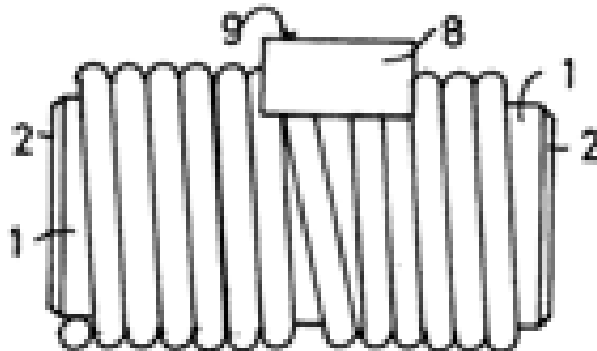
Gewerbepark 8, 94136 Thyrnau, Germany

(72) AUMULLER, Rupert (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ CỐ ĐỊNH CHÚNG**

(57) Sáng chế thể hiện thiết bị điện tử, cụ thể là cuộn dây và lõi cuộn dây, mà sự quay vòng của vòng quấn dây được đặt vị trí vào vị trí từ mỗi một điểm theo chiều dọc của cuộn dây. Thiết bị duy trì chất dẻo đề lên lõi cuộn dây và ít nhất hai lần vòng liên tiếp của vòng quấn dây theo chiều dọc được phun trên bề mặt của điểm đã nêu, nhờ đó mà tiếp xúc giữa lõi cuộn dây và vòng quấn dây được tạo ra cùng một lúc. Thiết bị duy trì có thể phun xung quanh chu vi lân cận của cuộn dây trong khi chỉ bao phủ phần cuộn dây theo chiều dọc của chúng. Tốt nhất là thiết bị duy trì được đặt vị trí gần ở giữa chiều dài mở rộng của cuộn dây.



(11) **17049**

(21) 1-2007-02413

(51)<sup>7</sup> **B60K 35/00**, B60R 16/02

(22) 14.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-311420 17.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.11.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

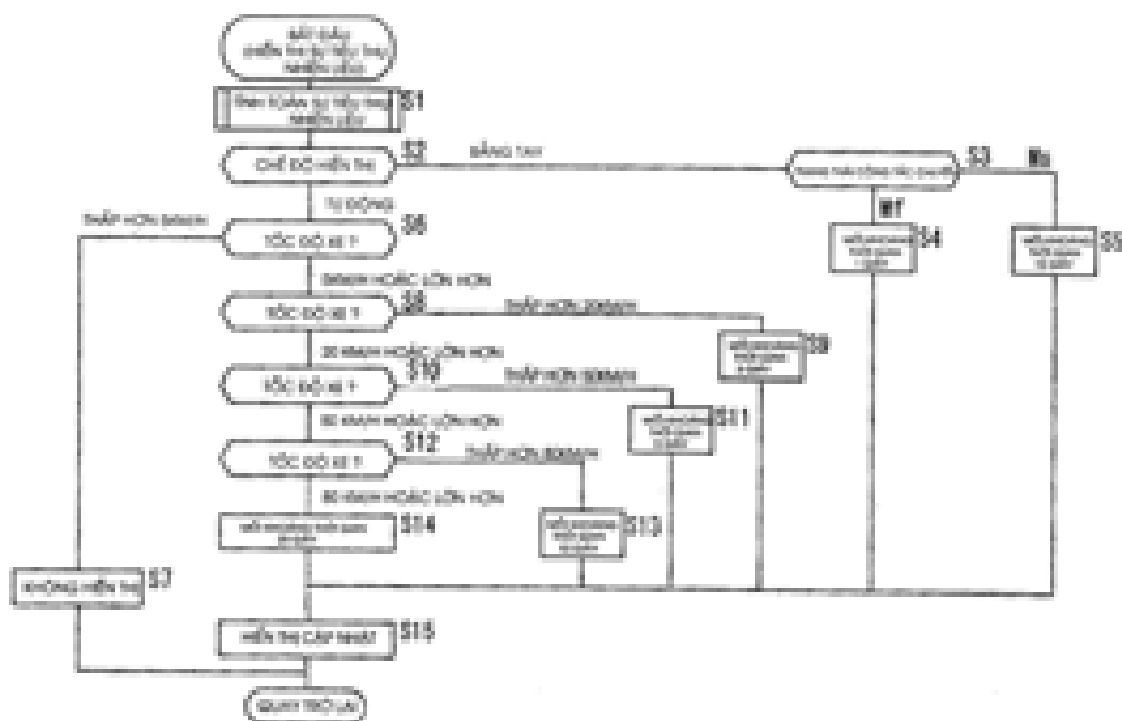
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minatoku, Tokyo 107-8556 Japan

(72) Yuichi TAKEDA (JP)

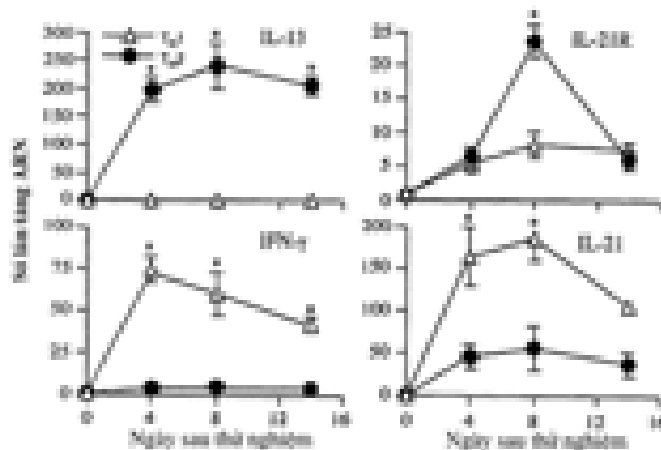
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **HỆ THỐNG HIỂN THỊ SỰ TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA XE CỘ**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu của xe cộ trong đó trong hệ thống hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu bố trí trên xe, thời gian khi việc hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu tức thời trên khối hiển thị được cập nhật có thể được đặt ở thời điểm khi người lái xe có thể nhìn thấy dễ dàng. Trong hệ thống hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu (10) của xe máy (12), sự tiêu thụ nhiên liệu tức thời được tính toán bởi khối điều khiển động cơ (50) từ khoảng cách di chuyển và lượng tiêu thụ nhiên liệu, và sự tiêu thụ nhiên liệu tức thời tính toán được hiển thị trên đồng hồ hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu (11) lắp trong cụm đồng hồ (62). Hệ thống hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu (10) có kết cấu sao cho thời gian cập nhật hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu tức thời trên đồng hồ hiển thị sự tiêu thụ nhiên liệu (11) có thể được thay đổi giữa chế độ tự động và chế độ điều khiển bằng tay nhờ công tắc chuyển (94), và thời gian cập nhật sẽ được thay đổi.

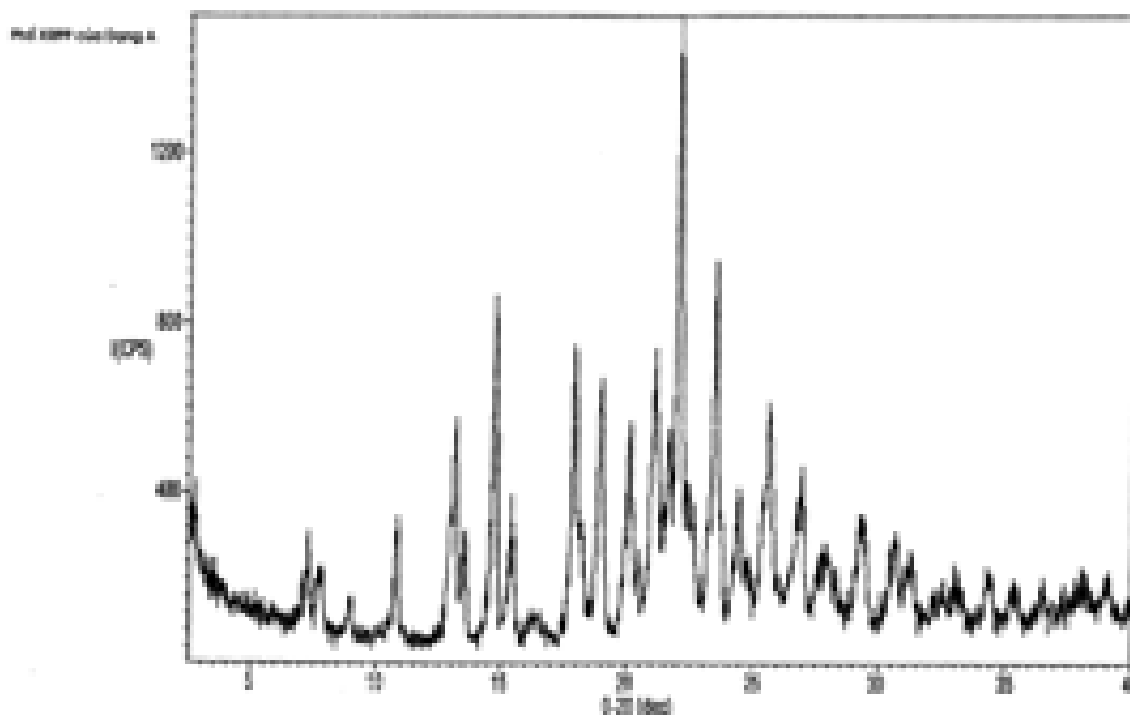


- (11) **17050**
- (21) 1-2007-02418 (51)<sup>7</sup> **C07K 14/715**, A61P 17/02, A61K 38/17, C07K 16/28, 16/24, A61K 39/395
- (22) 13.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/013829 13.04.2006 (87) WO2006/113331 26.10.2006
- (30) 60/671,374 14.04.2005 US
- (71) 1. WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, USA
2. THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA AS REPRESENTED BY THE SECRETARY OF THE DEPARTMENT OF HEALTH AND HUMAN SERVICES (US)  
National Institutes of Health, Office of Technology Transfer, 6011 Executive Boulevard, Suite 325, Rockville, Maryland 20852-3804, USA
3. PRESIDENT AND FELLOWS OF HARVARD COLLEGE (US)  
Holyoke Center, Suite 727, 1350 Massachusetts Ave., Cambridge, Massachusetts 02138, USA
- (72) YOUNG, Deborah, A. (US), WYNN, Thomas, A. (US), COLLINS, Mary (US), GRUSBY, Michael (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **DUỐC PHẨM DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ VÀ NGĂN NGỪA BỆNH XƠ HOÁ CHỨA CHẤT ĐỐI KHÁNG IL-21/IL-21R**
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sàng lọc chế phẩm hữu dụng để điều trị, làm thuyên giảm hoặc ngăn ngừa bệnh xơ hoá hoặc bệnh có liên quan đến xơ hoá bằng cách đo mức độ thay đổi lượng IL-21 và/hoặc thụ thể IL-21 (IL-21R) (ví dụ, mức độ biểu hiện IL-21 và/hoặc protein IL-21R và/hoặc mRNA, độ hoạt tính của IL-21 và/hoặc IL-21R, mức độ tương tác giữa IL-21R và IL-21R). Ngoài ra, sáng chế đề xuất chất đối kháng IL-21 hoặc IL-21R để điều trị bệnh xơ hoá và/hoặc bệnh có liên quan đến bệnh xơ hoá. Ngoài ra, sáng chế đề xuất phương pháp chẩn đoán, dự đoán và kiểm tra sự tiến triển (ví dụ, khoá điều trị) bệnh xơ hoá và/hoặc bệnh có liên quan đến bệnh xơ hoá bằng cách đo lượng IL-21 và/hoặc IL-21R (tức là, độ hoạt tính của IL-21 và/hoặc IL-21R, mức biểu hiện IL-21 và/hoặc IL-21R (ví dụ, lượng sản phẩm gen IL-21 và/hoặc IL-21R) và/hoặc mức tương tác giữa IL-21 và IL-21R).





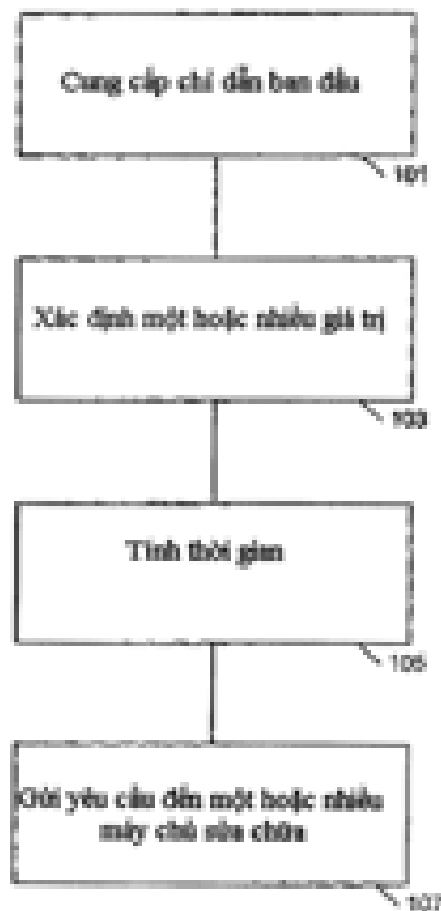
- (11) **17051**
- (21) 1-2007-02437 (51)<sup>7</sup> **C07C 69/76**
- (22) 24.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/015163 24.04.2006 (87) WO2006/113917 26.10.2006
- (30) 60/673,655 20.04.2005 US
- (71) **METABOLEX INC. (US)**  
3876 Bay Center Place, Hayward, California 94545, United States of America
- (72) **DAUGS Edward D. (US), HAGEN Eric J. (US), HANKO Jason A. (US), LOUKS David H. (US)**
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **HỢP CHẤT (-)-HALOFENAT, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NÓ, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ, VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO CHẾ DƯỢC PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất (-)-halofenat ở dạng tinh thể rắn và vô định hình. Các dạng tinh thể rắn này có thể được sử dụng trong các dược phẩm khác nhau, và đặc biệt có hiệu quả để phòng ngừa và/hoặc điều trị các căn bệnh do lắng đọng lipit trong máu ở động vật có vú, cụ thể các bệnh liên quan tới bệnh đái tháo đường typ 2 và chứng tăng lipit huyết. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới quy trình sản xuất thuốc phòng ngừa hoặc điều trị căn bệnh do lắng đọng lipit trong máu ở động vật có vú.



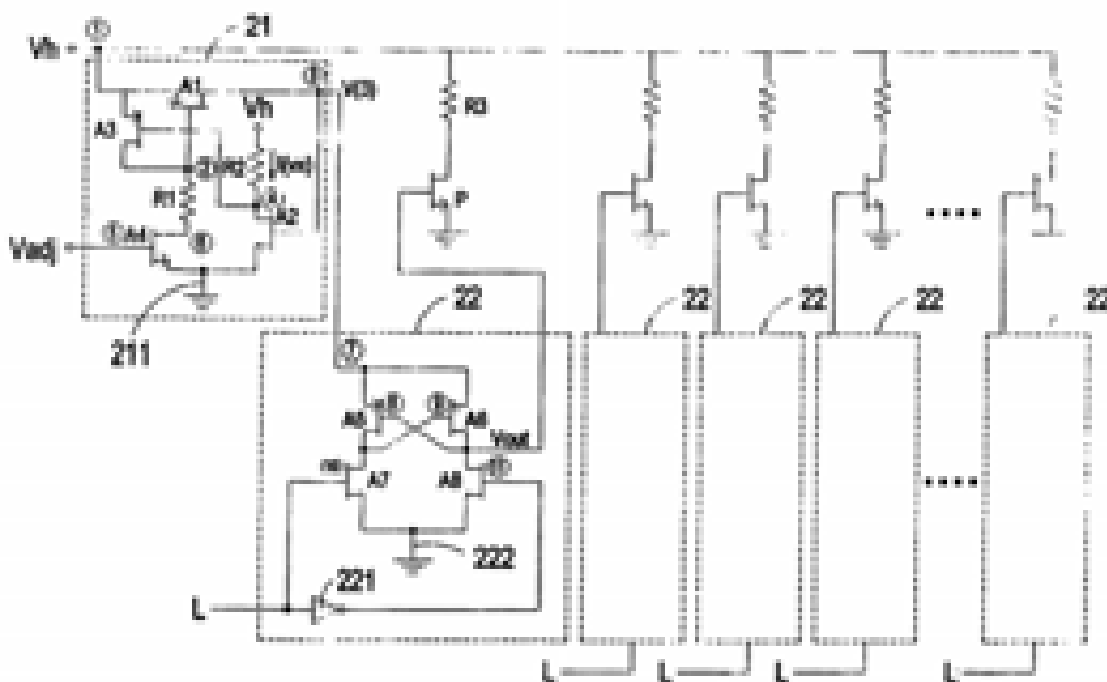
- |      |  |                   |                    |
|------|--|-------------------|--------------------|
| (11) | <b>17052</b>   |                   |                    |
| (21) | 1-2007-02446   | (51) <sup>7</sup> | <b>H04L 12/18</b>  |
| (22) | 11.05.2006   | (43)              | 26.05.2008         |
| (86) | PCT/IB2006/001240  | 11.05.2006        | (87) WO2006/123212 |
| (30) | 11/132,554   | 19.05.2005        | US                 |
| (71) | NOKIA CORPORATION (FI)<br>Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo (FI) |                   |                    |
| (72) | Bouazizi, Imed (TN)  |                   |                    |
| (74) | Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)           |                   |                    |

(54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CUNG CẤP DỮ LIỆU**

(57) Các hệ thống và phương pháp khả thi ví dụ trong cung cấp dữ liệu. Ví dụ máy chủ điều hành dịch vụ và/hoặc máy tính khác có thể hoạt động để xác định phương thức sửa chữa điểm nối điểm và phương thức sửa chữa điểm nối đa điểm nào nên được sử dụng trong trường hợp mà một hoặc nhiều bộ phận nhận không nhận được dữ liệu truyền thích hợp. Như ví dụ khác, máy chủ điều hành dịch vụ và/hoặc máy tính khác có thể tính toán một hoặc nhiều ước lượng, yêu cầu một hoặc nhiều giá trị từ một hoặc nhiều máy chủ sửa chữa, và/hoặc cung cấp một hoặc nhiều máy chủ sửa chữa với một hoặc nhiều hướng dẫn theo phương thức sửa chữa được sử dụng.



- (11) **17053**
- (21) 1-2007-02450 (51)<sup>7</sup> **B41J 2/05**, 2/145
- (22) 20.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 200610149594.8 22.11.2006 CN
- (71) MICROJET TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)  
1F, No. 28 R&D 2nd Road, Science-Based Industrial Park, Hsinchu, Taiwan
- (72) Hsiang-Pei Ou (TW)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) MẠCH ĐIỀU KHIỂN PHUN MỰC SỬ DỤNG CHO VI MẠCH BỘ GIA NHIỆT VÀ MẠCH ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN ÁP KÍCH NHẬN ĐIỆN ÁP KÍCH KHÔNG ĐỔI VÀ ĐIỆN ÁP CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ CẤP RA ĐIỆN ÁP KÍCH ĐẦU RA ĐỂ KÍCH HOẠT TRANZITO CÔNG SUẤT, VÀ BAO GỒM ĐẦU NỐI ĐẤT, ĐIỆN TRỞ THỨ NHẤT, ĐIỆN TRỞ THỨ HAI, TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ NHẤT, TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ HAI, TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ BA VÀ TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ TƯ. TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ NHẤT CÓ CỰC CỬA, CỰC MÁNG, VÀ CỰC NGUỒN NHẬN ĐIỆN ÁP KÍCH KHÔNG ĐỔI. TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ HAI CÓ CỰC CỬA NỐI VỚI CỰC MÁNG CỦA TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ NHẤT, CỰC MÁNG NỐI VỚI ĐIỆN TRỞ THỨ HAI, VÀ CỰC NGUỒN NỐI VỚI ĐẦU NỐI ĐẤT. TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ BA CÓ CỰC CỬA NỐI VỚI ĐIỆN TRỞ THỨ HAI VÀ CỰC MÁNG CỦA TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ HAI, CỰC MÁNG NỐI VỚI ĐIỆN TRỞ THỨ NHẤT, VÀ CỰC NGUỒN NỐI VỚI CỰC NGUỒN CỦA TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ NHẤT VÀ NHẬN ĐIỆN ÁP KÍCH KHÔNG ĐỔI. TRANZITO CHUYỂN MẠCH THỨ TƯ CÓ CỰC NGUỒN NỐI VỚI ĐẦU NỐI ĐẤT, CỰC MÁNG NỐI VỚI ĐIỆN TRỞ THỨ NHẤT, VÀ CỰC CỬA NHẬN ĐIỆN ÁP CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH.
- (57)



(11) **17054**

(21) 1-2007-02451

(51)<sup>7</sup> **F01L 13/08**

(22) 20.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 2006-316910 24.11.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.11.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

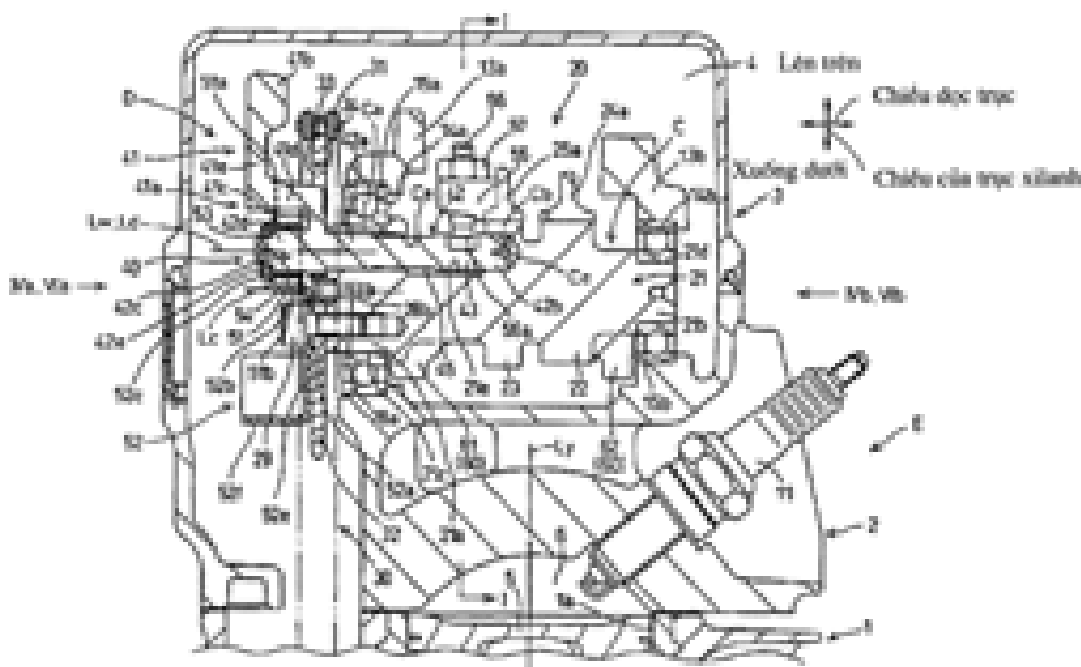
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan

(72) Ryo KUBOTA (JP), Naoki KONO (JP), Takehisa SATO (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG BAO GỒM HỆ THỐNG GIẢM ÁP**

(57) Sáng chế đề cập đến động cơ đốt trong bao gồm hệ thống giảm áp để làm giảm sự mất cân bằng quay của trục cam, do hệ thống giảm áp gây ra, và còn làm tăng độ chính xác khi mở và đóng xupap của động cơ được thực hiện bởi cam xupap. Sáng chế đề xuất động cơ đốt trong bao gồm hệ thống giảm áp bao gồm khối ly tâm và cam giảm áp. Khối ly tâm được đỡ lắ được trên trục cam của hệ thống xupap. Cam giảm áp được dẫn động bởi khối ly tâm lắ. Cam giảm áp chiếm giữ vị trí giảm áp, nơi cam giảm áp mở xupap của động cơ, trong quá trình hành tinh nén, sao cho áp lực nén trong khoảng trống đốt được giảm ở thời điểm khởi động động cơ khi khối ly tâm ở vị trí phía tốc độ thấp. Cam giảm áp chiếm giữ vị trí ngắt giảm áp, nơi cam giảm áp không mở xupap của động cơ, sau khi khởi động động cơ khi khối ly tâm ở vị trí phía tốc độ cao. Đối trọng được bố trí trên trục cam. Đối trọng này làm giảm sự mất cân bằng quay của trục cam, do khối ly tâm gây ra ở vị trí phía tốc độ cao. Đối trọng bao gồm các phần trọng lượng, được bố trí tách rời khỏi nhau theo chiều dọc trục của trục cam.



- (11) **17055**  
 (21) 1-2007-02461 (51)<sup>7</sup> **H04B 7/26, H04L 12/56**  
 (22) 18.04.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/IB2006/000925 18.04.2006 (87) WO2006/111826 26.10.2006  
 (30) 11/111,869 22.04.2005 US

(71) NOKIA CORPORATION (FI)

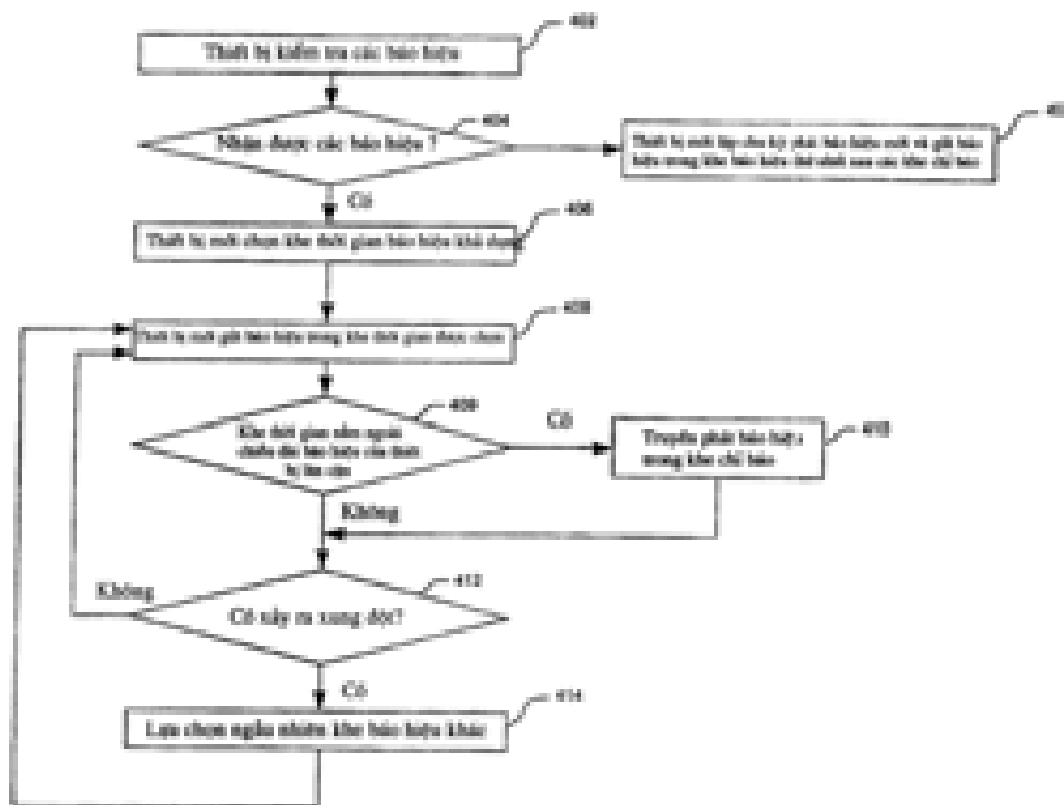
Keilaladentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland

(72) CELENTANO Ulrico (IT), GORATTI Leonardo (IT), SALOKANNEL Juha (FI)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ GIẢM THỜI GIAN TIẾP NHẬN KHE THỜI GIAN BÁO HIỆU TRONG MẠNG ĐIỀU KHIỂN TRUY NHẬP ĐA PHƯƠNG TIỆN PHÂN TÁN

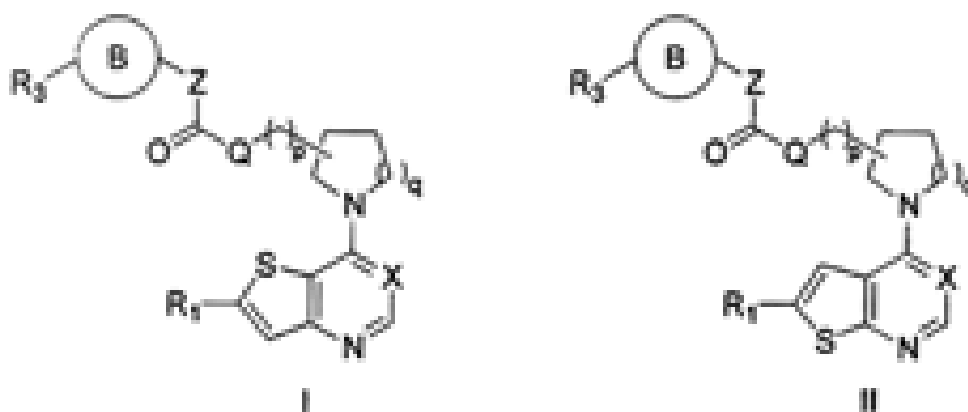
(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị để làm giảm thời gian nhận khe thời gian báo hiệu trong mạng điều khiển truy nhập đa phương tiện phân tán, trong đó khe thời gian báo hiệu thứ nhất được chọn trong khoảng thời gian lập bởi thiết bị truyền thông tin không dây. Do đó, các báo hiệu của thiết bị truyền thông tin không dây được truyền trong khe báo hiệu thời gian thứ nhất. Tuy nhiên khi thông báo về bước lựa chọn khe thời gian báo hiệu thứ nhất không nhận được bởi thiết bị ở xa trong khoảng thời gian định trước thì khe thời gian báo hiệu thứ hai sẽ được chọn. Ngay khi lựa chọn, các báo hiệu của thiết bị truyền thông tin không dây sẽ được truyền trong khe thời gian báo hiệu thứ hai vì khe thời gian báo hiệu thứ nhất nêu trên.



- (11) **17056**  
 (21) 1-2007-02462 (51)<sup>7</sup> **C07D 495/04**, A61K 31/4365, 31/519  
 (22) 07.06.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/022151 07.06.2006 (87) WO/2006/135639 21.12.2006  
 (30) 60/689,710 10.06.2005 US  
 60/746,941 10.05.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.04.2008

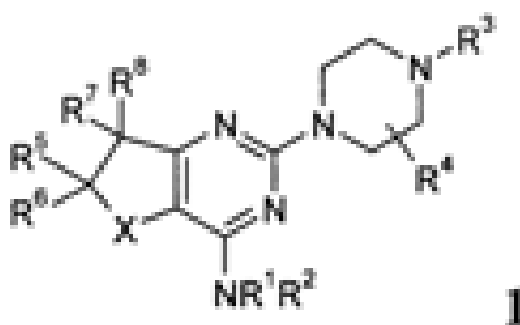
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
 Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
 (72) GAUL, Michael, David (US), KREUTTER, Kevin, Douglas (US), BAUMANN, Christian, Andrew (US)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) DẪN XUẤT THIENOPYRIMIDIN VÀ THIENOPYRIDIN LÀM CHẤT ỨC CHẾ KINAZA DẠNG TYROZIN GIỐNG FMS 3 (FLT-3), QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DUỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất thienopyrimidin và thienopyridin có công thức I và công thức II :



trong đó  $R_1$ ,  $R_3$ , B, Z, Q, p, q và X được xác định trong bản mô tả. Các hợp chất này được dùng làm chất điều biến kinaza tyrosin protein, cụ thể là chất ức chế tyrosin giống fms3 (FLT3), các hợp chất này cũng được dùng để làm giảm hoặc ức chế hoạt tính kinaza của FLT3 ở tế bào hoặc đối tượng, ngoài ra các hợp chất này còn được dùng để phòng ngừa hoặc điều trị cho đối tượng rối loạn tăng sinh tế bào và/hoặc các rối loạn liên quan đến FLT3. Sáng chế còn đề cập đến dược phẩm bao gồm các hợp chất của sáng chế. Sáng chế cũng đề xuất quy trình sản xuất hợp nhất thienopyrimidin và thienopyridin có công thức I và công thức II và quy trình bào chế thuốc từ các hợp chất này.

- (11) **17057**
- (21) 1-2007-02463 (51)<sup>7</sup> **C02F 9/04**
- (22) 21.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 3225-2006 21.11.2006 CL
- (71) CRYSTAL LAGOONS CORPORATION LLC (US)  
16192 Coastal Highway, Lewes, DE 19958-9776, County of Sussex, Delaware, United States of America
- (72) Fernando Benjamin Fischmann Torres (CL)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH TẠO DỰNG VÀ DUY TRÌ CÁC THỰC THỂ CHỨA NƯỚC LỚN, KẾT CẤU CHỨA THỰC THỂ NÀY VÀ THIẾT BỊ HÚT
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị, quy trình tạo dựng và duy trì thực thể chứa nước có thể tích lớn hơn 15000m<sup>3</sup> cho mục đích giải trí, các thực thể này chẳng hạn là hồ hoặc hồ ngăn từ biển nhân tạo, có màu sắc hấp dẫn, độ trong suốt và độ sạch cao với chi phí thấp, quy trình bao gồm các bước: a) tạo kết cấu có bộ phận gạn có khả năng chứa được thực thể chứa nước có thể tích lớn hơn 15000m<sup>3</sup> nước; b) nạp vào kết cấu của bước (a) nước nạp có mức sắt và mangan thấp hơn 1,5ppm và có độ đục thấp hơn 5NTU; c) đo độ pH, độ pH này lý tưởng nếu có giá trị thấp hơn 7,8; d) thêm chất oxy hóa vào nước được chứa trong kết cấu theo bước (a), với chất oxy hóa này ROP (điện thế oxy hóa) nhỏ nhất 600mV được điều khiển trong nước trong khoảng thời gian ít nhất là 4 giờ và với chu kỳ cực đại là 48 giờ; e) thêm chất tạo bông với nồng độ nằm trong khoảng từ 0,02 đến 1ppm với tần số cực đại 6 ngày và làm sạch đáy của kết cấu theo bước (a) nhờ một cơ cấu hút để loại bỏ các tạp chất kết tủa ra khỏi đáy của kết cấu nêu trên, cùng với các chất kết bông bổ sung; và f) tạo ra sự dịch chuyển của nước bề mặt chứa tạp chất và dầu bề mặt bằng cách nạp nước đầu vào theo bước (b) để tạo ra sự dịch chuyển nêu trên theo cách loại bỏ nước bề mặt nhờ một hệ thống dùng để loại bỏ tạp chất và dầu bề mặt được bố trí trong kết cấu theo bước (a), cùng với bước (e) để thay thế công đoạn lọc đã biết.

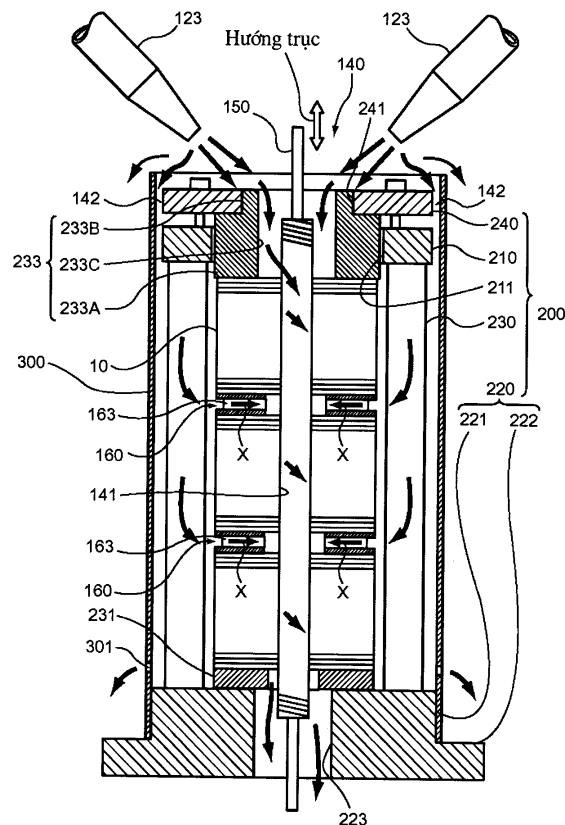
- (11) **17058**  
 (21) 1-2007-02467 (51)<sup>7</sup> **C07D 495/04**, A61P 11/00, A61K 31/519  
 (22) 19.04.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/EP2006/061680 19.04.2006 (87) WO2006/111549 26.10.2006  
 (30) 10 2005 019 201.7 21.04.2005 DE  
 (71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)  
 Binger Strasse 173, D-55216 Ingelheim am Rhein, Germany  
 (72) POUZET, Pascale (FR), HOENKE, Christoph (DE), MARTYRES, Domnic (GB),  
 NICKOLAUS, Peter (DE), JUNG, Birgit (DE)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT DIHYDROTHIENOPYRIMIDIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT  
 NÀY ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH VIÊM  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất dihydrothienopyrimidin có công thức 1 và muối, chất  
 đồng phân không đối quang, chất đồng phân đối ảnh, raxemat, hydrat hoặc solvat được  
 dùng của chúng,



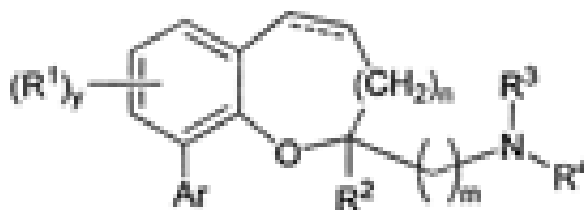
hợp chất này thích hợp để điều trị các bệnh hô hấp hoặc bệnh dạ dày-ruột, bệnh viêm khớp, da hoặc mắt, bệnh hệ thần kinh ngoại biên hoặc trung ương hoặc bệnh ung thư cũng như dược phẩm chứa hợp chất này.



- (11) **17059**
- (21) 1-2007-02468 (51)<sup>7</sup> **B24B 29/00**
- (22) 21.11.2007 (43) 26.05.2008
- (30) 2006-316342 22.11.2006 JP  
2006-329255 06.12.2006 JP
- (71) 1. SHOWA DENKO K.K. (JP)  
13-9, Shibadaimon 1-chome, Minato-ku, Tokyo, 105-8518, Japan  
2. CITIZEN SEIMITSU CO., LTD. (JP)  
6663-2, Funatsu Fujikawaguchikomachi, Minamitsuru-gun, Yamanashi, 401-0395, Japan
- (72) Kazuyuki HANEDA (JP), Yosuke SATO (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) THIẾT BỊ ĐÁNH BÓNG, CHỖI ĐÁNH BÓNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO NỀN DẠNG ĐĨA
- (57) Sáng chế đề cập tới thiết bị đánh bóng, chổi đánh bóng và phương pháp chế tạo nền dạng đĩa. Thiết bị đánh bóng (100) để đánh bóng mặt theo chu vi của nền dạng đĩa (10) có phần có lỗ hở (12) ở tâm của nó, thiết bị đánh bóng này bao gồm: bàn quay (130) để giữ các phôi gia công xếp chồng (140) trong đó các nền dạng đĩa được xếp chồng, chổi đánh bóng (150) được luồn vào phần có lỗ hở của các nền dạng đĩa của các phôi gia công xếp chồng và được quay, chi tiết nắp (300) để che các phôi gia công xếp chồng, và bộ phận dẫn vào dung dịch đánh bóng để dẫn dung dịch đánh bóng vào phần có lỗ hở của các nền dạng đĩa của các phôi gia công xếp chồng được che bởi chi tiết nắp.



- (11) **17060**
- (21) 1-2007-02483 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, 311/04, 311/20, 313/08, A61K 31/353, A61P 25/24
- (22) 21.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/015208 21.04.2006 (87) WO2006/116165 02.11.2006
- (30) 60/673,820 22.04.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) HEFFERNAN, Gavin, David (GB), STACK, Gary, Paul (US), GROSS, Jonathan, Laird (US), ZHOU, Dahui (US), GAO, Hong (CN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT CROMAN VÀ CROMEN, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ NÓ
- (57) Sáng chế đề cập tới hợp chất có công thức I hoặc muối dược dụng của nó :



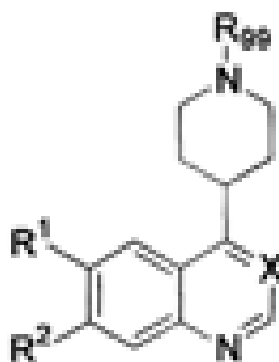
I

trong đó mỗi  $R^1$ ,  $R^2$ ,  $R^3$ ,  $R^4$ ,  $y$ ,  $n$ ,  $m$ , và  $Ar$  là như được xác định trong bản mô tả, và được mô tả trong các nhóm và phân nhóm trong tài liệu này, hợp chất này là chất chủ vận hoặc chất chủ vận một phần phân nhóm 2C của thụ thể serotonin não. Hợp chất và dược phẩm chứa hợp chất này có thể được dùng để điều trị các rối loạn thuộc hệ thần kinh trung ương như bệnh tâm thần phân liệt. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập tới quy trình điều chế hợp chất này.

- (11) **17061**  
(21) 1-2007-02488 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, 401/14, 405/14, 413/14  
(22) 07.06.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/022171 07.06.2006 (87) WO/2006/135646 21.12.2006  
(30) 60/689384 10.06.2005 US  
60/730919 27.10.2005 US  
60/789551 05.04.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.04.2008

- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
(72) BAINBUR, Nand (US), GAUL, Michael, David (US), KREUTTER, Kevin, Douglas (US), XU, Guozhang (US)  
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
(54) HỢP CHẤT TRUNG GIAN HỮU DỤNG ĐỂ TỔNG HỢP CHẤT ĐIỀU BIẾN KINAZA ALKYLQUINOLIN VÀ ALKYLQUINAZOLIN VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CHÚNG  
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất alkylquinolin và alkylquinazolin có công thức C :



trong đó R<sub>1</sub>, R<sub>2</sub>, R<sub>99</sub>, và X như được định nghĩa trong bản mô tả hữu dụng để tổng hợp chất ức chế tyrosin kinaza, cụ thể là chất ức chế FLT3 và/hoặc c-kit và/hoặc TrkB.

- (11) **17062**
- (21) 1-2007-02494 (51)<sup>7</sup> **C10M 163/00**, 133/04, 135/18, 137/10, 139/00, 159/18, 159/22, 159/24, C10N 10/04, 10/12, 20/00, 30/06, 40/04, 40/25
- (22) 25.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/310492 25.05.2006 (87) WO2006/126651 30.11.2006
- (30) 2005-155520 27.05.2005 JP
- (71) IDEMITSU KOSAN CO., LTD. (JP)  
1-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
- (72) KASAI, Moritsugu (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **CHẾ PHẨM DẦU BÔI TRƠN**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dầu bôi trơn bao gồm dầu nền, hợp chất molybden hữu cơ (A), kẽm dialkyl đithiophosphat (B), ít nhất một thành phần (C) được lựa chọn từ canxi sulfonat, canxi phenat, và magie sulfonat và có giá trị kiềm lớn hơn hoặc bằng 230 mgKOH/g, và tác nhân phân tán không có tro chứa bo hoặc hỗn hợp của tác nhân phân tán không có tro chứa bo và tác nhân phân tán không có tro không chứa bo (D) theo các tỷ lệ định trước, trong đó: tỷ lệ khối lượng (P/Mo) của hàm lượng P so với hàm lượng Mo trong chế phẩm lớn hơn hoặc bằng 1,5; tỷ lệ khối lượng (CaMg/Mo) của tổng hàm lượng của Ca và Mg thu được từ thành phần (C) so với hàm lượng Mo trong chế phẩm lớn hơn hoặc bằng 3; và tỷ lệ khối lượng (B/N) giữa B và N thu được từ thành phần (D) trong chế phẩm lớn hơn hoặc bằng 0,5. Chế phẩm dầu bôi trơn theo sáng chế có hệ số ma sát tĩnh của khớp ly hợp ướt cao, có tính chất ma sát tốt trong cơ cấu truyền lực cũng như có khả năng tiết kiệm nhiên liệu, và được sử dụng thích hợp cho dầu bôi trơn bộ truyền lực và dầu bôi trơn động cơ.

- (11) **17063**  
 (21) 1-2007-02514 (51)<sup>7</sup> **C21B 13/00**  
 (22) 12.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/AU2006/000624 12.05.2006 (87) WO2006/119575 16.11.2006  
 (30) 2005902461 13.05.2005 AU

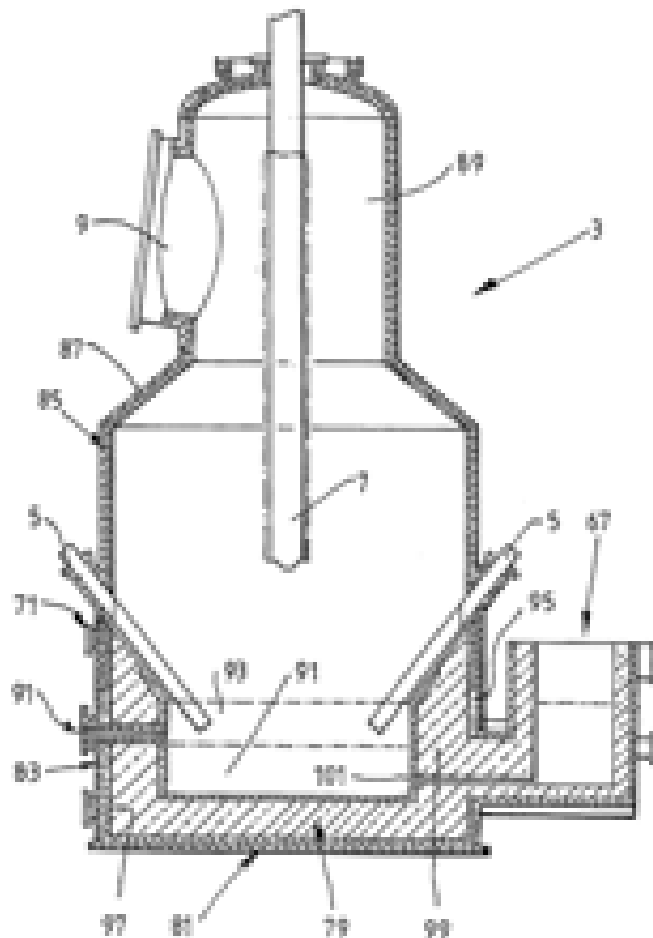
(71) **TECHNOLOGICAL RESOURCES PTY. LIMITED (AU)**  
 55 Collins Street, Melbourne, Victoria 3000 (AU)

(72) **FARR, Iain William (AU), DRY, Rodney James (AU)**

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **PHƯƠNG PHÁP KHỞI ĐỘNG NGUỘI QUY TRÌNH NẤU CHẢY TRỰC TIẾP**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp khởi động nguội quy trình nấu chảy trực tiếp dựa vào bể nóng chảy để sản xuất sắt nóng chảy trong nồi lò (3). Phương pháp bao gồm bước gia nhiệt sơ bộ nồi lò trước cấp các liệu cấp rắn vào nồi lò. Phương pháp cũng bao gồm bước tiếp theo cấp khí chứa oxi và liệu cấp rắn bao gồm liệu để tạo ra xỉ, liệu cấp chứa sắt, và liệu chứa cacbon vào nồi lò và sinh ra nhiệt và tạo ra bể liệu nóng chảy bao gồm sắt nóng chảy và xỉ nóng chảy trong nồi lò. Bước này bao gồm việc cấp các liệu cấp để kích thích sự tạo thành xỉ nóng chảy trên sắt nóng chảy ở giai đoạn trước hoàn thiện bể nóng chảy.



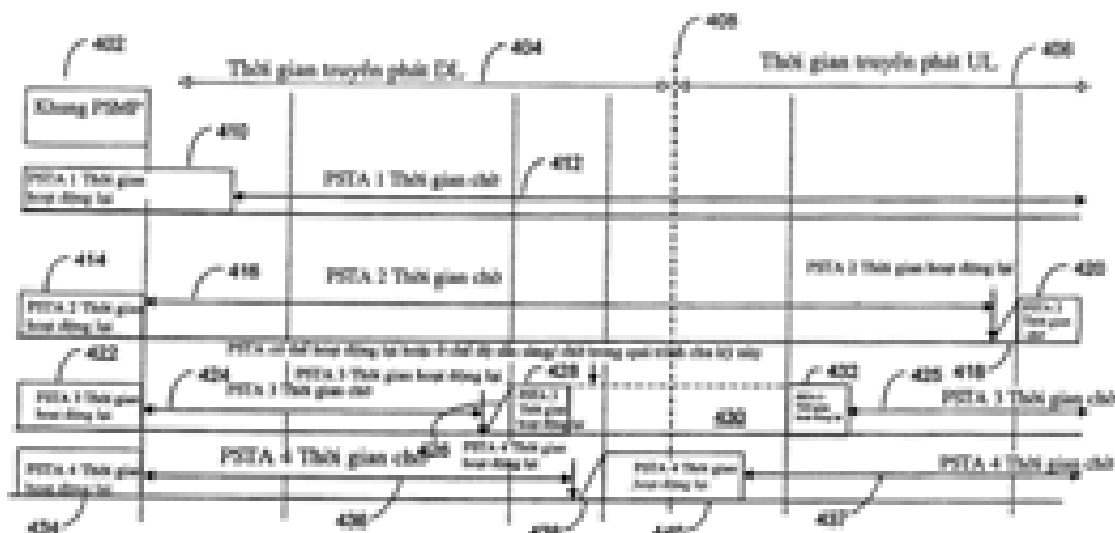
- (11) **17064**
- (21) 1-2007-02515 (51)<sup>7</sup> **C04B 11/00**
- (22) 27.04.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2005/014503 27.04.2005 (87) WO2006/115496 02.11.2006
- (71) UNITED STATES GYPSUM COMPANY (US)  
550 West Adams Street, Chicago, Illinois 60661-3637, United States of America
- (72) Qiang YU (US), Stewart HINSHAW (US), Michael M STREETER (US), W David SONG (US), Michael BOLIND (US), Robert PRICE (US)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **CHẤT GIA TỐC THẠCH CAO ƯỚT VÀ PHƯƠNG PHÁP, HỢP PHẦN VÀ SẢN PHẨM LIÊN QUAN TỚI CHẤT GIA TỐC NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất chất gia tốc thạch cao ướt bao gồm sản phẩm nghiền có kích thước hạt trung bình nằm trong khoảng từ 0,5 đến 2micro và canxi sulfat dihydrat, nước, và ít nhất một chất phụ gia được chọn từ nhóm bao gồm (i) hợp chất phosphonic hữu cơ, (ii) hợp chất chứa phosphat, hoặc (iii) hỗn hợp của (i) và (ii). Sáng chế cũng đề xuất phương pháp sản xuất chất gia tốc thạch cao ướt, phương pháp hydrat hóa thạch cao nung để tạo ra khuôn liên động của thạch cao đặc, hợp phần chứa thạch cao đặc, và sản phẩm chứa thạch cao đặc.

- (11) **17065**
- (21) 1-2007-02522 (51)<sup>7</sup> **C11D 3/22**
- (22) 12.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/003549 12.04.2006 (87) WO2006/117071 09.11.2006
- (30) 0508883.6 29.04.2005 GB
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Christopher David Gibbs (GB), Alyn James Parry (GB), Susanne Henning Rogers (DE)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CÁC POLYME THỨC ĐẨY SỰ TÁI LẮNG ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH TẨY GIẶT VẢI SỢI VÀ CHẾ PHẨM CHỨA CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến polyme thúc đẩy sự tái lắng đọng trong quá trình tẩy giặt vải sợi trong đó polyme này bao gồm khung polysacarit được thế bằng một hoặc nhiều nhóm -L-R1, trong đó L là este, amit hoặc liên kết khác và R1 là nhóm alkyl anion hoặc muối của nó, có mức độ thế nằm trong khoảng từ 0,005 đến 1 và mức độ bị vi sinh vật phá huỷ ít nhất là 60% trong thời gian 28 ngày. Sáng chế cũng đề cập đến các chế phẩm tẩy giặt chứa các polyme này.

- (11) **17066**  
 (21) 1-2007-02523 (51)<sup>7</sup> **H04L 12/28**, H04B 7/005, H04L 12/56  
 (22) 14.06.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/IB2006/001589 14.06.2006 (87) WO2006/134472 21.12.2006  
 (30) 60/691,220 16.06.2005 US

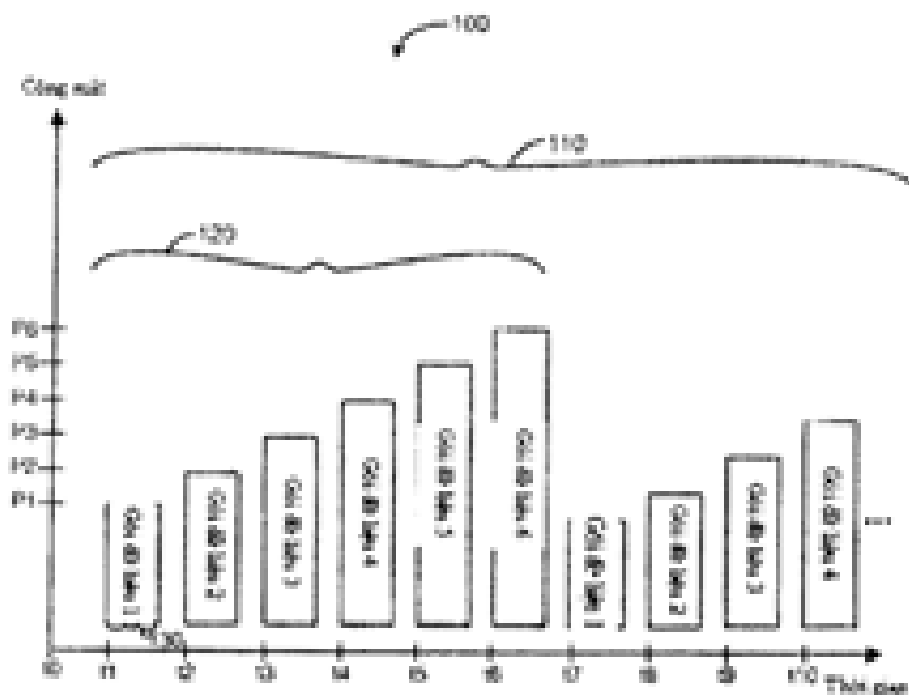
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.11.2007

- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
 Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland  
 (72) KAKANI Naveen K. (IN)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ SẢN PHẨM ĐỂ LẬP LỊCH BIỂU CÁC TRUYỀN PHÁT DỮ LIỆU NHẪM TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG MẠNG KHÔNG DÂY  
 (57) Các phương án thực hiện đã được mô tả liên quan đến các truyền phát dữ liệu lịch biểu để nâng cao hiệu quả công suất trong mạng không dây. Theo phương án thực hiện làm ví dụ, các truyền phát nổi lên (315, 406) có thể được lập lịch biểu sau khi các truyền phát nổi xuống (309, 311, 404) bên trong chuỗi khung (301). Một hoặc nhiều nút (PSTA/, FIG.4) chỉ có các truyền phát nổi xuống được lập lịch biểu trong quá trình chuỗi khung có thể được lập lịch biểu cho các truyền phát nổi xuống (410) lúc bắt đầu hoặc gần lúc bắt đầu các truyền phát nổi xuống (404). Theo phương án thực hiện khác, một hoặc nhiều nút (PSTA2, FIG.4) chỉ có các truyền phát nổi lên được lập lịch biểu trong quá trình chuỗi khung có thể được lập lịch biểu cho các truyền phát nổi lên (420) khi kết thúc hoặc gần khi kết thúc các truyền phát nổi lên (406). Theo phương án thực hiện khác, một hoặc nhiều nút (PSTA3, PSTA4, FIG.4) có cả truyền phát nổi xuống (428, 440) và truyền phát nổi lên (432, 440) được lập lịch biểu trong quá trình chuỗi khung có thể được lập lịch biểu cho các truyền phát (428, 432, 440) ở gần chuyển tiếp (317, 408) từ truyền phát nổi xuống đến truyền phát nổi lên.

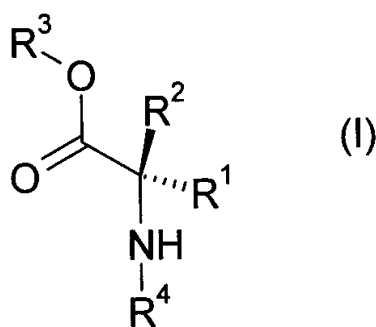




- (11) **17067**
- (21) 1-2007-02528 (51)<sup>7</sup> **H04B 17/00**
- (22) 25.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/028836 25.07.2006 (87) WO2007/021469 22.02.2007
- (30) 11/161,692 12.08.2005 US
- (71) LITEPOINT CORPORATION (US)  
575 Maude Court, Sunnyvale, CA 94085 (US)
- (72) Olgaard, Christian (US)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) PHƯƠNG PHÁP ĐO CÁC THÔNG SỐ CỦA TÍN HIỆU ĐƯỢC TRUYỀN BẰNG THIẾT BỊ PHÁT TÍN HIỆU
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp đo một hoặc nhiều thông số của tín hiệu do thiết bị phát tín hiệu truyền. Phương pháp sử dụng việc thu nhận và phân tích nhóm gói dữ liệu hoặc các dạng tín hiệu khác khác từ sự truyền đơn để thu được các giá trị đo cho một hoặc nhiều thông số. Các giá trị đo đạt được có thể được sử dụng trong việc đánh giá sự lấy chuẩn của thiết bị phát tín hiệu hoặc thẩm tra các giá trị đã lấy chuẩn của thiết bị phát tín hiệu. Theo phương án được ưu tiên, nhóm gói dữ liệu chứa các gói tin có các đặc tính khác nhau.



- (11) **17068**
- (21) 1-2007-02530 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/198**, A61P 25/00, C07C 229/08, 229/28
- (22) 19.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/001086 19.04.2006 (87) WO2006/114707 02.11.2006
- (30) 60/676,025 28.04.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.11.2007
- (71) PFIZER LIMITED (GB)  
Ramsgate Road, Sandwich, Kent, CT13 9NJ, United Kingdom
- (72) Shelley Rene GRAHAM (US), Simon John MANTELL (GB), David James RAWSON (GB), Jacob Bradley SCHWARZ (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT AXIT AMIN, DƯỢC PHẨM VÀ HỖN HỢP CHỨA HỢP CHẤT AXIT AMIN NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều trị chứng đau bằng cách sử dụng hợp chất có công thức



trong đó R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, R<sup>3</sup> và R<sup>4</sup> là như được xác định trong phần mô tả. Sáng chế cũng đề cập đến các hợp chất mới có công thức (I).

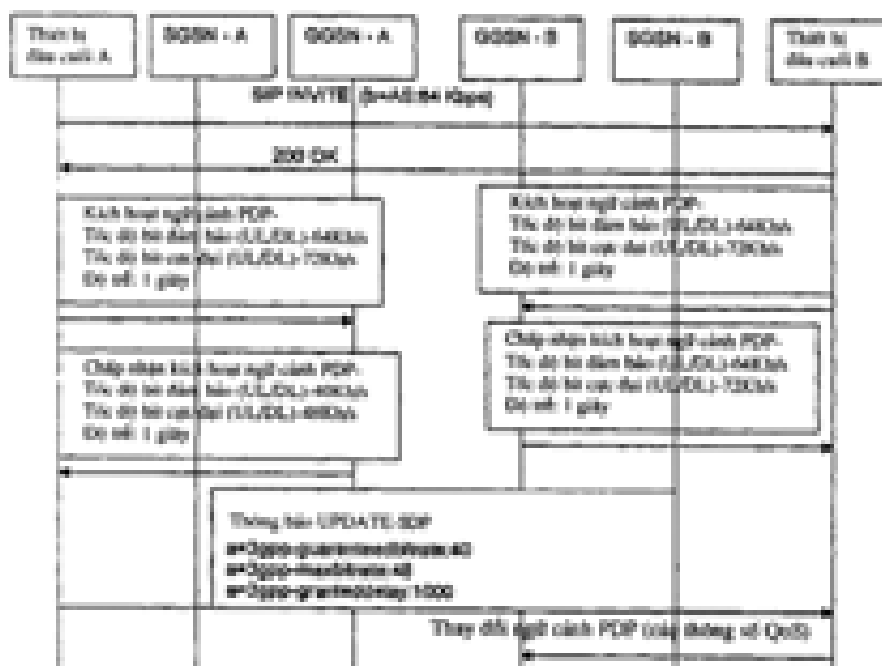
- (11) **17069**
- (21) 1-2007-02539 (51)<sup>7</sup> **C07K 16/18**, A61P 25/00
- (22) 28.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/016071 28.04.2006 (87) WO2006/118959 09.11.2006
- (30) 60/676,093 29.04.2005 US
- 60/704,818 01.08.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 29.11.2007
- (71) RINAT NEUROSCIENCE CORP. (US)  
230 E. Grand Ave., South San Francisco, CA 94080, USA
- (72) Arnon ROSENTHAL (US), Jaume PONS (ES), Wei-Hsien HO (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) KHÁNG THỂ KHÁNG PEPTIT AMYLOIT-BETA
- (57) Sáng chế đề cập đến kháng thể hướng đến đầu chuỗi bên đầu C của peptit  $\beta$  - amyloid và dược phẩm chứa chúng để điều trị bệnh alzheimer và các bệnh liên quan với peptit A $\beta$ .

- (11) **17070**
- (21) 1-2007-02554 (51)<sup>7</sup> **C11D 17/00**, 3/37, 3/50, 13/18
- (22) 24.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/CH2006/000277 24.05.2006 (87) WO2006/128313 07.12.2006
- (30) 0511235.4 02.06.2005 GB
- (71) GIVAUDAN SA (CH)  
Chemin de la Parfumerie 5, CH-1214 Vernier, Switzerland
- (72) IYER, Shreedhar (IN), VEDANTAM, Venkateswara, Kumar (IN), TENG, Koh, Ai (SG)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHẤT TẨY RỬA DẠNG BÁNH CHỨA TÁC NHÂN CÓ ÍCH VÀ CHẤT TẨY RỬA THU ĐƯỢC THEO PHƯƠNG PHÁP NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất chất tẩy rửa dạng bánh chứa tác nhân có ích, phương pháp này bao gồm bước ép các sợi chất liệu tẩy rửa chứa tác nhân có ích thành bánh, các sợi này được đặc trưng ở chỗ từ 5 đến 95% trọng lượng sợi được bao bằng màng làm bằng chất liệu polyme tan trong nước, màng này mềm ra khi xúc với nước và cứng lại khi không tiếp xúc nữa, màng này thấm được tác nhân có ích khi mềm và không thấm được tác nhân có ích khi cứng. Phương pháp này là đặc biệt hữu hiệu ở chỗ nó che được tình trạng xà phòng bị có mùi trên cơ sở các chất dầu và các chất béo tự nhiên, nhờ việc đưa chất liệu thơm làm tác nhân có ích.

- (11) **17071**
- (21) 1-2007-02557 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38**, 7/22, H04L 12/56, 29/06
- (22) 02.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/001104 02.05.2006 (87) WO2006/117644 09.11.2006
- (30) 60/677,283 03.05.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.03.2008

- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilaladentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland
- (72) CURCIO Igor (IT), CHANDRA Umesh (IN)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP BÁO HIỆU CÁC THAM SỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CHO PHIÊN ĐA PHƯƠNG TIỆN**
- (57) Sáng chế đề xuất hệ thống và phương pháp cho phép thiết bị nhận và mạng không dây của nó thiết lập các tài nguyên một cách tối ưu và hiệu quả. Thiết bị gửi báo hiệu một số trong số các thông số QoS đã được thỏa thuận tới thiết bị nhận của phiên trong thủ tục thiết lập phiên. Tốc độ bit đảm bảo, tốc độ bit cực đại, và độ trễ truyền (vốn được thỏa thuận cùng với các thông số QoS khác trong khi kích hoạt ngữ cảnh PDP) được báo hiệu tới thiết bị nhận. Các thuộc tính giao thức mô tả phiên (SDP) mới được xác định cho các thông số QoS nêu trên, vốn được thực hiện trong các thông báo giao thức khởi đầu phiên (SIP). Thiết bị nhận có thể sử dụng các thuộc tính SDP này để thỏa thuận (hoặc tái thỏa thuận) các thông số QoS với mạng không dây của nó trong khi kích hoạt PDP. Thiết bị nhận có thể sử dụng các thông số này để thiết lập các tài nguyên một cách tương ứng, như các bộ đệm biến động cho thiết bị truyền thông tin âm thanh và video.



- (11) **17072**
- (21) 1-2007-02563 (51)<sup>7</sup> **C07D 207/26**, A61K 31/4015, A61P 5/28
- (22) 24.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IB2006/001266 24.04.2006 (87) WO2006/117677 09.11.2006
- (30) 60/678,035 05.05.2005 US  
60/682,112 18.05.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.12.2007
- (71) WARNER-LAMBERT COMPANY LLC (US)  
201 Tabor Road, Morris Plains, NJ 07950, United States of America
- (72) Stephen Douglas BARRETT (US), Victor FEDIJ (US), Lain-Yen HU (US), Donna Michele IULA (US), Bruce Allen LEFKER (US), Raj Kumar RAHEJA (US), Karen Elaine SEXTON (US), Jennifer Ann VAN CAMP (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) CHẤT ĐIỀU BIẾN ANDROGEN
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất benzonitril có tác dụng làm chất điều biến thụ thể androgen. Theo khía cạnh khác, sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất này để làm giảm tình trạng tiết bã nhờn quá mức và kích thích quá trình mọc tóc.

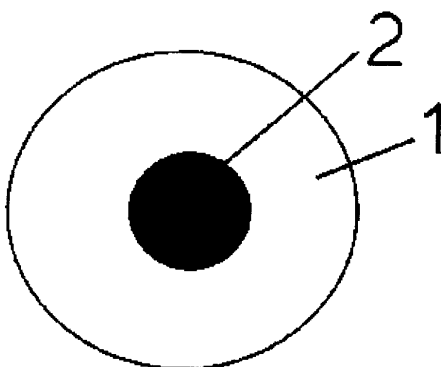
- (11) **17073**
- (21) 1-2007-02573 (51)<sup>7</sup> **A61C 13/08**
- (22) 10.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/KR2006/000477 10.02.2006 (87) WO2006/132464 14.12.2006
- (30) 10-2005-0049604 10.06.2005 KR  
10-2005-0059983 05.07.2005 KR  
10-2005-0062693 12.07.2005 KR  
10-2005-0122872 14.12.2005 KR  
10-2006-0001540 06.01.2006 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.12.2007

- (75) KWON, OH-DAL (KR)  
105/501, Garden 1-cha Heights Apt, Beomeo 4-dong, Suseong-gu, Daegu, Republic of Korea
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **CƠ CẤU LẮP RĂNG GIẢ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CƠ CẤU NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu lắp răng giả và phương pháp sản xuất nó dùng khôi phục răng bị mất. Cơ cấu lắp răng giả này gồm một chi tiết trống được tạo thành trên bộ phận giữ được gắn trên răng liên kê để gắn răng giả vào răng liên kê và một chi tiết mái được hình thành trong răng giả sao cho răng giả và răng liên kê có thể được nối với nhau mà không cần mài răng liên kê. Phương pháp sản xuất cơ cấu răng giả gồm các bước sao mẫu gốc, phủ sáp lên mẫu sao, tạo rãnh rớt trên mẫu bản sao ở trạng thái mà mẫu bản sao được phủ sáp, và đổ khuôn, nung nóng và đúc mẫu bản sao.

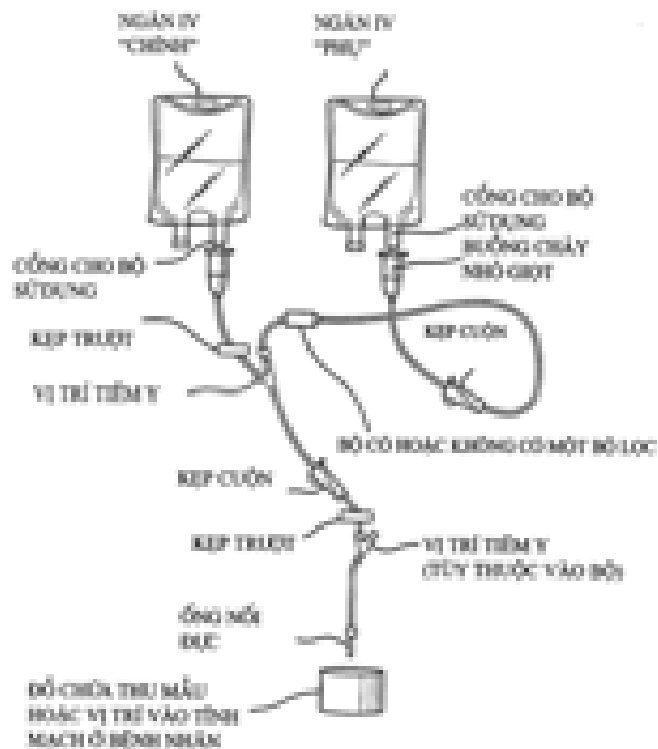
- (11) **17074**  
(21) 1-2007-02577 (51)<sup>7</sup> **D01F 8/04**  
(22) 05.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/JP2006/313370 05.07.2006 (87) WO2007/018000 15.02.2007  
(30) 2005-232732 11.08.2005 JP  
(71) TEIJIN FIBERS LIMITED (JP)  
6-7, Minamihommachi 1-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0054, Japan  
(72) SHIRAKAWA Yoshiki (JP)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) **SỢI DẪN ĐIỆN VÀ CHỐI CÓ SỬ DỤNG SỢI NÀY**  
(57) Sáng chế đề xuất sợi dẫn điện chứa chất dẫn điện, và có đặc tính dẫn điện ổn định với sự biến thiên nhỏ về đặc tính dẫn điện của nó.

Sợi dẫn điện chứa muội than là thành phần dẫn điện chính trong polyme tạo hình sợi, trong đó muội than có cấu tạo gồm hỗn hợp của ít nhất hai loại muội than (A) và (B) sau đây, thu được bằng cách trộn chúng theo tỷ lệ A/B (theo trọng lượng) nằm trong khoảng từ 90/10 đến 10/90: (A) muội than dẫn điện có cỡ hạt trung bình nằm trong khoảng từ 20 đến 70  $\mu\text{m}$  và khả năng hút dầu được xác định theo JIS K 5101 từ 100 đến 600 ml/100g; và (B) muội than dẫn điện trong đó tỷ lệ cỡ hạt trung bình của nó với muội than dẫn điện (A) nằm trong khoảng từ 1,1 đến 3, và tỷ lệ hút dầu của nó với muội than dẫn điện (A) nằm trong khoảng từ 0,9 đến 0,2.

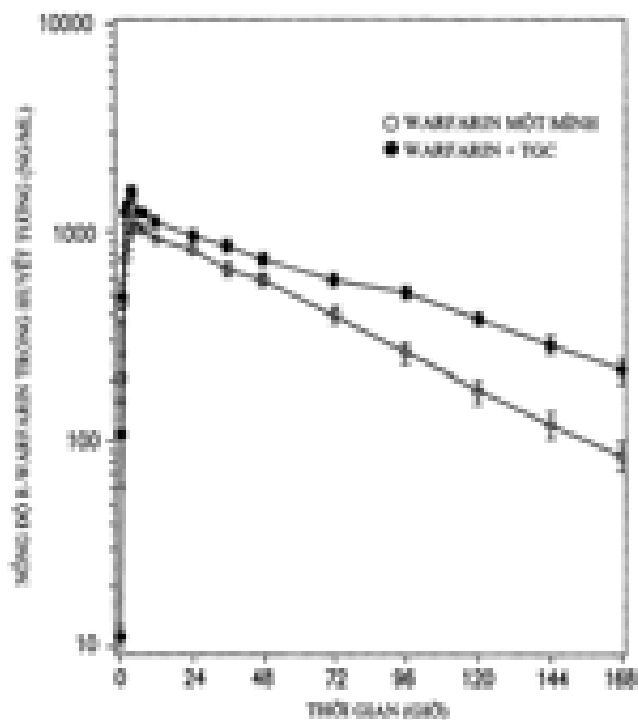




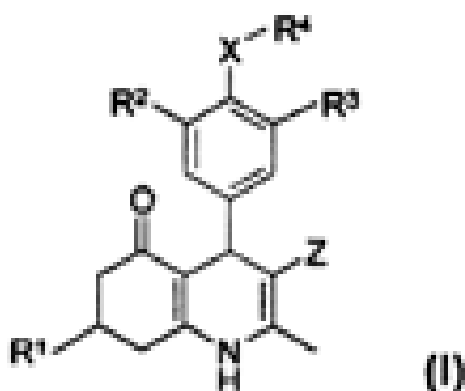
- (11) **17075**
- (21) 1-2007-02583 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/65**, 31/727, A61P 31/04
- (22) 02.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/016860 02.05.2006 (87) WO2006/121713 16.11.2006
- (30) 60/678,203 06.05.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) LUDWIG, Stephen A. (US), VENCL-JONCIC, Maja (YU), GANDHI, Pooja (US), GROSS, Joseph (US), KOCZONE, Julianna (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) DƯỢC PHẨM, DỤNG CỤ Y TẾ CHỨA GLYXYLXYCLIN VÀ HEPARIN
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm, dụng cụ y tế chứa glyxylyxyclin và heparin.



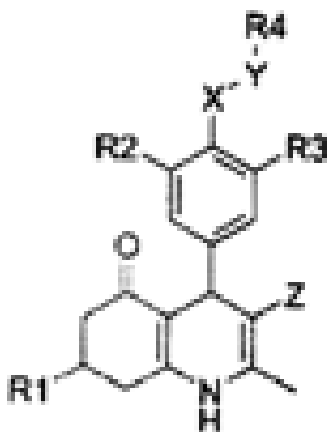
- (11) **17076**  
 (21) 1-2007-02584 (51)<sup>7</sup> **A61K 45/06**, 31/65, 31/37  
 (22) 01.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/016542 01.05.2006 (87) WO2006/121666 16.11.2006  
 (30) 60/678,204 06.05.2005 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, USA  
 (72) SPETH, John Louis (US), HARPER, Dawn Maria (US), RAIBLE, Donald George (US), MURALIDHARAN, Gopal (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) DƯỢC PHẨM, THIẾT BỊ Y TẾ VÀ KIT CHỨA TIGEXYCLIN VÀ WARFARIN  
 (57) Sáng chế đề xuất dược phẩm, thiết bị y tế và kit chứa tigexyclin và warfarin.



- (11) **17077**
- (21) 1-2007-02587 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/47**, 31/4709, A61P 5/24, C07D 215/20, 401/12
- (22) 02.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/061978 02.05.2006 (87) WO2006/117371 09.11.2006
- (30) 05103741.4 04.05.2005 EP
- (71) N.V. ORGANON (NL)  
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, the Netherlands
- (72) Karstens, Willem, Frederik, Johan (NL), Timmers, Cornelis, Marius (NL)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) DẪN XUẤT 4-PHENYL-5-OXO-1,4,5,6,7,8-HEXAHYDROQUINOLIN DÙNG ĐỂ LÀM THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH VÔ SINH
- (57) Sáng chế đề cập đến các dẫn xuất 2-metyl-4-phenyl-5-oxo-1,4,5,6,7,8-hexahydroquinolin có công thức chung (I) trong đó các phần tử thế được xác định như trong bản mô tả, hoặc muối được dụng của nó. Sáng chế cũng đề cập đến các dược phẩm chứa các dẫn xuất này, cũng như đến thuốc điều trị các rối loạn sinh sản bao gồm các dẫn xuất 2-metyl-4-phenyl-5-oxo-1,4,5,6,7,8-hexahydroquinolin này.



- (11) **17078**
- (21) 1-2007-02588 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/47**, C07D 215/20, 401/12, 405/12, 417/12, A61K 31/4709, A61P 5/24
- (22) 02.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/061976 02.05.2006 (87) WO2006/117023 09.11.2006
- (30) 05103738.0 04.05.2005 EP
- (71) N.V. ORGANON (NL)  
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, the Netherlands
- (72) Timmers, Cornelis, Marius (NL), Karstens, Willem, Frederik, Johan (NL), Grima Poveda, Pedro, Manuel (ES)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) DẪN XUẤT 4-PHENYL-5-OXO-1,4,5,6,7,8-HEXAHYDROQUINOLIN, DƯỢC PHẨM CHỨA DẪN XUẤT NÀY VÀ THUỐC CHỨA DẪN XUẤT NÀY ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH VÔ SINH
- (57) Sáng chế đề cập đến dẫn xuất 4-phenyl-5-oxo-1,4,5,6,7,8-hexahydroquinolin có công thức (I), trong đó các phân tử thế được xác định trong bản mô tả này, hoặc muối được dụng của chúng. Các hợp chất theo sáng chế là các chất hoạt hoá thụ thể hormon làm kích thích nang trứng (FSH) hiệu quả và có thể được dùng để điều trị các rối loạn sinh sản, ví dụ kích thích quá độ buồng trứng có kiểm soát và các quy trình thụ tinh trong ống nghiệm (IVF).



(I)

- (11) **17079**
- (21) 1-2007-02589 (51)<sup>7</sup> **A01N 47/36**, 37/12, 59/02, 37/06,  
59/00, 37/02, 61/00, 25/30
- (22) 13.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/004522 13.05.2006 (87) WO2006/131188 14.12.2006
- (30) 05012119.3 04.06.2005 EP
- (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
Alfred-Nobel-Strasse 50, 40789 Monheim, Germany
- (72) KRAHMER, Hansjorg (DE), HILLS, Martin (GB), TRABOLD, Klaus (DE),  
HACKER, Erwin (DE)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) THUỐC DIỆT CỎ
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp phần thuốc diệt cỏ chứa:  
a) một hoặc nhiều hoạt chất diệt cỏ thuộc nhóm các dioxazinpyridylsulfonyle, và  
b) một hoặc nhiều phụ gia thuộc nhóm các este béo, phân bón và các chất hoạt động bề mặt.

(11) **17080**

(21) 1-2007-02591

(22) 05.12.2007

(51)<sup>7</sup> **B62J 9/00**

(43) 26.05.2008

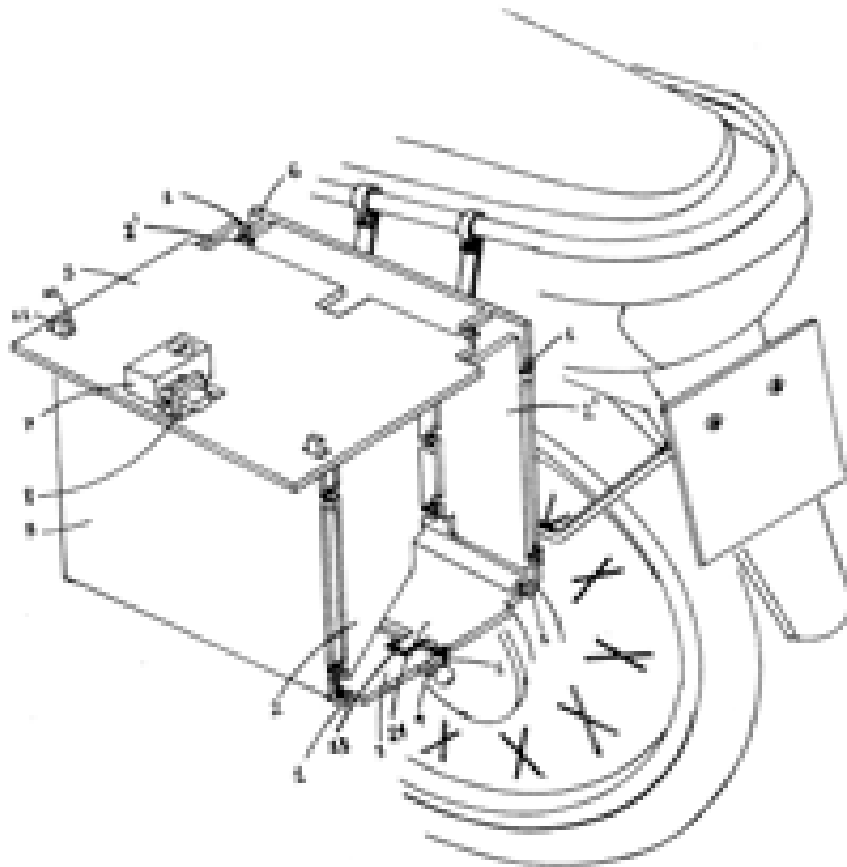
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.03.2008

(75) HUỖNH CÔNG NGHĨA (VN)

166A Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(54) DỤNG CỤ CẮT GIỮ VÀ KHOÁ BẢO HIỂM GẮN Ở XE MÁY

(57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ cắt giữ và khóa mũ bảo hiểm gắn ở xe máy sáng chế có dạng một chiếc hộp có vách nắp khóa lại được với đặc tính là dễ thu gọn lại được nhờ các vách có gắn bản lề với nhau và mỗi vách hông, vách đáy có khả năng dễ gấp đôi vào trong được giúp dễ thu gọn và cố định các vách nằm ép sát vào nhau; và có dạng chiếc kẹp có một khung với hai gọng kẹp có hai hàm kẹp cong ôm vào vùng gần đỉnh mũ bảo hiểm tạo thành khung rào bao các hướng quanh mũ bảo hiểm và hai gọng kẹp khóa lại với nhau được nhờ một thanh răng đút vào ổ khóa gắn ở trên hai hàm kẹp.



- (11) **17081**  
(21) 1-2007-02598 (51)<sup>7</sup> **C08G 18/42**, 18/12, 18/62  
(22) 21.04.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/015210 21.04.2006 (87) WO/2006/137967 28.12.2006  
(30) 11/155,154 17.06.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.12.2007

- (71) PPG INDUSTRIES OHIO, INC (US)  
3800 West 143rd Street, Cleveland, State of Ohio 44111, United States of America  
(72) RYE, Karen R. (US), REARICK, Brian K. (US), SPROULE, Michael L. (US),  
HAYES, Deborah E. (US)  
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
(54) HỢP CHẤT PHỦ VÀ NỀN MỀM Dẻo ĐƯỢC PHỦ  
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất phủ bao gồm thành phần thứ nhất có rượu polyhydric polyeste thứ nhất có tính hoạt động thứ nhất và rượu polyhydric polyeste thể hiện có tính hoạt động thứ hai, trong đó tính hoạt động thứ hai là cao hơn tính hoạt động thứ nhất và thành phần thứ hai bao gồm isoxyanat, trong đó lớp phủ có tỷ lệ NCO:OH là 1:1 hoặc lớn hơn được bộc lộ. Nền mềm dẻo được phủ bao gồm nền mềm dẻo và lớp phủ được lắng đọng trên ít nhất một phần của nền, trong đó tính hoạt động thứ hai là cao hơn tính hoạt động thứ nhất và rượu polyhydric polyeste thứ hai có isoxyanat cũng nằm trong phạm vi sáng chế.

- (11) **17082**  
(21) 1-2007-02605 (51)<sup>7</sup> **C07K 14/605**  
(22) 04.05.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/IN2006/000154 04.05.2006 (87) WO2007/017892 15.02.2007  
(30) 558/MUM/2005 05.05.2005 IN  
645/MUM/2005 31.05.2005 IN

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.12.2007

- (71) CADILA HEALTHCARE LIMITED (IN)  
Zydus Tower, Satellite Cross Roads, Ahmedabad 380 015, Gujarat (IN)  
(72) Lohray, Braj, Bhushan (IN), Lohray, Vidya, Bhushan (IN), Bahekar, Rajesh, H (IN)  
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
(54) HỢP CHẤT LÀM CÁC CHẤT CHỦ VẬN GLP-I  
(57) Sáng chế mô tả nhóm các dạng hiệu peptit mới có ích cho việc điều trị bệnh đái đường.  
Các hợp chất này được xác định bằng công thức chung (I) như được cho ở dưới.



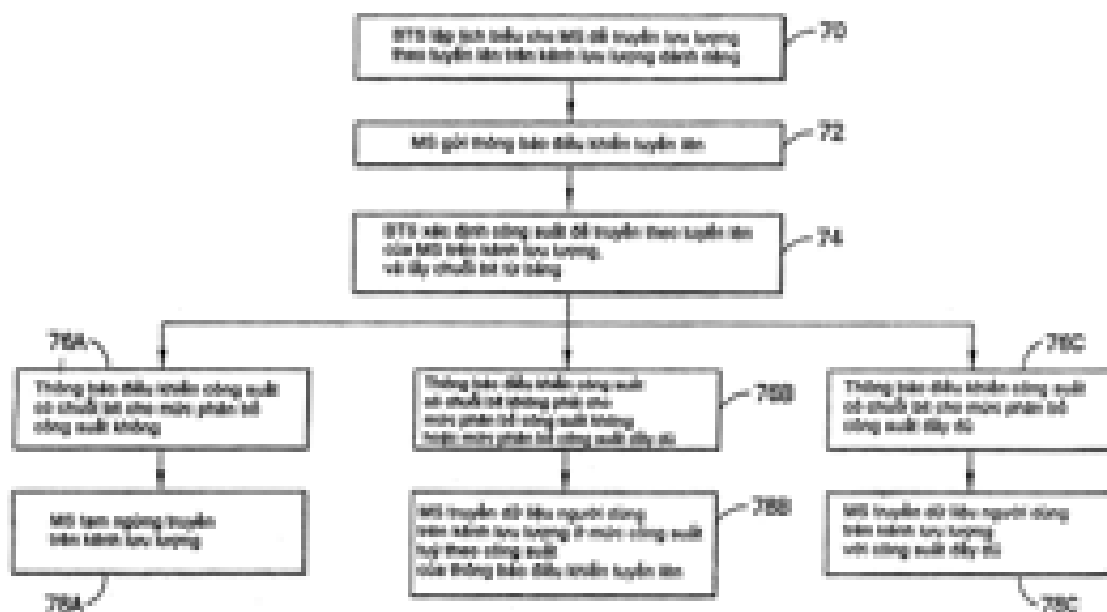


- (11) **17083**
- (21) 1-2007-02634 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4245**, C07D 271/08
- (22) 09.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/017983 09.05.2006 (87) WO2006/122150 16.11.2006
- (30) 60/679,507 10.05.2005 US
- (71) INCYTE CORPORATION (US)  
Experimental Station, Building 336, Route 141 & Henry Clay Road, Wilmington, DE  
19880, United States of America
- (72) COMBS, Andrew, P. (US), YUE, Eddy, W. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT INDOLAMIN 2,3-DIOXYAZA VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất indolamin 2,3-dioxyaza (IDO), cũng như dược phẩm chứa hợp chất này và quy trình sản xuất.

- (11) **17084**  
 (21) 1-2007-02647 (51)<sup>7</sup> **H04B 7/005, H04Q 7/38**  
 (22) 09.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/IB2006/001193 09.05.2006 (87) WO2006/120540 16.11.2006  
 (30) 60/680,266 11.05.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.12.2007

- (71) **NOKIA CORPORATION (FI)**  
 Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland  
 (72) **RANTA-AHO Karri (FI), SEBIRE Benoist (FR)**  
 (74) **Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)**  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH ĐỂ BÁO HIỆU PHÂN BỐ MỨC CÔNG SUẤT KHÔNG/ĐẦY ĐỦ CHO VIỆC TRUY CẬP GÓI ĐƯỜNG LÊN TỐC ĐỘ CAO**  
 (57) **Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị báo hiệu mức phân bố công suất không/đầy đủ cho việc truy cập gói đường lên tốc độ cao, theo đó, mạng lập lịch biểu cho trạm di động về việc truyền gói theo tuyến lên trên kênh dữ liệu, nhận từ trạm di động thông báo tuyến lên trên kênh điều khiển, xác định từ thông báo tuyến lên mức công suất mong muốn cho trạm di động để truyền trên kênh dữ liệu, và sau đó truyền tới trạm di động thông báo điều khiển công suất để ra lệnh mức phân bố công suất không hoặc mức phân bố công suất đầy đủ cho việc truyền gói theo tuyến lên đã lập lịch biểu. Trạm di động nhận thông báo điều khiển công suất từ mạng, sau đó xác định từ thông báo điều khiển công suất đó xem mức phân bố công suất không hay mức phân bố công suất đầy đủ đã được cấp. Nếu là mức không, thì trạm di động sẽ tạm ngừng việc truyền của nó trên kênh dữ liệu cho đến khi nhận được lệnh điều khiển công suất mới cho việc truyền theo tuyến lên trên kênh dữ liệu. Nếu là mức đầy đủ, thì trạm di động sẽ truyền dữ liệu người dùng trên kênh dữ liệu mà không liên quan tới công suất trên kênh điều khiển.**



- (11) **17085**  
 (21) 1-2007-02654 (51)<sup>7</sup> **G06F 17/60**  
 (22) 11.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/AU2006/000605 11.05.2006 (87) WO2006/119558 16.11.2006  
 (30) 2005902359 11.05.2005 AU

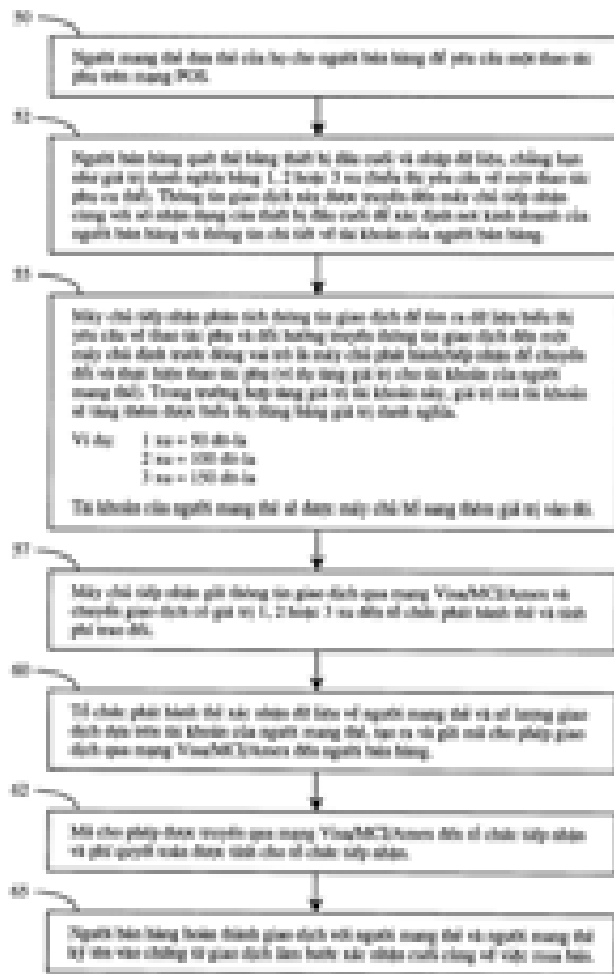
(71) ON Q TECHNOLOGIES PTY LTD (AU)  
 677 The Boulevard, Eaglemont, Melbourne, Victoria, 3084, Australia

(72) CHRISTIANSEN, Brian, David (AU)

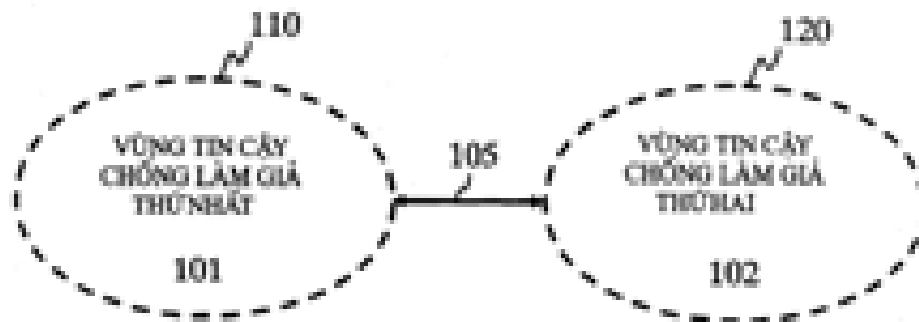
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) MẠNG THIẾT BỊ BÁN HÀNG VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH MẠNG THIẾT BỊ BÁN HÀNG

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp thực hiện các giao dịch qua mạng thiết bị bán hàng (POS: Point Of Sale), trong đó thông tin tài khoản liên quan đến người dùng được thu nhận và kiểm tra. Dữ liệu được nhập vào tại điểm truy nhập mạng POS, dữ liệu đó có liên quan đến một thao tác phụ cụ thể. Sau đó, dữ liệu được truyền dưới dạng gói POS đến điểm xử lý trung gian và điểm xử lý trung gian sẽ thu gói POS, phân tích nội dung của nó và gửi đến một máy chủ định trước để thực hiện thao tác phụ. Sau đó, thao tác phụ này được thực hiện đối với tài khoản người dùng đã được kiểm tra.

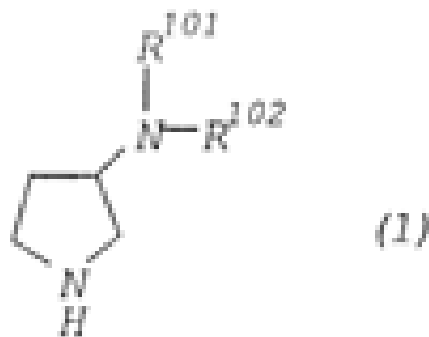


- (11) **17086**
- (21) 1-2007-02673 (51)<sup>7</sup> **G07F 7/10, G06F 21/00, G06K 19/07, H04L 9/00**
- (22) 11.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FI2006/050186 11.05.2006 (87) WO2006/120302 16.11.2006
- (30) 11/128.676 13.05.2005 US
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FI-02150 Espoo, Finland
- (72) ASOKAN Nadarajah (CA), EKBERG Jan-Erik (FI), PAATERO Lauri (FI)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) PHƯƠNG PHÁP LƯU GIỮ BẢO MẬT BẢO VỆ TÍNH TOÀN VỆ DÀNH CHO THIẾT BỊ
- (57) Sáng chế đề xuất thiết bị bao gồm hệ mạch tích hợp thứ nhất có bộ xử lý bản mật sử dụng mã thông báo bảo mật bên trong thay vì mã thông báo bảo mật tích hợp. Mã thông báo bảo mật được tạo ra bởi hệ mạch tích hợp thứ hai tách biệt với hệ mạch thứ nhất. Hệ mạch tích hợp thứ hai có bộ phận lưu trữ không khả biến bảo mật. Bộ xử lý bảo mật truyền thông tin tới hệ mạch thứ hai theo cách bảo mật để thông tin cần bảo mật được lưu trữ bảo mật trong bộ phận lưu trữ không khả biến bảo mật, và hệ mạch tích hợp thứ hai sẽ truyền thông tin lưu trong bộ phận lưu trữ không khả biến bảo mật của nó tới bộ xử lý bảo mật theo cách bảo mật. Việc truyền thông tin được bảo mật bằng cách lập mật mã. Hệ mạch tích hợp thứ nhất và hệ mạch tích hợp thứ hai là các bộ phận bên trong của thiết bị. Sáng chế còn đề xuất phương pháp khởi tạo để phân phối khoá bảo mật được chia sẻ giữa các hệ mạch và được sử dụng trong mã hoá.



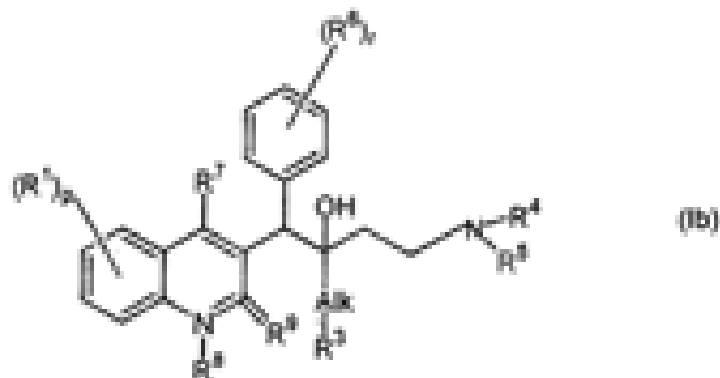
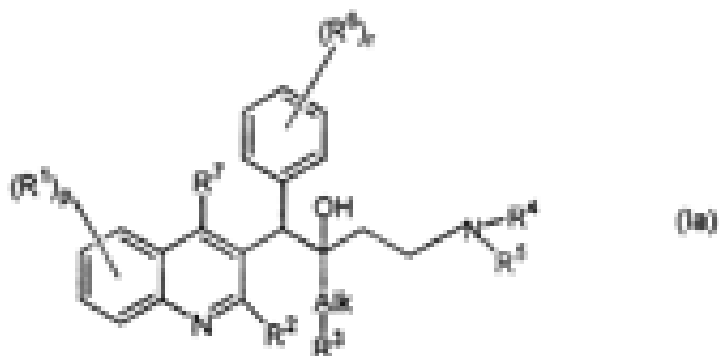
- (11) **17087**
- (21) 1-2007-02675 (51)<sup>7</sup> **C08F 5/526**, C08K 5/00, 5/134,  
5/527, C08L 23/02
- (22) 13.05.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2005/016772 13.05.2005 (87) WO2006/124018 23.11.2006
- (71) CHEVRON PHILLIPS CHEMICAL COMPANY, L.P. (US)  
10001 Six Pines Drive., The Woodlands, TX 77380, United States of America
- (72) BOBSEIN Rex L. (US), HAUGER Bryan E. (US), COUTANT William R. (US),  
RATHMAN John (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) CHẤT PHỤ GIA PHOSPHIT TRONG POLYOLEFIN, SẢN PHẨM VÀ QUY  
TRÌNH SẢN XUẤT
- (57) Sáng chế đề xuất việc độ trắng và độ ổn định sau khi gia công polyolefin đã được chỉ ra  
là được cải thiện sau khi bổ sung hỗn hợp có ít nhất một phosphit hoạt tính cao và ít  
nhất một phosphit bền thủy phân.

- (11) **17088**  
 (21) 1-2007-02677 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/12**, A61K 31/40, 31/4439, 31/497, A61P 25/00, C07D 207/14, 401/14, 403/14, 405/12, 407/12, 407/14, 413/12, 413/14, 417/12, 417/14
- (22) 12.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/309988 12.05.2006 (87) WO2006/121218 16.11.2006  
 (30) 2005-141230 13.05.2005 JP  
 (71) OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)  
 9, Kandatsukasa-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1018535, Japan  
 (72) KURIMURA, Muneaki (JP), TAIRA, Shinichi (JP), TOMOYASU, Takahiro (JP), ITO, Nobuaki (JP), TAI, Kuninori (JP), TAKEMURA, Noriaki (JP), MATSUZAKI, Takayuki (JP), MENJO, Yasuhiro (JP), MIYAMURA, Shin (JP), SAKURAI, Yohji (JP), WATANABE, Akihito (JP), SAKATA, Yasuyo (JP), MASUMOTO, Takumi (JP), AKAZAWA, Kohei (JP), SUGINO, Haruhiko (JP), AMADA, Naoki (JP), OHASHI, Satoshi (JP), SHINOHARA, Tomoichi (JP), SASAKI, Hirofumi (JP), MORITA, Chisako (JP), YAMASHITA, Junko (JP), NAKAJIMA, Satoko (JP)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT PYROLIDIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất pyrolidin có công thức chung (1)



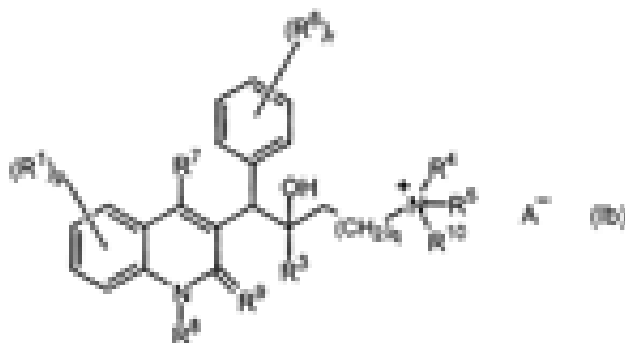
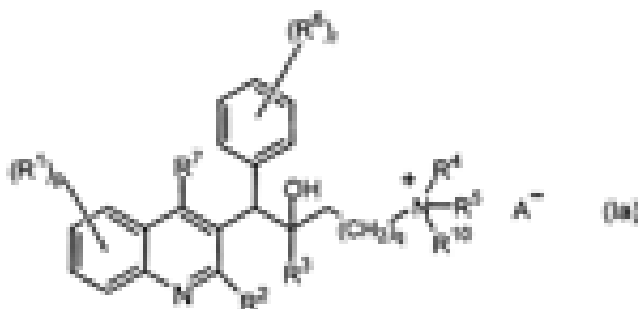
hoặc muối của chúng, trong đó  $R^{101}$  và  $R^{102}$  độc lập là nhóm phenyl hoặc nhóm pyridyl. Nhóm phenyl hoặc nhóm pyridyl có thể có một hoặc nhiều phân tử thế được chọn từ nguyên tử halogen và nhóm alkyl thấp được thế tùy ý bằng một hoặc nhiều nguyên tử halogen, v.v.. Hợp chất pyrolidin hoặc muối của chúng theo sáng chế có thể sử dụng được để bào chế dược phẩm có phạm vi chữa bệnh rộng hơn và có khả năng có tác dụng chữa bệnh sau khi sử dụng trong một thời gian ngắn. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới quy trình điều chế hợp chất này cũng như quy trình bào chế dược phẩm chứa chúng.

- (11) **17089**
- (21) 1-2007-02681 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4353**, A61P 31/04, C07D 215/22, 215/227, 215/36
- (22) 26.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/063556 26.06.2006 (87) WO/2007/000436 04.01.2007
- (30) 05105769.3 28.06.2005 EP
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) ANDRIES, Koenraad, Jozef, Lodewijk, Marcel (BE), KOUL, Anil (IN), GUILLEMONT, Jerome, Emile, Georges (FR), MOTTE, Magali, Madeleine, Simone (FR)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) DẪN XUẤT QUINOLIN LÀM CHẤT KHÁNG KHUẨN, THUỐC CHỨA CHỨNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ THUỐC NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất này là hợp chất có công thức (Ia) hoặc (Ib)



hoặc muối cộng axit hoặc bazơ được dùng của chúng, dạng đồng phân lập thể hóa học của chúng, dạng hỗn hợp của chúng hoặc dạng N-oxit của chúng. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến tổ hợp các hợp chất này và quy trình bào chế thuốc trong đó hợp chất này được sử dụng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn.

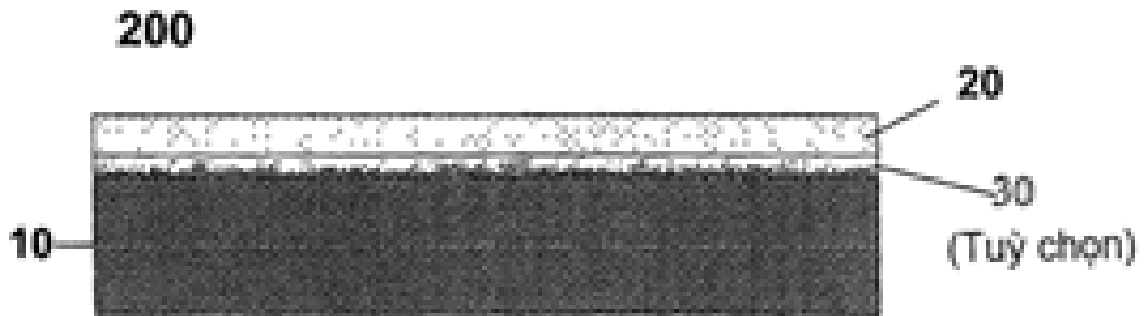
- (11) **17090**
- (21) 1-2007-02682 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4353**, A61P 31/04, C07D 215/227, 215/36
- (22) 26.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/063552 26.06.2006 (87) WO/2007/000434 04.01.2007
- (30) 05105755.2 28.06.2005 EP
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) ANDRIES, Koenraad, Jozef, Lodewijk, Marcel (BE), KOUL, Anil (IN), LANCOIS, David, Francis, Alain (FR), MOTTE, Magali, Madeleine, Simone (FR), GUILLEMONT, Jerome, Emile, Georges (FR)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT QUINOLIN LÀM CHẤT KHÁNG KHUẨN, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (Ia) hoặc (Ib)



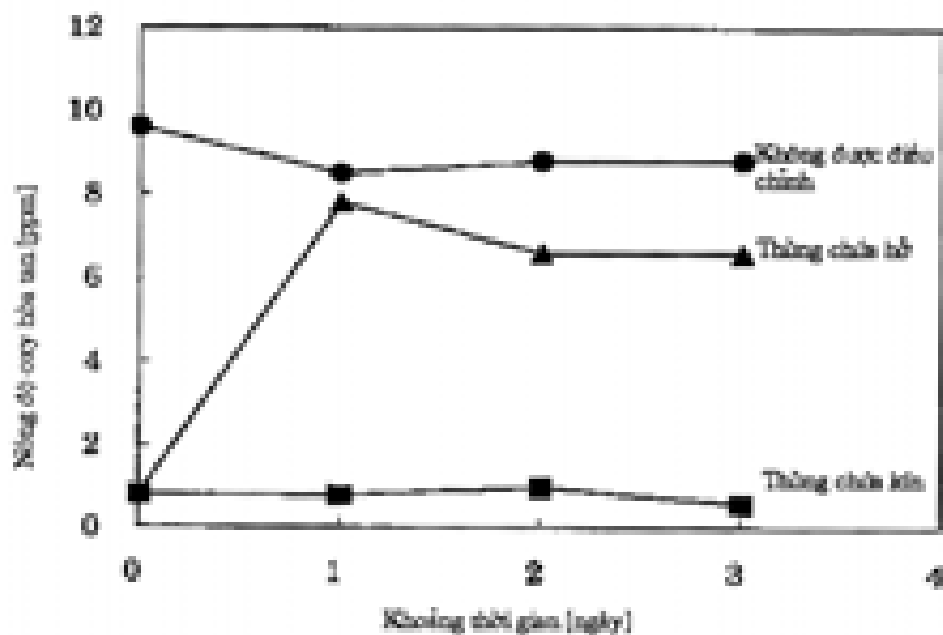
N-oxit, dạng hồ biến hoặc dạng đồng phân lập thể hóa học của chúng. Sáng chế đề cập đến các hợp chất này và các tổ hợp của chúng với các tác nhân chống vi khuẩn khác. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình sản xuất dược phẩm bằng cách sử dụng hợp chất trên để điều trị bệnh nhiễm khuẩn, với điều kiện là bệnh nhiễm khuẩn này không phải bệnh nhiễm vi khuẩn Mycobacterium.



- (11) **17091**
- (21) 1-2007-02684 (51)<sup>7</sup> **B32B 27/12**, 5/26, F41H 5/04
- (22) 12.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/018814 12.05.2006 (87) WO2006/124825 23.11.2006
- (30) 11/130,361 16.05.2005 US
- (71) HONEYWELL INTERNATIONAL INC. (US)  
101 Columbia Road, P.O. Box 2245, Morristown, NJ 07960, United States of America
- (72) BHANTNAGAR Ashok (US), MURRAY Harold Lindley Jr. (US), WAGNER Lori L. (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **TẤM NHIỀU LỚP VÀ SẢN PHẨM ĐƯỢC TẠO RA TỪ TẤM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất các tấm phốt nhiều lớp, và các bộ tấm phốt, có khả năng hấp thụ va đập, chống đạn, tự chống xuyên thủng, cũng như trong các tấm chắn chống vỡ, các hợp phần kết cấu và các ứng dụng khác.

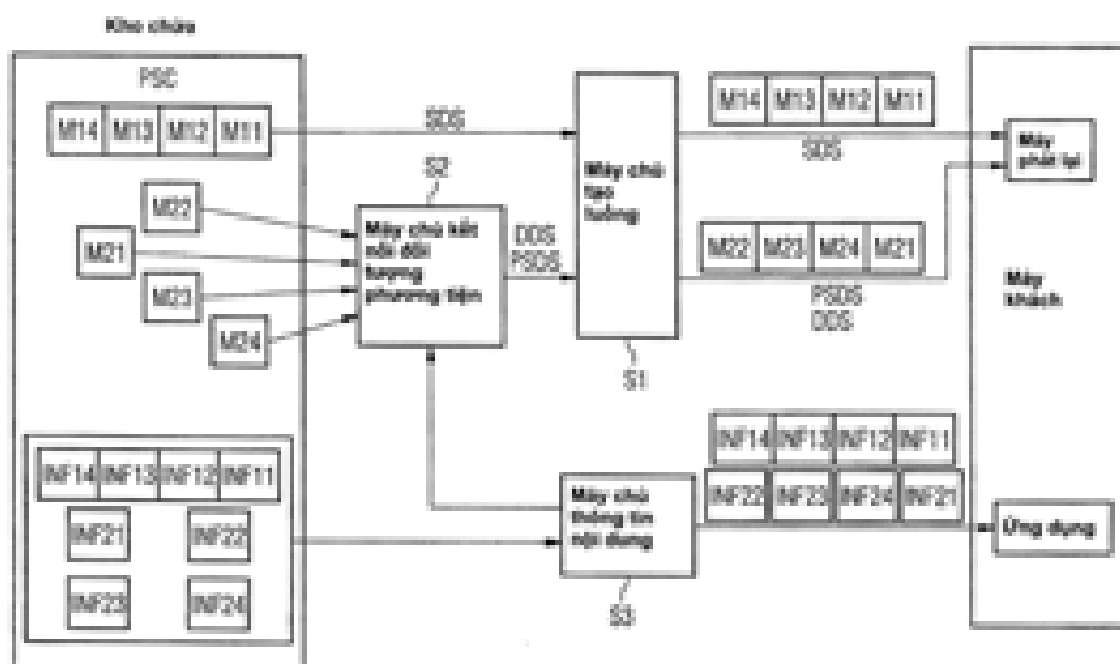


- (11) **17092**
- (21) 1-2007-02687 (51)<sup>7</sup> **A23C 3/00**
- (22) 14.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/311951 14.06.2006 (87) WO2006/134979 21.12.2006
- (30) 2005-173745 14.06.2005 JP
- 2005-173751 14.06.2005 JP
- (71) MEIJI DAIRIES CORPORATION (JP)  
2-10, Shinsuna 1-chome, Koto-ku, Tokyo 136-8908, Japan
- (72) Toshihiro OHMORI (JP), Sanae SATO (JP), Yukinari TAKEUCHI (JP), Tetsu KAMIYA (JP), Hiroshi ECHIZEN (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP HẠN CHẾ MÙI VỊ LẠ TRONG SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU VÀ SỮA THANH TRÙNG VÀ SỮA THANH TRÙNG ĐƯỢC XỬ LÝ THEO PHƯƠNG PHÁP NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp hạn chế mùi vị lạ trong sữa tươi nguyên liệu và sữa thanh trùng và đề xuất sữa thanh trùng được xử lý theo phương pháp này và có thể sử dụng để sản xuất sữa có chất lượng và hương vị tuyệt vời. Việc xử lý làm giảm nồng độ oxy hoà tan được thực hiện trong thời gian từ lúc vắt sữa đến thanh trùng trong khi xử lý sữa bò. Việc xử lý làm giảm nồng độ oxy hoà tan được thực hiện trong vòng 72 giờ từ khi vắt sữa. Nồng độ oxy hoà tan được giữ ở mức độ thấp sau khi thực hiện xử lý làm giảm nồng độ oxy hoà tan cho đến khi thanh trùng. Việc hạn chế mùi vị lạ đạt được bằng cách thực hiện ít nhất một trong số việc hạn chế các mùi vị oxy hoá tự phát trong sữa tươi nguyên liệu; hạn chế sự tạo thành và/hoặc tăng lượng hexanal; hạn chế mùi vị nẫu; và hạn chế sự tạo thành và/hoặc tăng lượng sulfua.



- (11) **17093**
- (21) 1-2007-02695 (51)<sup>7</sup> **C11D 3/00**, 1/835, 3/20, 3/37
- (22) 23.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/004891 23.05.2006 (87) WO2006/133791 21.12.2006
- (30) 0512423.5 17.06.2005 GB
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Nigel Peter Bird (GB), Christopher Boardman (GB), Rodolfo Enrique Cereghino Lagreze (CL), Camile Florido (BR), David Andrew Ross Jones (GB)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẾ PHẨM DƯỠNG VẢI VÀ PHƯƠNG PHÁP CẢI THIỆN DUNG DỊCH GIỮ BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dưỡng vải và phương pháp cải thiện vẻ ngoài của dung dịch giữ ở cuối công đoạn giữ bằng cách sử dụng chất hoạt động bề mặt được etoxylat hóa không ion có giá trị EO ít nhất là 20, tốt hơn nếu ít nhất là 25, tốt hơn nữa ít nhất là 30, trong chế phẩm dưỡng vải được sử dụng trong dung dịch tẩy giặt để dùng cho việc giặt trong gia đình bao gồm việc giặt bằng tay hoặc giặt bằng máy giặt không tự động.

- (11) **17094**
- (21) 1-2007-02696 (51)<sup>7</sup> **H04L 29/06**, H04N 7/24
- (22) 17.05.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2005/005358 17.05.2005 (87) WO2006/122572 23.11.2006
- (71) NOKIA SIEMENS NETWORKS GMBH & CO. KG (DE)  
St. -Martin-Str.76, 81541 Muchen, Germany
- (72) ERB, Olaf (DE), VINDEBY, Per (DE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN LƯỒNG DỮ LIỆU**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp truyền nội dung của luồng dữ liệu liên tục từ máy chủ thứ nhất (S1) đến thiết bị đầu cuối, trong đó, nội dung (M11, M12, M13, M14) được sinh ra bởi nguồn và được truyền đến máy chủ thứ nhất (S1), và nguồn sinh ra thông tin gắn kèm tương ứng (INF11, INF12, INF13, INF14) cho mỗi nội dung, và thông tin gắn kèm đã nêu (INF11, INF12, INF13, INF14) có thể được gắn với các nội dung (M11, M12, M13, M14) của luồng dữ liệu được truyền đến thiết bị đầu cuối, với nội dung của luồng dữ liệu được truyền riêng rẽ từ nguồn đến máy chủ thứ hai (S2), máy chủ này sử dụng chúng để tạo thành luồng dữ liệu động hoặc giả tĩnh mà nó truyền đến máy chủ thứ nhất.



(11) **17095**

(21) 1-2007-02709

(51)<sup>7</sup> **A61M 15/00**, B05B 11/00, B65D 83/14

(22) 22.05.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/EP2006/004813 22.05.2006

(87) WO2006/125577 30.11.2006

(30) 10 2005 024 439.4 24.05.2005 DE

(71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)

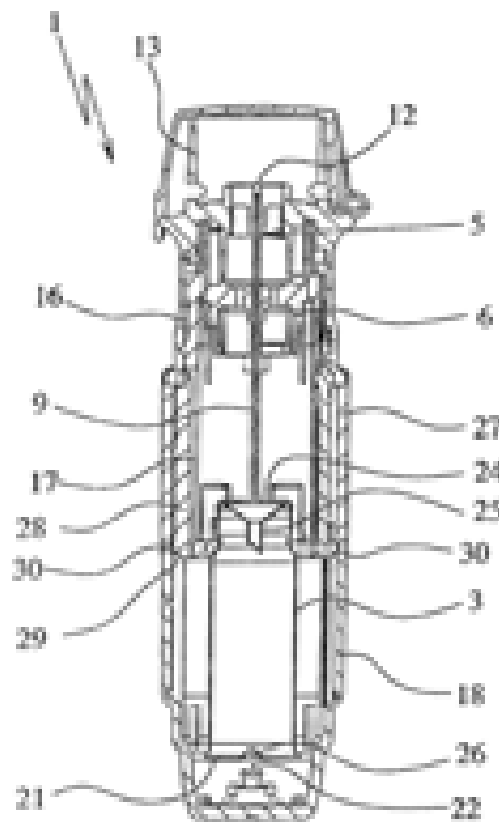
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim, Germany

(72) VON BRUNN, Timo (DE), GOLBERG, Christian (DE), THOMMES, Ralf (DE), BOECK, Georg (DE), WITTE, Florian (DE), FIOL, Andreas (DE)

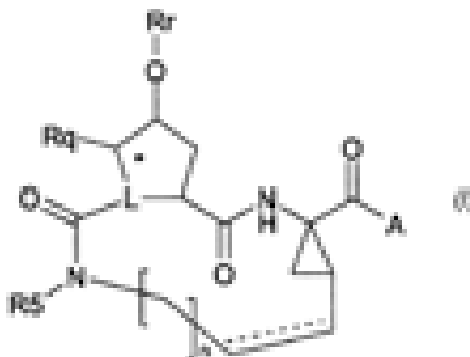
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) MÁY PHUN MÙ

(57) Sáng chế đề cập tới máy phun mù dùng cho chất lỏng, cụ thể là sáng chế đề cập tới máy phun mù dùng để điều trị bệnh bằng dược phẩm dạng sol khí. Để có thể vận hành dễ dàng hơn và cho phép độ hoạt động tin cậy được cải thiện, bộ phận chứa (3) được bịt kín chứa chất lỏng được bố trí trong máy phun mù khi phân phối và máy phun mù có kết cấu sao cho bộ phận chứa (3) được mở ở bên trong máy phun mù trước hoặc trong lần sử dụng đầu tiên của máy phun mù. Theo cách khác, hoặc theo cách bổ sung, máy phun mù có kết cấu sao cho bộ phận chứa không thể thay thế và đặc biệt là không thể được tháo ra được.



- (11) **17096**
- (21) 1-2007-02725 (51)<sup>7</sup> **C07D 417/04**, A61K 31/517, A61P 31/12, C07D 239/72
- (22) 28.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/064822 28.07.2006 (87) WO/2007/014927 08.02.2007
- (30) 05107057.1 29.07.2005 EP  
06113097.7 25.04.2006 EP
- (71) 1. MEDIVIR AB (SE)  
Lunastigen 7, S-141 44 Huddinge, Sweden  
2. TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)  
Eastgate Village, Eastgate, Little Island, Co Cork, IE
- (72) RABOISSON, Pierre, Jean-Marie, Bernard (FR), DE KOCK, Herman, Augustinus (BE), HU, Lili (NL), SIMMEN, Kenneth, Alan (GB), LINDQUIST, Karin, Charlotta (SE), LINDSTROM, Mats, Stefan (SE), BELFRAGE, Anna, Karin, Gertrud, Linnea (SE), WAHLING, Horst, Jurgen (DE), NILSSON, Karl, Magnus (SE), SAMUELSSON, Bengt, Bertil (SE), ROSENQUIST, Åsa, Annica, Kristina (SE), SAHLBERG, Sven, Crister (SE), WALLBERG, Hans, Kristian (SE), KAHNBERG, Pia, Cecilia (SE), CLASSON, Bjorn, Olof (SE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT VÒNG LỚN LÀM CHẤT ỨC CHẾ VIRUT GÂY BỆNH VIÊM GAN C VÀ PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ THUỐC CHỨA HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức (I)



và các N-oxit, các muối, và các chất đồng phân lập thể của nó, trong đó A là OR<sup>1</sup>, NHS(=O)<sub>p</sub>R<sup>2</sup>; trong đó: R<sup>1</sup> là hydro, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc vòng cacbon, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc dị vòng; R<sup>2</sup> là C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc vòng cacbon, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc dị vòng; p độc lập là 1 hoặc 2; n là 3, 4, 5 hoặc 6; ---- là liên kết đôi tùy ý; L là N hoặc CR<sub>z</sub>; R<sub>z</sub> là H hoặc cùng cacbon được đánh dấu sao tạo thành một liên kết đôi; R<sub>q</sub> là H hoặc khi L là CR<sub>z</sub>, R<sub>q</sub> cũng có thể là C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl; R<sub>r</sub> là quinazolilnyl, tùy ý được thể bằng một, hai hoặc ba phân tử thế, mỗi phân tử thế độc lập được chọn từ C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub> alkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub> alkoxy, hydroxy, halo, haloC<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl, amino, mono- hoặc dialkylmino, mono- hoặc dialkylaminocarbonyl, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl-carbonylamino, C<sub>0</sub>-C<sub>6</sub>alkylen-gốc vòng cacbon và C<sub>0</sub>-C<sub>2</sub> alkylen-gốc dị vòng; R<sup>5</sup> là hydro, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkoxyC<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl hoặc C<sub>3</sub>-C<sub>7</sub>xycloalkyl; R<sup>6</sup> là hydro, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>alkoxy, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc vòng cacbon, C<sub>0</sub>-C<sub>3</sub>alkylen-gốc dị vòng, hydroxy, bromo, clo hoặc flo, các hợp chất này có thể được sử dụng để điều trị hoặc phòng ngừa các bệnh nhiễm virus flavi như bệnh nhiễm HCV.

- (11) **17097**  
 (21) 1-2007-02728 (51)<sup>7</sup> **B29B 9/12**  
 (22) 24.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/019899 24.05.2006 (87) WO2006/127698 30.11.2006  
 (30) 60/684,556 26.05.2005 US  
 (71) GALA INDUSTRIES, INC. (US)

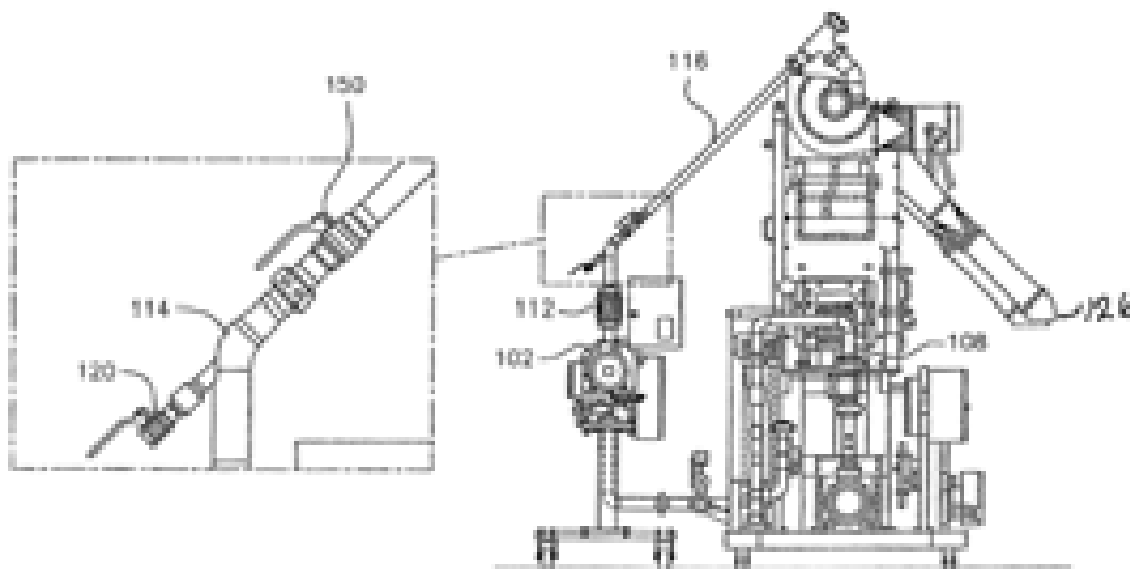
181 Pauley Street, Eagle Rock, VA 24085, United States of America

(72) ELOO, Michael (DE), WRIGHT, Roger, B. (US), MANN, Robert, G. (US)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT HẠT VÀ VIÊN POLYME KẾT TINH**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị để tạo hạt dưới nước và sau đó làm khô polyme kết tinh để tinh thể hóa các hạt polyme mà không cần nguồn nhiệt phụ. Khí tốc độ cao hoặc các khí trơ khác được bơm vào đường chứa nước và khối nhão chứa hạt (120) đến đầu ra của bộ phận làm khô gần thiết bị tạo hạt (102) với tốc độ dòng chảy là từ khoảng 100m<sup>3</sup>/giờ đến khoảng 175m<sup>3</sup>/giờ, hoặc hơn nữa. Dạng chuyển động của khí có tốc độ cao này tạo mù hơi với nước và tăng tốc độ của các hạt đi vào và đi ra khỏi bộ phận làm khô một cách đáng kể sao cho các hạt polyme rời bộ phận làm khô với ẩn nhiệt đủ để tạo ra quá trình tự tạo tinh thể trong các hạt. Cơ cấu van trong đường chứa phân nhão (150) sau phân phun khí còn điều chỉnh thời gian lưu trú của hạt và băng tải rung sau bộ phận làm khô giúp các hạt đạt được mức tạo tinh thể mong muốn và để tránh kết tụ.







(11) **17099**

(21) 1-2007-02741

(51)<sup>7</sup> **B01D 46/10**, A01N 25/34, 31/14,  
A62B 19/00, 23/00, 23/02, 7/10,  
B01D 39/14

(22) 30.06.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/CA2006/001092 30.06.2006

(87) WO2007/003047 11.01.2007

(30) 11/169,636 30.06.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.04.2008

(71) **BOLDUC LEROUX INC.** (CA)

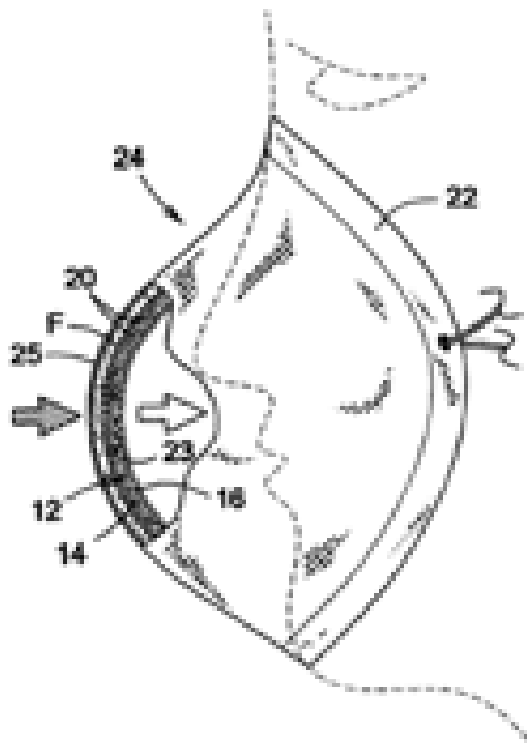
3365 boul. des Entreprises, Terrebonne, Quebec J6X 4J9, Canada

(72) **BOLDUC**, Normand (CA)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **BỘ LỌC KHÍ DIỆT KHUẨN**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ lọc khí diệt khuẩn (10) để sử dụng cho rãnh dẫn khí, bao gồm mạng lưới cố định (12) gồm nhiều sợi (20) chứa lượng của ít nhất một tác nhân diệt vi khuẩn được kết hợp và liên kết phân tử với cấu trúc của chúng đủ để gần như cố định, duy trì và ít nhất gây ức chế sự phát triển hoặc thường là tiêu diệt các vi khuẩn lơ lửng trong không khí chuyển động qua rãnh dẫn khí. Mạng lưới cố định (12) gần như thấm được không khí. Mặt nạ che mặt diệt khuẩn (24) và bộ lọc khí diệt khuẩn (10) được dùng trong hệ tuần hoàn khí (40) sử dụng mạng lưới cố định (12) cũng được bộc lộ.



(11) **17100**

(21) 1-2007-02752

(51)<sup>7</sup> **B01J 35/04**, B01D 53/86, B01J 32/00, F01N 3/28

(22) 09.06.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/JP2006/311633 09.06.2006

(87) WO2006/137276 28.12.2006

(30) 2005-181242 21.06.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.01.2008

(71) HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

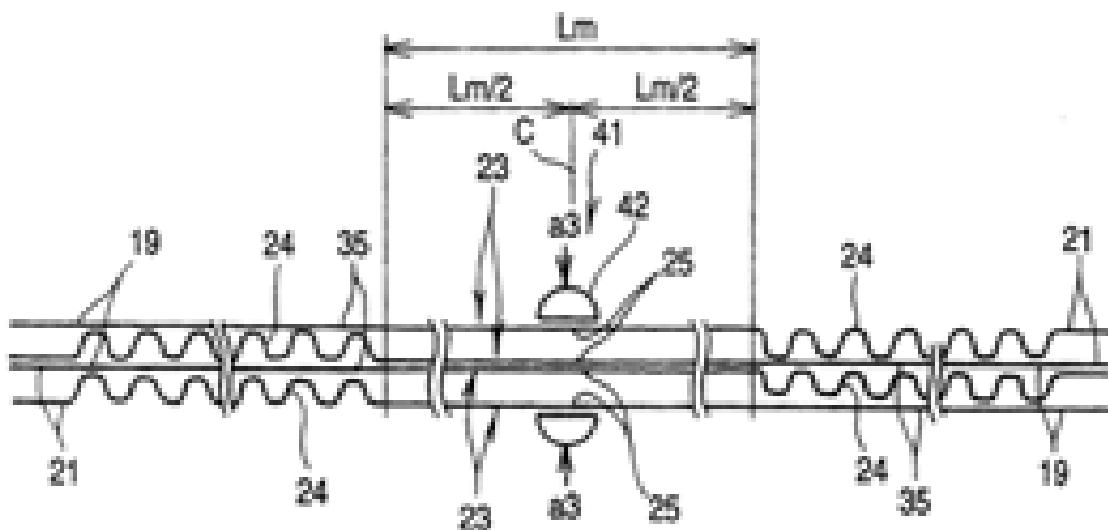
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556, JAPAN

(72) Takashi TSUCHIYA (JP), GOTO Tadashi (JP), KAKIYA Nobuyuki (JP), NEMOTO Chiyoko (JP), HORIMUKAI Toshiyuki (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **BỘ PHẬN ĐỠ BỘ XÚC TÁC DẠNG RỔ TỔ ONG BẰNG KIM LOẠI**

(57) Sáng chế đề xuất bộ phận đờ bộ xúc tác thân rổ tổ ong bằng kim loại (11) trong đó phần dạng sóng (24) được tạo ở một phía (33) của băng kim loại mỏng (23) theo hướng dọc. Các băng (23)... này được xếp chồng xen kẽ với nhau theo cách sao cho phần tấm phẳng (35) ở phía kia (34) của băng (23) khác được đặt chồng lên phần dạng sóng (24), và được cuộn từ phần chính giữa theo chiều dài (25) của nó nhờ đó tạo thành thân giá mang dạng kết cấu rổ tổ ong ở trạng thái cuộn (12). Thân giá mang dạng kết cấu rổ tổ ong ở trạng thái cuộn (12) được khớp vừa với bộ phận trụ rỗng (13). Phần phẳng ở giữa (25) của băng được cuộn để tạo thành phần trụ ở giữa (17) có đường kính D, và chiều dài (Lm) của phần phẳng ở giữa (25) của thân rổ tổ ong dạng cuộn được chọn ít nhất bằng  $4,14D$ .



- (11) **17101**
- (21) 1-2007-02754 (51)<sup>7</sup> **D06L 3/02**, D21C 9/10
- (22) 26.04.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/004260 26.04.2006 (87) WO2006/125517 A1 30.11.2006
- (30) EP05253295 27.05.2005 EP
- (71) Unilever N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Ronald Hage (NL), Jean Hypolites Koek (NL), Marinus Maria Cornelis Gerardus Warmoeskerken (NL)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) QUY TRÌNH TẮY TRẮNG
- (57) Sáng chế đề cập đến việc tẩy trắng nền bằng dung dịch hệ nước chứa muối hoà tan trong nước của chất xúc tác kim loại chuyển tiếp được tạo thành trước cùng với hydro peroxit.

(11) **17102**

(21) 1-2007-02761

(51)<sup>7</sup> **D01F 2/00, D01D 10/06, 5/26, 13/02**

(22) 06.03.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/EP2006/002026 06.03.2006

(87) WO2006/125484 30.11.2006

(30) 10 2005 024 433.5 24.05.2005 DE

(71) ZIMMER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

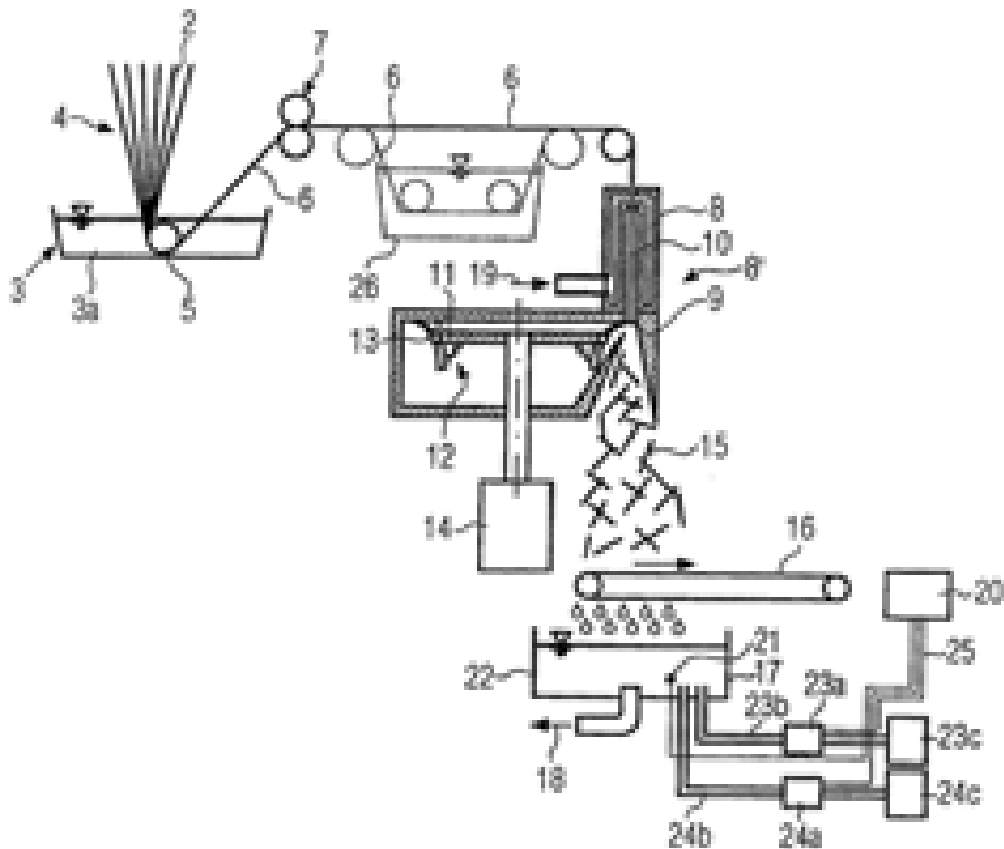
Borsigallee 1, 60388 Frankfurt am Main, Germany

(72) ZIKELI, Stefan (AT), WEIDINGER, Klaus (AT), SCHUMANN, Werner (DE), GLASER, Lutz (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ CẮT TỜ XE CHỨA AMIN OXIT BẠC BA VÀ XẾP ĐỒNG SỢI XENLULOZA

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất các thép sợi có tơ xe (2) được sản xuất theo phương pháp sản xuất sợi lyocell từ dung dịch xe sợi chứa nước, xenlulôza và amin oxit bạc ba. Theo phương pháp sản xuất của sáng chế, amin oxit bạc ba không bị rửa sạch khỏi tơ xe (2) trước khi cắt bởi phương tiện cắt (9). Do đó, sức bền vòng sợi được tăng lên. Phương pháp và thiết bị theo sáng chế đặc biệt có lợi ở chỗ sức bền vòng sợi của thép sợi lyocell đạt đến 15cN/tex, và có thể đến 20cN/tex.



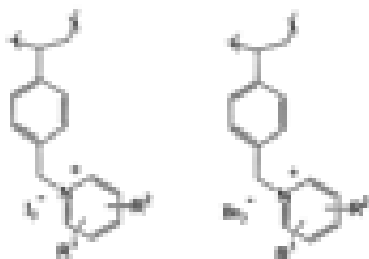
- (11) **17103**
- (21) 1-2007-02765 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/175**, A01N 47/34
- (22) 18.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/019284 18.05.2006 (87) WO2006/127399 30.11.2006
- (30) 60/683,949 24.05.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, USA
- (72) ALBRIGHT, Robert, B. (US), SABNIS, Shobhan (IN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **CHẾ PHẨM ĐẶC TẢI TRỌNG CAO, ĐA NĂNG ĐỂ HẠN CHẾ NGOẠI KÝ SINH TRÙNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm đặc tải trọng cao bao gồm metaflumizon, tác nhân cầu nối tùy ý, chất hoạt động bề mặt, và dung môi mang phù hợp. Chế phẩm này có thể được cho động vật sử dụng cục bộ, và hữu dụng để ngăn ngừa hoặc xử lý sự tràn vào phá hoại của ngoại ký sinh trùng ở động vật máu nóng trong khoảng thời gian dài. Ngoài ra, chúng có thể được pha loãng thêm để tạo ra các loại chế phẩm khác có thể sử dụng cục bộ hoặc sử dụng theo đường miệng.

- (11) **17104**
- (21) 1-2007-02777 (51)<sup>7</sup> **C07D 223/16**, A61K 31/55, A61P 25/18
- (22) 22.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/004954 22.05.2006 (87) WO2006/125622 30.11.2006
- (30) 0510599.4 24.05.2005 GB
- (71) **GLAXO GROUP LIMITED (GB)**  
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
- (72) Celine BRET (FR), Sarah Jane BURGESS (GB), Simon John HOLLAS (GB), Ian James KING (GB)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DẪN XUẤT BENZAZEPINI MALEAT DẠNG TINH THỂ**
- (57) Sáng chế đề cập tới dẫn xuất 7-[4-(4-clobenzyloxy)-benzensulfonyl]-8-metoxyl-2,3,4,5-tetrahydro-1H-3-benzazepini maleat dạng đa hình và solvat dược dụng của nó, dược phẩm chứa nó, quy trình điều chế nó và ứng dụng của nó trong y học, cụ thể là làm chất chống loạn thần.

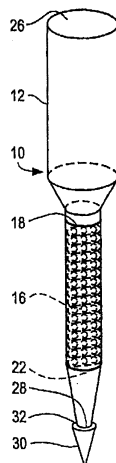
- (11) **17105**
- (21) 1-2007-02782 (51)<sup>7</sup> **C08G 73/06**, A61K 39/40
- (62) 1-2003-00637
- (22) 18.12.2001 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US01/49041 18.12.2001 (87) WO02/50164 27.06.2002
- (30) 60/256,297 18.12.2000 US
- 60/260,131 05.01.2001 US
- 10/023,022 17.12.2001 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.12.2007

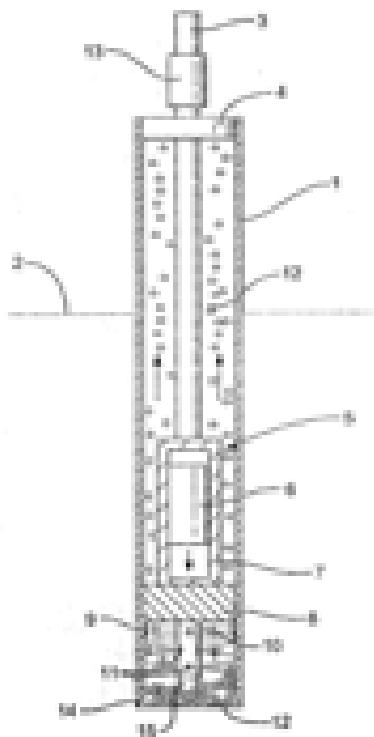
- (71) AQUATIC TREATMENT SYSTEMS, INC. (US)  
50 Cole Parkway, Scituate, MA 02066 USA
- (72) SMITH, Paul, K (US), BADGER, Timothy, J. (US)
- (74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
- (54) MÔI CHẤT POLYME HOÁ, QUY TRÌNH VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU CHẾ NƯỚC KHỬ TRÙNG DÙNG MÔI CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến môi chất oxi hoá, polime hoá, không tan trong nước có khả năng có nhiều phân N-pyridinium vinylbenzyi tri-iodua hay tri-bromua được polime hoá mà các vòng pyridinium của chúng mang hai nhóm thế, R<sup>1</sup> và R<sup>2</sup>, chúng là nhóm hydrido hay C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkyl độc lập, và tương ứng với công thức cấu tạo :



Sáng chế còn đề cập đến quy trình điều chế nước khử trùng và thiết bị hữu ích để thực hiện quy trình này, cả quy trình lẫn thiết bị đều sử dụng môi chất oxi hoá, polime hoá nêu trên, để làm các quy trình oxi hoá arsen hay antimon hoá trị ba tới arsen hay antimon hoá trị năm và loại bỏ arsen ra khỏi nước. Sáng chế còn đề cập đến các hạt nhôm oxit chứa meta-peiodat, sắt hay mangan các hạt này có thể được sử dụng để hấp phụ arsen và antimon hoá trị năm, cũng như coban và thủy ngân.

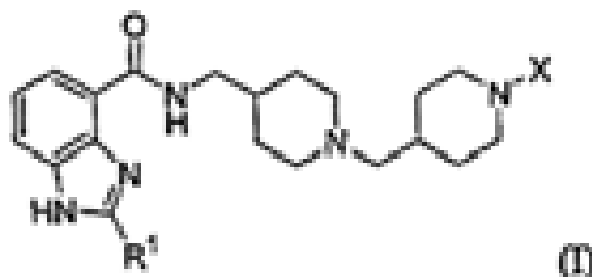


- (11) **17106**
- (21) 1-2007-02788 (51)<sup>7</sup> **E21B 7/20**, 43/10, 21/12, 7/18
- (22) 09.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/GB2006/001692 09.05.2006 (87) WO2006/125948 30.11.2006
- (30) 0510670.3 25.05.2005 GB
- (71) BP EXPLORATION OPERATING COMPANY LIMITED (GB)  
Chertsey Road, Sunbury-on-Thames, Middlesex TW16 7BP, United Kingdom
- (72) LUO, Yuejin (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP DÙNG CHO VỎ BỌC DẪN HOẶC ỐNG DẪN**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp đưa ống dẫn (1) vào đất (2), là đất thích hợp cho việc đưa ống dẫn chứa hydrôcacbon trong quá trình tạo ra dầu và khí, cụ thể hơn là ống dẫn ra xa ngoài biển bao gồm: (a) kết nối tại điểm cuối của lò xo khoan (3), (i) phương tiện hỗ trợ ống dẫn trên lò xo khoan (4), (ii) các phương tiện dẫn tạo xung chuyển động tương hỗ (5), (iii) phương tiện để chuyển động qua lại phương tiện dẫn tạo xung chuyển động tương hỗ bằng cách bơm chất lưu qua lò xo khoan, (iv) gối đỡ (8) có khả năng truyền lực nén của phương tiện dẫn tạo xung chuyển động tương hỗ (5) tới ống dẫn (1) và (v) phương tiện để phun chất lưu (1), (b) đặt vị trí kết nối trong thiết bị dẫn (1) để kết nối và thiết bị dẫn đó có thể được hỗ trợ bởi lò xo khoan và phương tiện phun chất lưu (10) tại điểm cuối của thiết bị dẫn (1), (c) đặt vị trí điểm cuối của ống dẫn (1) trên đất (2) vào cái mà nó cần được dẫn, (d) kích hoạt phương tiện dẫn tạo xung chuyển động tương hỗ (5) để tạo xung lên gối đỡ (8) và ống dẫn (1) vào đất (2) và (e) cùng lúc hay liên tiếp phun chất lưu vào trong phần dưới của ống dẫn (1) để nó có thể chảy lên phía trên dưới dạng những hạt nhỏ (12) được tạo xung vào trong ống dẫn, chất lưu và các hạt nhỏ được loại khỏi phần trên của ống dẫn (1).





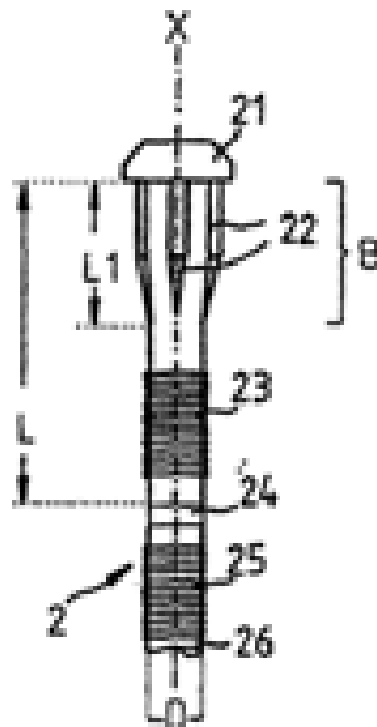
- (11) **17107**
- (21) 1-2007-02789 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/14**, A61K 31/4545, A61P 1/00, C07D 405/14, 409/14
- (22) 24.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/020085 24.05.2006 (87) WO2006/127815 30.11.2006
- (30) 60/684,466 25.05.2005 US  
60/684,478 25.05.2005 US  
60/748,415 08.12.2005 US
- (71) THERAVANCE, INC. (US)  
901 Gateway Boulevard, South San Francisco, CA 94080, United States of America
- (72) MCKINNELL, Robert, Murray (GB), GENDRON, Roland (CA), JIANG, Lan (CN), CHOI, Seok-Ki (KR), LONG, Daniel, D. (GB), FATHEREE, Paul, R. (US), MARQUESS, Daniel (GB), DALZIEL, Sean, M. (AU), PHIZACKERLEY, Kirsten, M. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT BENZIMIDAZOL-CARBOXAMIT LÀ CHẤT ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ 5-HT<sub>4</sub>, QUY TRÌNH BÀO CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất kháng thụ thể 5-HT<sub>4</sub> benzimidazol-carboxamit có công thức (I)



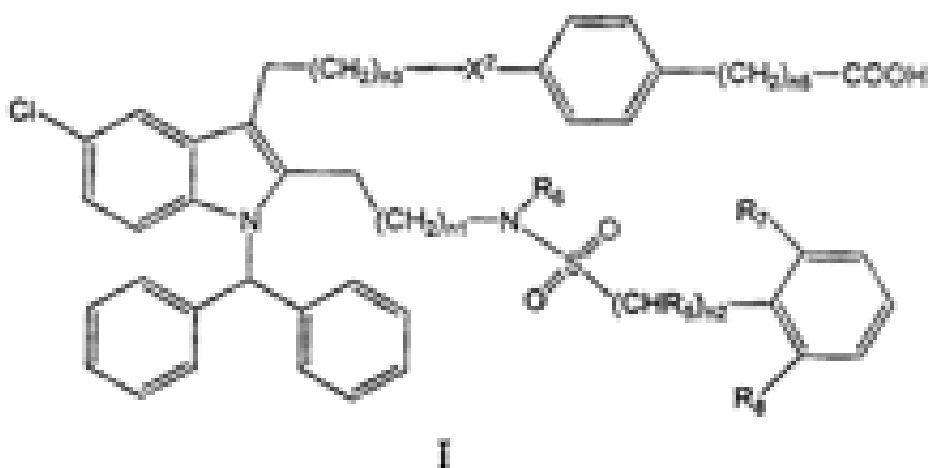
trong đó R<sup>1</sup> và X được xác định như trong bản mô tả, hoặc muối dược dụng hoặc solvat hoặc đồng phân lập thể của nó. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm bao gồm các hợp chất này và các quy trình điều trị và chất trung gian hữu dụng để điều chế các hợp chất có công thức (I). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới dạng tinh thể của hợp chất có công thức (I).

- (11) **17108**
- (21) 1-2007-02797 (51)<sup>7</sup> **A01H 5/10**, C12Q 1/68
- (22) 26.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/020323 26.05.2006 (87) WO2006/130436 07.12.2006
- (30) 60/685,584 27.05.2005 US
- (71) MONSANTO TECHNOLOGY LLC (US)  
800 North Lindbergh Blvd., St. Louis, MO 63167, United States of America
- (72) MALVEN Marianne (US), RINEHART Jennifer (US), TAYLOR Nancy (US),  
DICKINSON Ellen (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **CÂY ĐẬU TƯƠNG HOẶC CÁC BỘ PHẬN CỦA CHÚNG CHỨA DẠNG  
MON89788 VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến cây đậu tương và hạt chứa dạng biến nạp MON89788 và phân tử ADN đặc trưng cho dạng này. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp phát hiện sự có mặt của phân tử ADN này trong mẫu.

- (11) **17109**
- (21) 1-2007-02816 (51)<sup>7</sup> **F16B 19/10**, 5/04, 19/05
- (22) 26.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/005085 26.05.2006 (87) WO/2006/128652 07.12.2006
- (30) A 933/2005 31.05.2005 AT
- (71) SINGH, SUMANJIT (DE)  
Ahornweg 10, D-85080 Gaimersheim, Germany
- (72) SINGH, Sumanjit (DE), KHALIL, Ziad (AT), SIMON, Peter (DE)
- (74) Công ty TNHH Dương và Trần (DUONG & TRAN CO., LTD)
- (54) ĐINH TÁN
- (57) Sáng chế đề cập đến đinh tán để nối các bộ phận với nhau, cụ thể là các bộ phận máy bay, qua các lỗ được tạo ra trước, đinh tán bao gồm bộ phận ống nối (1), có một đầu đinh tán (11) với một hốc dài dọc trục và một thân nối, hoặc bao gồm đầu đinh tán (11) này, và một trục đinh tán (2), trục này có thân chính về cơ bản có dạng hình trụ (26) và một đầu gá đinh tán (21) mở rộng so với đường kính (D) của nó và đi qua bộ phận ống nối (1) và chạy dọc theo hốc với thân chính (26). Để tạo ra một mối nối giữa các chi tiết được nối tiết kiệm chi phí và cải thiện khả năng chịu lực, thậm chí các chi tiết được nối này có các lỗ kích cỡ khác nhau cho đinh tán, sáng chế cũng đề xuất trục đinh tán (2) có các gân dọc trục (22) trên thân chính hình trụ (26) của nó.



- (11) **17110**  
 (21) 1-2007-02823 (51)<sup>7</sup> **C07D 209/14**, A61K 31/404, A61P 11/00, 19/00, 25/00  
 (22) 26.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/020847 26.05.2006 (87) WO2006/128142 30.11.2006  
 (30) 60/685,564 27.05.2005 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) MCKEW, John, C. (US), LEE, Katherine, L. (US), CHEN, Lihren (TW), VARGAS, Richard (US), CLARK, James, D. (US), WILLIAMS, Cara (US), CLERIN, Valerie (FR), MARUSIC, Suzana (US), PONG, Kevin (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)  
 (54) **CHẤT ỨC CHẾ ENZYM PHOSPHOLIPAZA A<sub>2</sub> BÀO TƯƠNG VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHẤT NÀY**  
 (57) Sáng chế đề cập đến các chất ức chế hoạt tính của các enzym phospholipaza khác nhau, cụ thể là enzym phospholipaza A<sub>2</sub> bào tương (cPLA<sub>2</sub>), cụ thể hơn là các chất ức chế enzym phospholipaza A<sub>2</sub> alpha bào tương (cPLA<sub>2α</sub>). Theo một số phương án, các chất ức chế này có công thức I:



trong đó các nhóm thế là như xác định trong phần mô tả.

- (11) **17111**
- (21) 1-2007-02846 (51)<sup>7</sup> **A01H 1/02**
- (22) 29.06.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/CN2005/000944 29.06.2005 (87) WO/2007/000080 04.01.2007
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.02.2008
- (75) LI, XIAOFANG (CN)  
Guangdong Academy of Agricultural Sciences, Wushan Road, Tianhe, Guangzhou, Guangdong 510640, China
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TẠO VÀ SẢN XUẤT GIỐNG QUẦN TẬP Ở CÂY TRỒNG**
- (57) Sáng chế đề xuất các phương pháp tạo và sản xuất các giống quần tập cây trồng, phương pháp này gồm bước nhân bội các giống đơn kiểu gen, các tổ hợp lai hoặc hỗn hợp gồm các giống và các tổ hợp từ các quần thể gốc, mà chúng là giống nhau hoặc đồng đều về các đặc tính chính và có cùng các mục đích gây giống cụ thể, và trộn hạt của chúng theo tỷ lệ nhất định để tạo thành các chế phẩm để trồng.

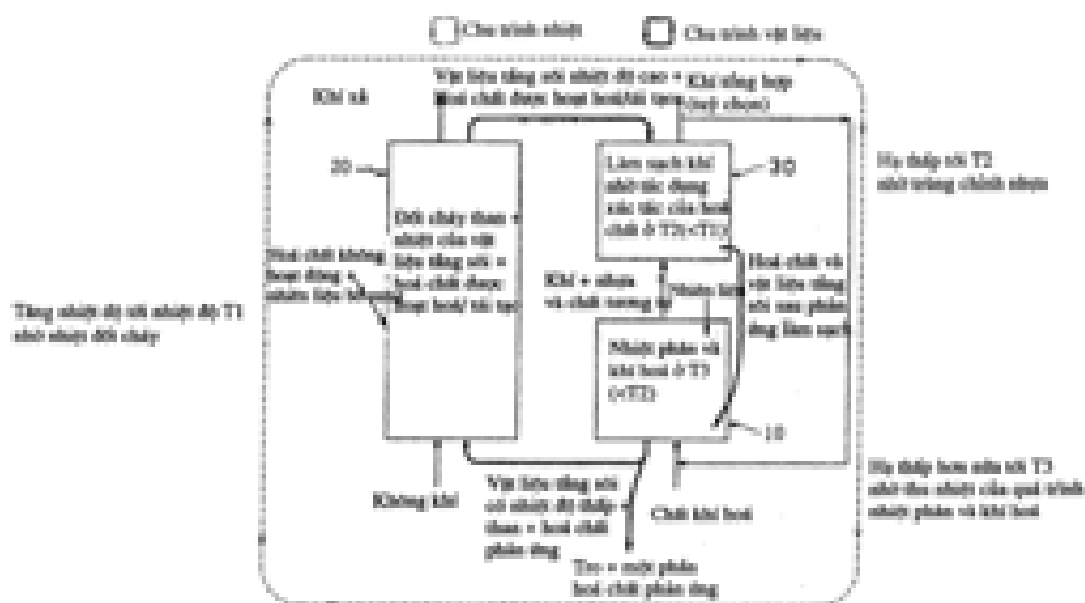
- (11) **17112**
- (21) 1-2007-02859 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/366**, 31/397, 31/40, 31/553, 45/06, A61P 1/16, 3/06
- (22) 31.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/311362 31.05.2006 (87) WO2006/129859 07.12.2006
- (30) 60/685,871 01.06.2005 US  
60/728,329 20.10.2005 US
- (71) TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)  
1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0045, Japan
- (72) Tomoyuki NISHIMOTO (JP), Ryuichi TOZAWA (JP), Takeo WADA (JP), Eiichiro ISHIKAWA (JP), Toshiya NISHI (JP), Hiroko YAMAKAWA (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DUỐC PHẨM DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ CHỨNG TĂNG LIPIT HUYẾT**
- (57) Sáng chế đề xuất dược phẩm hữu dụng để phòng ngừa và/hoặc điều trị chứng tăng lipit huyết, dược phẩm này bao gồm sự kết hợp một lượng hiệu quả của chất chế squalen synthaza và chất ức chế HMG-CoA reductaza.

- (11) **17113**  
 (21) 1-2008-00003 (51)<sup>7</sup> **C10J 3/00**, B01J 20/04, C10J 3/46, 3/48, C10K 1/26, 1/30  
 (22) 23.03.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/305785 23.03.2006 (87) WO2007/004342 11.01.2007  
 (30) 2005-195945 05.07.2005 JP

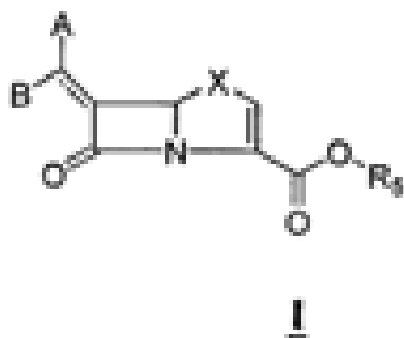
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.01.2008

- (71) IHI CORPORATION (JP)  
 1-1, Toyosu 3-chome, Koto-ku, Tokyo, 135-8710, Japan  
 (72) KYO Koubun (CN), MURAKAMI Takahiro (JP), SUDA Toshiyuki (JP), KUSAMA Shigeru (JP), FUJIMORI Toshiro (JP)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP KHÍ HOÁ NHIÊN LIỆU RẮN CÓ ĐỘ SẠCH KHÍ ĐỒNG ĐỀU VÀ THIẾT BỊ KHÍ HOÁ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÀY**  
 (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp và thiết bị khí hoá nhiên liệu rắn có độ sạch khí đồng đều, trong đó chức năng hấp thụ CO<sub>2</sub> trong khí bởi hoá chất để tăng tốc phản ứng khí hoá được làm cho phù hợp với chức năng xúc tác của nhựa trùng chĩnh chĩnh có trong khí được tạo ra bởi phản ứng khí hoá, nhờ đó sản phẩm khí sạch với hiệu suất khí lò cao.

Phương pháp khí hoá được chia thành ba công đoạn đó là : thực hiện quá trình nhiệt phân và khí hoá trong lò khí hoá (10) (giai đoạn khí hoá/nhiệt phân, công đoạn thứ nhất), đốt cháy than để thu được chất hoạt hoá đốt cháy trong lò đốt cháy (20) (giai đoạn đốt cháy than, công đoạn thứ hai) và làm sạch khí thu được bằng cách khí hoá trong lò làm sạch khí (30) (giai đoạn làm sạch khí/khí hoá, công đoạn thứ ba). Nhờ sự truyền nhiệt bởi môi trường nhiệt chất lưu và hoá chất hoặc sự hoà hợp giữa các phản ứng hoá học của các hoá chất trong các giai đoạn, nhiệt độ trong lò khí hoá (10) độc lập được điều chỉnh đến thấp hoặc trung bình (500-800<sup>0</sup>C) là nhiệt độ cần cho quá trình khí hoá và hấp thụ CO<sub>2</sub>; và nhiệt độ trong lò làm sạch khí (30) được điều chỉnh đến nhiệt độ cao (800<sup>0</sup>C hoặc cao hơn) là nhiệt độ cần cho quá trình làm sạch khí.



- (11) **17114**  
 (21) 1-2008-00006 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/424**, 31/429, 31/43, A61P 31/04  
 (22) 26.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/020891 26.05.2006 (87) WO2006/130588 07.12.2006  
 (30) 60/686,347 01.06.2005 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) MANSOUR, Tarek Suhayl (CA), VENKATESAN, Aranapakam Mudumbai (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)  
 (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC ĐỂ ỨC CHẾ BETA-LACTAMAZA NHÓM D ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHIỄM KHUẨN  
 (57) Sáng chế đề cập đến 6-alkylidin penem hai vòng nhất định có tác dụng làm chất ức chế enzym nhóm D,  $\beta$ -lactamaza thủy phân kháng sinh  $\beta$ -lactam, và là nguyên nhân đầu tiên gây ra kháng vi khuẩn. Các hợp chất theo sáng chế khi kết hợp với kháng sinh  $\beta$ -lactam sẽ được sử dụng để điều trị hiệu quả chống lại các bệnh nhiễm khuẩn đe dọa tính mạng.  
 Sáng chế còn đề xuất quy trình điều chế thuốc để ức chế enzym nhóm D để điều trị bệnh nhiễm khuẩn, bao gồm việc sử dụng các hợp chất có công thức chung I hoặc muối được dụng hoặc este R<sub>5</sub> có thể thủy phân in vivo của nó :



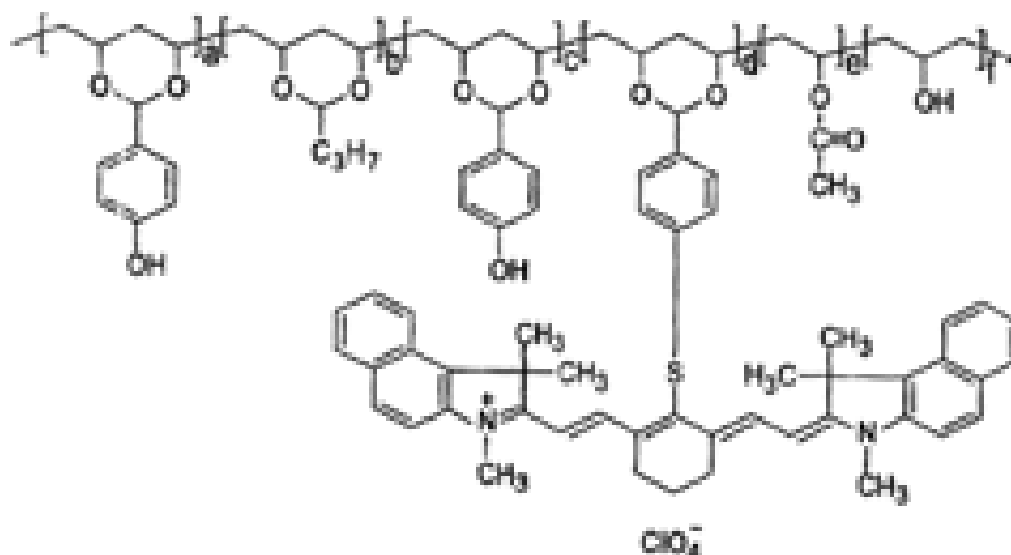
trong đó :

một trong nhóm A và B là hydro và nhóm còn lại là nhóm heteroaryl hai vòng ngưng tụ tùy ý được thế; và  
 X=O hoặc S.



- (11) **17115**
- (21) 1-2008-00008 (51)<sup>7</sup> **A61N 1/00**
- (22) 30.05.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/020819 30.05.2006 (87) WO2006/132855 14.12.2006
- (30) 60/687,430 03.06.2005 US  
 60/693,490 23.06.2005 US  
 60/790,128 07.04.2006 US
- (71) **HEALTHONICS, INC. (US)**  
 3106 Vinings Ridge Drive, Atlanta, GA 30339, United States of America
- (72) **KRONBERG, James, W. (US), GANEY, Timothy (US), GORDON, Stephen, L. (US)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **HỆ ĐIỀU HÒA SỰ PHÁT TRIỂN XƯƠNG SỤN**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ điều hòa sinh trưởng, phát triển và phục hồi xương, sụn hoặc mô liên kết, bao gồm máy phát sóng được cấu hình để tạo ra tín hiệu điện kiểu A, kiểu B, kiểu C hoặc kiểu D và ít nhất một điện cực được mắc với máy phát sóng và nằm ở vị trí chọn lọc để kích thích sự phát triển hoặc tạo mô bằng tín hiệu điện trong thời gian đủ để điều hòa sự phát triển hoặc phục hồi mô. Hệ này phát ra sóng kích thích để điều hòa biệt hóa hoạt động của tế bào tạo xương, tế bào sụn và các tế bào mô liên kết khác để thúc đẩy tăng sinh, biệt hóa, tạo cốt hoặc khoáng hóa để ứng dụng in vitro hoặc in vivo. Bên cạnh đó hệ có tác dụng kích thích tế bào theo chế độ liên tục và chế độ xung-chớp bằng tín hiệu cân bằng điện có thể được sử dụng. Sinh trưởng của xương, sụn và mô liên kết khác được kích thích một phần bởi nitơ oxit (NO) giải phóng nhờ kích thích điện và có thể được điều hòa nhờ sử dụng đồng thời thể cho NO và chất ức chế NO synthaza. Ngoài ra sự sinh trưởng của xương, sụn và mô liên kết khác được kích thích một phần bởi sự giải phóng BMP-2 và BMP-7 (bone morphogenetic protein-BMP: protein tạo hình xương) đáp ứng với kích thích điện để thúc đẩy biệt hóa tế bào. Hệ điều hòa và thiết bị mô tả ở đây là hữu dụng để thúc đẩy phục hồi gãy xương, phục hồi sụn và mô liên kết cũng như là để thao tác mô để cấy ghép.

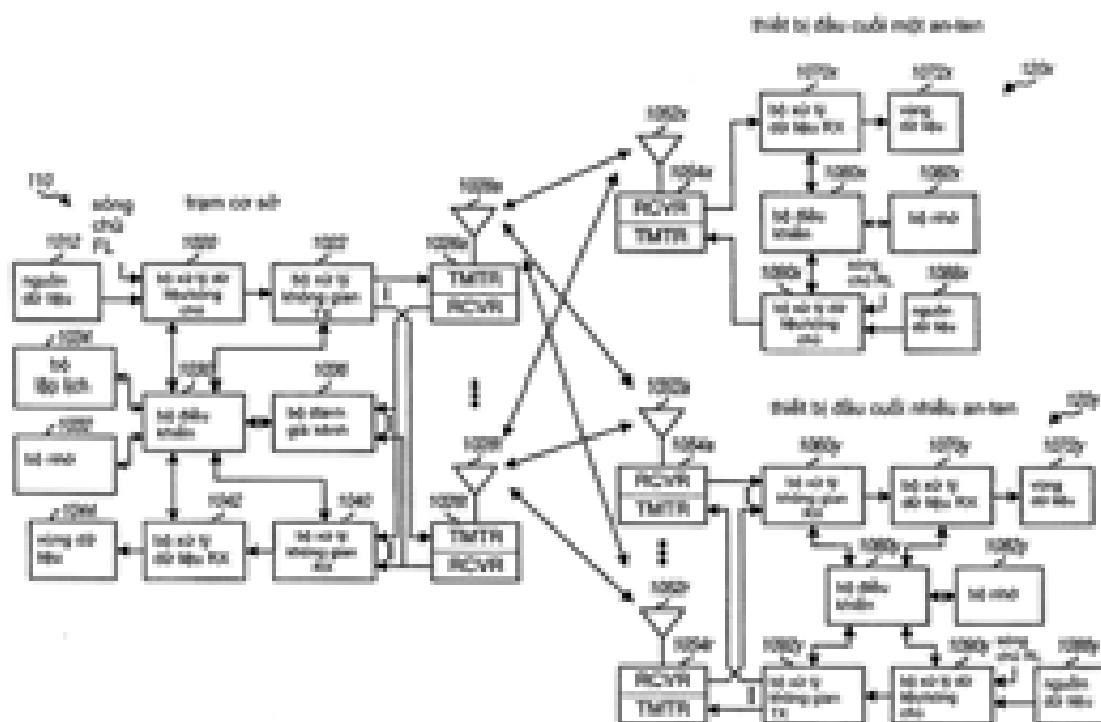
- (11) **17116**
- (21) 1-2008-00011 (51)<sup>7</sup> **C08F 8/00**, B41N 3/00, B41C 1/10, C09D 201/00, G03F 7/004
- (22) 01.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/CA2006/000927 01.06.2006 (87) WO2007/003030 11.01.2007
- (30) 60/686,917 03.06.2005 US  
60/722,977 04.10.2005 US
- (71) AMERICAN DYE SOURCE INC. (CA)  
555 Morgan Blvd., Baie d'Urfe, Quebec H9X 3T6, Canada
- (72) NGUYEN, My, T. (CA), LOCAS, Marc, Andre (CA)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) COPOLYME AXETAL HẤP THỤ HỒNG NGOẠI GẮN CÓ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG NHIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ
- (57) Sáng chế đề cập đến các copolyme axetal hấp thụ hồng ngoại gắn có khả năng phản ứng nhiệt bị thay đổi về mặt hoá học và lý học khi tiếp xúc với bức xạ hồng ngoại gắn. Sáng chế còn mô tả các phương pháp điều chế các copolyme này từ các polyme rượu vinylic hoặc các copolyme axetal. Sáng chế còn mô tả các phương pháp sử dụng các copolyme axetal hấp thụ hồng ngoại gắn này trong các lớp phủ được sử dụng trong các khuôn in opset litô để có thể tạo ảnh một cách trực tiếp bằng các thiết bị tạo ảnh bằng laze vùng hồng ngoại gắn trong công nghệ ghi trực tiếp từ máy tính lên bản in và công nghệ in opset kỹ thuật số. Các copolyme axetal này còn hữu ích trong các lĩnh vực cảm quang, tạo nguyên mẫu nhanh các tấm mạch in và chất hiện màu trong thiết bị cảm biến hoá học.



- (11) **17117**  
 (21) 1-2008-00018 (51)<sup>7</sup> **H04L 25/02**, 1/20, H04B 7/26  
 (22) 19.07.2005 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2005/025802 19.07.2005 (87) WO2006/124042 23.11.2006  
 (30) 11/129,636 13.05.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.01.2008

- (71) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) **SUTIVONG, Arak (TH), AGRAWAL, Avneesh (IN), GOROKHOV, Alexei (FR), TEAGUE, Edward, Harrison (US)**  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN SÓNG CHỦ TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG**  
 (57) Sóng chủ được truyền theo yêu cầu trên đường liên kết ngược và được dùng để đánh giá kênh và truyền dữ liệu trên đường liên kết xuôi. Trạm cơ sở lựa chọn ít nhất một thiết bị đầu cuối để truyền sóng chủ theo yêu cầu trên đường liên kết ngược. Mỗi thiết bị đầu cuối được chọn làm dự phòng để nhận dữ liệu truyền trên đường liên kết xuôi. Trạm cơ sở gán mỗi thiết bị đầu cuối được chọn bằng phân cấp phát thời gian-tần số, mà có thể là sóng chủ dải rộng, sóng chủ dải hẹp, hoặc một vài dạng sóng chủ khác. Trạm cơ sở thu nhận và xử lý sóng chủ truyền dải rộng của mỗi thiết bị đầu cuối được chọn và suy ra đánh giá kênh cho thiết bị đầu cuối dựa trên sóng chủ truyền thu được. Trạm cơ sở có thể lập lịch thiết bị đầu cuối để truyền dữ liệu trên đường liên kết xuôi dựa trên đánh giá kênh của toàn bộ thiết bị đầu cuối được chọn. Trạm cơ sở còn xử lý dữ liệu (chẳng hạn, tạo chùm hoặc lái riêng) để truyền cho mỗi thiết bị đầu cuối lập lịch dựa trên đánh giá kênh của nó.



- (11) **17118**  
(21) 1-2008-00020 (51)<sup>7</sup> C12C 5/00, C12G 1/02, 3/04  
(22) 08.02.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/RU2005/000044 08.02.2005 (87) WO/2006/085784 17.08.2006

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.01.2008

- (71) TIMANTTI AB (SE)  
c/o Aktiebolagstjanst Box 45088, 104 30 Stockholm, Sweden  
(72) SOLOVIEV, Sergey Pavlovich (RU)  
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)  
(54) ĐỒ UỐNG CÓ CỒN ĐƯỢC LÀM GIÀU BẰNG  $1\text{H}_2^{16}\text{O}$   
(57) Sáng chế đề xuất việc sản xuất đồ uống có cồn được làm giàu  $1\text{H}_2^{16}\text{O}$  so với đồ uống có cồn thông thường. Sáng chế đề xuất việc thêm vào đồ uống có cồn nước nhẹ có độ tinh khiết cao gồm  $1\text{H}_2^{16}\text{O}$  chiếm từ khoảng 99,76% đến khoảng 99,99% khối lượng nước. Việc bổ sung thêm nước nhẹ có độ tinh khiết cao vào hợp phần đồ uống có cồn làm giảm được độc tính của etanol.

- (11) **17119**  
(21) 1-2008-00021 (51)<sup>7</sup> **A23L 2/00**, 2/38, A61K 33/00  
(22) 08.02.2005 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/RU2005/000045 08.02.2005 (87) WO/2006/085785 17.08.2006

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.01.2008

(71) **TIMANTTI AB (SE)**

c/o Aktiebolagstjanst Box 45088, 104 30 Stockholm, Sweden

(72) **SOLOVIEV, Sergey Pavlovich (RU)**

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **ĐỒ UỐNG KHÔNG CẦN ĐƯỢC LÀM GIÀU BẰNG  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$**

(57) Sáng chế đề xuất việc sản xuất đồ uống không cần được làm giàu bằng  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$  so với hợp phần đồ uống không cồn thông thường. Sáng chế đề xuất việc thêm vào đồ uống không cồn nước nhẹ có độ tinh khiết cao chứa  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$  với lượng nằm trong khoảng từ 99,76% đến 99,99% khối lượng nước, trong khi đó hàm lượng  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$  trong nước thông thường không nhiều hơn 99,575 khối lượng nước. Theo sáng chế, đồ uống không cồn được làm giàu bằng  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$  với lượng không thấp hơn 99,76% khối lượng nước, bao gồm nước uống, nước suối uống được, nước được sục khoáng, nước khoáng, nước suối khoáng, nước khoáng được xử lý phòng bệnh, nước khoáng chữa bệnh, đồ uống hỗn hợp gồm đồ uống gốc nước suối, đồ uống dùng cho các mục đích đặc biệt, đồ uống giải khát, đồ uống lạnh, thuốc bổ, nước chanh, cocktail không pha cồn, và đồ uống bao gồm nước ép hoa quả, mát hoa, kissel, mors, chè, nước covat, bia không pha cồn. Đồ uống không pha cồn được làm giàu với  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$ , trong đó hàm lượng  $^1\text{H}_{16}^2\text{O}$  không thấp hơn 99,76% khối lượng nước trong đồ uống không cồn nói trên được điều chế theo cách được nêu trong sáng chế để cải thiện sức khỏe con người và chất lượng cuộc sống.

(11) **17120**

(21) 1-2008-00022

(51)<sup>7</sup> **H02P 25/02**, H02K 19/12, 19/28

(22) 06.07.2005

(43) 26.05.2008

(86) PCT/GB2005/002673 06.07.2005

(87) WO2007/003868 11.01.2007

(71) ELCKON LIMITED (GB)

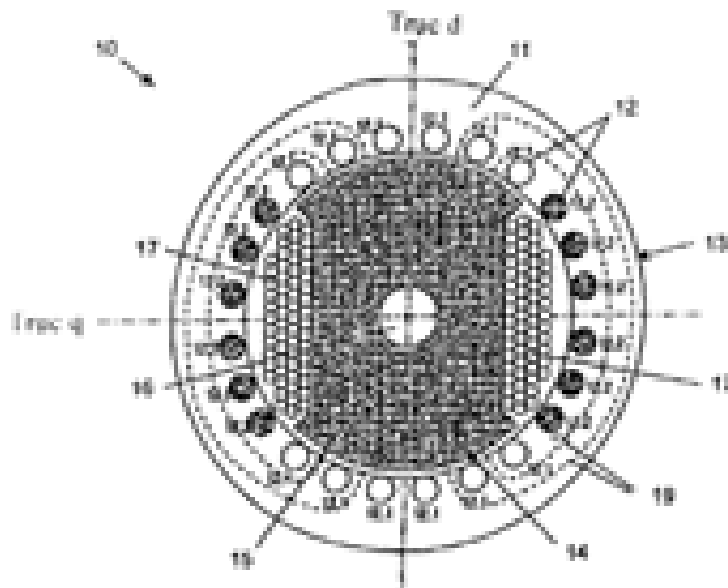
Enterprise House, Beeson's Yard, Bury Lane, Rickmansworth, Hertfordshire, WD3 1DS, United Kingdom

(72) Johnson, Michael, Frederick (ZA)

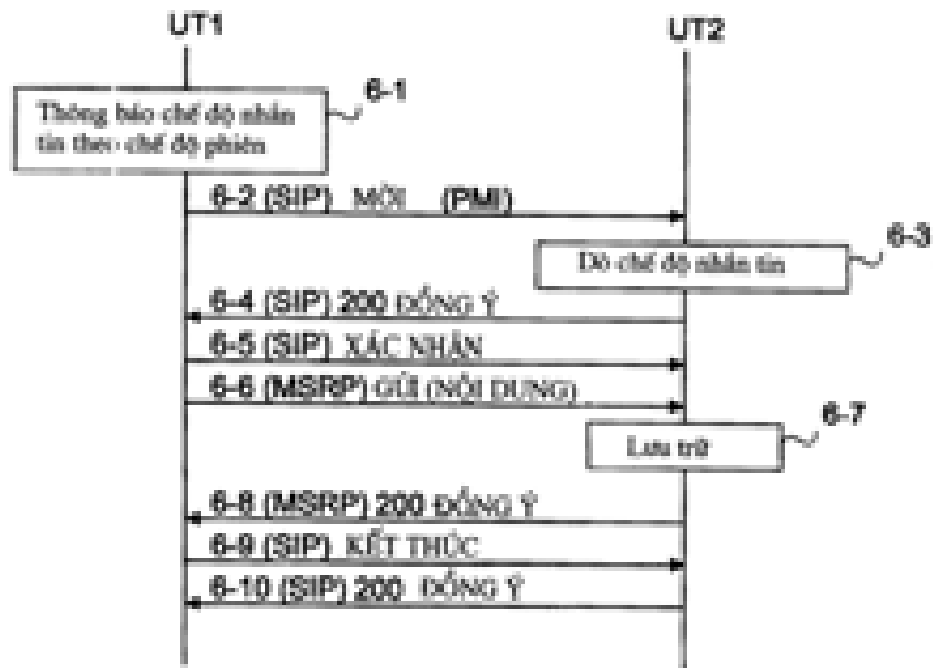
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(54) **ĐỘNG CƠ ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến động cơ điện (10) bao gồm phần ứng (11) có ít nhất hai cặp cuộn dây pha phân ứng (12) và rôto cực lõi (15) có các cuộn dây kích thích (17) được nối với bộ chuyển mạch có chọn lọc mà nó xác định tính liên tục về điện của các cuộn dây kích thích (17) nêu trên. Động cơ điện còn bao gồm phương tiện điều khiển được kết cấu để điều chỉnh sự từ hóa cuộn dây kích thích (17) sao cho, tại bất kỳ thời điểm nào, một cặp pha phân ứng được sử dụng để từ hoá cuộn dây kích thích, trong khi đó cặp kia có nhiệm vụ tạo ra mômen xoắn.



- (11) **17121**
- (21) 1-2008-00023 (51)<sup>7</sup> **H04L 12/58**, H04Q 7/38
- (22) 05.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FI2006/050234 05.06.2006 (87) WO2006/131597 14.12.2006
- (30) 20055288 06.06.2005 FI
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FI-02150 Espoo, Finland
- (72) LEPPISAARI Arto (FI), MUTIKAINEN Jari (FI), KUURE Pekka (FI), HARUNA Adamu (GH)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG BÁO CHẾ ĐỘ NHẮN TIN
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp truyền thông báo chế độ nhắn tin bằng cách gửi thông báo bằng cách sử dụng cơ chế thông báo chế độ phiên với sự chỉ báo thể hiện rằng chế độ phiên là dành cho thông báo kiểu nhắn tin. Để đáp lại sự chỉ báo nêu trên, bộ thu xử lý thông báo như thông báo chế độ nhắn tin mặc dù thông báo được tiếp nhận theo chế độ phiên.



- (11) **17122**
- (21) 1-2008-00026 (51)<sup>7</sup> **B02C 17/00**, C08K 5/00, C09K  
21/08, 21/10, 21/14
- (22) 05.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/026656 05.07.2006 (87) WO2007/006054 11.01.2007
- (30) 60/697,705 05.07.2005 US
- (71) ALBEMARLE CORPORATION (US)  
451 Florida Street, Baton Rouge, LA 70801-1765, United States of America
- (72) MAXWELL, Kimberly (US)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) PHƯƠNG PHÁP CẢI THIỆN YẾU TỐ ĐIỆN MÔI VÀ/HOẶC YẾU TỐ TIÊU TÁN  
CỦA HỢP PHẦN LÀM CHẬM CHÁY
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất hợp phần làm chậm cháy được định cỡ dưới  
micron có hàng số điện môi và/hoặc yếu tố tiêu tán được cải thiện.



- (11) **17123**  
(21) 1-2008-00030 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38**  
(22) 16.06.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/023505 16.06.2006 (87) WO2006/138573 28.12.2006  
(30) 60/691,705 16.06.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.01.2008

(71) QUALCOMM INCORPORATED (US)

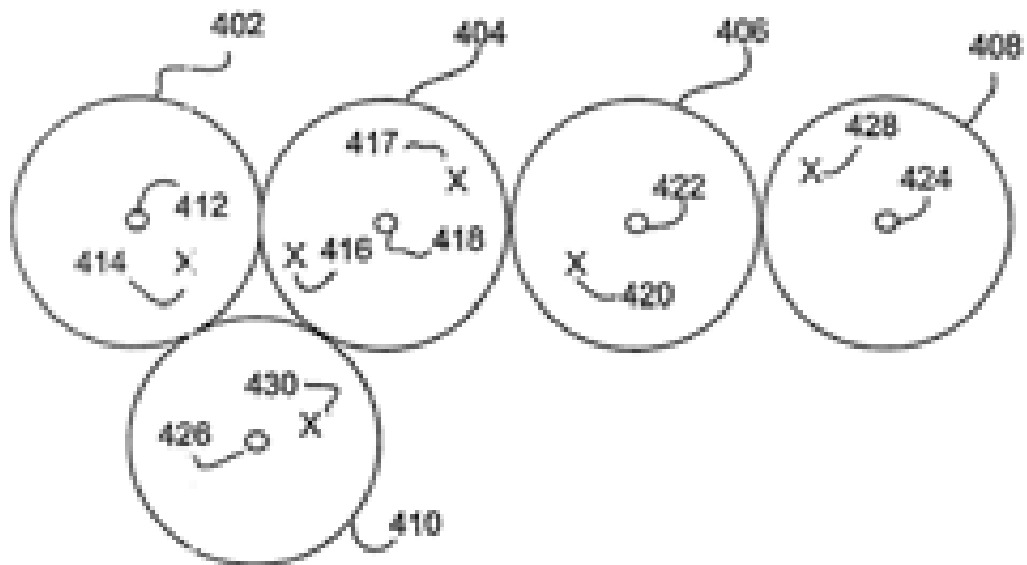
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA

(72) PRAKASH, Rajat (IN), ULUPINAR, Faith (US), HORN, Gavin Bernard (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC ĐĂNG KÝ TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY

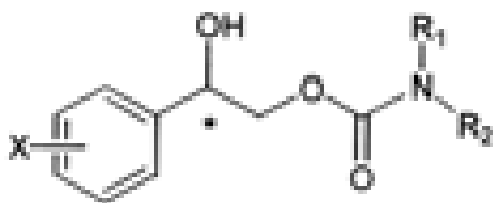
(57) Phương pháp đăng ký thích ứng được mô tả, trong đó thiết bị đầu cuối truy nhập điều chỉnh khu vực đăng ký dựa trên chế độ và vị trí của nó. Do vậy, mạng cũng điều chỉnh vùng phân trang của nó. Tóm lại, thiết bị đầu cuối truy nhập sẽ chuyển từ khu vực đăng ký nhỏ sang khu vực đăng ký lớn dựa trên tính linh động của nó.



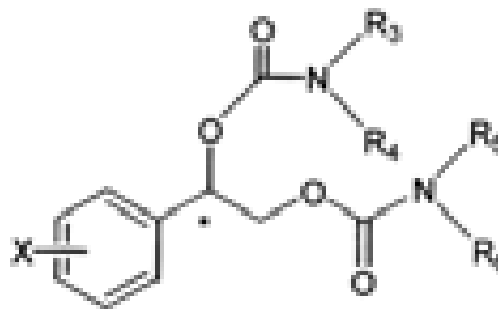
- (11) **17124**
- (21) 1-2008-00052 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/397**
- (22) 07.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/022079 07.06.2006 (87) WO2006/135627 21.12.2006
- (30) 60/689726 10.06.2005 US
- 60/734188 07.11.2005 US
- (71) **MERCK & CO., INC (US)**  
126 East Lincoln Avenue, Rahway, New Jersey 07065-0907, United States of America
- (72) Donna J. ARMS TRONG (US), Michael J. KELLY III (US), Yiwei LI (CA), Kevin J. RODZINAK (US), Essa H. HU (US), Mark E. LAYTON (US), Jun LIANG (CN), Michael A. ROSSI (US), Philip E. SANDERSON (GB), Jiabing WANG (US)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **CÁC CHẤT ỨC CHẾ HOẠT TÍNH CỦA AKT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHẤT ỨC CHẾ NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất các hợp chất naphtyridin được thế, có tác dụng ức chế hoạt tính Akt. Cụ thể các hợp chất được bộc lộ ức chế một cách chọn lọc một hoặc hai dạng đồng phân Akt. Sáng chế cũng đề xuất đến dược phẩm chứa các hợp chất ức chế này để điều trị bệnh ung thư.

- (11) **17125**
- (21) 1-2008-00055 (51)<sup>7</sup> **C07D 217/00**, 277/04, A61K 31/47, A01N 43/42
- (22) 08.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/022385 08.06.2006 (87) WO2006/135712 21.12.2006
- (30) 60/688,671 08.06.2005 US
- (71) SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)  
One Franklin Plaza, P.O. Box 7929, Philadelphia, PA 19101, United States of America
- (72) Kevin J. DUFFY (GB), Duke M. FITCH (US), Beth A. NORTON (US)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) HỢP CHẤT (5Z)-5-(6-QUINOXALINYLMETYLIDEN)-2-[(2,6-DICLOPHENYL)AMINO]-1,3-THIAZOL-4(5H)-ON
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất (5Z)-5-(6-quinoxalinylmetyliden)-2-[(2,6-diclophenyl)amino]-1,3-thiazol-4(5H)-on, và/hoặc muối, hydrat, solvat được dụng và tiền được chất của nó. Sáng chế cũng đề xuất dược phẩm chứa hợp chất này, phương pháp điều chế hợp chất này và muối, hydrat, solvat được dụng và tiền được chất của nó. Hợp chất theo sáng chế có thể được sử dụng làm chất ức chế protein hYAK3.

- (11) **17126**  
 (21) 1-2008-00061 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/27**  
 (22) 07.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/026277 07.07.2006 (87) WO2007/008551 18.01.2007  
 (30) 60/698,625 12.07.2005 US  
 (71) JANSSEN PHARMACEUTICA, N.V. (BE)  
 Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
 (72) TWYMAN, Roy, E. (US), ZHAO, Boyu (US)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ THUỐC ĐIỀU TRỊ TÌNH TRẠNG BỆNH LÝ GÂY BỆNH ĐỘNG KINH**  
 (57) Sáng chế đề cập đến các phương pháp bào chế thuốc có tác dụng phòng ngừa, điều trị, làm hồi biến, ức chế, hoặc ngừng tình trạng bệnh lý gây bệnh động kinh, trong đó phương pháp này bao gồm bước sử dụng hợp chất được chọn từ nhóm gồm hợp chất có công thức (I) và hợp chất có công thức (II), hoặc este hoặc muối được dụng của chúng:



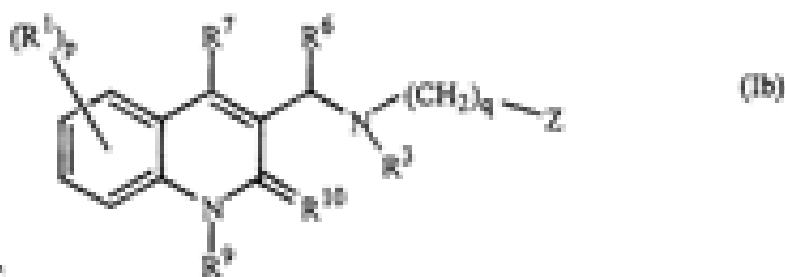
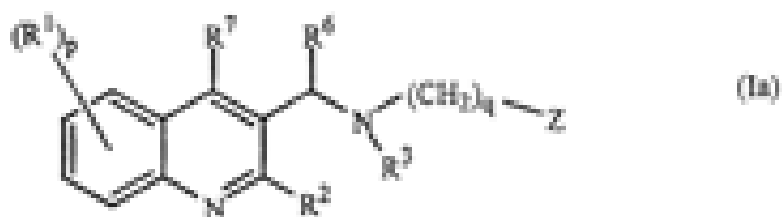
công thức (I)



công thức (II)

trong đó phenyl được thế ở X bằng từ một đến năm nguyên tử halogen được chọn từ nhóm gồm flo, clo, brom và iot; và R<sub>1</sub>, R<sub>2</sub>, R<sub>3</sub>, R<sub>4</sub>, R<sub>5</sub> và R<sub>6</sub> độc lập được chọn từ nhóm gồm và C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkyl; trong đó C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkyl tùy ý được thế bằng phenyl (trong đó phenyl tùy ý được thế bằng nhóm thế độc lập được chọn từ nhóm gồm halogen, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkoxy, amino, nitro và xyano).

- (11) **17127**  
 (21) 1-2008-00074 (51)<sup>7</sup> **C07D 215/227**, A61K 31/47, A61P 31/00, C07D 215/12, 215/48, 401/04, 401/06, 401/12, 401/14, 405/06, 405/12, 413/06,  
 (22) 26.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/EP2006/064656 26.07.2006 (87) WO2007/014885 08.02.2007  
 (30) 05106962.3 28.07.2005 EP  
 (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
 Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
 (72) GUILLEMONT, Jerome, Emile, Georges (FR), LANCOIS, David, Francis, Alain (FR), PASQUIER, Elisabeth, Therese, Jeanne (FR), ANDRIES, Koenraad, Jozef, Lodewijk, Marcel (BE), KOUL, Anil (IN)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) **DẪN XUẤT QUINOLIN KHÁNG KHUẨN**  
 (57) Sáng chế đề xuất các dẫn xuất quinolin được thể mới có công thức chung (Ia) hoặc công thức chung (Ib):



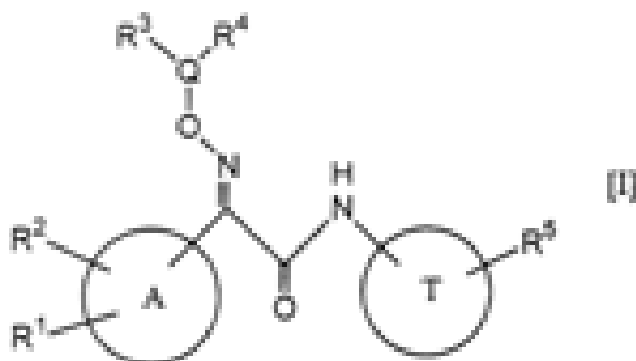
hoặc

các muối cộng axit hoặc bazơ được dựng của chúng, các amin bậc bốn của chúng, các dạng đồng phân lập thể hóa học của chúng, các dạng hồ biến của chúng và các dạng N-oxit của chúng. Các hợp chất được yêu cầu bảo hộ có thể được sử dụng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn gồm bệnh nhiễm vi khuẩn mycobacterium, đặc biệt là các bệnh do vi khuẩn gây bệnh mycobacterium như Mycobactenum tuberculosis, M. bovis, M. avium và M. marinum gây ra. Sáng chế còn đề xuất hỗn hợp bao gồm chất mang dược dụng và lượng có tác dụng chữa bệnh hợp chất được yêu cầu bảo hộ làm hoạt chất.

- (11) **17128**  
 (21) 1-2008-00079 (51)<sup>7</sup> **C07D 417/12**, 417/14, 513/04, 213/75, 277/46, 285/08, 241/20, 403/06, 405/12, 405/14, A61K 31/433, A61P 3/04, 3/10, 9/10, C07C 251/32  
 (22) 10.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/314117 10.07.2006 (87) WO2007/007886 18.01.2007  
 (30) 2005-202014 11.07.2005 JP  
 2006-114243 18.04.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.01.2008

- (71) MITSUBISHI TANABE PHARMA CORPORATION (JP)  
 2-10, Dosho-machi 3-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-8505, Japan  
 (72) Kazutoshi SUGAWARA (JP), Tetsuji MATSUDAIRA (JP), Hiroshi SUGAMA (JP), Masao NAWANO (JP), Rikiya OHASHI (JP)  
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
 (54) DẪN XUẤT OXIM VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ DẪN XUẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất hữu ích để làm tác nhân hoạt hóa glucokinaza, hợp chất này là dẫn xuất oxim có công thức [I] :



trong đó vòng A là aryl hoặc heteroaryl;

Q là xycloalkyl, dị vòng, alkyl hoặc alkenyl;

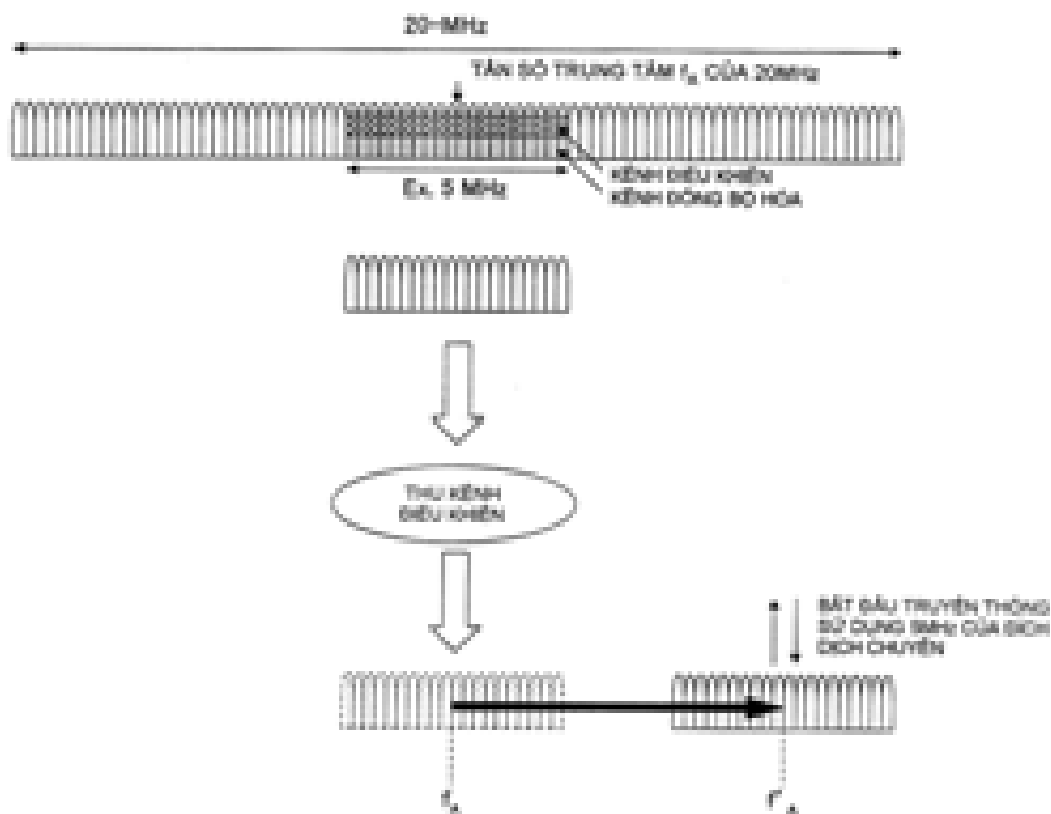
Vòng T là heteroaryl hoặc dị vòng;

mỗi nhóm R<sup>1</sup> và R<sup>2</sup> độc lập là nguyên tử hydro, nguyên tử halogen, xycloalkylsulfonyl hoặc nhóm tương tự;

mỗi nhóm R<sup>3</sup> và R<sup>4</sup> độc lập là nguyên tử hydro, hydroxy, oxo, nguyên tử halogen hoặc các chất tương tự;

R<sup>5</sup> là nguyên tử hydro, nguyên tử halogen, xyano, nitro, tetrazolyl hoặc nhóm tương tự; hoặc muối được dụng của nó.

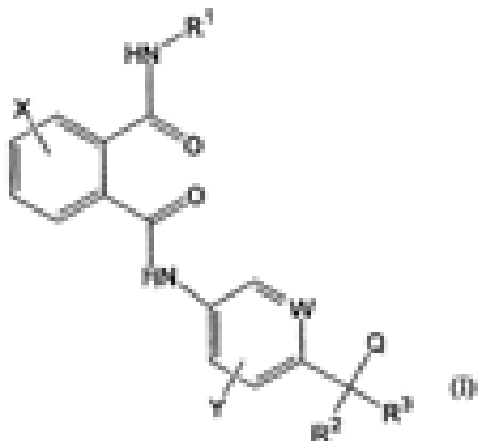
- (11) **17129**
- (21) 1-2008-00096 (51)<sup>7</sup> **H04J 11/00**
- (22) 13.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/311877 13.06.2006 (87) WO2006/134948 21.12.2006
- (30) 2005-174399 14.06.2005 JP
- (71) NTT DOCOMO, INC. (JP)  
11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150 JAPAN
- (72) Kenichi HIGUCHI (JP), Mamoru SAWAHASHI (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) TRẠM CƠ SỞ, TRẠM DI ĐỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC TRẠM NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến trạm cơ sở thực hiện việc truyền thông của lược đồ ghép kênh phân chia theo tần số trực giao (OFDM) với trạm di động bằng cách sử dụng một dải tần số bất kỳ trong số nhiều hơn hoặc bằng hai dải tần số. Trạm cơ sở bao gồm phương tiện để truyền kênh đồng bộ hóa và kênh điều khiển sử dụng dải tần mà bao gồm tần số trung tâm  $f_A$  trên đường quét của dải tần thứ nhất (20MHz) và có dải thông lớn hơn hoặc bằng dải thông của dải tần thứ hai (5MHz về phía cuối). Kênh điều khiển bao gồm thông tin về tần số trung tâm để chỉ rõ tần số trung tâm  $f_A$  của dải tần thứ hai. Vì trạm di động chuyển đến dải tần mong muốn sau khi thu được thông tin về tần số trung tâm bằng cách sử dụng dải tần bao gồm tần số trung tâm trên đường quét, nên trạm di động có thể kết nối đến dải tần mong muốn mà không cần tìm kiếm các tần số không có trên đường quét.



- (11) **17130**
- (21) 1-2008-00119 (51)<sup>7</sup> **A23L 3/00**, 3/005, 3/015, 3/02
- (22) 13.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/AU2006/000812 13.06.2006 (87) WO2006/133485 21.12.2006
- (30) 2005903090 14.06.2005 AU
- (71) **DWC HERMETICA PTY LTD. (AU)**  
2 The Boulevard, Hawthorn, VIC 3122, Australia
- (72) **WARNE, Darian (AU)**
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT THỰC PHẨM CÓ THỜI HẠN SỬ DỤNG KÉO DÀI KHI BẢO QUẢN LẠNH**
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình sản xuất thực phẩm có thời hạn sử dụng kéo dài khi bảo quản lạnh bao gồm hàn kín thực phẩm trong hộp chứa; gia nhiệt thực phẩm trong hộp chứa đã được hàn kín này ở nhiệt độ mong muốn trong khoảng thời gian mong muốn để làm bất hoạt các vi sinh vật không mong muốn có thể có mặt trong thực phẩm; và làm lạnh nhanh thực phẩm đã gia nhiệt để cơ bản ngăn sự nảy mầm của bào tử vi khuẩn không mong muốn có thể có mặt trong thực phẩm; trong đó các vi sinh vật không mong muốn có mặt trong thực phẩm cơ bản được làm bất hoạt và các vi sinh vật khác được ngăn khỏi lây nhiễm lại thực phẩm sau khi chế biến sao cho thực phẩm có thời hạn sử dụng kéo dài khi bảo quản lạnh.

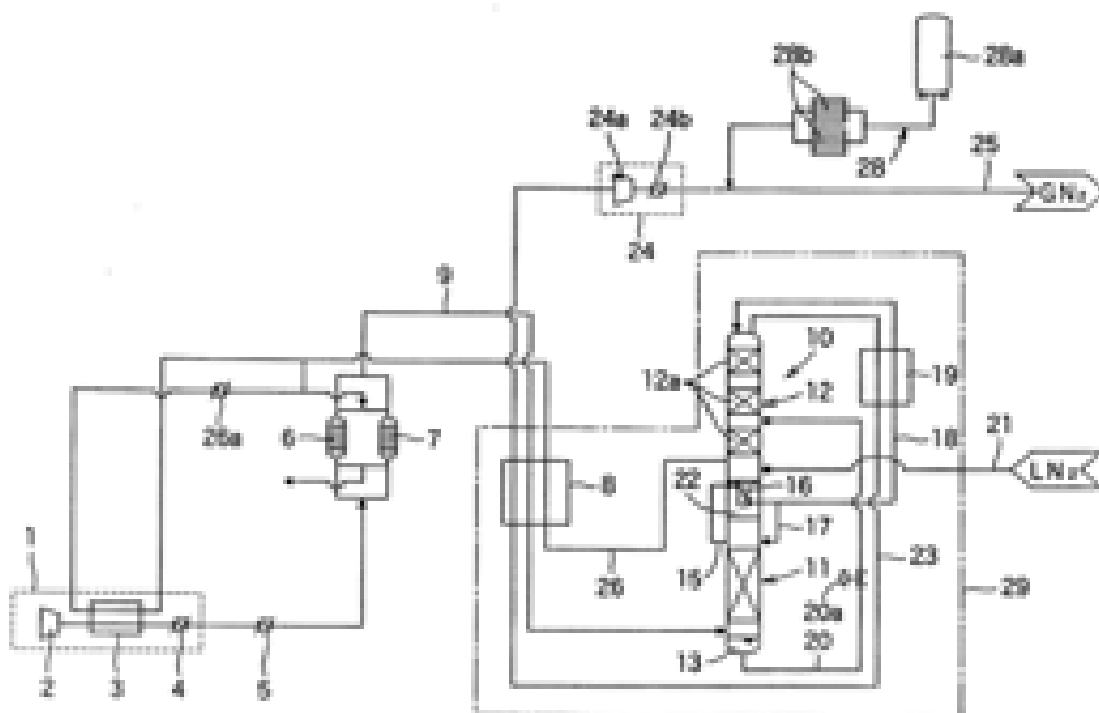


- (11) **17131**  
 (21) 1-2008-00121 (51)<sup>7</sup> **C07C 323/25**, A01N 41/10, 41/12, 43/40, A01P 7/04, C07C 205/11, 205/26, 211/52, 317/28, C07D 209/46, 209/48, 213/75  
 (22) 02.06.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/EP2006/005299 02.06.2006 (87) WO2006/133823 21.12.2006  
 (30) 2005-175036 15.06.2005 JP  
 (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
 Alfred-nobel-str. 50, 40789 Monheim, Germany  
 (72) WADA, Katsuaki (JP), MURATA, Tetsuya (JP), SHIBUYA, Katsuhiko (JP), SHIMOJO, Eiichi (JP)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) HỢP CHẤT BENZANILIT, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ NÓ VÀ CHẾ PHẨM TRỪ SÂU CHỨA NÓ  
 (57)

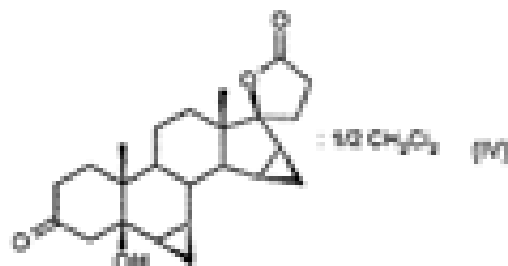
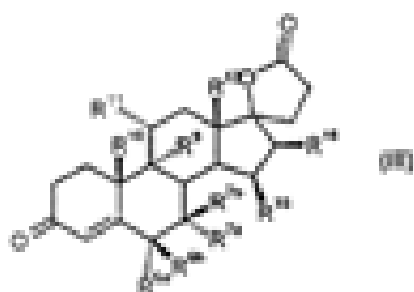
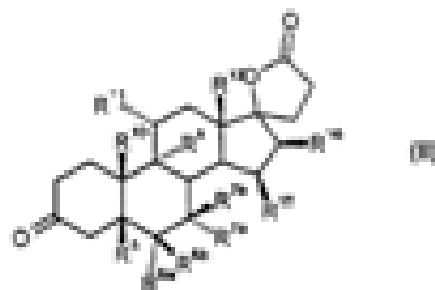
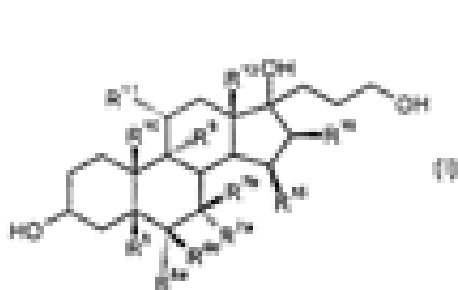


Sáng chế đề cập đến các hợp chất benzanilit có công thức (I), trong đó X là hydro, halogen, nitro, C<sub>1-6</sub> alkylthio, C<sub>1-6</sub> alkylsulfinyl, C<sub>1-6</sub> alkylsulfonyl hoặc C<sub>1-6</sub> alkylsulfonyloxy; Y là halogen hoặc C<sub>1-6</sub> alkyl; R<sup>1</sup> là C<sub>1-6</sub> alkyl, C<sub>1-6</sub> alkylthio-C<sub>1-6</sub> alkyl, C<sub>1-6</sub> alkylsulfinyl-C<sub>1-6</sub> alkyl hoặc C<sub>1-6</sub> alkylsulfonyl-C<sub>1-6</sub> alkyl; R<sup>2</sup> là hydro, C<sub>1-6</sub> alkyl hoặc C<sub>1-6</sub> haloalkyl; R<sup>3</sup> là hydro hoặc hydroxy; W là CH hoặc N; và Q tùy ý là phenyl được thế hoặc pyridyl được thế trong đó phần tử thay thế là ít nhất một nhóm được chọn từ nhóm gồm halogen, C<sub>1-6</sub> haloalkyl, C<sub>1-6</sub> haloalkoxy, C<sub>1-6</sub> haloalkylthio, C<sub>1-6</sub> haloalkylsulfinyl và C<sub>1-6</sub> haloalkylsulfoxy; với điều kiện là khi R<sup>3</sup> là hydroxy, R<sup>2</sup> không phải là C<sub>1-6</sub> alkyl, hoặc khi R<sup>2</sup> là C<sub>1-6</sub> haloalkyl, R<sup>3</sup> là hydroxy và W là CH, thì phần tử thay thế của Q là hai hoặc nhiều C<sub>1-6</sub> haloalkyl, và thuốc trừ sâu bao gồm các benzanilit này.

- (11) **17132**
- (21) 1-2008-00133 (51)<sup>7</sup> **F25J 3/04**, C01B 21/04
- (22) 16.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/312103 16.06.2006 (87) WO2006/137331 28.12.2006
- (30) JP2005-183898 23.06.2005 JP
- (71) AIR WATER INC. (JP)  
2, Kita 3-jo Nishi 1-chome, Chuo-ku, Sapporo-shi Hokkaido, 060-0003, Japan
- (72) Akira YOSHINO (JP), Koji TANAKA (JP), Ryosuke MATSUBAYASHI (JP), Junya SUENAGA (JP), Shinya OKUMURA (JP)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NITƠ VÀ THIẾT BỊ SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG PHÁP NÀY
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất nitơ bao gồm các bước tách riêng ở nhiệt độ thấp khí nén đã được đưa vào cột cao áp 11, giữ khí lỏng 13 ở phần đáy của cột cao áp 11 và thu nitơ ở dạng khí từ phần trên của cột áp suất cao 11, đưa khí lỏng 13 được lưu giữ trong phần đáy của cột cao áp 11 vào trong cột áp thấp 12, tách riêng ở nhiệt độ thấp khí lỏng 13 đã được đưa vào cột áp thấp 12 và giữ khí lỏng đã làm giàu oxy 22 ở phần đáy của cột áp thấp 12 và thu nitơ ở dạng khí từ phần trên của cột áp thấp 12 như là khí thành phẩm. Khí lỏng 13 thu được qua ống chiết 20 được đưa vào phần của phần tinh cất 12a của cột áp thấp 12 trong đó số các tấm lý thuyết tính từ phía đáy cột được đặt nằm trong khoảng từ 1 đến 10.



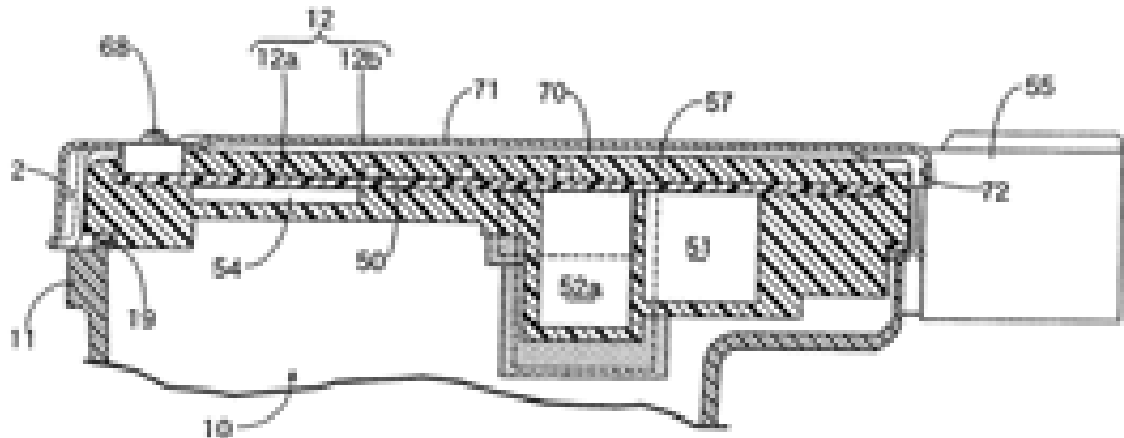
- (11) **17133**
- (21) 1-2008-00150 (51)<sup>7</sup> **C07J 53/00**
- (22) 20.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/007287 20.07.2006 (87) WO2007/009821 25.01.2007
- (30) 05090214.7 21.07.2005 EP  
11/185,984 21.07.2005 US
- (71) BAYER SEHERING PHARMA AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
Mullerstrasse 178, 13353 Berlin, Germany
- (72) SEILZ, Carsten (DE), SEBA, Hartmut (DE)
- (74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁC HỢP CHẤT 3-OXO-PREGN-4-EN-21, 17-CARBOLACTON BẰNG PHẢN ỨNG OXY HOÁ CÁC 17-(3-HYĐROXY-PROPYL)-3,17-ĐIHYĐROXYANDROSTAN VỚI TÁC NHÂN OXY HOÁ KHÔNG PHẢI LÀ KIM LOẠI
- (57) Sáng chế này đề cập đến các quy trình sản xuất các hợp chất 3-oxo-pregnan-21, 17-carbolacton có công thức (II), cũng như các hợp chất 3-oxo-pregnan-21, 17-carbolacton có công thức (III), bằng cách tiến hành phản ứng oxy hoá với tác nhân oxy hoá không phải là kim loại đối với các hợp chất 17-(3-hydroxypropyl)-3, 17-dihydroxyandrostane có công thức (I). Ngoài ra, sáng chế này còn đề cập đến điclorometan hemisolvat của 6β,7β;15β,16β-đimetylen-3-oxo-17α-pregnan-5β-ol-21,17-carbolacton (IV), cũng như quy trình sản xuất đrosiprenon.



- |      |                   |                   |  |
|------|-------------------|-------------------|--|
| (11) | <b>17134</b>      |                   |  |
| (21) | 1-2008-00155      | (51) <sup>7</sup> | <b>F02D 9/10</b> , F02B 77/00, F02D 41/00, 9/02, F02M 17/00, 19/00 |
| (22) | 23.06.2006        | (43)              | 26.05.2008   |
| (86) | PCT/JP2006/312611 | (87)              | WO2006/137522  |
|      | 23.06.2006        |                   | 28.12.2006   |
| (30) | 2005-183608       |                   | 23.06.2005 JP  |
|      | 2005-183610       |                   | 23.06.2005 JP  |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.01.2008

- (71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)  
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 1078556, Japan
- (72) MAEKAWA Yoshinori (JP), BUNGO Keiichiro (JP), ONO Yasuhide (JP), MATSUDA Hayato (JP)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN TỬ DÙNG CHO BỘ CHẾ HÒA KHÍ**
- (57) Sáng chế đề xuất hệ thống điều khiển điện tử dùng cho bộ chế hòa khí, bao gồm: thiết bị truyền động (24, 25) được liên kết với van (7, 8); cơ cấu dẫn động điện (20, 21) dùng để dẫn động van (7, 8); và bộ điều khiển điện tử (12a) dùng để điều khiển hoạt động của cơ cấu dẫn động điện (20, 21). Thiết bị truyền động (24, 25), cơ cấu dẫn động điện (20, 21) và bộ điều khiển điện tử (12a) được chứa và giữ trong vỏ (10) được lắp trên bộ chế hòa khí (C). Phương tiện thông khí (72, 74, 74', 89, 90) dùng để tạo cho phần bên trong của vỏ (10) nối thông với bên ngoài được nối với vỏ (10). Do đó, có thể chứa thiết bị truyền động, cơ cấu dẫn động điện và bộ điều khiển điện tử một cách hiệu quả trong vỏ thông thường sao cho giảm được kích cỡ của hệ thống điều khiển điện tử cho bộ chế hòa khí, và nâng cao tuổi thọ của bộ điều khiển điện tử và cơ cấu dẫn động điện.

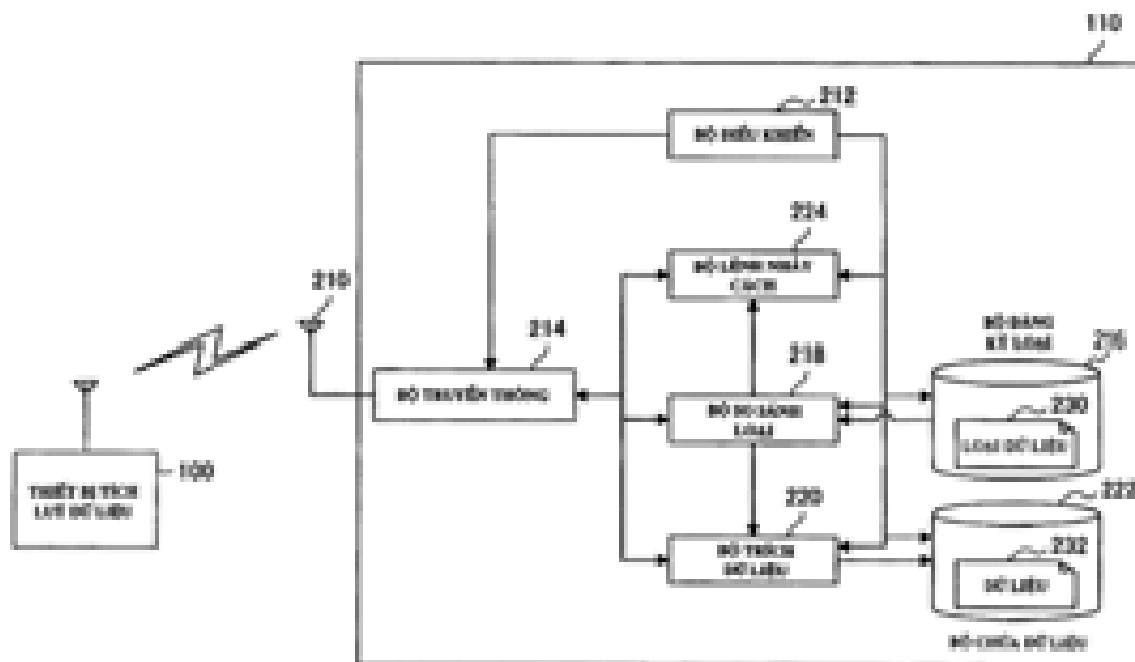


- (11) **17135**
- (21) 1-2008-00160 (51)<sup>7</sup> **C23C 23/36**, B32B 9/00, 15/04, C09D 5/00, 7/12, 183/04, C23C 22/42
- (22) 14.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/314441 14.07.2006 (87) WO2007/011008 25.01.2007
- (30) 2005-213243 22.07.2005 JP  
2006-185753 05.07.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.01.2008

- (71) NIPPON STEEL CORPORATION (JP)  
6-3, Otemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071, Japan
- (72) KANETO, Taihei (JP), MORISHITA, Atsushi (JP), KIMATA, Yoshio (JP), TAKAHASHI, Akira (JP), KIKUCHI, Ikuo (JP), NOMURA, Shinji (JP), YAMAGUCHI, Hidehiro (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **VẬT LIỆU KIM LOẠI ĐƯỢC XỬ LÝ BỀ MẶT KHÔNG CÓ CROMAT CÓ TÍNH CHỐNG ĂN MÒN, TÍNH CHỐNG NHIỆT, TÍNH CHỐNG VÂN TAY, CÓ TÍNH DẪN ĐIỆN, CÓ KHẢ NĂNG PHỦ VÀ TÍNH CHỐNG SẼM MÀU TRONG THỜI GIAN LÀM VIỆC**
- (57) Sáng chế đề cập đến vật liệu kim loại được xử lý bề mặt không có cromat đáp ứng tất cả các yêu cầu về tính chống ăn mòn, tính chống nhiệt, tính chống vân tay, tính dẫn điện, khả năng phủ, và tính chống sẫm màu ở thời điểm làm việc, mà nó khó để đạt được với công nghệ thông thường. Vật liệu kim loại được xử lý bề mặt không có cromat theo sáng chế bao gồm vật liệu kim loại trên bề mặt của nó được phủ và được sấy khô chất xử lý bề mặt kim loại chứa nước bao gồm hợp chất silic hữu cơ (W), thu được bằng cách pha trộn chất ghép silan (A) chứa một nhóm amin trong phân tử của nó và chất ghép silan (B) chứa một nhóm glycidyl trong phân tử của nó theo tỷ lệ trọng lượng rắn [(A)/(B)] nằm trong khoảng từ 0,5 đến 1,7, ít nhất một loại hợp chất florua (X) được lựa chọn từ axit florua titan hoặc axit florua ziricon, axit photphoric (Y), và hợp chất vanadi (Z) để tạo nên lớp phủ hỗn hợp chứa các thành phần khác nhau.

- (11) **17136**
- (21) 1-2008-00161 (51)<sup>7</sup> **G06K 17/00**, G06F 13/00, G06K 19/07, H04B 5/02, 7/26
- (22) 07.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/313568 07.07.2006 (87) WO2007/010762 25.01.2007
- (30) 2005-208697 19.07.2005 JP
- (71) SONY CORPORATION (JP)  
1-7-1 Konan, Minato-ku, Tokyo, 108-0075 Japan
- (72) MATSUO, Takashi (JP), KAWAKAMI, Daisuke (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **HỆ THỐNG TRUYỀN DỮ LIỆU, THIẾT BỊ THU DỮ LIỆU, PHƯƠNG PHÁP THU DỮ LIỆU, THIẾT BỊ TÍCH LŨY DỮ LIỆU, PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN DỮ LIỆU**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống truyền dữ liệu, thiết bị thu dữ liệu, phương pháp thu dữ liệu, thiết bị tích lũy dữ liệu, phương pháp truyền dữ liệu, trong đó hiệu quả xử lý của dữ liệu nhận được được nâng cao bằng cách hạn chế việc cất giữ và thu nhận dữ liệu không cần thiết. Thiết bị thu dữ liệu 110 bao gồm bộ truyền thông 214 để thực hiện việc truyền thông dữ liệu không dây với thiết bị tích lũy dữ liệu 100 trong đó dữ liệu được tích lũy, bộ đăng ký loại 216 trong đó các loại dữ liệu của dữ liệu cần thiết được đăng ký trước đó, bộ so sánh loại 218 để so sánh loại dữ liệu của dữ liệu thu được qua bộ truyền thông không dây với các loại dữ liệu được đăng ký trong bộ đăng ký loại, bộ trích dữ liệu 220 để trích chỉ dữ liệu trong đó loại dữ liệu trùng khớp, và bộ chứa dữ liệu 222 để chứa dữ liệu được trích.



- (11) **17137**  
 (21) 1-2008-00172 (51)<sup>7</sup> **H04N 7/26**  
 (22) 19.05.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/019510 19.05.2006 (87) WO2007/018669 15.02.2007  
 (30) 60/701,464 21.07.2005 US  
 (71) THOMSON LICENSING (FR)

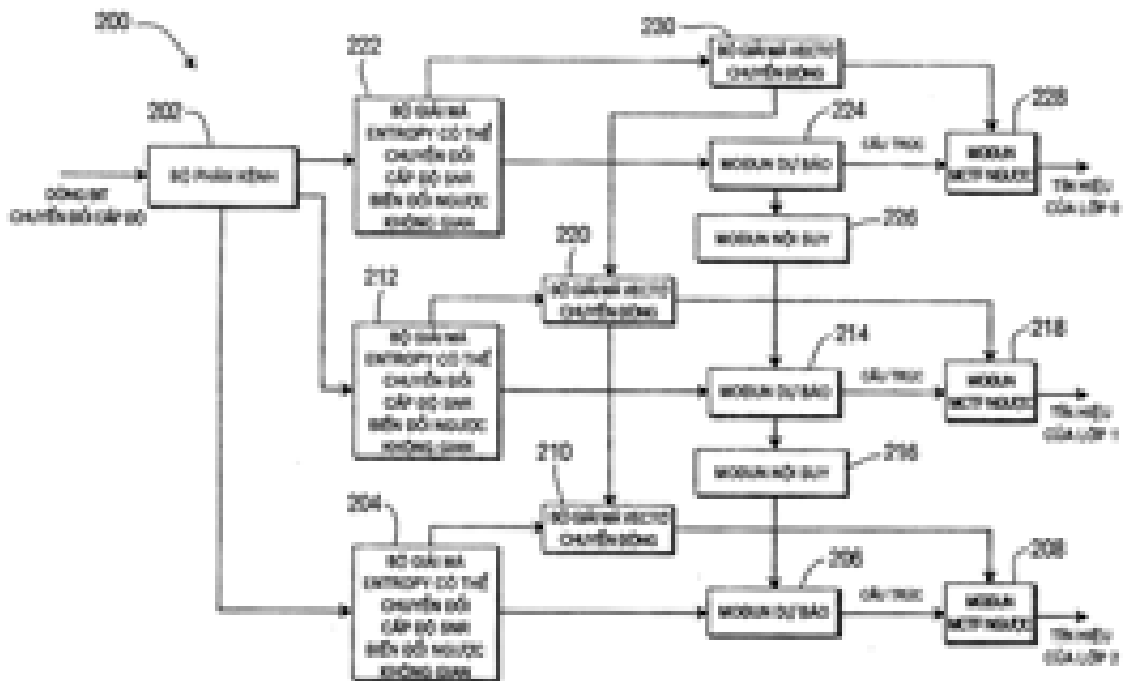
46, Quai A. Le Gallo, F-92100 Boulogne - Billancourt, France

(72) YIN, Peng (CN), BOYCE, Jill, MacDonald (US), PANDIT, Purvin, Bibhas (IN)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO CÓ TRỌNG SỐ ĐỂ GIẢI MÃ VIDEO CÓ THỂ CHUYỂN ĐỔI CẤP ĐỘ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hoá và thiết bị giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ, và các phương pháp tương ứng để mã hoá và giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ. Thiết bị mã hoá có thể chuyển đổi cấp độ bao gồm bộ mã hoá (100) để mã hoá khối ảnh trong lớp nâng cao bằng cách áp dụng tham số trọng số cho hình ảnh chuẩn của lớp nâng cao giống như tham số trọng số áp dụng cho hình ảnh chuẩn của lớp thấp hơn dùng để mã hoá khối ảnh trong lớp thấp hơn. Khối ảnh trong lớp nâng cao tương ứng với khối ảnh trong lớp thấp hơn, và hình ảnh chuẩn của lớp nâng cao tương ứng với hình ảnh chuẩn của lớp thấp hơn. Thiết bị giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ bao gồm bộ giải mã (200) để giải mã khối ảnh trong lớp nâng cao bằng cách áp dụng tham số trọng số cho hình ảnh chuẩn của lớp nâng cao giống như tham số trọng số áp dụng cho hình ảnh chuẩn của lớp thấp hơn dùng để giải mã khối ảnh trong lớp thấp hơn. Khối ảnh trong lớp nâng cao tương ứng với khối ảnh trong lớp thấp hơn, và hình ảnh chuẩn của lớp nâng cao tương ứng với hình ảnh chuẩn của lớp thấp hơn.







- (11) **17139**  
 (21) 1-2008-00174 (51)<sup>7</sup> **H04N 9/04**, 3/15  
 (22) 12.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/027085 12.07.2006 (87) WO/2007/027300 08.03.2007  
 (30) 11/215,887 30.08.2005 US  
 (71) MOTOROLA, INC. (US)

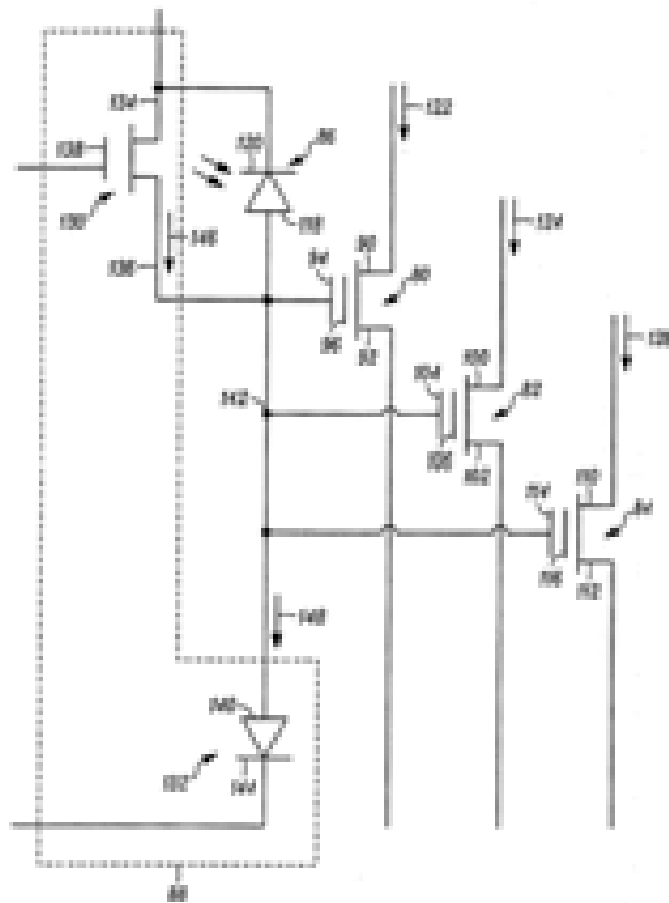
1303 East Algonquin Road, Schaumburg, Illinois 60196, US.

(72) HE, Fan (US), FRENZER, Michael W. (US), LI, Zili (CN), SHURBOFF, Carl Lynn (US)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) **BỘ CẢM BIẾN HÌNH ẢNH MÀU CÓ BỘ LỌC MÀU ĐIỀU HƯỚNG ĐƯỢC**

(57) Thiết bị (20) để ghi lại hình ảnh màu, bao gồm bộ cảm ứng hình ảnh (22) có nhiều điểm ảnh (24) được tạo trên đế nguyên khối. Mỗi điểm ảnh (24) bao gồm ba thiết bị bán dẫn cổng thả nổi (80, 82, 84). Bộ lọc màu điều hướng được (30) được bố trí giữa thiết bị bán dẫn cảm quang (86) và nguồn bức xạ điện tử. Transistor FET (130) có cực mạng (134) nối với catốt (120) của đi ốt quang (86) và cực nguồn (136) nối với anốt (118) của đi ốt quang (86) và tới các cổng điều khiển (94, 104, 114) của mỗi trong ba thiết bị bán dẫn cổng thả nổi (80, 82, 84). Bộ lọc màu điều hướng (30) cho phép tất cả các sự kết hợp mong muốn của màu sắc đi qua trong khi mỗi trong ba thiết bị bán dẫn cổng thả nổi (80, 82, 84) được lựa chọn tương ứng để ghi lại hình ảnh màu.

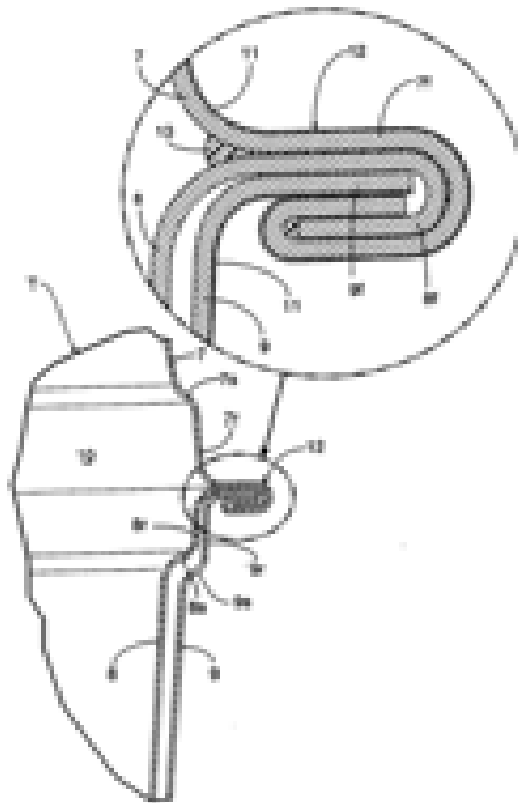


- (11) **17140**  
 (21) 1-2008-00182 (51)<sup>7</sup> **B65D 8/20**, B60K 15/03, F02M 37/00  
 (22) 23.06.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/312613 23.06.2006 (87) WO2006/137524 28.12.2006  
 (30) 2005-183592 23.06.2005 JP  
 2005-183598 23.06.2005 JP

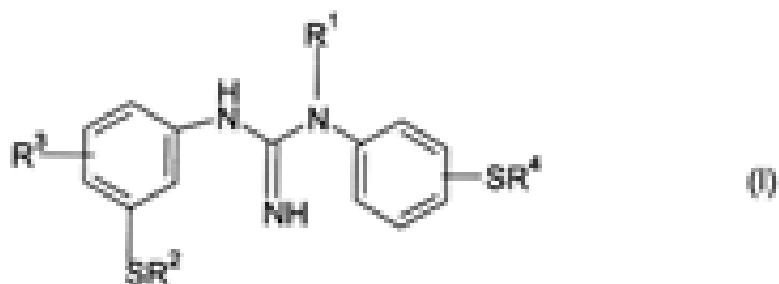
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 22.01.2008

- (71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)  
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556, Japan  
 (72) SAKAMOTO Kazuhiro (JP), SAITOH Teruyuki (JP), MATSUBARA Yasunori (JP)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU

- (57) Sáng chế đề xuất bình chứa nhiên liệu bao gồm nửa trên thân bình chứa (7) và nửa dưới thân bình chứa (8) được làm bằng các tấm thép thành dạng bát lượn có liên khối gờ (7f) và gờ (80 ở các mép chu vi của chúng, các gờ (7f, 8f) được đặt chồng lên và được gắn với nhau theo kiểu kín chất lỏng. Các gờ (7f, 8f) được gắn với nhau bằng cách gấp mép thành dạng cuộn để tạo thành mối nối thành dày hình khuyên (12), và các rìa gia cường hình vành (7r, 8r) dẫn tới mối nối (12) được tạo ít nhất trên một trong số nửa trên và nửa dưới của các thân bình chứa (7, 8). Do vậy, có thể tạo ra bình chứa nhiên liệu trong đó độ bền thích hợp có thể được tạo cho các phần quanh mối nối gờ, mà không làm tăng chiều dày của tấm thép một cách đặc biệt.



- (11) **17141**
- (21) 1-2008-00184 (51)<sup>7</sup> **C07C 279/18**, C07B 59/00, C07C 277/08
- (22) 23.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/GB2006/002315 23.06.2006 (87) WO2006/136846 28.12.2006
- (30) 0512770.9 23.06.2005 GB
- (71) **HAMMERSMITH IMANET LIMITED (GB)**  
Cyclotron Building, Hammersmith Hospital, DuCane Road, London W12 ONN, United Kingdom
- (72) **ROBINS, Edward, George (GB), ARSTAD, Erik (NO)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **HỢP CHẤT ALKYLTHIOPHENYL ĐÁNH DẤU 18F HOẶC 11C, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức (I):



hoặc muối hoặc solvat của nó, trong đó:

R<sup>1</sup> là hydro hoặc C<sub>1-4</sub>alkyl;

R<sup>2</sup> và R<sup>4</sup> độc lập được chọn từ C<sub>1-4</sub> alkyl, [<sup>11</sup>C]-C<sub>1-4</sub>alkyl, và [<sup>18</sup>F]-C<sub>1-4</sub> floalkyl với điều kiện là ít nhất một trong số R<sup>2</sup> và R<sup>4</sup> là [<sup>11</sup>C]-C<sub>1-4</sub>alkyl hoặc [<sup>18</sup>F]-C<sub>1-4</sub> floalkyl; và

R<sup>3</sup> là halo. Hợp chất này có công dụng để chụp ảnh thụ thể hệ thần kinh trung ương.

- (11) **17142**
- (21) 1-2008-00188 (51)<sup>7</sup> **A23L 1/236**
- (22) 10.12.2005 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IN2005/000336 10.12.2005 (87) WO2006/137079 28.12.2006
- (30) 734/MUM/2005 22.06.2005 IN
- (71) **ALEMBIC LIMITED (IN)**  
Alembic Campus, Alembic Road, Vadodara 390 003, Gujarat, India
- (72) **KSHIRSAGAR, Rajesh (IN), JOSHI, Mayank (IN), KUMAR, Amresh (IN)**
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **HỢP PHẦN SUCRALOZA DẠNG HẠT DÙNG ĐỂ THAY CHO ĐƯỜNG ĂN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp phần có thể rót được, dạng rắn có hàm lượng calo thấp dùng để thay cho đường, hợp phần này có chứa chất tạo ngọt mạnh và ít nhất một chất độn có hàm lượng calo thấp được chọn từ maltodextrin, magie oxit, magie cacbonat, canxi stearat, silicon đioxit dạng keo và tinh bột hoặc hỗn hợp của chúng, và phương pháp điều chế hợp phần nói trên.

(11) **17143**

(21) 1-2008-00192

(51)<sup>7</sup> **A61K 31/70**, 31/702, 31/7024,  
31/7028

(22) 23.01.2008

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.01.2008

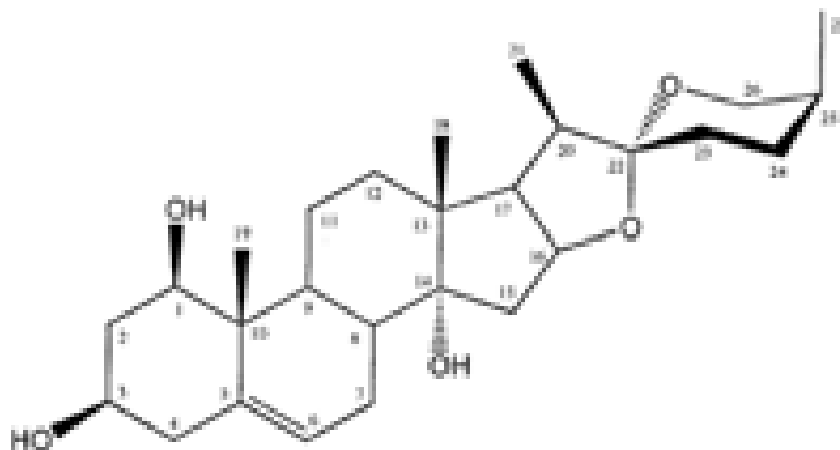
(71) TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)

1 Đại Cô Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(72) Trần Thu Hương (VN), Chu Nhật Huy (VN), Nguyễn Thị Minh Thu (VN), Châu Văn Minh (VN), Phan Văn Kiệt (VN), Nguyễn Hải Đăng (VN)

(54) HỢP CHẤT DRACAGENIN B VÀ PHƯƠNG PHÁP CHIẾT HỢP CHẤT NÀY TỪ CÂY HUYẾT GIÁC DRACAENA CAMBODIANA

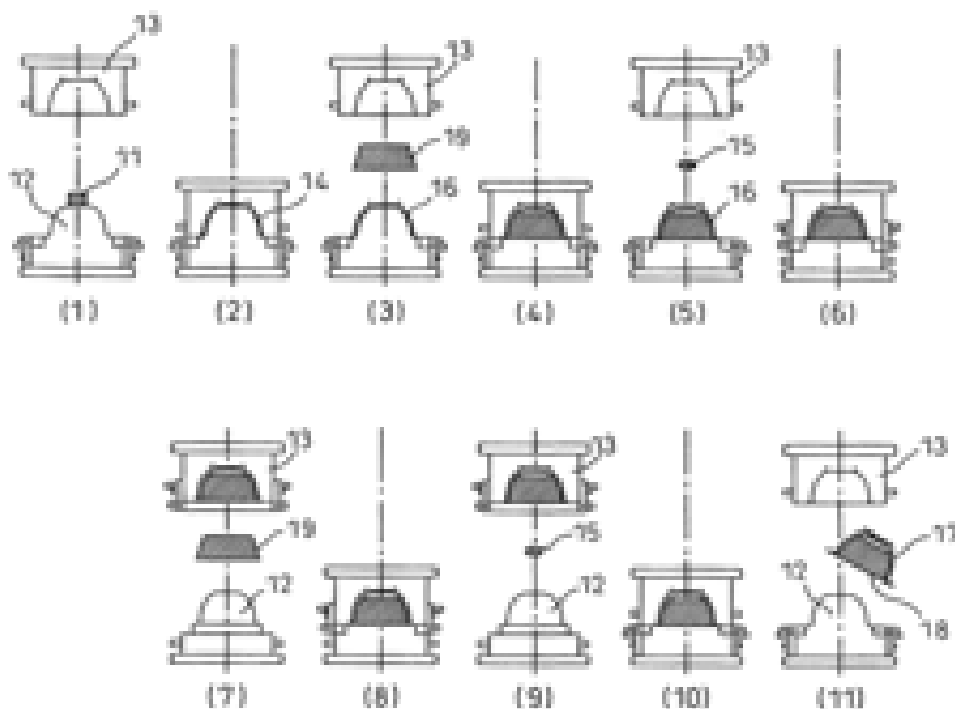
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất dracagenin B có công thức cấu tạo (I) sau:



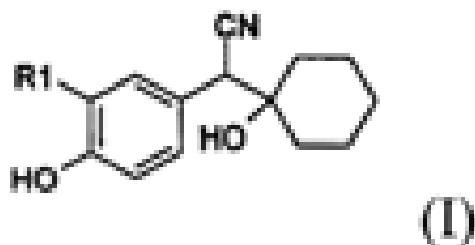
và đến phương pháp chiết hợp chất này từ cây huyết giác *Dracaena cambodiana* mọc tại Việt Nam. Hợp chất theo sáng chế có tên khoa học theo IUPAC là (20R,22R,25S)-Spirost-5- ene-1 $\beta$ ,3 $\beta$ ,14 $\alpha$ -triol là hợp chất có hoạt tính mạnh kháng trực khuẩn mũ xanh *Pseudomonas aeruginosa*, kháng tụ cầu vàng *Staphylococcus aureus* và kháng nấm sợi *Fusarium oxysporum*.

- (11) **17144**
- (21) 1-2008-00223 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/196**, 31/33, C07D 233/45, 233/46, 231/12, 249/06, 257/04, 261/20, 271/06, 277/30, 309/28, 401/04, 413/04, 417/04, 513/04
- (22) 26.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/024740 26.06.2006 (87) WO2007/02557 A1 04.01.2007
- (30) 06/694711 28.06.2005 US
- (71) MERCK & CO., INC (US)  
126 East Lincoln Avenue, Rahway, New Jersey 07065-0907, United States of America
- (72) Weichun CHEN (US), Fa-Xiang DING (CN), Subharekha RAGHAVAN (US), Hong SHEN (CN), James R. TATA (US), Steven L. COLLETTI (US), Ashley Rouse LINS (US), Darby Rye SCHMIDT (US), Abigail Lee SMENTON (US), George Scott TRIA (US)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) HỢP CHẤT XYCLOALKEN CÓ TÁC DỤNG CHỦ VẬN THỤ THỂ NIAXIN VÀ DUỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề xuất các hợp chất có công thức I: cũng như các muối và hydrat dược dụng của nó, hữu ích trong điều trị bệnh xơ vữa động mạch, rối loạn mỡ máu và các bệnh tương tự. Sáng chế cũng đề xuất dược phẩm chứa các hợp chất này.

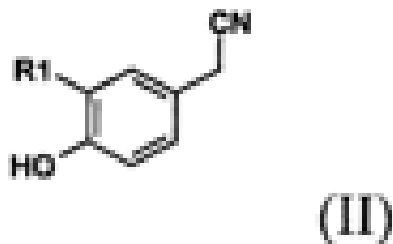
- (11) **17145**
- (21) 1-2008-00226 (51)<sup>7</sup> **B29C 43/14**, 43/18, 43/20, 43/34, 43/36, B29K 101/10
- (22) 31.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/315553 31.07.2006 (87) WO2007/015565 08.02.2007
- (30) 2005-226935 04.08.2005 JP
- (71) 1. YAMATOKAKO CO., LTD. (JP)  
5-25-6, Shinbashi, Minato-ku, Tokyo 105-0004, JAPAN  
2. THREELINE CO., LTD. (JP)  
5-25-6, Shinbashi, Minato-ku, Tokyo 105-0004, JAPAN
- (72) ARAKAWA, Hiroshi (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐƯỢC ĐÚC BẰNG NHỰA RẮN NHIỆT
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống sản xuất sản phẩm được đúc bằng nhựa rắn nhiệt đẹp không bị giảm chất lượng do ố màu, độ bóng giảm, v.v. gây ra do sử dụng trong một thời gian dài bằng cách sử dụng khuôn, khuôn này gồm nửa khuôn lõm và nửa khuôn lồi, để đúc và làm đông cứng nhựa rắn nhiệt để sản xuất sản phẩm được đúc bằng nhựa rắn nhiệt, phương pháp theo sáng chế thực hiện liên tục các bước (a) đóng khuôn và đúc vật liệu nền trên nửa khuôn lồi (hoặc trong nửa khuôn lõm), (b) phủ, ít nhất một lần, lớp bóng lên bề mặt vật liệu nền, (c) chuyển sản phẩm đúc từ phía nửa khuôn lồi sang phía nửa khuôn lõm (hoặc từ phía nửa khuôn lõm sang phía nửa khuôn lồi), và (d) phủ, ít nhất một lần, lớp bóng lên bề mặt sản phẩm đúc được gắn vào nửa khuôn lõm (hoặc nửa khuôn lồi).



- (11) **17146**  
 (21) 1-2008-00247 (51)<sup>7</sup> **C07C 253/30, 255/36**  
 (22) 26.06.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/EP2006/006126 26.06.2006 (87) WO2007/000294 04.01.2007  
 (30) 01101/05 29.06.2005 CH  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) MITZEL, Frieder (DE), WEBER, Beat, Theodor (CH), MARTI, Hans-Rudolf (CH),  
 HALDIMANN, Richard (CH)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT 1-[XYANO(4-HYDROXYPHENYL)METYL]XYCLOHEXANOL  
 (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế các hợp chất 1-[xyano(phenyl)-metyl]xyclohexanol có công thức tổng quát (I):



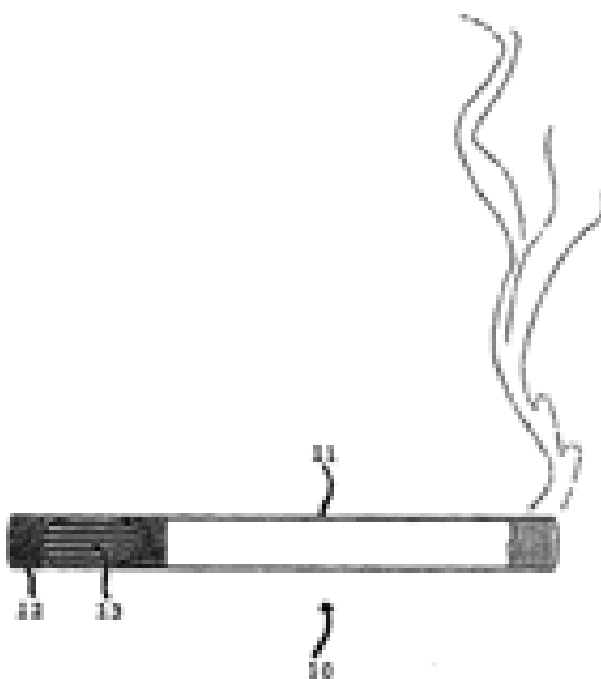
trong đó R<sub>1</sub> là hydro, (C<sub>1-4</sub>)alkyl hoặc (C<sub>1-4</sub>)alkoxy, trong đó cho hợp chất có công thức tổng quát (II):



trong đó R<sub>1</sub> được định nghĩa như đã nêu trên, phản ứng với xyclohexanon, phản ứng được thực hiện với sự có mặt của bazơ hữu cơ hoặc bazơ vô cơ, và bazơ hữu cơ hoặc bazơ vô cơ này có mặt trong hỗn hợp phản ứng với lượng ít nhất một đương lượng mol, tính theo lượng hợp chất có công thức tổng quát (II).



- (11) **17147**  
(21) 1-2008-00252 (51)<sup>7</sup> **B01D 53/34**, A24D 3/16, A61L 9/014, A62B 19/00, 23/02, 7/10, A62D 9/00, B01D 53/92, F01N 3/021, F24F 3/16
- (22) 14.06.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/AU2006/000820 14.06.2006 (87) WO/2006/133491 21.12.2006  
(30) 2005903078 14.06.2005 AU  
(71) EXNOX TECHNOLOGIES LIMITED (AU)  
Level 37, 123 Eagle Street, Brisbane, Queensland 4000, Australia  
(72) BYRNE, Paul James (AU)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) **VẬT LIỆU LỌC, VẬT CHỨA VẬT LIỆU LỌC NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP LOẠI BỎ CHẤT ĐỘC VÀ CHẤT GÂY Ô NHIỄM**  
(57) Sáng chế đề cập đến vật liệu lọc để loại bỏ các chất độc và/hoặc chất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khối khí, chứa bentonit bố trí trong cơ cấu đỡ được sắp xếp để cho khối khí tiếp xúc với bentonit.

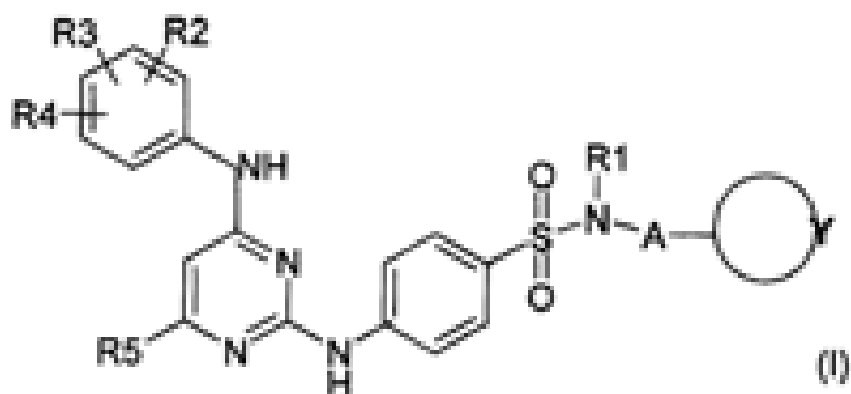


- (11) **17148**  
(21) 1-2008-00254 (51)<sup>7</sup> C22C 38/14, C21D 9/48, 8/04, C25D 3/30  
(22) 26.06.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/CN2006/001460 26.06.2006 (87) WO2007/000109 04.01.2007  
(30) 200510027291.4 29.06.2005 CN

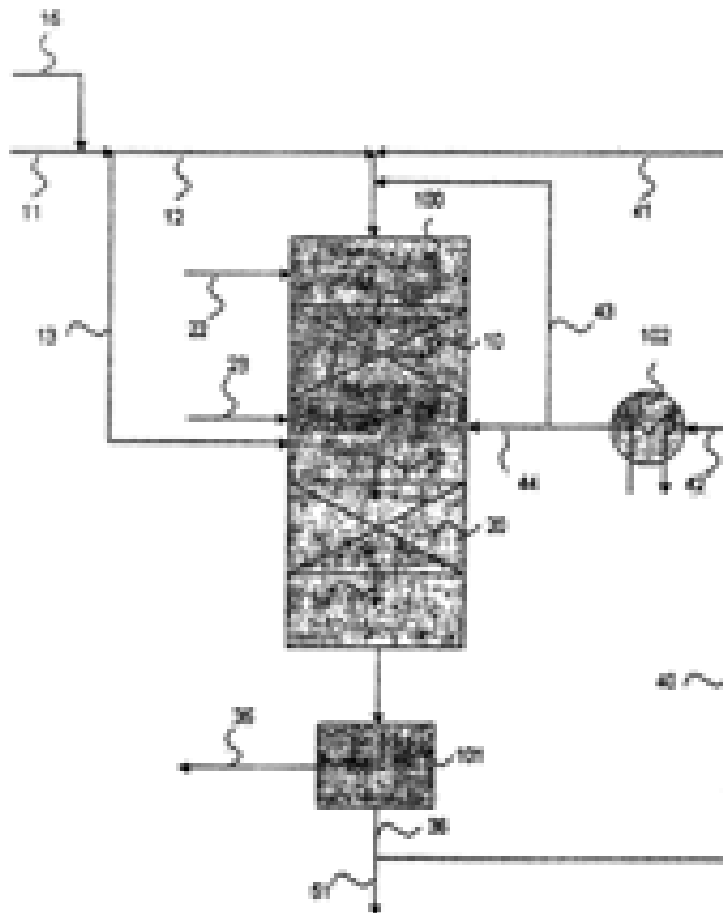
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.02.2008

- (71) BAOSHAN IRON & STEEL CO., LTD. (CN)  
South Building, No.1813, Mudanjiang Road, Shanghai 201900, China  
(72) LI, JUN (CN), ZHANG, Liyang (CN), LIN, Xiuzhen (CN), GONG, Xuenan (CN)  
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
(54) TẤM TÔN ĐEN MỀM VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM TÔN ĐEN MỀM  
(57) Sáng chế đề cập đến Tấm tôn đen mềm để tráng thiếc, bao gồm (% trọng lượng) đến 0,006C, 0,10-0,20% Mn, 0,025-0,075 Al, đến 0,03 Si, 0,03-0,08 Ti, đến 0,015 P, đến 0,015 S, đến 0,003 N, đến 0,004 O, và phần còn lại là Fe và các tạp chất không thể tránh được. Phương pháp sản xuất các tấm tôn đen mềm để luyện thép, đúc liên tục, cán nóng, kết hợp tẩy gỉ và cán song song nguội, ủ liên tục, và cán tôi. Các tham số của xử lý chính trong phương pháp này là như sau: nhiệt độ chuyển dải nằm trong khoảng từ 1190-1250°C, nhiệt độ cán cuối cùng nằm trong khoảng từ 880-920°C, nhiệt độ cuộn nằm trong khoảng từ 550-630°C, biến dạng cán nguội nằm trong khoảng từ 82-92%, nhiệt độ ủ nằm trong khoảng từ 720-770°C, thời gian giữ nằm trong khoảng từ 25-50 giây, độ giãn dài khi tôi T-1CA nằm trong khoảng từ 0,8-1,8%, độ giãn dài khi tôi T-2CA nằm trong khoảng từ 1,8 đến 3,0%.

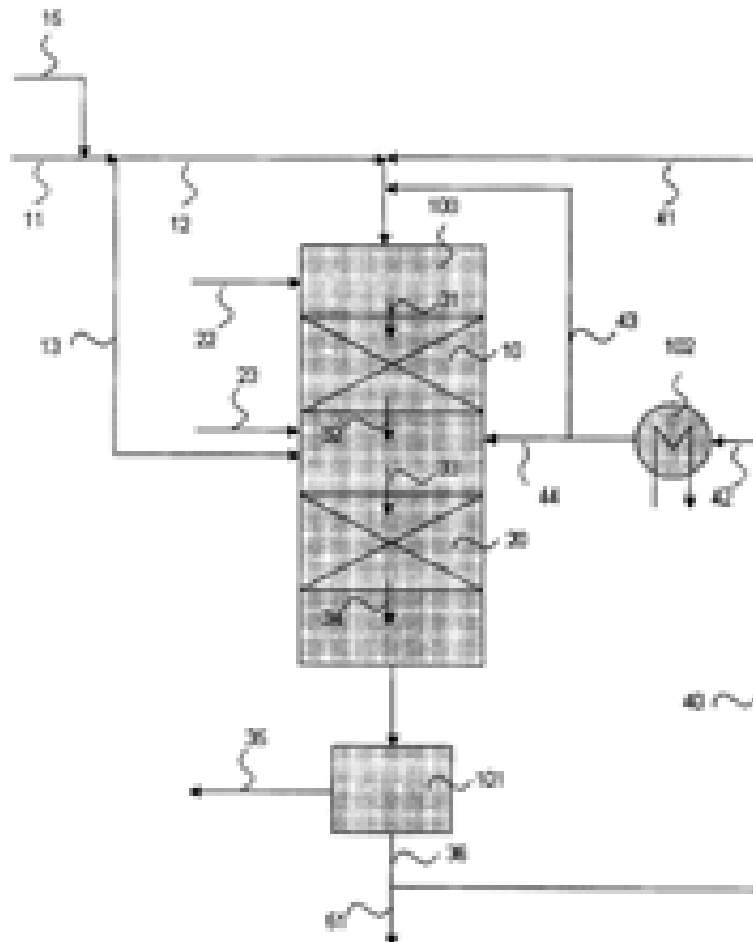
- (11) **17149**
- (21) 1-2008-00261 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/12**, 403/12, 405/12, 409/12, A61K 31/506, 31/351, 31/381
- (22) 06.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FR2006/001619 06.07.2006 (87) WO2007/006926 18.01.2007
- (30) 0507370 11.07.2005 FR  
0511950 25.11.2005 FR
- (71) SANOFI-AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France, 75013 Paris, France
- (72) Bosch Michael (FR), Bouaboula Monsif (FR), Casellas Pierre (FR), Jegham Samir (TN), Mignani Serge (FR), Nguetack Jean-Flaubert (FR), Olsen Jacob-Alsboek (DK), Tonnerre Bernard (FR), Wagnon Jean (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) HỢP CHẤT 2,4-DIANILINOPYRIMIDIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG, THUỐC VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I) trong đó: mỗi nhóm trong số R2, R3 và R4 là hydro và hai nhóm còn lại là hydro, halogen, alkyl hoặc alkoxy; R5 là hydro tất cả các nhóm này hoặc halogen; R1 là hydro, xycloalkyl, alkyl, alkenyl hoặc alkynyl, tùy ý được thế, A là liên kết đơn hoặc -CH<sub>2</sub>-CO-NR<sub>6</sub>- với R6 được chọn trong số các giá trị của R1; vòng chứa Y (hoặc vòng (Y)) có từ 4 đến 8 cạnh với Y là O, S, SO, S02, N-R7 (vòng (Y)) có thể chứa cầu cacbon), C=O hoặc dioxolan của nó, CF<sub>2</sub>, CH-OR<sub>8</sub>, CH-NR<sub>8</sub>R<sub>9</sub>, và; R7 là hydro, xycloalkyl, alkyl, CH<sub>2</sub>-alkenyl hoặc CH<sub>2</sub>-alkynyl, tất cả các nhóm này tùy ý được thế; R8 là hydro, alkyl, xycloalkyl hoặc heteroxycloalkyl, tất cả các nhóm này tùy ý được thế, các hợp chất này tồn tại ở tất cả các dạng đồng phân và muối của chúng. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình điều chế hợp chất nêu trên, thuốc và dược phẩm chứa chúng.



- (11) **17150**
- (21) 1-2008-00266 (51)<sup>7</sup> **C10G 3/00**, 45/58, 45/02
- (22) 29.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FI2006/050301 29.06.2006 (87) WO2007/003709 11.01.2007
- (30) 05014428.6 04.07.2005 EP
- 60/695,853 05.07.2005 US
- (71) NESTE OIL OYJ (FI)  
Keilaranta 8, FI02150 Espoo, Finland
- (72) MYLLYOJA, Jukka (FI), AALTO, Pekka (FI), SAVOLAINEN, Pekka (FI),  
PUROLA, Veli-Matti (FI), ALOPAEUS, Ville (FI), GRONQVIST, Johan (FI)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT HYDROCACBON NẪM TRONG KHOẢNG DIEZEN
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất hydrocacbon nằm trong khoảng diezen trong đó nguyên liệu được xử lý bằng hydro trong bước xử lý bằng hydro và được đồng phân hoá trong bước đồng phân hoá, và nguyên liệu bao gồm nguyên liệu mới chứa axit béo tự do với lượng lớn hơn 5% trọng lượng và ít nhất một chất pha loãng được xử lý bằng hydro ở nhiệt độ phản ứng nằm trong khoảng từ 200 đến 400°C, trong thiết bị xử lý bằng hydro với sự có mặt của chất xúc tác, và tỷ lệ chất pha loãng/nguyên liệu mới nằm trong khoảng từ 5 đến 30:1.



- (11) **17151**
- (21) 1-2008-00267 (51)<sup>7</sup> **C10G 3/00**, 45/58, 45/02
- (22) 29.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FI2006/050300 29.06.2006 (87) WO2007/003708 11.01.2007
- (30) 05014426.0 04.07.2005 EP
- 60/695,852 05.07.2005 US
- (71) NESTE OIL OYJ (FI)  
Keilaranta 8, FI02150 Espoo, Finland
- (72) MYLLYOJA, Jukka (FI), AALTO, Pekka (FI), HARLIN, Elina (FI)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT HYDROCACBON NẪM TRONG KHOẢNG DIEZEN
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất hydrocarbon nằm trong khoảng diezen, trong đó nguyên liệu được xử lý với hydro trong bước xử lý bằng hydro và được đồng phân hoá trong bước đồng phân hoá và nguyên liệu này chứa triglyxerit axit béo có từ 12 đến 16 nguyên tử cacbon hoặc este của axit béo có từ 12 đến 16 nguyên tử cacbon hoặc axit béo có từ 12 đến 16 nguyên tử cacbon hoặc hỗn hợp của chúng với lượng ít nhất 20% theo trọng lượng và nguyên liệu chứa lưu huỳnh với lượng nằm trong khoảng từ 50 đến 20000 phần triệu theo trọng lượng được tính dưới dạng lưu huỳnh nguyên tố.

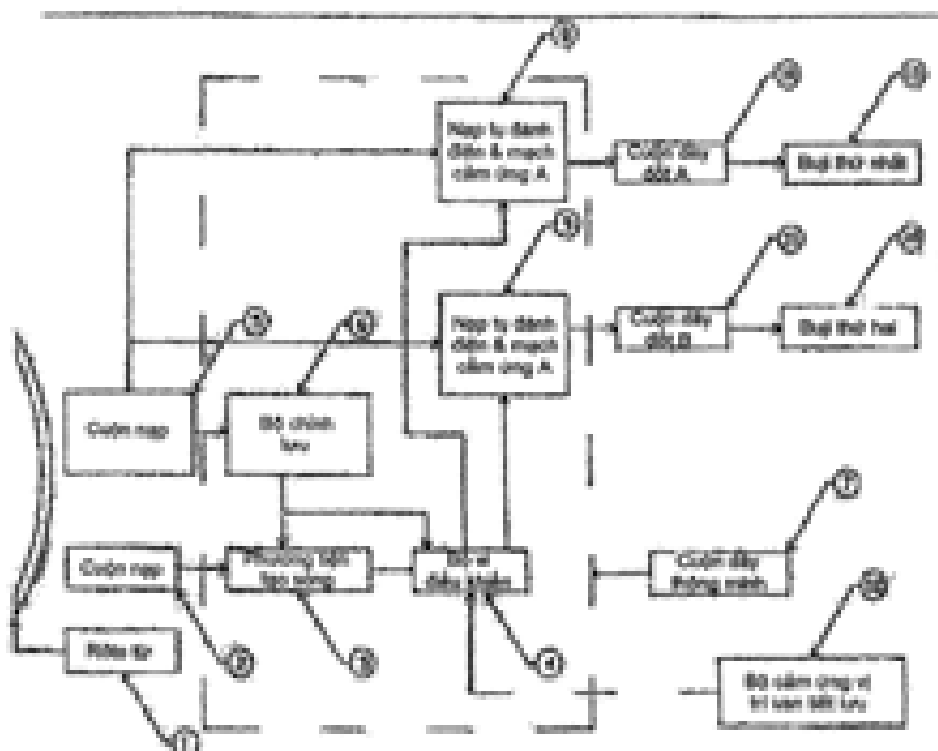


- (11) **17152**  
(21) 1-2008-00287 (51)<sup>7</sup> **A01N 47/36**, 25/22  
(22) 24.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/JP2006/315065 24.07.2006 (87) WO2007/018060 15.02.2007  
(30) 2005-231841 10.08.2005 JP  
2005-326623 10.11.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.04.2008

- (71) ISHIHARA SANGYO KAISHA, LTD. (JP)  
3-15, Edobori 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi, Osaka, 5500002, Japan  
(72) ISHIHARA, Yoshiaki (JP), TSURUTA, Tatsuhiko (JP)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) HUYỀN PHÙ CHỨA CHẤT DIỆT CỎ TRONG NỀN NƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP  
KIỂM SOÁT THỰC VẬT KHÔNG MONG MUỐN  
(57) Sáng chế đề cập đến huyền phù chứa chất diệt cỏ trong nền nước bao gồm (1) hợp chất  
chứa chất diệt cỏ của sulfonylure (bao gồm 1-[3-[(4,6-đimethoxy- pyrimidin-2-  
ylcarbamoyl) sulfamoyl]-2-pyridyl]-2-flopropyl metoxyaxetal và N-[(4,6-  
đimethoxypyrimidin-2-yl)aminocarbonyl]-2-(2-flo-1-hydroxy-propyl)-3-  
pyridinsulfonamit) hoặc muối của nó, (2) muối vô cơ, (3) ít nhất một sulfonat được chọn  
từ nhóm bao gồm aryl sulfonat, alkylaryl sulfonat và fonnaldehyt đậm đặc của chúng và  
(4) nước.

- (11) **17153**
- (21) 1-2008-00292 (51)<sup>7</sup> **F02P 15/02**, 5/153
- (22) 30.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IN2006/000227 30.06.2006 (87) WO2007/032020 22.03.2007
- (30) 784/MUM/2005 01.07.2005 IN
- (71) **BAJAJ AUTO LIMITED (IN)**  
Akurdi, Pune 411 035, Maharashtra, India
- (72) **JOSEPH, Abraham (IN)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT TIẾNG ỒN ĐỘNG CƠ**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp xử lý tiếng ồn và chói gây ra bởi sự đốt cháy trong động cơ đánh lửa có buồng đốt, ống dẫn nhiên liệu để dẫn nhiên liệu vào buồng đốt, các bộ phận đánh lửa đặt trong buồng đốt để đốt nhiên liệu và đơn vị điều khiển. Các bộ phận điều khiển bộ phận đốt theo giá trị tiêu chuẩn của thông số kết hợp tiếng ồn đốt cháy, đó là tiêu chuẩn hoạt động của động cơ. Việc điều khiển có thể ứng với thông số kết hợp tiếng ồn đốt vượt giá trị ngưỡng. Thông số kết hợp tiếng ồn đốt có thể là tốc độ tăng độ nén đốt trong buồng đốt. Tuy nhiên, phương pháp có thể được thực hiện với tốc độ tăng độ nén đốt và một hay nhiều thông số khác, ví dụ như tốc độ động cơ, sự tăng tốc và/hoặc sức tải động cơ vượt giá trị ngưỡng. Hệ thống điều khiển đốt dùng để thực hiện phương pháp trong các dạng xe hay các phương tiện khác theo sáng chế. Phương pháp và hệ thống điều khiển đốt cháy có thể được thực hiện ở các động cơ điêzen hay động cơ cacbon, nhưng tốt nhất vẫn là sử dụng ở động cơ điêzen.



- (11) **17154**
- (21) 1-2008-00293 (51)<sup>7</sup> **G01N 33/543**, 21/55
- (22) 30.06.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/025736 30.06.2006 (87) WO2007/005690 11.01.2007
- (30) 60/695,419 01.07.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, USA
- (72) DAMLE, Nitin, K. (US), KHANDKE, Kiran (US), BOGHAERT, Erwin, R. (BE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC THÔNG SỐ DƯỢC ĐỘNG HỌC CỦA CÁC  
LIỆU PHÁP ĐIỀU TRỊ TẠI ĐÍCH
- (57) Sáng chế nói chung đề cập đến phương pháp xác định các đặc tính dược động học của  
liệu pháp điều trị tại đích (ví dụ, thể nối miễn dịch) bằng các kỹ thuật nhạy cảm khối lượng.



- (11) **17155**  
 (21) 1-2008-00302 (51)<sup>7</sup> **E02B 9/08**, F03B 13/26, 17/06, 3/18  
 (22) 05.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/AU2006/000944 05.07.2006 (87) WO2007/009155 25.01.2007  
 (30) 2005903768 15.07.2005 AU

(71) SUNDERMANN FREDERICK HERMAN (AU)

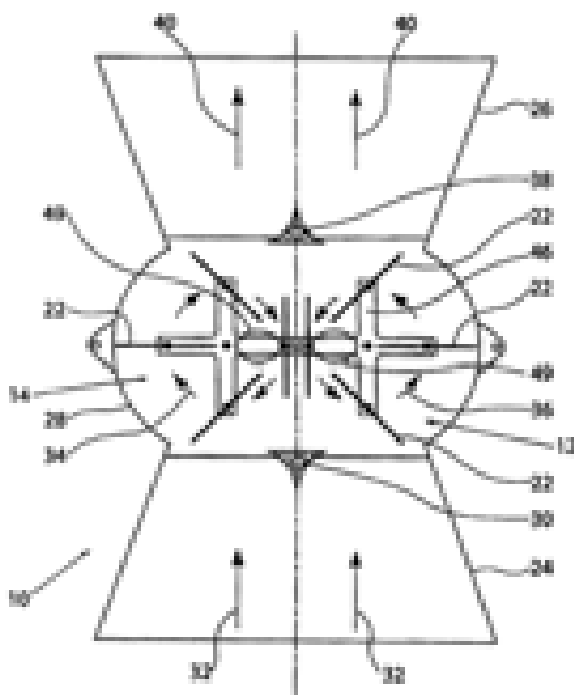
Heyfield-Cowwarr Road, Heyfield, Victoria 3858, Australia

(72) SUNDERMANN Frederick Herman (AU)

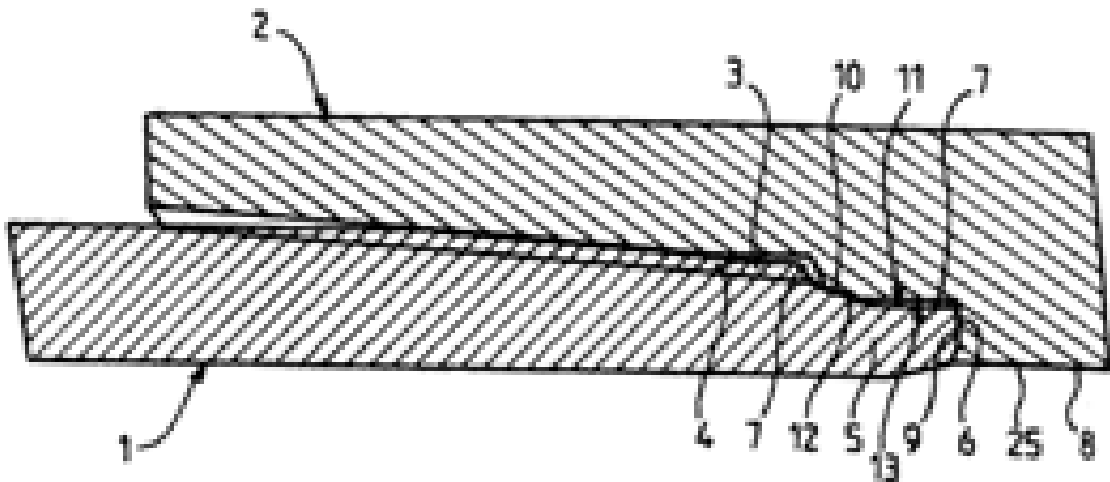
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) THIẾT BỊ PHÁT ĐIỆN TỪ DÒNG NƯỚC NHƯ DÒNG THỦY TRIỀU, DÒNG SÔNG HOẶC CÁC DÒNG NƯỚC TƯƠNG TỰ

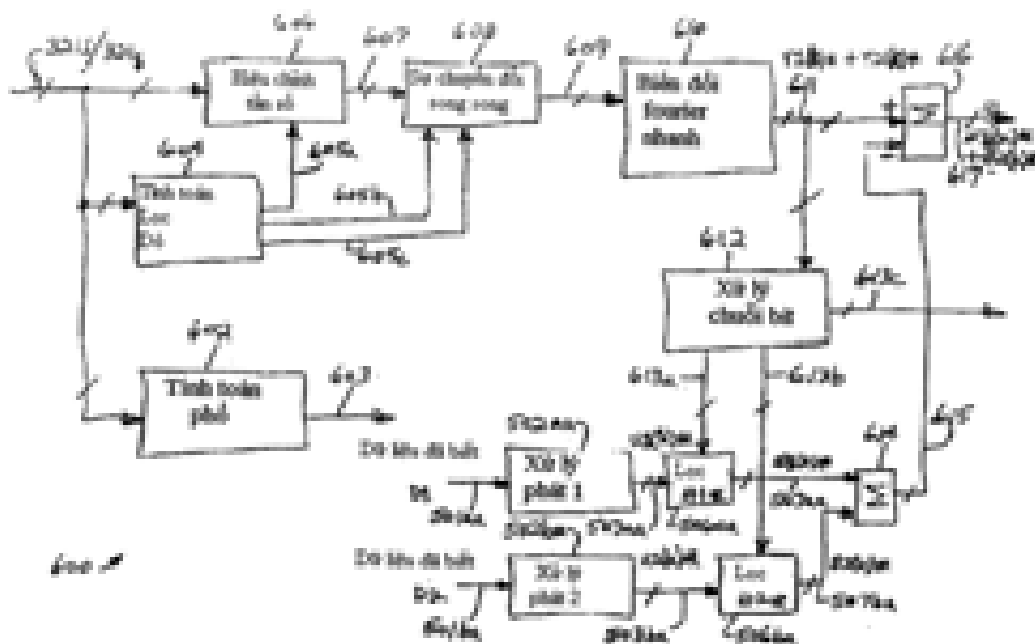
(57) Thiết bị để phát ra điện năng từ dòng nước, bao gồm vỏ có cửa nước vào và cửa nước ra, tuabin thứ nhất (12) lắp trong vỏ để chuyển động quay quanh trục gần như theo phương thẳng đứng và có trục tuabin, một bộ các cánh theo phương thẳng đứng (22), và cơ cấu điều chỉnh góc cánh, tuabin thứ hai (14) lắp trong vỏ liền kề với tuabin thứ nhất, để chuyển động quay quanh trục gần như theo phương thẳng đứng, tuabin thứ hai này có trục tuabin, một bộ các cánh theo phương thẳng đứng (22) và cơ cấu điều chỉnh góc cánh, vỏ này được làm thích ứng để lắp được bên trong vùng chứa nước và được kết cấu sau cho dòng nước đến đi vào vỏ qua cửa vào, và chủ yếu được hướng thành hai dòng dẫn động (34, 36), mỗi dòng dùng cho một tuabin, và sau đó được hướng để xả ra qua cửa ra, góc của mỗi cánh so với dòng nước dẫn động được điều chỉnh bởi cơ cấu điều chỉnh góc cánh sao cho diện tích bề mặt cánh lớn được đưa đến chặn dòng nước đến để dẫn động tuabin theo chiều quay định trước và diện tích bề mặt cánh nhỏ được đưa đến chặn dòng nước đến theo chiều đối diện với chiều dẫn động.



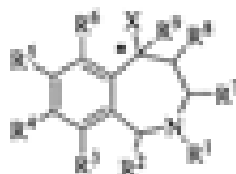
- (11) **17156**
- (21) 1-2008-00335 (51)<sup>7</sup> **F16L 15/04**
- (22) 21.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/007242 21.07.2006 (87) WO2007/017082 15.02.2007
- (30) 0508456 09.08.2005 FR
- (71) 1. VALLOUREC MANNESMANN OIL & GAS FRANCE (FR)  
54, rue Anatole France, F - 59620 Aulnoye Aymeries, France  
2. SUMITOMO METAL INDUSTRIES LTD. (JP)  
5-33 Kitahama 4-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0041, Japan
- (72) CHARVET-QUEMIN Jean-Francois (FR), EMERY Jean-Pierre (FR), HAMAMOTO Takahiro (JP), SUGINO Masaaki (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **MỐI NỐI ỐNG BẰNG REN KÍN KHÍ VÀ CHẤT LỎNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến mối nối ống bằng ren kín khí và chất lỏng bao gồm bề mặt tiếp giáp quanh trục thứ nhất (6) được tạo ở đầu tự do của miệng tròn (5) của ống ren ngoài (1) và bề mặt tiếp giáp quanh trục thứ hai (9) được tạo ở đầu của vỏ ống (7) của ống ren trong (2) có cùng các nửa diện tích mặt cắt dọc trục (S) độ nghiêng thay đổi tăng dần theo hướng kính. Cấu hình của các bề mặt tiếp giáp quanh trục này tối ưu hoá sự thúc theo hướng kính lên đầu của miệng tùy thuộc vào độ dày của nó, nhằm tăng sự tương tác theo hướng kính giữa các bề mặt bịt kín (10, 12) của cả hai ống. Ứng dụng này được áp dụng cho các giếng hydrocacbon.



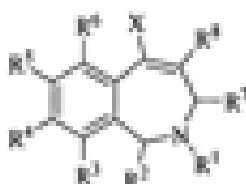
- (11) **17157**
- (21) 1-2008-00341 (51)<sup>7</sup> **H04J 11/00**, H04B 17/00
- (22) 22.09.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/036995 22.09.2006 (87) WO2007/038279 05.04.2007
- (30) 60/596,444 23.09.2005 US
- 11/533,971 21.09.2006 US
- (71) LITEPOINT CORPORATION (US)  
575 Maude Court, Sunnyvale, CA 94085 (US)
- (72) Olgaard, Christian (US), Bennett, Stephen (GB), Papa-Paraskeva, Vakis (CY), Walvis, Dirk (US), Schilter, Roman (CH)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐỒNG THỜI NHIỀU MÁY PHÁT DỒN TẦN SỐ TRỰC GIAO VỚI THIẾT BỊ PHÂN TÍCH TÍN HIỆU VECTƠ ĐƠN
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp dùng trong thử nghiệm đồng thời đa số của tín hiệu đa thành phần phân chia tần số trực giao (OFDM). Máy phân tích tín hiệu vectơ (600) biến đổi một tín hiệu phức hợp, được nhận qua một đường truyền tín hiệu và bao gồm đa số tín hiệu OFDM, để cung cấp đa số tín hiệu dữ liệu đã được biến đổi, trong đó tín hiệu dữ liệu phức hợp bắt nguồn từ một nguồn tín hiệu nhỏ có đa số kết hợp với quy trình truyền tín hiệu và bao gồm đa số của mỗi các gói dữ liệu trong đó bao gồm một phân chia riêng của đa số dữ liệu đầu và một phân chia riêng của đa số dữ liệu truyền, mỗi phân chia riêng của đa số dữ liệu truyền tương ứng với một phân chia riêng của đa số dữ liệu đã biết liên quan đến riêng một của đa số của quy trình truyền tín hiệu và đường truyền tín hiệu, và mỗi một số của tín hiệu dữ liệu đã được biến đổi bao gồm một phân chia riêng của đa số các gói dữ liệu, và nhận và xử lý đa số dữ liệu đã biết, ít nhất phân chia riêng của đa số dữ liệu đầu và ít nhất phân chia riêng của đa số dữ liệu truyền để cung cấp đa số dữ liệu thử nghiệm biểu thị một lượng vectơ lỗi kết hợp với tín hiệu dữ liệu phức hợp.



- (11) **17158**
- (21) 1-2008-00357 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/55**, C07D 487/02, 403/02
- (22) 17.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/027574 17.07.2006 (87) WO2007/011820 25.01.2007
- (30) 60/700,057 15.07.2005 US
- (71) 1. AMR TECHNOLOGY, INC. (US)  
5429 Main Street, P.O.Box 2587, Manchester Center, VT 05255-2587, United States of America  
2. BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)  
Lawrenceville-Princeton Road, Princeton, New Jersey 08543-4000, United States of America
- (72) MOLINO, Bruce, F. (US), LIU, Shuang (CN), SAMBANDAM, Aruna (IN), GUZZO, Peter, R. (US), HU, Min (CN), ZHA, Congxiang (CN), NACRO, Kassoum (BF), MANNING, David, D. (US), ISHERWOOD, Matthew, L. (GB), FLEMING, Kristen, N. (US), CUI, Wenge (CN), OLSON, Richard, E. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) HỢP CHẤT TETRAHYDROBENZAZEPIN VÀ DIHYDROBENZAZEPIN ĐƯỢC THẾ ARYL VÀ HETEROARYL CÓ TÁC DỤNG ỨC CHẾ QUÁ TRÌNH TÁI HẤP THU NOREPINEPHRIN, DOPAMIN VÀ SEROTONIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất tetrahydrobenzazepin và dihydrobenzazepin được thế aryl và heteroaryl có công thức I(A-E) và (II) :



**I(A-E)**

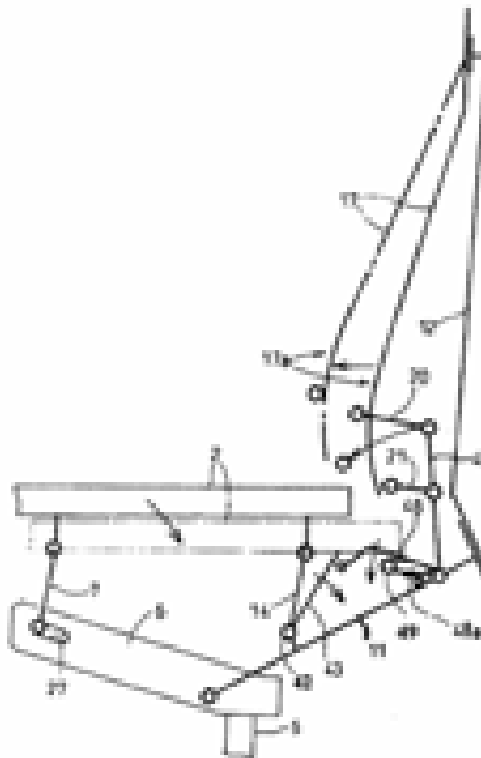


**II**

trong đó nguyên tử cacbon được đánh dấu\* có cấu hình R hoặc S, và nhóm thế X và nhóm R<sup>1</sup>-R<sup>9</sup> như được mô tả trong bản mô tả.

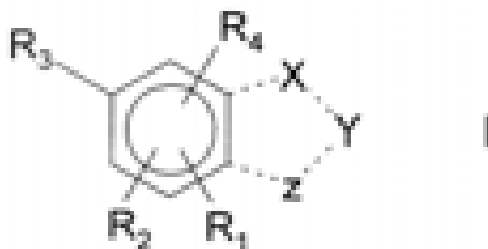
- (11) **17159**
- (21) 1-2008-00358 (51)<sup>7</sup> **A47C 1/031**, 3/02, 7/40
- (22) 18.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/316256 18.08.2006 (87) WO2007/021005 22.02.2007
- (30) 2005-237660 18.08.2005 JP
- 2005-240740 23.08.2005 JP
- 2005-346602 30.11.2005 JP
- (71) ITOKI CORPORATION (JP)
- 4-12, Imafuku-higashi 1-chome, Joto-ku, Osaka-shi, Osaka 536-0002 Japan
- (72) Satoshi Kan (JP), Katunori Hama (JP), Tamio Sakurai (JP), Yasuhiro Nakamura (JP)
- (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
- (54) GHẾ

(57) Sáng chế đề cập đến ghế bao gồm mặt ngồi (2) và mặt tựa lưng (3). Trong đó, mặt ngồi (2) được lắp vào giá lắp (6) bằng chi tiết liên kết đỡ phía trước (7) và trục đỡ thứ nhất (8), và phần sau mặt ngồi (2) được lắp vào chi tiết xoay (11) bằng chi tiết liên kết đỡ phía sau (14). Trục đỡ thứ nhất (8) được lắp có thể trượt vào giá lắp (6). Phần trên của mặt tựa lưng (3) được lắp vào phần trên của chi tiết đỡ phía sau (12). Khi có người ngồi vào ghế, mặt ngồi (2) sẽ di chuyển xuống dưới và về phía sau, và phần đỡ thắt lưng (17) của mặt tựa lưng (3) sẽ di chuyển về phía trước nhờ chuyển động của mặt ngồi (2). Do đó, ngay cả khi người ngồi không sâu vào trong ghế, phần thắt lưng của người ngồi vẫn có thể được đỡ đáng kể. Các phương tiện phối hợp chuyển động bao gồm chi tiết liên kết phối hợp chuyển động từ thứ nhất đến thứ năm. Chi tiết liên kết phối hợp chuyển động thứ ba có thể xoay để chống lại lực đàn hồi của lò xo phản hồi thứ hai. Do đó, người ngồi trên ghế không có cảm giác khó chịu khi ngồi sâu vào trong mặt ghế.



- (11) **17160**
- (21) 1-2008-00365 (51)<sup>7</sup> **C08L 69/00**, 55/02
- (22) 08.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/006705 08.07.2006 (87) WO2007/009622 25.01.2007
- (30) 11/186,339 21.07.2005 US
- (71) BAYER MATERIALSCIENCE AG (DE)  
51368 Leverkusen, Germany
- (72) SEIDEL Andreas (DE), WITTMANN Dieter (DE), HAGER Bruce L. (US), MICHELS  
Gisbert (DE)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **VẬT LIỆU TỔ HỢP ĐÚC POLYCACBONAT VÀ SẢN PHẨM ĐÚC CHỨA VẬT  
LIỆU NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến vật liệu tổ hợp đúc dẻo nhiệt được biến tính chịu va đập bao gồm polycarbonat và/hoặc polyeste cacbonat thơm và polyme ghép được biến tính bởi cao su được điều chế theo quy trình trùng hợp khối, trùng hợp dung dịch hoặc trùng hợp khối-huyền phù. Vật liệu tổ hợp đúc này được đặc trưng bởi hàm lượng các ion lithi thấp có khả năng kháng chịu sự thủy phân được cải thiện.

- (11) **17161**
- (21) 1-2008-00366 (51)<sup>7</sup> **C07D 307/82**, A61K 31/343, 31/381, 31/428, A61P 25/16, C07D 277/02, 333/62
- (22) 17.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/FI2006/000257 17.07.2006 (87) WO2007/010085 25.01.2007
- (30) 60/699,898 18.07.2005 US
- (71) ORION CORPORATION (FI)  
Orionintie 1, FI-02200 Espoo, Finland
- (72) AHLMARK Marko (FI), BACKSTROM Reijo (FI), LUIRO Anne (FI), PYSTYNEN Jarmo (FI), TIAINEN Eija (FI)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỢP CHẤT DỊ VÒNG NĂM CẠNH NGUNG TỤ BENZO, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ DƯỢC PHẨM
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức I,



trong đó R<sub>1</sub>-R<sub>4</sub>, X, Y và Z là như đã xác định trong yêu cầu bảo hộ, có hoạt tính ức chế enzym catechol-O-metyltransferaza (COMT) và vì vậy có thể dùng làm các chất ức chế COMT.

- (11) **17162**  
 (21) 1-2008-00375 (51)<sup>7</sup> **G01R 31/26**  
 (22) 11.08.2005 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2005/014775 11.08.2005 (87) WO2007/017953 15.02.2007

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.02.2008

(71) ADVANTEST CORPORATION (JP)

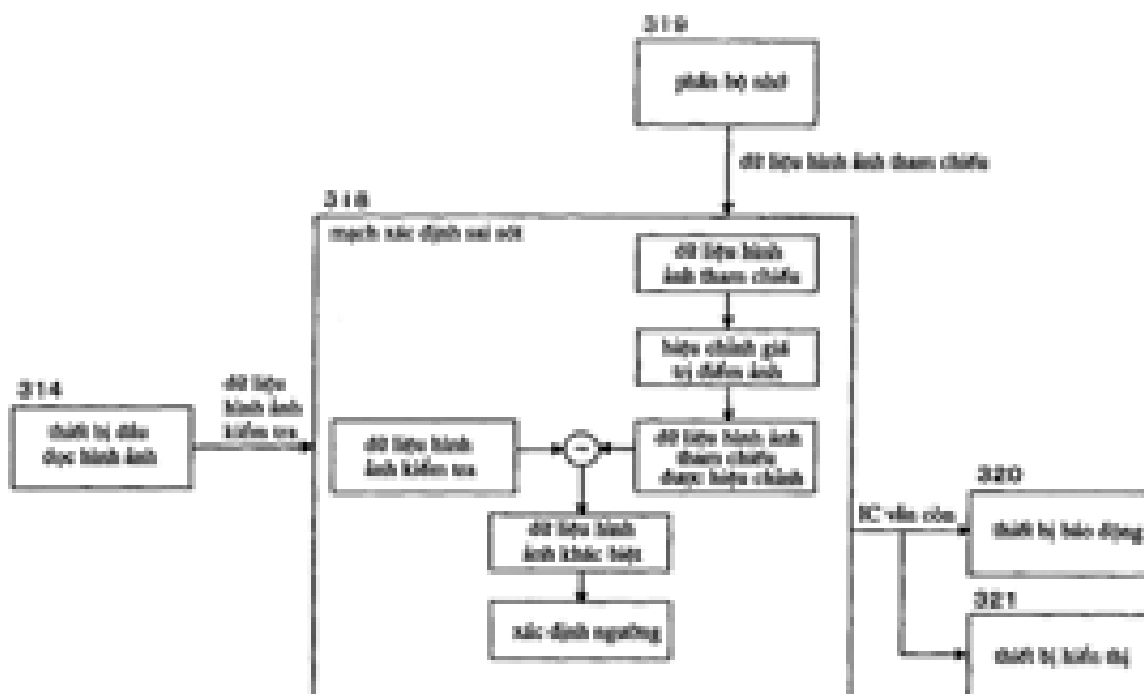
32-1, Asahicho 1-chome, Nerima-ku, Tokyo, 1790071, Japan

(72) IKEDA Katsuhito (JP), Ichikawa Masayoshi (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị thử nghiệm thiết bị điện tử để chuyển các thiết bị điện tử cần được thử nghiệm đến các khe cắm (301a) của phần tiếp xúc và đưa các thiết bị điện tử cần được thử nghiệm đến tiếp xúc điện với các khe cắm để thực hiện việc thử nghiệm các đặc tính điện của các thiết bị điện tử cần được thử nghiệm, bao gồm phần đầu đọc hình ảnh (314) chụp hình ảnh của các khe cắm; phần bộ nhớ (319) lưu giữ dữ liệu hình ảnh tham chiếu của các khe cắm ở tình trạng không được gắn với các thiết bị điện tử bất kỳ cần được thử nghiệm thu được bằng cách chụp các hình ảnh bởi phần đầu đọc hình ảnh; và phân xác định sai sót (318) thu được dữ liệu hình ảnh kiểm tra của các khe cắm từ phần đầu đọc hình ảnh, sẽ đọc dữ liệu hình ảnh tham chiếu từ phần bộ nhớ, so sánh dữ liệu hình ảnh kiểm tra với dữ liệu hình ảnh tham chiếu và xác định xem liệu có hay không các thiết bị điện tử bất kỳ cần được thử nghiệm vẫn còn trên các khe cắm.





(11) **17163**

(21) 1-2008-00376

(51)<sup>7</sup> **F16D 13/74**, 43/14

(22) 13.06.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/JP2006/311785 13.06.2006

(87) WO2007/010686 25.01.2007

(30) 2005-209993 20.07.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.02.2008

(71) EXEDY CORPORATION (JP)

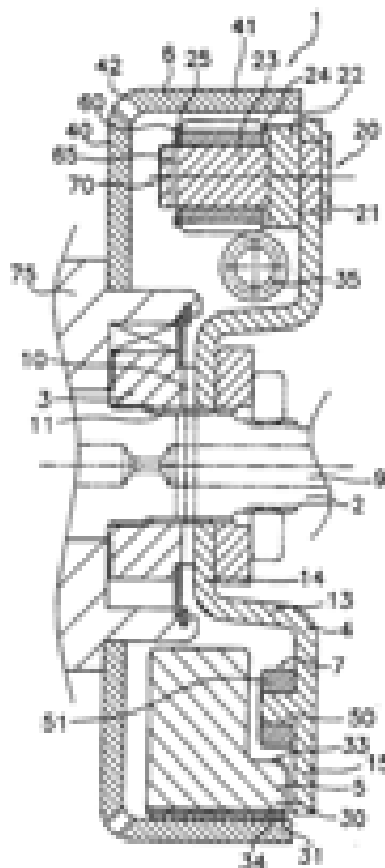
1-1, Kidamotomiya 1-chome, Neyagawa-shi, Osaka 572-8570, Japan

(72) IMANISHI, Yoshio (JP), TERABAYASHI, Hitoshi (JP)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)

(54) **CƠ CẤU LY HỢP LY TÂM**

(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu ly hợp ly tâm gắn trên trục lái mà lực từ động cơ được đưa vào và có thể truyền và ngắt lực truyền giữa trục lái phục vụ cho truyền động. Cơ cấu ly hợp bao gồm vấu ly hợp (3), giá ly hợp (4), phân ly ly tâm (5) và hộp ly hợp (6). Vấu ly hợp (3) được nối với trục đầu vào (2). Giá ly hợp (4) khít với trục đầu vào (2) qua tiếp xúc với mặt thứ nhất của vấu ly hợp (3). Phân ly ly tâm (5) được đặt trên mặt phía ngoài của vấu ly hợp (3) và có thể chuyển động theo hướng kính nhờ giá ly hợp (4). Hộp ly hợp (6) được gắn với bộ phận (75) ở phía truyền động, phân ly ly tâm (5) được đặt ở phía chu vi đường tròn trong của hộp ly hợp và lực được truyền từ giá ly hợp (4) nhờ phân ly ly tâm (5). Vấu ly hợp (3) bao gồm đường cấp dầu bôi trơn (10) để cấp dầu bôi trơn cho phân ly ly tâm (5).



(11) **17164**

(21) 1-2008-00377

(22) 14.06.2006

(86) PCT/JP2006/311914 14.06.2006

(30) 2005-209994 20.07.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.02.2008

(71) EXEDY CORPORATION (JP)

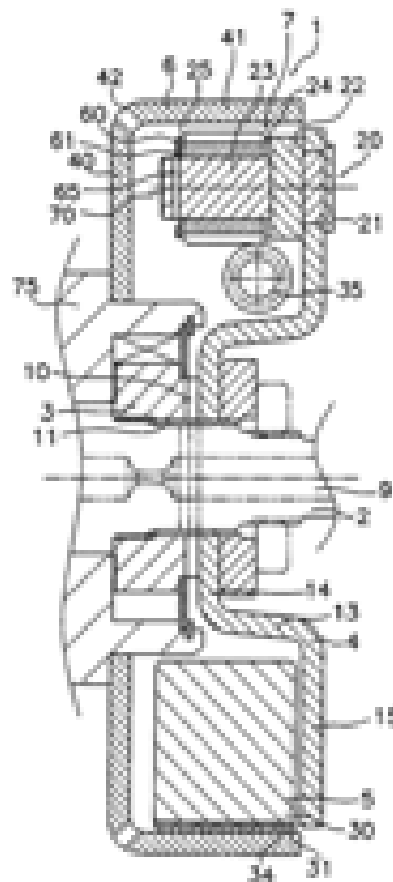
1-1, Kidamotomiya 1-chome, Neyagawa-shi, Osaka 572-8570, Japan

(72) TERABAYASHI, Hitoshi (JP), YONEYAMA, Koji (JP), ABE, Minoru (JP)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) CƠ CẤU LY HỢP LY TÂM

(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu ly hợp ly tâm (1) có thể truyền và ngắt lực từ trục đầu vào (2) đến trục đầu ra (75). Cơ cấu ly hợp bao gồm hộp ly hợp (6) được nối với trục đầu ra (75), giá ly hợp (4) được nối với trục đầu vào (2), phân ly hợp ly tâm (5) được lắp đặt có thể chuyển động được trên giá ly hợp (4) và được tác động để tiếp xúc với thành phía trong của hộp ly hợp (6) nhờ chuyển động về phía thành bên trong của hộp ly hợp. Cơ cấu tạo trễ (7) tạo độ trễ theo chuyển động của phân ly hợp ly tâm (5) đến hộp ly hợp (6). Cơ cấu tạo trễ bao gồm bộ phận đỡ (20) để đỡ cho phân ly hợp ly tâm (5) có thể chuyển động trên giá ly hợp (4), bộ phận ma sát (24) tạo lực cản khi phân ly hợp ly tâm (5) chuyển động và cơ cấu áp lực để kéo bộ phận ma sát (24) và phân ly hợp ly tâm (5) lại với nhau.



- (11) **17165**  
(21) 1-2008-00383 (51)<sup>7</sup> **A46B 15/00**  
(22) 26.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/028764 26.07.2006 (87) WO2007/016066 08.02.2007  
(30) 60/702,736 27.07.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.02.2008

(71) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)

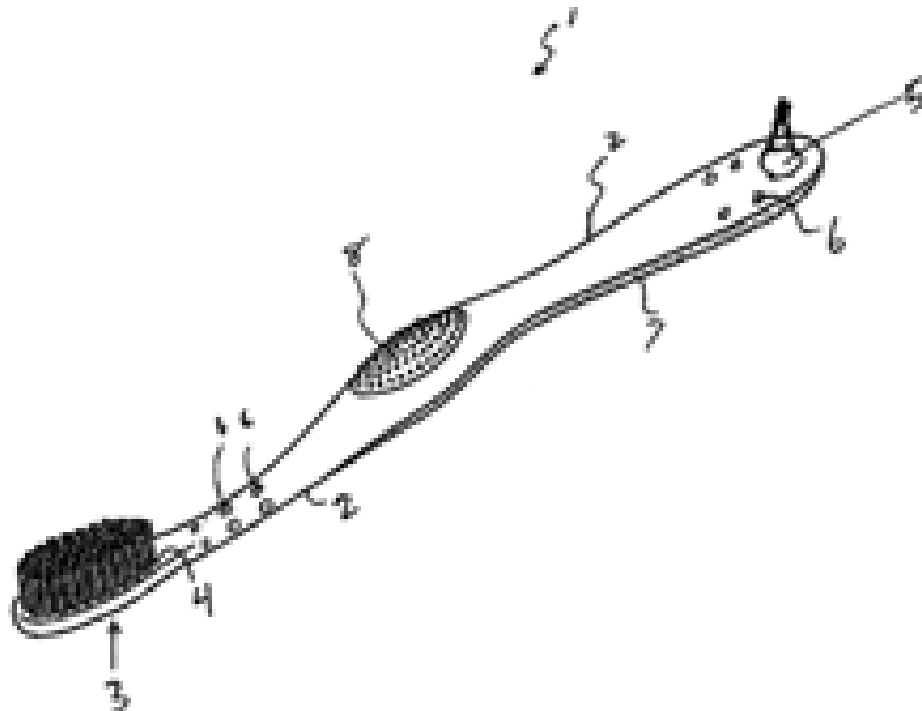
300 Park Avenue, New York, New York 10022, United States of America

(72) WONG Chi Shing (US), ROONEY Michael Charles (US)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) DỤNG CỤ CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG BAO GỒM COPOLYME PROPYLEN-ETYLEN THỂ ĐÀN HỒI

(57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ chăm sóc răng miệng có một hoặc nhiều thành phần, như tay cầm hoặc phần nắm của nó, chuẩn bị từ copolymer propylen-etylen thể đàn hồi. Copolymer thể đàn hồi này tạo ra sự tiện lợi và bề mặt nắm không dễ bị tuột ở các điều kiện khác nhau, bao gồm cả môi trường ẩm ướt và môi trường khô, và còn tạo ra các đặc tính mềm dẻo, các đặc tính mềm dẻo này đặc biệt thích hợp cho các kết cấu tay cầm có bản lề.



(11) **17166**

(21) 1-2008-00390

(51)<sup>7</sup> **G01R 19/00**, G06F 1/28

(22) 20.02.2008

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.02.2008

(71) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TIN HỌC NAM THÀNH (VN)

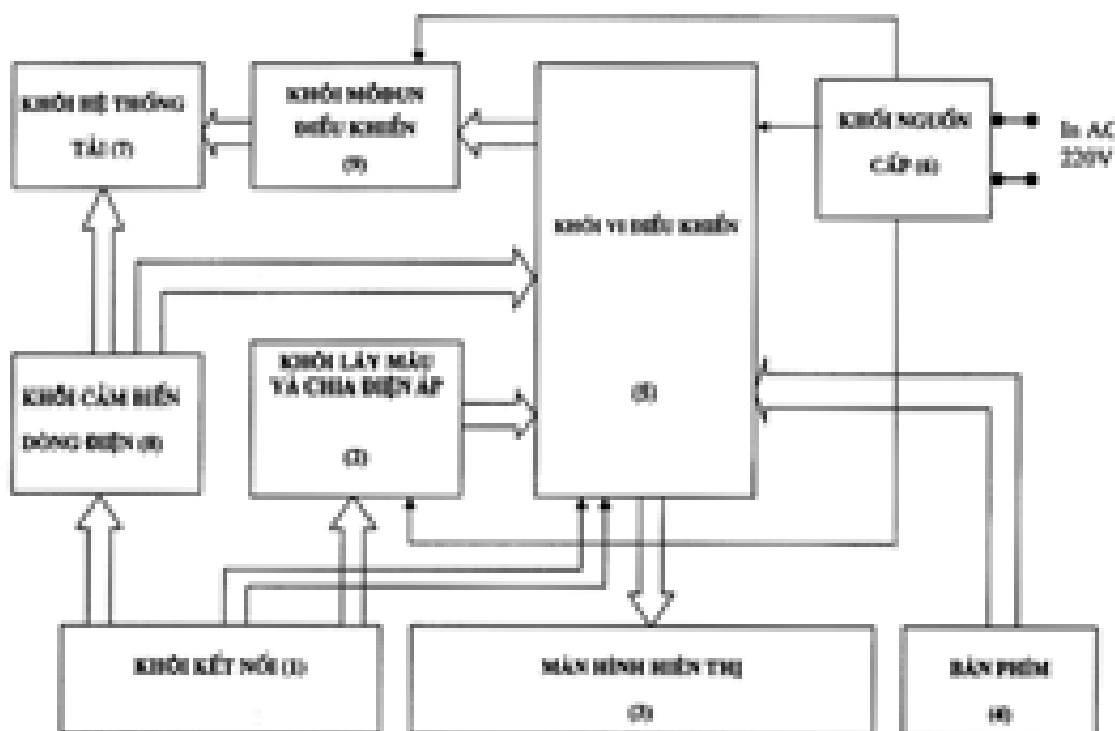
52 phố Vọng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(72) Trần Hữu Luận (VN)

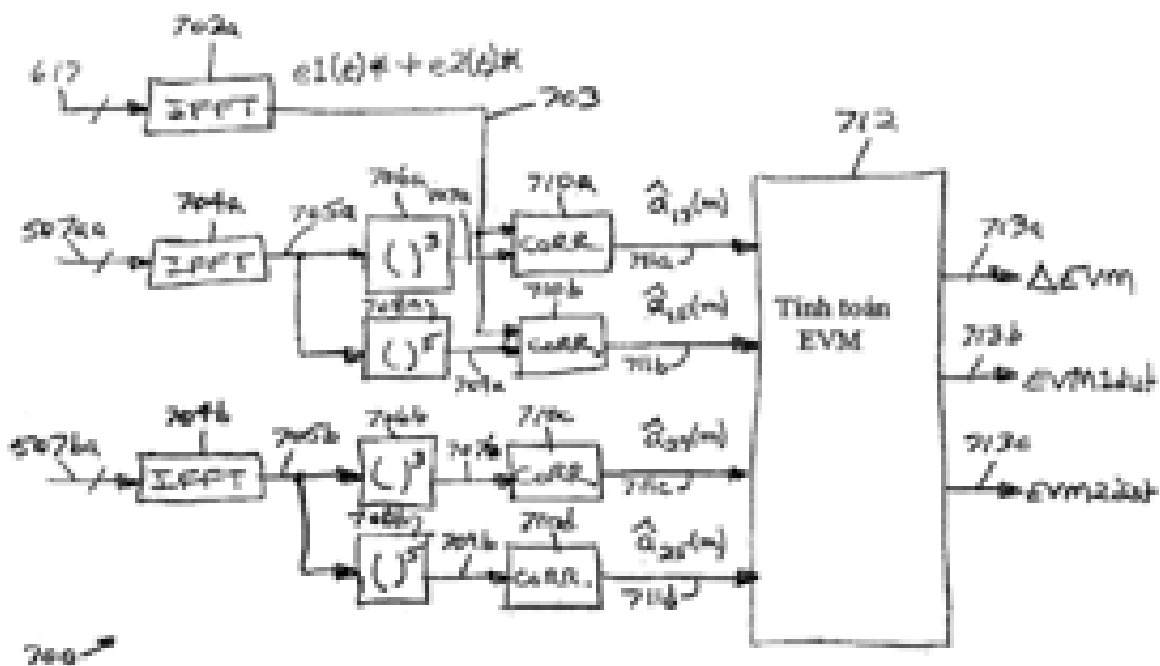
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) THIẾT BỊ KIỂM TRA VÀ ĐO CÔNG SUẤT CỦA BỘ NGUỒN MÁY TÍNH

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị kiểm tra và đo công suất của bộ nguồn máy tính (10) để cho phép người sử dụng có thể đánh giá chất lượng của một bộ nguồn cụ thể. Thiết bị theo sáng chế bao gồm: khối nguồn hệ thống (6); khối kết nối (1) để nối các đường tín hiệu từ bộ nguồn cần được kiểm tra; khối cảm biến dòng điện (8) để cảm biến dòng điện của các đường tín hiệu từ khối kết nối (1); khối lấy mẫu và chia điện áp (2) để lấy mẫu điện áp của các đường tín hiệu tương ứng từ khối kết nối (1) và biến đổi thành tín hiệu thích hợp cấp đến khối vi điều khiển (5); khối hệ thống điện trở tải (7) có tác dụng tiêu tốn các dòng điện tương ứng cảm biến được từ khối cảm biến dòng điện (8); khối môđun điều khiển (9) có tác dụng điều khiển các bộ tải thuận trở của khối hệ thống điện trở tải (7); khối vi điều khiển (5) có dạng một bộ vi xử lý trung tâm có nhiệm vụ xử lý, điều khiển và kiểm soát toàn bộ hoạt động của thiết bị; màn hình hiển thị (3) tiếp nhận tín hiệu hiển thị từ khối vi điều khiển (5); và bàn phím (4) thực hiện chức năng giao tiếp giữa người dùng và thiết bị.



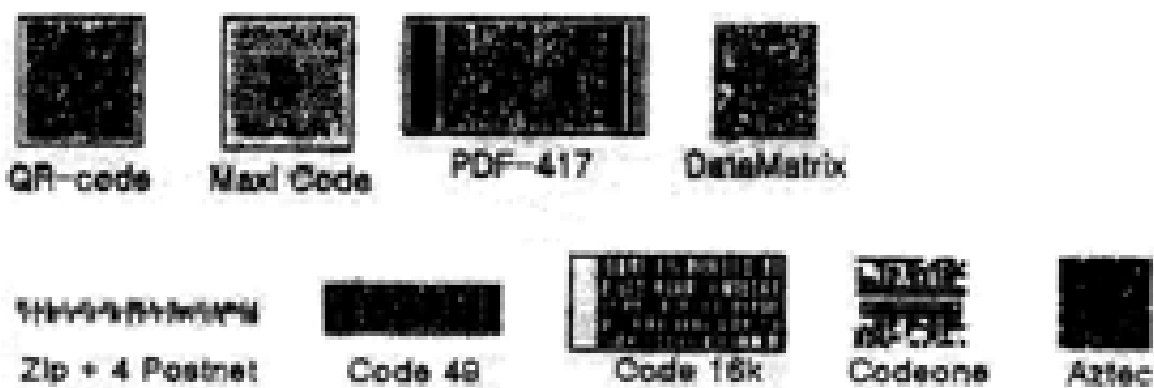
- (11) **17167**
- (21) 1-2008-00396 (51)<sup>7</sup> **H04J 11/00**, 1/00
- (22) 22.09.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/037054 22.09.2006 (87) WO2007/038312 05.04.2007
- (30) 60/596,444 23.09.2005 US
- 11/533,987 21.09.2006 US
- (71) LITEPOINT CORPORATION (US)  
575 Maude Court, Sunnyvale, CA 94085 (US)
- (72) Olgaard, Christian (US), Bennett, Stephen (GB), Papa-Paraskeva, Vakis (CY), Walvis, Dirk (US)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐỒNG THỜI NHIỀU MÁY PHÁT ĐỒN TẦN SỐ TRỰC GIAO VỚI THIẾT BỊ PHÂN TÍCH TÍN HIỆU VECTƠ ĐƠN
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị phân tích tín hiệu và phương pháp đo các mức độ nén tín hiệu của một hoặc nhiều các tín hiệu đơn tần số trực giao riêng lẻ (OFDM) giữa phân đồng các tín hiệu OFDM với tín hiệu ghép.



- (11) **17168**  
 (21) 1-2008-00404 (51)<sup>7</sup> **G06F 19/00**  
 (22) 07.02.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/KR2006/000439 07.02.2006 (87) WO2007/026982 08.03.2007  
 (30) 10-2005-0070190 01.08.2005 KR

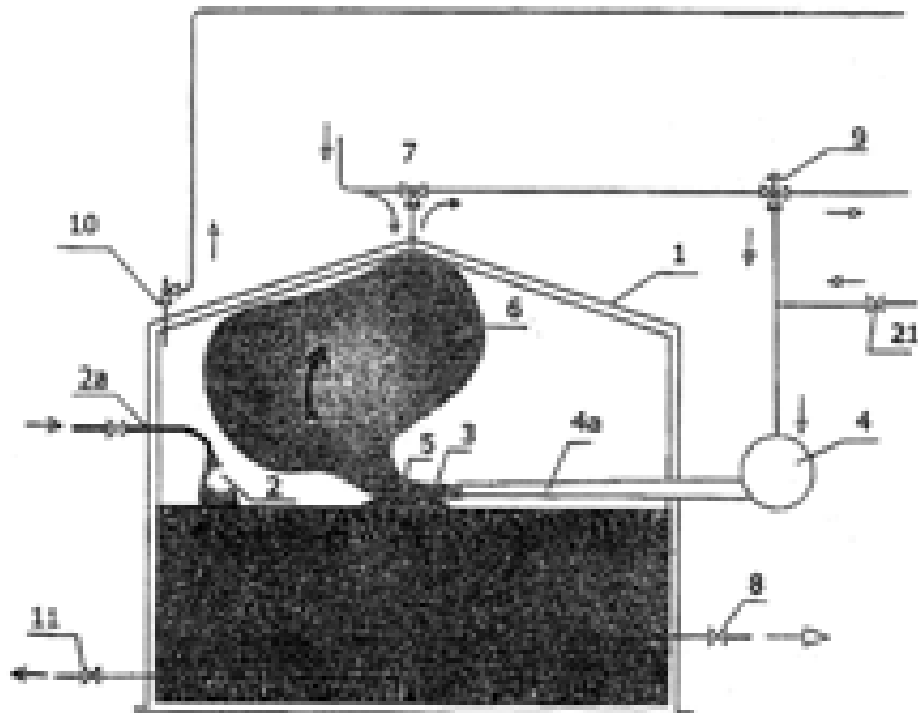
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 21.02.2008

- (75) **PARK, SEUNG-MIN (KR)**  
 Woosung Aptment 5-808, Dowha-dong, Mapo-ku, Seoul 121-040, Republic of Korea  
 (74) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ PHẢN HỒI HAI CHIỀU BẰNG THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI DI ĐỘNG VÀ MÃ VẠCH ĐƯỢC IN TRÊN ÁP PHÍCH QUẢNG CÁO**  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp cung cấp thông tin (dữ liệu) và phản hồi hai chiều qua thiết bị đầu cuối của người sử dụng đối với các nội dung quảng cáo sử dụng mã vạch được in trên áp phích quảng cáo, trong đó, khi người sử dụng đọc mã vạch hoặc nhãn được in trên áp phích quảng cáo (phim) qua thiết bị đầu cuối di động, thiết bị đầu cuối di động tự động kết nối với máy chủ của hệ thống với sự hỗ trợ của mã vạch hoặc nhãn, theo cách đó có được dữ liệu mong muốn bằng việc kết nối với nội dung liên quan đến quảng cáo (phim) tương ứng và đọc phản hồi hoặc viết trả lời.



- (11) **17169**
- (21) 1-2008-00407 (51)<sup>7</sup> **C07C 303/22**, 303/38, C07D  
209/22
- (22) 20.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/US2006/028182 20.07.2006 (87) WO2007/013974 01.02.2007
- (30) 60/701,158 21.07.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) MICHALAK, Ronal, Stanley (US), HELOM, Jean Louise (US), ZELDIS, Joseph (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH TỔNG HỢP SULFONYL HALOGENUA VÀ SULFONAMIT TỪ CÁC MUỐI CỦA AXIT SULFONIC
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế sulfonyl halogenua có công thức  $Ar-(R)_z-SO_2-X$  và sulfonamit có công thức  $Ar-(R)_z-SO_2-NR^4R^5$ , trong đó các biến thành phần (các yếu tố thay đổi) được xác định như trên. Các hợp chất này hữu dụng làm các sản phẩm trung gian trong điều chế các dược chất. Sulfonyl halogenua được điều chế bằng cách cho muối của axit sulfonic phản ứng chất thế halogen với sự có mặt một lượng nước xúc tác và một chất đồng xúc tác. Halogenua được điều chế theo cách như vậy sau đó có thể được cho phản ứng tiếp với amin để thu được sulfonamit.

- (11) **17170**
- (21) 1-2008-00412 (51)<sup>7</sup> **B01D 3/34**, C10G 7/00, 7/04, 7/12, 33/00, 33/08, B01D 17/04, 19/00, 17/02
- (22) 25.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/PT2006/000019 25.07.2006 (87) WO2007/013829 01.02.2007
- (30) 103325 26.07.2005 PT
- (71) PARTEX SERVICES PORTUGAL-SERVICOS PARA A INDUSTRIA PETROLIFERA, S.A. (PT)  
Rua Ivone Silva, 6-1, Edificio Arcis, P-1050-124 Lisboa, Portugal
- (72) SILVA VALENTE, António José (PT)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) QUY TRÌNH VÀ THIẾT BỊ KHỬ NƯỚC VÀ KHỬ KHÍ CHO DUNG DỊCH HOẶC NHŨ TƯƠNG CHỨA NƯỚC CỦA DẦU MỎ THÔ
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình, và thiết bị để thực hiện quy trình này, để tách các chất lưu trong nhũ tương và/hoặc trong dung dịch, và/hoặc để chưng cất áp suất thấp, cụ thể là nước và/hoặc hydrocarbon dạng khí được hoà tan trong dầu mỏ thô, và/hoặc để tách các giọt dầu mỏ thô được tạo nhũ tương trong nước, nhờ đó thu được nước có các đặc tính cần thiết để phun mà không gây ô nhiễm ở các tầng chứa nước dưới lòng đất, và/hoặc khi hỗn hợp này có nhiều trong, dầu mỏ thô, tăng tốc cho sự lắng xuống của nước trong phần dưới của hỗn hợp, và/hoặc để chưng cất áp suất thấp cho dầu mỏ thô. Quy trình này tạo ra vùng được định vị (5) có áp suất giảm trên phần bề mặt tự do của chất lỏng (2) cần được xử lý, bên trong bồn xử lý được đóng kín (1), mà không ảnh hưởng đến áp lực chung bên trong bồn xử lý được đóng kín.





- (11) **17171**
- (21) 1-2008-00415 (51)<sup>7</sup> C12N 1/14, C12G 3/02
- (22) 20.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/314372 20.07.2006 (87) WO2007/010979 25.01.2007
- (30) 2005-212290 22.07.2005 JP
- 2005-290651 04.10.2005 JP
- (71) ASAHI BREWERIES, LTD. (JP)  
7-1, Kyobashi 3-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8323 JAPAN
- (72) Toshikazu SUGIMOTO (JP), Hiroshi SHOJI (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KOJI DẠNG LÔNG
- (57) Mục đích của sáng chế là nhằm đề xuất phương pháp sản xuất koji dạng, lông có hoạt tính enzym cao bằng cách tối ưu hoá thành phần của môi trường lông cho koji dạng lông. Cụ thể, sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất koji dạng lông có hoạt tính enzym gia tăng, phương pháp này bao gồm nuôi cấy các mốc koji trắng và/hoặc các mốc koji đen trong môi trường lông chứa nguồn nitơ bằng cách sử dụng ngũ cốc có bề mặt được bao vỏ toàn phần hoặc một phần làm nguyên liệu thô nuôi cấy.

- (11) **17172**  
(21) 1-2008-00424 (51)<sup>7</sup> **H04N 5/63**, 7/173  
(22) 02.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/030049 02.08.2006 (87) WO2007/021542 22.02.2007  
(30) 60/708,622 16.08.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 22.02.2008

(71) **EXTREME BROADBAND ENGINEERING, LLC (US)**  
Gedi Corporate Park, 490 Highway 33 West, Millstone Township, NJ 08535, USA

(72) SHAPSON, Jay, F. (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **MÔĐUN ĐẦU NỐI TRUYỀN HÌNH CÁP**

(57) Sáng chế đề cập tới môđun đầu nối truyền hình cáp bao gồm cổng thứ nhất là cổng nối đực kiểu FIC để nối trực tiếp mà không cần sử dụng cáp với một cổng nối cái kiểu F của nguồn điện DC (một chiều), cổng thứ hai là cổng nối cái kiểu F để nối với bộ khuếch đại RF (tần số vô tuyến) nhằm cấp nguồn điện DC tới bộ khuếch đại này và tiếp nhận các tín hiệu RF từ đó, cổng thứ ba là cổng nối cái kiểu F để phân phối các tín hiệu RF tới một thuê bao, và một mạch điện để cấp nguồn điện DC từ cổng thứ nhất tới cổng thứ hai trong khi chặn các tín hiệu RF từ cổng thứ nhất và cấp các tín hiệu RF từ cổng thứ hai tới cổng thứ ba trong khi chặn nguồn điện DC từ cổng thứ ba.

- (11) **17173**
- (21) 1-2008-00431 (51)<sup>7</sup> **C11D 17/00**, 3/20, 3/02, 1/94,  
1/37
- (22) 17.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/007038 17.07.2006 (87) WO2007/028446 15.03.2007
- (30) 0503023-4 22.07.2005 BR  
EP05077560 11.11.2005 EP
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Maria Luisa Ferreyra (AR), Eleonora Maldacena (AR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CÁC CHẾ PHẨM LÀM SẠCH**
- (57) Sáng chế đề cập đến các chế phẩm làm sạch chứa tổ hợp gồm các chất hoạt động bề mặt và tác nhân biến đổi độ nhớt bao gồm chất điện phân, mà ngay sau khi pha loãng chất cô để tạo ra gel. Các chế phẩm này là hữu ích làm sạch dùng trong gia đình như rửa bát đĩa. Chúng đem lại sự lưu giữ chất hoạt động bề mặt trong các vật mang gia tăng và cải tiến, vì vậy tránh được việc sử dụng lãng phí sản phẩm và đem lại hiệu suất cao hơn.

- (11) **17174**  
(21) 1-2008-00434 (51)<sup>7</sup> **A61C 17/34**  
(22) 25.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/028919 25.07.2006 (87) WO2007/014232 01.02.2007  
(30) 60/702,474 26.07.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.02.2008

(71) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)

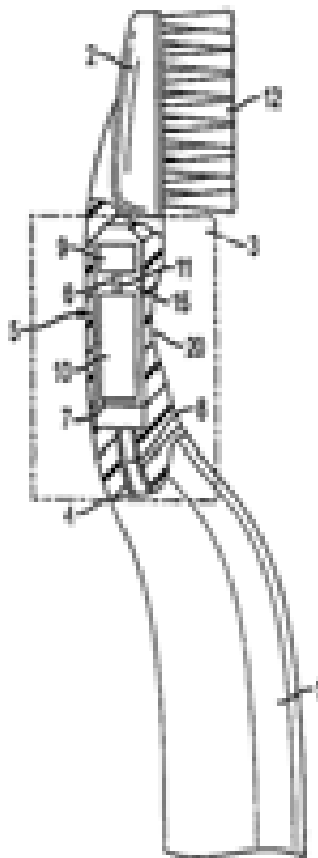
300 Park Avenue, New York, NY 10022, United States of America

(72) SORRENTINO Alan Vincent (US)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **BÀN CHẢI ĐÁNH RĂNG RUNG ĐỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÁCH LY RUNG ĐỘNG Ở ĐẦU BÀN CHẢI**

(57) Sáng chế đề xuất bàn chải đánh răng rung động có các vùng cách ly rung động mà gần như cách ly các rung động trong đầu bàn chải và làm giảm các rung động được truyền tới tay cầm mà không làm mất tính liên khối về kết cấu quanh các vùng cách ly rung động. Nói chung, các vùng này bao gồm vật liệu cổ được làm giảm mật cắt ngang, được tạo mảnh, được thay thế bằng vật liệu giảm chấn, hay được loại bỏ hoàn toàn để tạo ra các phần trống cản trở sự truyền rung động. Các vùng này còn được đỡ bởi vỏ của bộ phận tạo rung để duy trì tính liên khối về kết cấu quanh các vùng và nhờ đó giảm bớt các điều kiện gây yếu mà có thể làm hư hỏng bàn chải đánh răng và các điều kiện làm gãy.



(11) **17175**

(21) 1-2008-00435

(51)<sup>7</sup> **A61C 17/22**

(22) 25.07.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/US2006/028871 25.07.2006

(87) WO2007/014220

01.02.2007

(30) 60/702,381 26.07.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.02.2008

(71) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)

300 Park Avenue, New York, NY 10022, United States of America

(72) JIMENEZ Eduardo Jesus (US), GATZEMEYER John Jacob (US), ENDERBY Christine (US), KAHUTE Trent (US)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) DỤNG CỤ VÀ HỆ THỐNG CHĂM SÓC MIỆNG

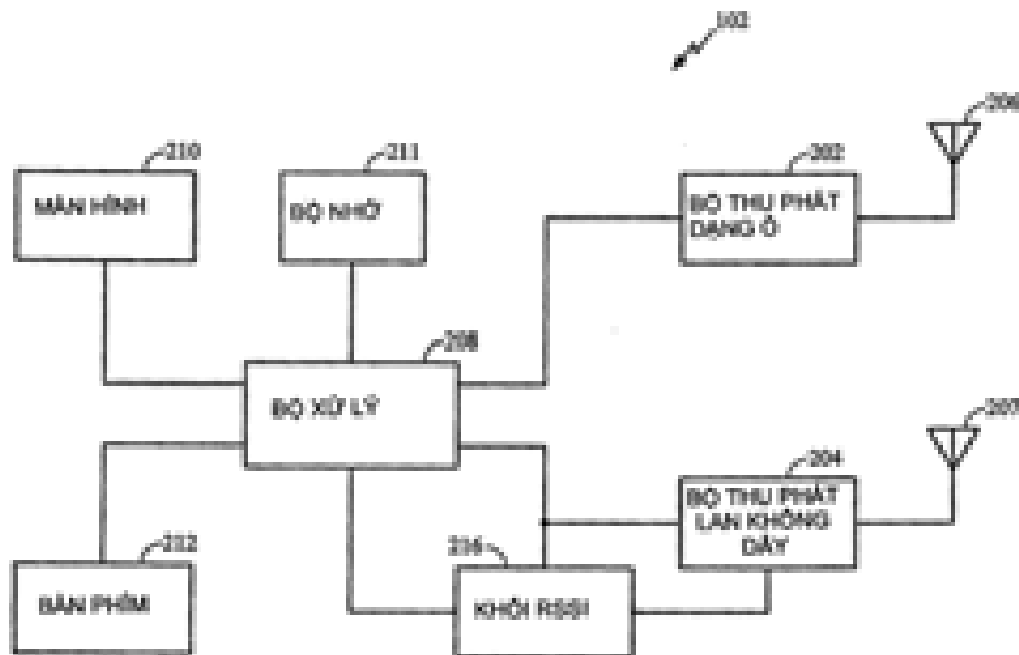
(57) Sáng chế đề xuất dụng cụ chăm sóc miệng, như bàn chải đánh răng dùng điện, được tạo kết cấu tiện dụng với cấu trúc giải phẫu của trẻ em. Theo một phương án thực hiện, bàn chải đánh răng có các bộ phận ba chiều có các hình dạng nhận biết được và lõi cuốn thị giác để lõi cuốn trẻ em chải răng thường xuyên hơn. Theo phương án khác, bàn chải đánh răng bao gồm các bộ phận thay thế hay các nắp đậy cho phép người sử dụng biến đổi một cách tùy chọn hình dáng nhìn thấy được của bàn chải đánh răng của chúng hay cho phép trưng bày các sản phẩm khác hơn nữa nhờ tạo ra các vùng bề mặt để đặt quảng cáo hay các tài liệu quảng cáo khác.



- (11) **17176**  
 (21) 1-2008-00439 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38**  
 (22) 24.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/028732 24.07.2006 (87) WO2007/014177 01.02.2007  
 (30) 60/702,591 25.07.2005 US  
 60/750,920 16.12.2005 US  
 60/750,919 16.12.2005 US  
 11/355,538 15.02.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.02.2008

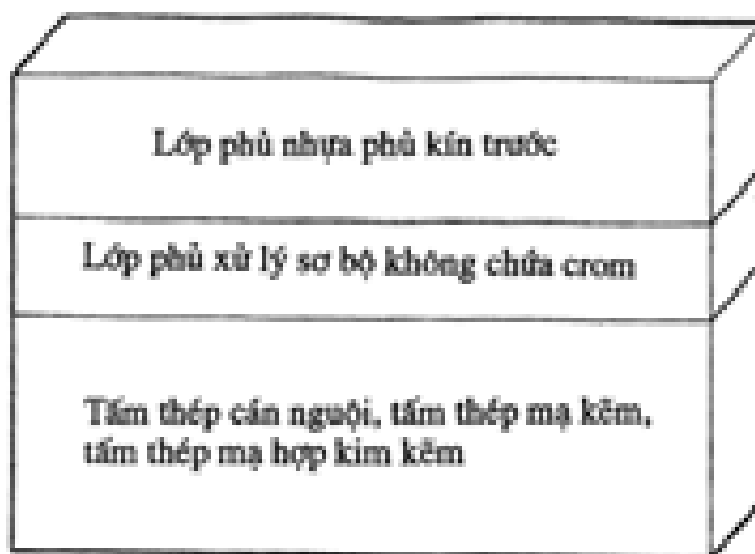
- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) NANDA, Sanjiv (US), GOGIC, Aleksandar (US), DESHPANDE, Manoj M. (US),  
 JAIN, Nikhil (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP DUY TRÌ DẤU TRUY NHẬP TRONG MẠNG  
 KHÔNG DÂY  
 (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị truyền thông di động xác định các đặc tính hay thuộc tính của mạng truyền thông thứ nhất mà có thể thay đổi theo vị trí vật lý bên trong mạng truyền thông đó để tạo dấu truy nhập, hoặc dấu hiệu, của vị trí bên trong, mạng truyền thông thứ nhất. Khi dấu truy nhập của vị trí hiện hành của thiết bị di động được tạo, nó có thể được so sánh với dấu truy nhập đã biết liên hệ với mạng truyền thông thứ hai để xác định độ tiếp cận của thiết bị di động với mạng truyền thông thứ hai. Hơn nữa, dấu truy nhập thứ hai và tiếp theo được tạo cho mạng truyền thông nhất định có thể được dùng để thay đổi dấu truy nhập đã chứa phục vụ cho việc thay đổi nhằm cải thiện khả năng xác định độ tiếp cận với mạng truyền thông.



- (11) **17177**  
 (21) 1-2008-00443 (51)<sup>7</sup> **C09D 163/00**, C08L 63/00, 83/00, C09D 133/00, 183/00, 4/00, 4/02, 5/08, 5/10, C23C 28/00  
 (22) 25.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/KR2006/002930 25.07.2006 (87) WO2007/013761 01.02.2007  
 (30) 10-2005-0067392 25.07.2005 KR  
 10-2005-0067393 25.07.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.02.2008

- (71) 1. POSCO (KR)  
 1 Koedong-dong Nam-ku Pohang, Kyungsangbook-do 790-300, Republic of Korea  
 2. BUHMWOO INSTITUTE OF TECHNOLOGY RESEARCH (KR)  
 718-106 Seokpo-ri, Jangan-myun, Hwasung, Kyungki-do 445-941, Korea  
 (72) CHO, Jae-Dong (KR), JIN, Yeong-Sool (KR), LEE, Jae-Ryung (KR), CHOI, Jong-Woo (KR), JIN, Suk-Hwan (KR), KIM, Woon-Jong (KR)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **DUNG DỊCH ĐỂ XỬ LÝ SƠ BỘ VÀ DUNG DỊCH NHỰA HÀN ĐƯỢC DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT TẤM THÉP PHỦ KÍN TRƯỚC, TẤM THÉP PHỦ KÍN TRƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP NÀY**  
 (57) Sáng chế đề cập đến dung dịch xử lý sơ bộ không chứa crom và dung dịch nhựa hàn được dùng để sản xuất tấm thép phủ kín trước phương pháp sản xuất và tấm thép phủ kín trước này. Tấm thép phủ kín trước này bao gồm (a) nền kim loại, (b) lớp phủ xử lý sơ bộ không chứa crom tạo ra trên ít nhất một bề mặt của nền kim loại này, và (c) lớp phủ nhựa phủ kín trước tạo ra trên ít nhất một bề mặt của lớp phủ xử lý sơ bộ không chứa crom. Vì tấm thép phủ kín trước hàn được này không chứa kim loại nặng (ví dụ, crom) có hại cho người, nên tấm thép này thân thiện với môi trường. Ngoài ra, tấm thép phủ kín trước hàn được có tính chống ăn mòn, độ bền hoá học, khả năng xử lý, khả năng sơn mạ điện và độ dính sau khi xử lý tốt hơn, cũng như khả năng hàn cải thiện.



(11) **17178**

(21) 1-2008-00446

(51)<sup>7</sup> **A41H 3/00**

(22) 22.08.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/KR2006/003285 22.08.2006

(87) WO2007/024081

01.03.2007

(30) 10-2005-0077280 23.08.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.02.2008

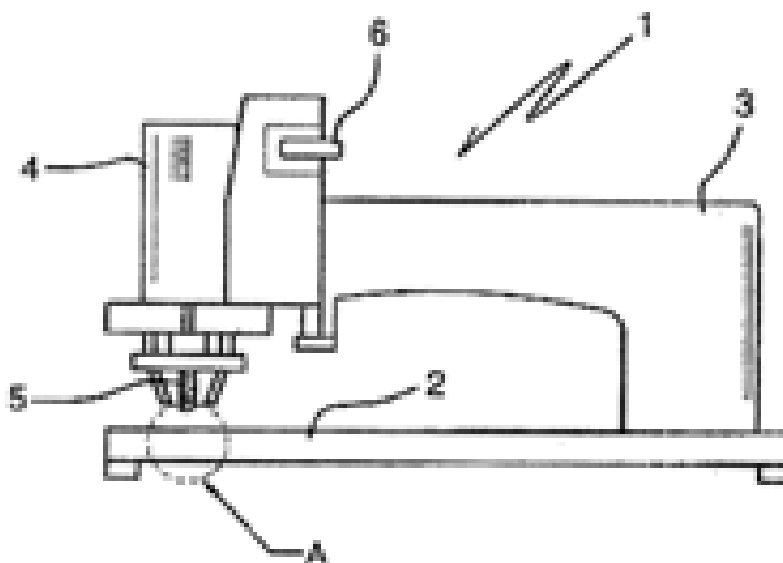
(75) SEO, HYOUNGJOON (KR)

101-301, Kyeongnam Apts., Yangpyeong-dong 3-ga, Youngdeungpo-gu, Seoul 150-103, Republic of Korea

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(54) **MÁY XÉN ĐỊNH VỊ TỰ ĐỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO KHUNG MẪU CẮT BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CHÚNG**

(57) Sáng chế đề cập tới máy xén định vị tự động và phương pháp tạo khung mẫu cắt bằng cách sử dụng chúng, từ đó thu được mẫu cắt có chiều rộng đồng đều trên toàn bộ chiều dài mẫu cắt. Máy xén định vị tự động bao gồm: một đế có mặt đỉnh phẳng; một thân có một mô tơ ở phía trước và được gắn trên đế phẳng; một lưỡi dao xén được gắn và có thể quay được tại đầu dưới của mô tơ; và một cần điều khiển được gắn lên một vị trí xác định của mô tơ giúp điều chỉnh độ cao của mô tơ. Một vòng dẫn nằm nhô lên trên từ bề mặt đỉnh của đế được bố trí bên dưới lưỡi dao, một tấm đã có độ sâu xác định được tạo thành ở đế và một đĩa định vị dày và một đĩa định vị mỏng có độ dày khác nhau trên tấm đĩa. Phương pháp tạo khung mẫu cắt được đề xuất bao gồm các bước: chuẩn bị mẫu cắt có độ dày xác định, trong đó chỉ tạo thành một đường bên, gắn mẫu cắt lên khung mẫu cắt có độ dày xác định và đặt đĩa định vị mỏng trên đế định vị của đế máy xén định vị tự động; đưa đường bên của mẫu cắt nằm nhô lên từ khung mẫu cắt tiếp xúc với đường chu vi ngoài của vòng dẫn nằm nhô lên từ đế và tạo thành một khe bên trong khung mẫu cắt nhờ lưỡi dao xén trong khi khung mẫu cắt di chuyển dọc theo đường bên; và thay thế đĩa định vị mỏng bằng một đĩa định vị dày, đặt đĩa định vị dày trên tấm đĩa của đế máy xén định vị tự động, đưa đường bên của mẫu cắt nằm nhô ra từ khung mẫu cắt tiếp xúc với đường chu vi ngoài của đĩa định vị dày nằm nhô lên từ đế, và tạo thành phần cắt rời trong khung mẫu cắt nhờ dao xén trong khi khung mẫu cắt di chuyển dọc theo đường bên.

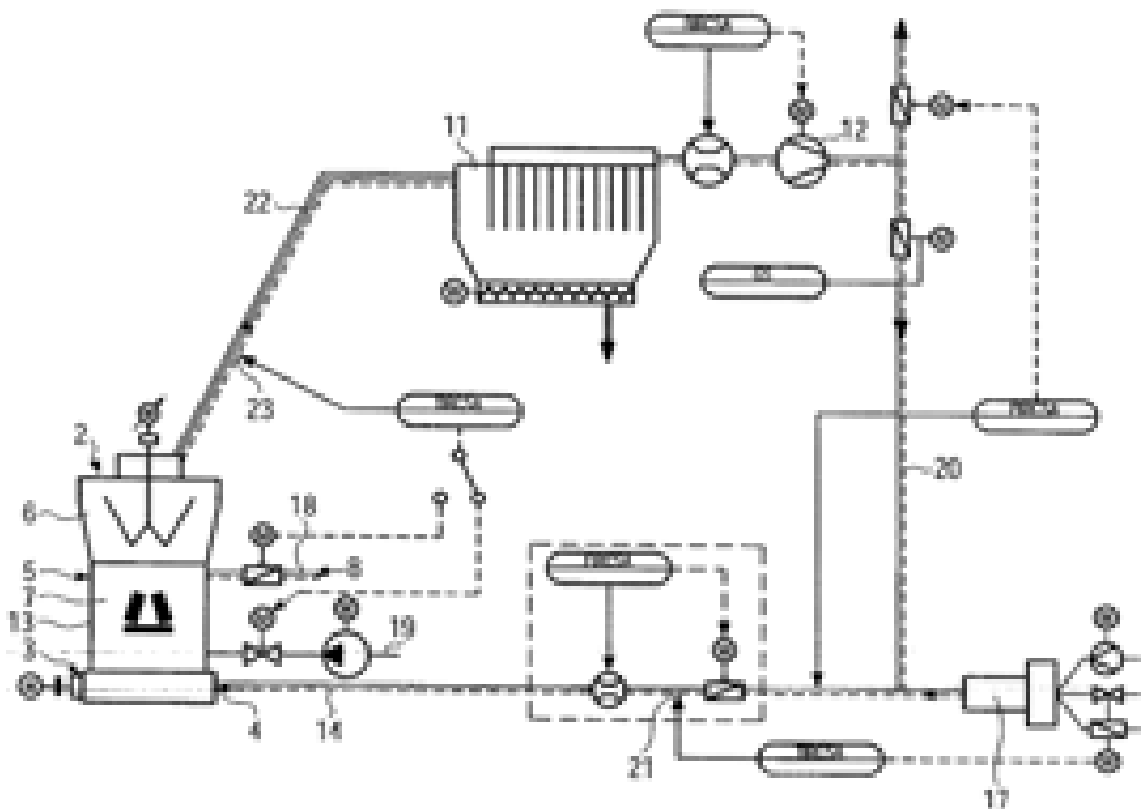




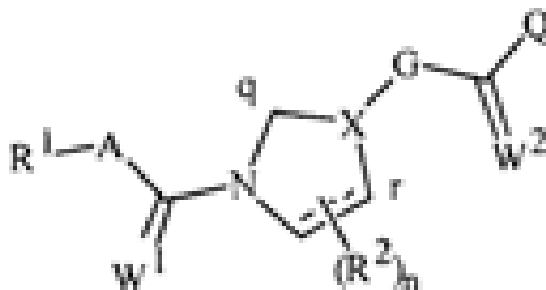
- (11) **17179**  
 (21) 1-2008-00448 (51)<sup>7</sup> **B02C 15/04**, 23/26  
 (22) 19.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/EP2006/007122 19.07.2006 (87) WO2007/022837 01.03.2007  
 (30) 10 2005 040 519.3 26.08.2005 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.03.2008

- (71) LOESCHE GMBH (DE)  
 Hansaallee 243, 40549 Dusseldorf, Germany  
 (72) LOHLE, Willy (DE), BONK, Hans (DE), HEUKEN, Franz-Josef (DE)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ NGHIÊN NGUYÊN LIỆU THÔ Ở TRẠNG THÁI NÓNG VÀ ẨM  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị nghiền nguyên liệu thô nóng và ẩm. Sáng chế đặc biệt thích hợp trong công nghiệp xi măng và việc nghiền và sấy đồng thời clinke xi măng, xỉ và cốt liệu. Để đạt được sự tăng lượng nguyên liệu nạp và tiết kiệm năng lượng, cũng như cải thiện chất lượng sản phẩm, cụ thể là với xi măng được trộn, có việc nghiền và sấy đồng thời trong quá trình cấp khí làm lạnh có điều khiển ở phần máy nghiền trên với nhiệt độ đầu vào của khí nóng tương đối cao ở phần máy nghiền dưới. Việc cung cấp khí làm lạnh bảo đảm nhiệt độ khí sản phẩm định trước ở phía sau của bộ phân loại và thay thế hoặc làm giảm đáng kể việc phun nước làm lạnh ngoài mong muốn.



- (11) **17180**  
 (21) 1-2008-00455 (51)<sup>7</sup> **C07D 417/04**, 417/12, 413/04, 413/14, 401/04, 401/14, 403/04, 403/14, 403/06, A01N 43/72, A01P 3/00, C07D 401/06, 277/56, 417/12, 263/34  
 (22) 26.07.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/029175 26.07.2006 (87) WO2007/014290 01.02.2007  
 (30) 60/702,579 26.07.2005 US  
 (71) E. I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)  
 1007 Market Street, Wilmington, Delaware 19898, United States of America  
 (72) BISAHA John Joseph (US), KOVACS Patrick Ryan (US), LETT Renee Marie (US), LONG Jeffrey Keith (US), PASTERIS Robert James (US), FINKELSTEIN Bruce Lawrence (US), SMITH Brenton Todd (US), KLYASHCHITSKY Boris Abramovich (US)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) HỢP CHẤT CARBOXAMIT, CHẾ PHẨM DIỆT NẤM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ CÁC BỆNH Ở THỰC VẬT  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức 1 bao gồm tất cả các chất đồng phân hình học và chất đồng phân lập thể, N-oxit, và các muối nông dụng của chúng, các chế phẩm nông nghiệp chứa chúng và sử dụng chúng làm thuốc diệt nấm,



**1**

với điều kiện hợp chất có công thức 1 không phải là 2-[1-[(2-clophenyl)axetyl]-4-piperidinyl]-N-metyl N-[(1R)-1-phenyletyl]-4-thiazolcarboxamit và R<sup>1</sup> không phải là 4-flophenyl; trong đó R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, A, G, Q, W<sup>1</sup>, W<sup>2</sup>, X và n được xác định như trong bản mô tả.

Sáng chế cũng đề xuất các chế phẩm chứa hợp chất có Công thức 1, trong đó các điều kiện nêu trên được bỏ qua; và các phương pháp phòng trừ các bệnh ở thực vật do nấm gây ra bao gồm bước đưa lượng hữu hiệu của hợp chất có Công thức 1, trong đó cả hai điều kiện đều được bỏ qua, vào thực vật.

- (11) **17181**  
(21) 1-2008-00463 (51)<sup>7</sup> **E01F 9/00**  
(22) 21.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/KR2006/002872 21.07.2006 (87) WO2007/015602 08.02.2007  
(30) 20-2005-0022608 02.08.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.02.2008

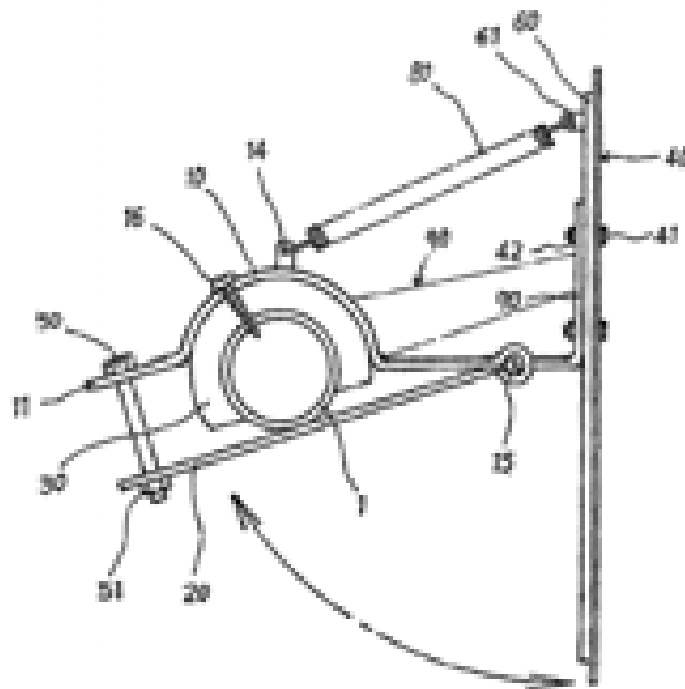
(75) KIM, KI RYONG (KR)

214-301, Yongji Apt. 69, Yongho-dong, Changwon-si, Gyeongsangnam-do, 641-041

(74) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(54) **BỘ BẢNG TÍN HIỆU ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CÓ CHỨC NĂNG TỰ ĐỘNG TRỞ LẠI CHỖ CŨ**

(57) Sáng chế đề xuất một bộ bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ để bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ lắp được vào trong khi được nối kết vuông góc với cột đứng Bộ bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ này phù hợp và được cố định vào thanh đỡ bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ và có cấu trúc quay trở lại vị trí ban đầu ngay cả khi nếu gặp bão hoặc bị xe chuyên dụng va chạm vào bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ. Vì vậy, bộ bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ này ngăn chặn những hiện tượng mà vị trí cố định ban đầu của bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ bị thay đổi do gặp bão hoặc bị xe cơ giới va chạm vào bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ, dẫn đến làm mất chức năng của bảng tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ.



- (11) **17182**
- (21) 1-2008-00479 (51)<sup>7</sup> **C07C 1/24**, 11/02, 43/04, 41/09
- (22) 20.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/GB2006/002732 20.07.2006 (87) WO2007/012825 01.02.2007
- (30) 60/702,614 27.07.2005 US
- (71) BP P.L.C. (GB)  
1 St James' s Square, London, SW1Y 4PD, Great Britain
- (72) ATKINS, Martin, Philip (GB), EARLE, Martyn, John (GB), WITTRIG, Thomas, Stephen (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT OLEFIN VÀ/HOẶC ETE
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất olefin và/hoặc ete, quy trình này bao gồm việc gia nhiệt rượu với sự có mặt của hợp chất ion có tính axit, hợp chất này tồn tại ở trạng thái lỏng ở nhiệt độ dưới 150°C.

- (11) **17183**  
 (21) 1-2008-00483 (51)<sup>7</sup> **A01N 37/22**, 37/34, 43/40  
 (22) 27.07.2005 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2005/013728 27.07.2005 (87) WO2007/013150 01.02.2007  
 Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.02.2008

(71) MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 1057117 Japan

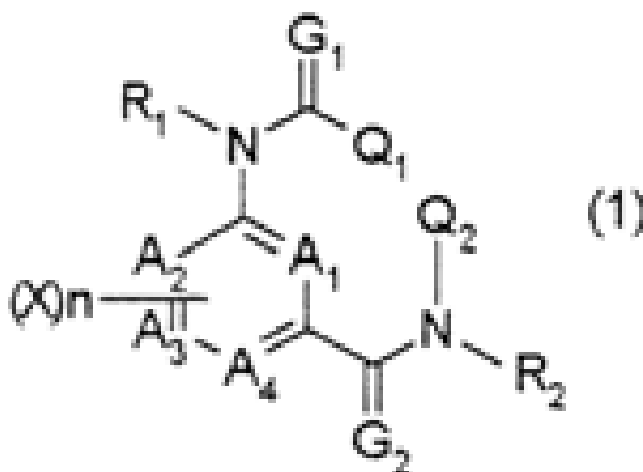
(72) KAWAHARA, Nobuyuki (JP), NOMURA, Michikazu (JP), DAIDO, Hidenori (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **CHẾ PHẨM PHÒNG NGỪ CÁC SINH VẬT GÂY HẠI**

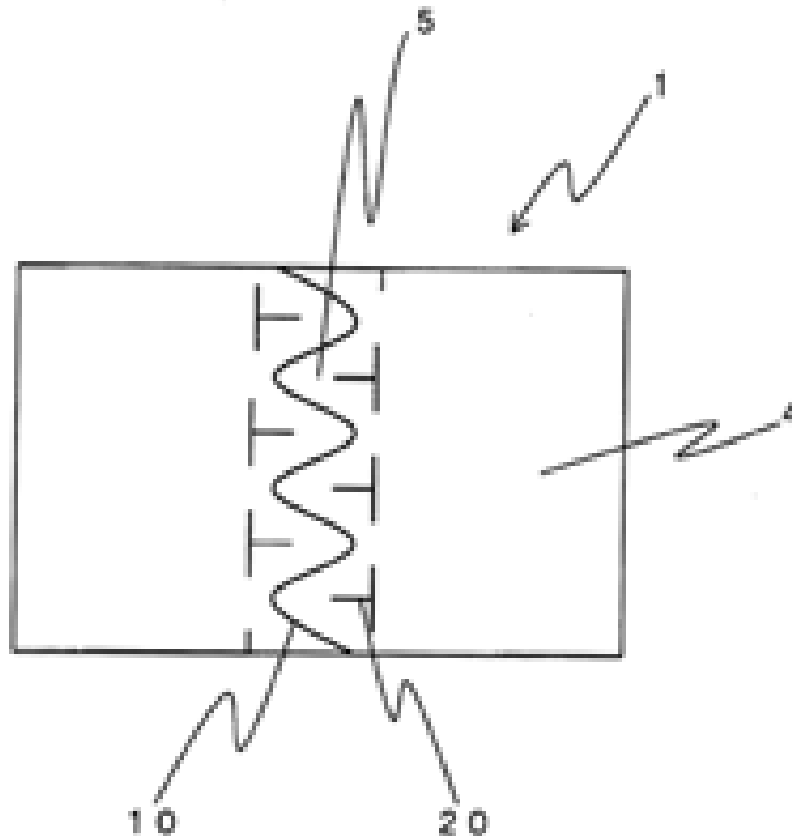
(57) Hiện nay, có các sinh vật gây hại mà không thể phòng trừ được hoặc khó phòng trừ bằng cách sử dụng tác nhân riêng lẻ chứa hợp chất được thể hiện bằng công thức chung (1) theo sáng chế, thuốc trừ sâu, thuốc diệt rệp cây hoặc thuốc diệt vi khuẩn. Do vậy, mục đích của sáng chế là đề xuất chế phẩm phòng ngừa các sinh vật gây hại để phòng trừ một cách hữu hiệu các sinh vật gây hại này.

Tức là, sáng chế đề xuất chế phẩm phòng ngừa các sinh vật gây hại, khác biệt ở chỗ chứa hợp chất được thể hiện bằng công thức chung (1) và các thuốc trừ sâu, các thuốc diệt rệp cây hoặc các thuốc diệt vi khuẩn khác làm các hoạt chất,



trong đó, trong công thức, A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub>, A<sub>3</sub> và A<sub>4</sub> độc lập là nguyên tử cacbon, nguyên tử nito hoặc nguyên tử nito được oxy hóa; G<sub>1</sub> và G<sub>2</sub> độc lập là nguyên tử oxy hoặc nguyên tử lưu huỳnh; R<sub>1</sub> và R<sub>2</sub> độc lập là nguyên tử hydro hoặc nhóm C<sub>1</sub> đến C<sub>4</sub> alkyl; các X có thể là giống nhau hoặc khác nhau và là nguyên tử hydro, nguyên tử halogen hoặc nhóm triflometyl; Q<sub>1</sub> là phần tử thế như nhóm phenyl hoặc nhóm dị vòng; và Q<sub>2</sub> là phần tử thế như nhóm phenyl hoặc nhóm dị vòng).

- (11) **17184**
- (21) 1-2008-00484 (51)<sup>7</sup> **A61F 13/02**
- (22) 17.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/316180 17.08.2006 (87) WO2007/020980 22.02.2007
- (30) 2005-236748 17.08.2005 JP
- (71) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)  
408, Tashirodaikanmachi, Tosu-shi, Saga, 8410017 Japan
- (72) IWAHASHI, Hideaki (JP), OTA, Shigeo (JP), TSUTSUMI, Nobuo (JP), MIYACHIKA, Takafumi (JP)
- (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
- (54) MIẾNG THUỐC CAO DỄ TÁCH
- (57) Sáng chế đề cập đến miếng thuốc cao cho phép phân tách duy nhất tấm tách của nó bằng cách đơn giản bóc bên phải hay bên trái, trong đó việc tách tấm tách rất dễ dàng. Miếng thuốc cao được đề xuất chứa một lớp nền có thể co giãn được, một lớp băng dán về cơ bản được cán trên khắp một bề mặt chính của lớp nền, và một tấm tách được gắn trên toàn bộ bề mặt của băng dán trong đó duy nhất tấm tách được phân tách ở vùng phân tách bằng cách đơn giản bóc bên phải và bên trái, và trong đó một hoặc hai hoặc nhiều phần cắt trước mở ra, khi miếng thuốc cao được bóc bên phải và bên trái, được bố trí ở gần vùng phân tách.



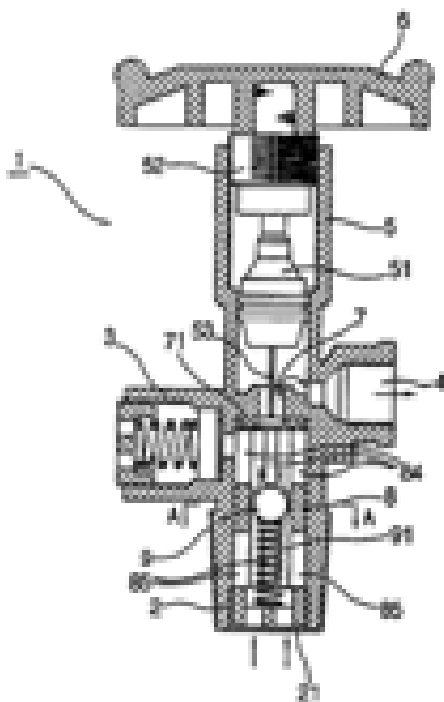
- (11) **17185**  
 (21) 1-2008-00491 (51)<sup>7</sup> **F17C 13/04**  
 (22) 21.09.2005 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/KR2005/003116 21.09.2005 (87) WO2007/013715 01.02.2007  
 (30) 10-2005-0069497 29.07.2005 KR  
 (75) SHIN, IL-HWAN (KR)

San 18-1, Dongjak-dong, Dongjak-gu, Seoul, 156-080, Korea

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) VAN NGẮT TRÀN DỪNG CHO BÌNH CHỨA KHÍ DẦU MỎ LỎNG

(57) Sáng chế đề cập đến van ngắt tràn dừng cho bình chứa khí dầu mỏ lỏng. Van ngắt tràn này bao gồm: cửa nạp khí gắn ở bình chứa khí; van an toàn tạo ra nhô ra ở một phía của phần trên của cửa nạp khí để xả áp suất bên trong bình chứa khí khi áp suất bên trong này bị gia tăng nhanh chóng; cửa xả khí tạo ra nhô ra ở phía kia của phần trên của cửa nạp khí để cấp khí đến thiết bị khí; tay quay van để điều chỉnh theo phương thẳng đứng thân van gắn trên bộ phận điều chỉnh nhô ra từ phần trên của cửa nạp khí; lỗ dẫn dòng khí vào và ra bố trí giữa cửa nạp khí và bộ phận điều chỉnh để cho phép dẫn khí vào và ra; khối trụ lắp ở chu vi bên trong của cửa nạp khí; và viên bi bố trí bên trong khối trụ, khối trụ và viên bi được làm thích ứng để xả một cách bình thường khí chứa trong bình chứa khí và điều chỉnh dòng khí nhằm ngăn chặn dòng khí đi ra quá mức, trong đó khối trụ này có phần trên, phần dưới và phần giữa giữa các phần trên và phần dưới này, mỗi phần trong đó có độ dày giống nhau, và được làm bằng ống rỗng, phần trên có các rãnh cắt có độ dài đồng đều tạo ra theo phương thẳng đứng trên chu vi của nó theo hướng trục theo cách sao cho được đặt cách khỏi nhau một khoảng cách đều và được mở lên trên, và phần dưới có các rãnh cắt dưới có độ dài đồng đều tạo ra theo phương thẳng đứng trên chu vi của nó theo hướng trục theo cách sao cho được đặt cách khỏi nhau một khoảng cách đều và được mở xuống dưới.



- (11) **17186**  
(21) 1-2008-00493 (51)<sup>7</sup> **H01R 13/62**  
(22) 10.07.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/026589 10.07.2006 (87) WO2007/018878 15.02.2007  
(30) 60/704,232 28.07.2005 US  
11/445,975 01.06.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.02.2008

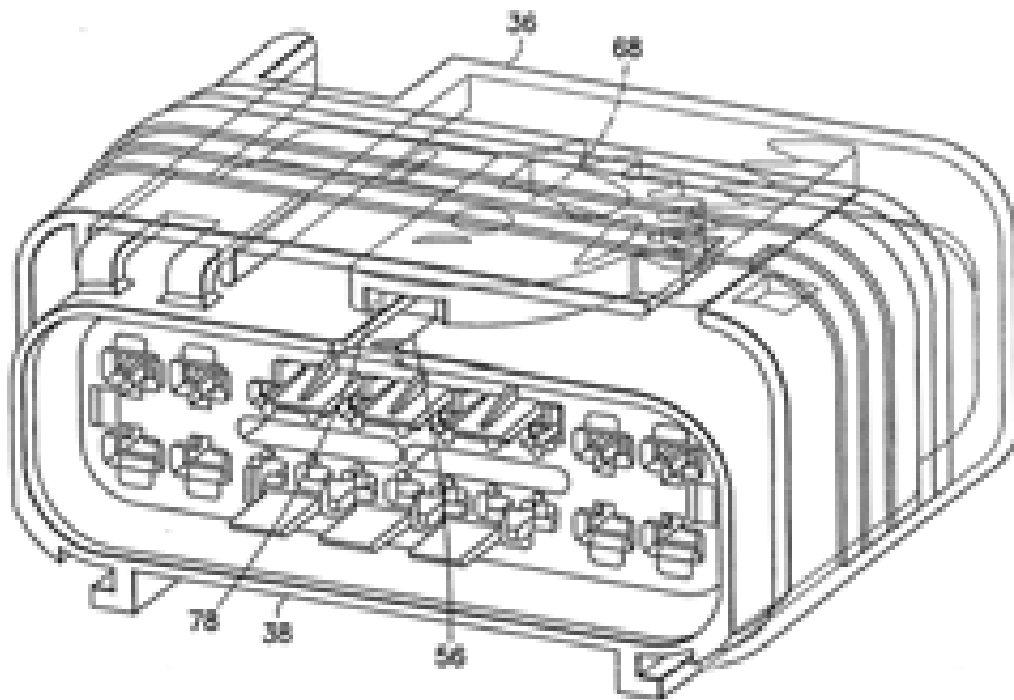
(71) FCI (FR)  
145/147 rue Yves Le Coz, 78000 Versailles, France

(72) Adam P. TYLER (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **ĐẦU NỐI ĐIỆN CÓ CƠ CẤU TRỢ GIÚP LẮP ĐỐI TIẾP**

(57) Sáng chế đề cập tới đầu nối điện có cơ cấu trợ giúp lắp đối tiếp bao gồm: các tiếp điểm điện; vỏ có các tiếp điểm điện được nối vào đó; và cơ cấu trợ giúp lắp đối tiếp để trợ giúp việc lắp đối tiếp đầu nối điện vào một đầu nối điện đối tiếp. Cơ cấu trợ giúp lắp đối tiếp bao gồm một chi tiết cam lắp di động được vào vỏ có một khe để tiếp nhận phần cam của đầu nối điện đối tiếp và phân thành răng với các răng gài với một chi tiết có thể tác động bởi người sử dụng lắp di động được vào vỏ.





- (11) **17187**  
(21) 1-2008-00502 (51)<sup>7</sup> **G02B 3/10**, 1/04, G02C 7/06  
(22) 29.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/033519 29.08.2006 (87) WO2007/030352 15.03.2007  
(30) 11/221,207 07.09.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.02.2008

- (71) TRANSITIONS OPTICAL, INC. (US)  
9251 Belcher Road, Pinellas Park, Florida 33782, United States of America  
(72) KING, Eric, M. (US), STEWART, Kevin, J. (US)  
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
(54) **VẬT DỤNG QUANG HỌC ĐA TIÊU ĐIỂM ĐỔI MÀU THEO ÁNH SÁNG**  
(57) Sáng chế mô tả vật dụng quang học đa tiêu điểm, ví dụ, vật dụng dùng cho mắt như thấu kính chẳng hạn; trong đó vật dụng này gồm (1) vật nền quang học cứng, ví dụ vật nền polyme trong suốt, như vật nền rắn nhiệt hoặc dẻo nhiệt, được làm thích ứng để có ít nhất một đặc tính ảnh hưởng ánh sáng ở ít nhất một phần trên ít nhất một bề mặt của vật nền, ví dụ lớp đổi màu theo ánh sáng và/hoặc phân cực, và (2) lớp đa tiêu điểm làm bằng vật liệu có hoạt tính quang học trên vật nền có tính ảnh hưởng ánh sáng này. Sáng chế còn mô tả vật dụng quang học nêu trên có thêm lớp phủ chống mài mòn trên lớp đa tiêu điểm, ví dụ lớp phủ chống mài mòn chứa hợp chất silan hữu cơ. Ngoài ra, sáng chế còn mô tả phương pháp sản xuất vật dụng quang học đa tiêu điểm bao gồm bước xử lý vật liệu có hoạt tính quang học nằm giữa khuôn đa tiêu điểm và phối chứa vật chất nền quang học có đặc tính ảnh hưởng ánh sáng.

- (11) **17188**
- (21) 1-2008-00512 (51)<sup>7</sup> **A61K 38/00**, A61P 1/00, 1/04, 3/02, 11/00
- (22) 18.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/314192 18.07.2006 (87) WO2007/026474 08.03.2007
- (30) 2005-248187 29.08.2005 JP
- (71) AJINOMOTO CO., INC. (JP)  
15-1, Kyobashi 1-Chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315 Japan
- (72) Itaru KON (JP), Naoki HAYASHI (JP), Tatsuro TANAKA (JP), Hisayuki UNEYAMA (JP), Shinji SOMEKAWA (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **CHẾ PHẨM DINH DƯỠNG**
- (57) Sáng chế đề cập tới chế phẩm dinh dưỡng chứa ít nhất carbohydrat lipid, protein, và chất khoáng, và là chất lỏng hoặc nửa rắn, khác biệt ở chỗ, cỡ hạt trung bình theo thể tích (d50) của các hạt trong chế phẩm dinh dưỡng nằm trong khoảng từ 5 đến 100µm và các hạt không tan trong nước có một protein được chuyển thành dạng không tan nhờ một cation hoá trị hai làm thành phần chính của nó trong chế phẩm dinh dưỡng, hoặc đề cập tới chế phẩm dinh dưỡng chứa ít nhất một carbohydrat, một lipid, một protein, và một chất khoáng, và là chất lỏng hoặc nửa rắn, khác biệt ở chỗ, các hạt không tan trong nước có một protein được chuyển thành dạng không tan nhờ một cation hoá trị hai làm thành phần chính của nó trong chế phẩm dinh dưỡng, và khối lượng protein so với tổng số mol của các ion hoá trị hai tạo thành các hạt không tan trong nước nằm trong khoảng từ 1,5 đến 3g/mmol.

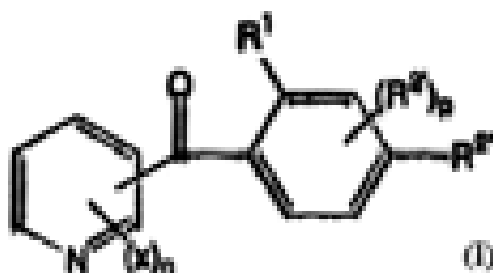
- (11) **17189**
- (21) 1-2008-00524 (51)<sup>7</sup> **B01J 13/02**, A01N 25/26, 25/28, 51/00, 53/00, B01J 13/22
- (22) 02.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/IL2006/000892 02.08.2006 (87) WO2007/015243 08.02.2007
- (30) 60/704,455 02.08.2005 US
- (71) SOL-GEL TECHNOLOGIES LTD. (IL)  
Industrial Zone West, P.o. Box 367, 99100 Beit Shemesh, Israel
- (72) TOLEDANO, Ofer (IL), SERTCHOOK, Hanan (IL), LOBODA, Natalia (IL), BAR-SIMANTOV, Haim (IL)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH BAO THỂ HẠT RẮN KHÔNG TAN TRONG NƯỚC VÀ CHẾ PHẨM CHỨA THỂ HẠT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình bao thể hạt rắn, không tan trong nước bằng oxit kim loại bao gồm: (a) cho thể hạt rắn, không tan trong nước tiếp xúc với chất phụ gia cation trong môi trường chứa nước để thu được thể phân tán của thể hạt này có điện thế zeta dương; (b) bao thể hạt rắn, không tan trong nước bằng cách làm kết tủa muối oxit kim loại lên bề mặt của thể hạt, tạo thành lớp oxit kim loại lên đó; và (c) làm lão hóa lớp bao này. Sáng chế cũng đề cập đến thể hạt được bao thu được theo quy trình và chế phẩm chứa thể hạt rắn, không tan trong nước, được bao bằng lớp oxit kim loại, thể hạt là hoạt chất dùng cho da liễu hoặc thuốc trừ dịch. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp xử lý tình trạng bề mặt ở đối tượng bằng cách sử dụng hoạt chất rắn, không tan trong nước dùng cho da liễu được bao bằng lớp oxit kim loại.

- (11) **17190**
- (21) 1-2008-00536 (51)<sup>7</sup> **C08J 11/24**, B01D 11/02, C07C 67/03, 69/82, C08J 11/16, C09B 67/54, D06B 9/06, C07B 61/00, C08L 67/00
- (22) 31.07.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/315541 31.07.2006 (87) WO2007/018161 15.02.2007
- (30) 2005-227768 05.08.2005 JP
- (71) TEIJIN FIBERS LIMITED (JP)  
6-7, Minamihommachi 1-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0054 Japan
- (72) MUKAI, Kouji (JP), NAKASHIMA, Minoru (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) PHƯƠNG PHÁP THU HỒI CÁC CẤU TỬ HỮU ÍCH TỪ SỢI POLYESTE ĐÃ ĐƯỢC NHUỘM
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp thu hồi các cấu tử hữu ích từ sợi polyeste đã được nhuộm theo sáng chế bao gồm bước trích ly thuốc nhuộm, bước tách lỏng rắn, bước phản ứng khử trùng hợp, bước phản ứng trao đổi este, và bước tách cấu tử hữu ích, để thu hồi các cấu tử hữu ích từ sợi polyeste đã được nhuộm, trong đó bước trích ly thuốc nhuộm bao gồm việc trích ly và loại thuốc nhuộm ở nhiệt độ chuyển hoá thủy tinh của polyeste hoặc ở nhiệt độ cao hơn và ở nhiệt độ 220oC hoặc ở nhiệt độ thấp hơn đối với trường hợp dung môi trích ly xylen và dung môi trích ly alkylen glycol được sử dụng kết hợp.

- (11) **17191**  
 (21) 1-2008-00538 (51)<sup>7</sup> **A01N 43/40**, 35/04, 37/06, 37/34, 43/08, 43/50, 43/54, 43/653, 43/84, 47/38, 47/42, 47/44
- (62) 1-2006-00703  
 (22) 29.10.2004 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2004/016156 29.10.2004 (87) WO2005/041663 12.05.2005  
 (30) 2003-371863 31.10.2003 JP  
 2004-006355 14.01.2004 JP  
 2004-210174 16.07.2004 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.05.2006

- (71) ISHIHARA SANGYO KAISHA, LTD. (JP)  
 3-15, Edobori 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi, Osaka 5500002, Japan  
 (72) NISHIDE Hisaya (JP), NISHIMURA Shigeyuki (JP), MITANI Shigeru (JP), MINAMIDA Koji (JP), KANAMORI Fumio (JP), OGAWA Munekazu (JP), KANBAYASHI Shigehisa (JP), TANIMURA Toyoshi (JP), HIGUCHI Koji (JP), KOMINAMI Hidemasa (JP), OKOMOTO Tomohiro (JP), NISHIMURA Akihiro (JP)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ DẪN XUẤT BENZOYLPYRIDIN  
 (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế dẫn xuất benzoylpyridin có công thức (I) hoặc muối của nó :



trong đó X là nguyên tử halogen, nhóm nitro, nhóm hydrocacbon có thể thay thế nhóm alkoxy có thể thay thế, nhóm aryloxy có thể thay thế, nhóm xycloalkoxy có thể thay thế, nhóm hydroxyl, nhóm alkylthio có thể thay thế, nhóm xyno, nhóm carboxyl có thể được este hoá hoặc amit hoá, hoặc nhóm amin có thể thay thế, n bằng 1, 2, 3 hoặc 4; R<sup>1</sup> là nhóm alkyl có thể thay thế, R<sup>2</sup> là nhóm akyl có thể thay thế, nhóm alkoxy có thể thay thế, nhóm aryloxy có thể thay thế, nhóm xycloalkoxy có thể thay thế hoặc nhóm hydroxyl, p bằng 1, 2 hoặc 3, và R<sup>2''</sup> là nhóm alkoxy có thể thay thế hoặc nhóm hydroxyl, với điều kiện là ít nhất hai nhóm trong số R<sup>2'</sup> và R<sup>2''</sup> có thể tạo thành vòng ngưng tụ chứa một nguyên tử oxy.

(11) **17192**

(21) 1-2008-00539

(51)<sup>7</sup> **G01S 13/00**

(22) 04.08.2006

(43) 26.05.2008

(86) PCT/KR2006/003067 04.08.2006

(87) WO2007/015631

08.02.2007

(30) 10-2005-0071447 04.08.2005 KR

10-2006-0073033 02.08.2006 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.03.2008

(71) 1. ISENTECK ENC CO., LTD. (KR)

#911, Youngdong Techno Tower, 300-4, Seongsu-dong 2-ga, Seongdong-gu, Seoul 133-834, Republic of Korea

2. KOREA ELECTRIC POWER CORPORATION (KR)

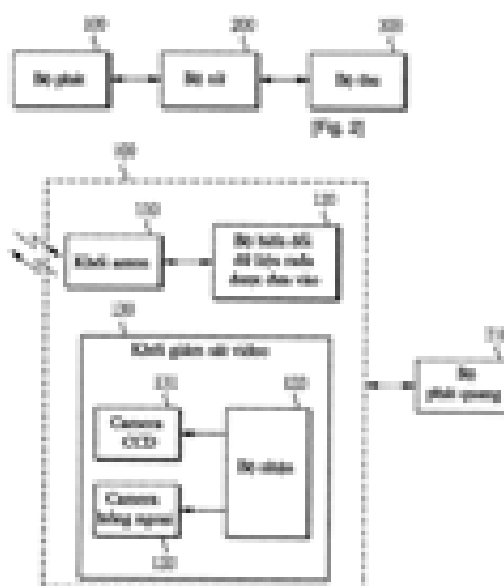
167, Samsung-dong, Gangnam-gu, Seoul 135-791, Republic of Korea

(72) PARK Chang-Ho (KR), LEE Kyoung-Jae (KR), OH Sang-Hwan (KR), YOO Jae-Sik (KR), LEE, Do-Han (KR), JEONG Ik-Jung (KR), LEE Dong-Moon (KR), AN Yong-Ho (KR)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT VIDEO THÔNG MINH TRUYỀN THÔNG VỚI HỆ THỐNG RAĐA BẮM SÁT TỰ ĐỘNG**

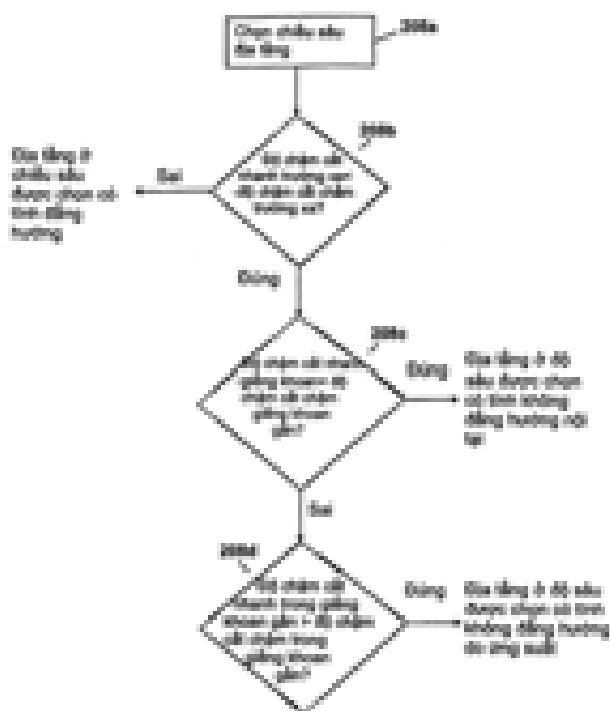
(57) Hệ thống giám sát video thông minh tương tác với hệ thống radar tự động bám sát và phương pháp điều khiển nó sẽ được bộc lộ. Hệ thống giám sát video thông minh chuyển đổi dữ liệu radar nhận được từ máy chủ quản lý qua bộ xử lý tín hiệu radar thành hình ảnh hai chiều, sẽ loại bỏ các hình ảnh của các đối tượng cố định (tức là dữ liệu GIS) bằng cách sử dụng bản đồ mặt nạ, thu thập thông tin đích bằng cách sử dụng thuật toán dự đoán chuyển động tuyến tính, và bám sát đối tượng đích, sẽ ghi thông tin về đối tượng đích vào cơ sở dữ liệu (DB), quản lý thông tin ghi được, và cung cấp cho một số những người sử dụng thông tin đích qua mạng. Hệ thống giám sát video thông minh sẽ truyền thông với hệ thống radar tự động bám sát, bổ sung hình ảnh chất lượng cao được chụp bởi máy ảnh vào dữ liệu vị trí hai chiều được thu thập bởi hệ thống radar, cho phép người sử dụng hoặc nhân viên vận hành dễ dàng nhận biết đối tượng đích được hiển thị trên bộ hiển thị, và bám sát/giám sát đối tượng đích nằm trong vùng giám sát tại điểm từ xa.



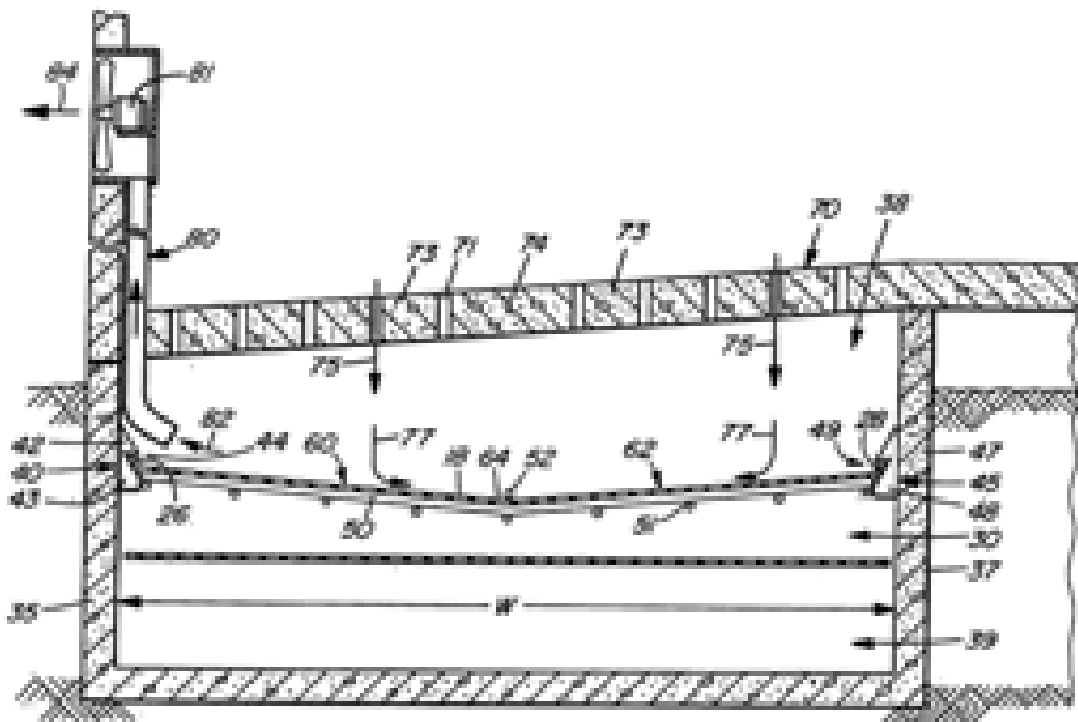
- (11) **17193**  
 (21) 1-2008-00542 (51)<sup>7</sup> **G01V 1/50**  
 (22) 04.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/030634 04.08.2006 (87) WO2007/019400 15.02.2007  
 (30) 11/196,907 04.08.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.03.2008

- (71) PRAD RESEARCH AND DEVELOPMENT N.V. (AN)  
 P.O. Box 812, De Ruyterkade 62, Willemstad Curacao, Curacao, Netherlands Antilles  
 (72) DONALD, J., Adam (CA), BRATTON, Tom, R. (US), WALSH, John (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG TÌM ĐẶC TRƯNG KHÔNG ĐẲNG HƯỚNG CỦA PHẦN ĐỊA TẦNG BẰNG SÓNG CẮT**  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tìm đặc trưng không đẳng hướng bằng sóng cắt trong phần địa tầng, phương pháp bao gồm các bước: thu nhận các dạng sóng lưỡng cực chéo từ lỗ khoan ăn vào phần địa tầng này qua một dải chiều sâu và tần số; xác định độ chậm tầng xa theo hướng cắt nhanh và theo hướng cắt chậm bằng cách sử dụng phân tần số thấp của các dạng sóng lưỡng cực chéo; xác định độ chậm của giếng khoan gần theo hướng cắt nhanh và theo hướng cắt chậm bằng cách sử dụng phân tần số cao của các dạng sóng lưỡng cực chéo; đánh dấu chiều sâu được chọn của phần địa tầng là có tính không đẳng hướng nội tại nếu ở chiều sâu được chọn độ chậm tầng xa theo hướng cắt nhanh nhỏ hơn độ chậm tầng xa theo hướng cắt chậm và độ chậm của giếng khoan gần theo hướng cắt nhanh nhỏ hơn độ chậm của giếng khoan gần theo hướng cắt chậm; và đánh dấu chiều sâu được chọn của phần địa tầng là có tính không đẳng hướng do ứng suất nếu ở chiều sâu đã chọn độ chậm tầng xa theo hướng cắt nhanh nhỏ hơn độ chậm tầng xa theo hướng cắt chậm và độ chậm của giếng khoan gần theo hướng cắt nhanh lớn hơn độ chậm của giếng khoan gần theo hướng cắt chậm.



- (11) **17194**
- (21) 1-2008-00543 (51)<sup>7</sup> **B01D 33/04**, A01K 1/01, B01D 33/46, 43/00
- (22) 27.02.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/CA2006/000292 27.02.2006 (87) WO2007/016758 15.02.2007
- (30) 11/201,094 11.08.2005 US
- (71) ATD WASTE SYSTEMS INC. (CA)  
3095 West 24th Avenue, Vancouver, British Columbia V6L 1R7, Canada
- (72) VAN SLYKE, J. Victor (CA), VAN KEMPEN, Martien H.J.G. (NL), VAN KEMPEN, Theodorus A.T.G. (NL)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **HỆ THỐNG THU GOM CHẤT THẢI ĐỂ TÁCH RIÊNG CHẤT THẢI LỎNG VÀ CHẤT THẢI RẮN**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống thu gom chất thải để tách riêng chất thải lỏng và chất thải rắn bao gồm băng tải có con lăn băng tải trên, con lăn băng tải dưới và dây đai băng tải liên tục chạy quanh các con lăn băng tải trên và dưới. Máng trên của dây đai băng tải lõm về phía trên. Theo tiết diện ngang, máng trên có phần lõm nhất và các phần bên tỏa ra các bên và hướng lên trên từ phần lõm nhất. Máng trên nghiêng theo chiều dọc từ con lăn băng tải trên tới con lăn băng tải dưới. Bộ làm lệch chất thải kéo dài bên trên và dọc theo phần lõm nhất của máng trên. Các bộ phận thu gom chất thải lỏng và rắn riêng rẽ được bố trí ở vùng gần con lăn trên và dưới. Bộ phận dẫn động băng tải được nối lên trên các con lăn băng tải.





- (11) **17195**
- (21) 1-2008-00544 (51)<sup>7</sup> **C09D 5/16**, A01P 13/00, A01N 43/58
- (22) 02.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/SE2006/050275 02.08.2006 (87) WO2007/015676 08.02.2007
- (30) 60/705,321 04.08.2005 US  
11/497,454 01.08.2006 US
- (71) I-TECH AB (SE)  
Erik Dahlbergsgatan 11A, S-411 26 Goteborg, Sweden
- (72) MARTENSSON, Lena (SE)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) CHẾ PHẨM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGĂN NGỪA CÁC SINH VẬT BẨM Ở MÔI TRƯỜNG BIỂN
- (57) Sáng chế đề cập đến các chế phẩm kết hợp các chất được lựa chọn trong sơn để ngăn ngừa sự lắng đọng và phát triển của các sinh vật bám khác nhau ít có ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái hơn so với các phương pháp hiện nay. Các chất hữu dụng bao gồm medetomid khi kết hợp với các chế phẩm chứa đồng và kẽm khác nhau, tolymlfuanit, diclofluanit, Diuron và Irgarol, hoặc bioxit thông dụng hơn như SeaNine (4,5-dicloro-2-n-octyl-3(2H)-isothiazolon) hoặc Econeal C2-(p- clorophenyl)-3-xyano-4-bromo-5-triflorometyl).

(11) **17196**

(21) 1-2008-00564

(51)<sup>7</sup> **B29C 45/02, 45/22**

(62) 1-2005-00895

(22) 27.06.2005

(43) 26.05.2008

(30) 10/883,931 02.07.2004 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.06.2005

(71) **PLASTIC ENGINEERING & TECHNICAL SERVICES, INC. (US)**

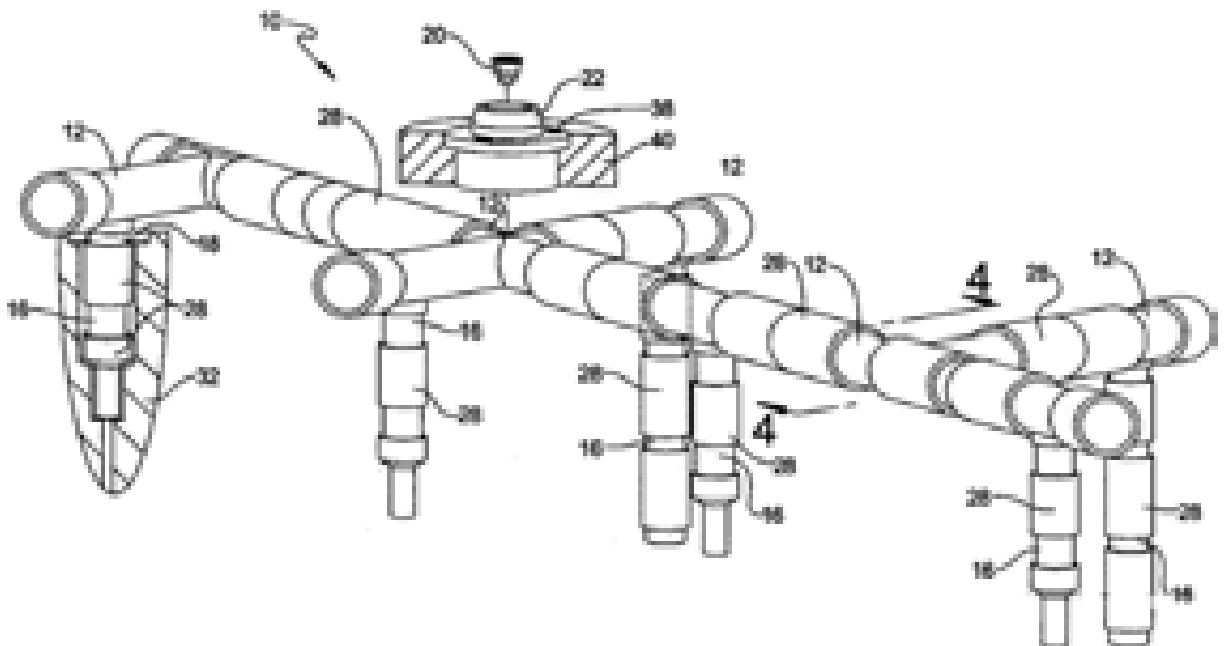
4141 Luella Lane, Auburn Hills, Michigan 48326, USA

(72) **Patrick A. Tooman (US)**

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO CỤM ỐNG PHÂN PHỐI ĐƯỢC GIA CÔNG TRÊN MÁY**

(57) Sáng chế đề cập đến ống phân phối dùng để vận chuyển vật liệu đúc phun vào trong khuôn đúc từ bộ phận cung cấp vật liệu đúc và phương pháp chế tạo ống phân phối này bao gồm chi tiết dẫn dòng chảy chính có đường dẫn dòng ở giữa kéo dài qua chi tiết dẫn dòng chảy chính dọc theo trục dọc của chi tiết dẫn dòng chảy chính. Chi tiết dẫn dòng chảy chính còn bao gồm các đường dẫn phân nhánh, mỗi đường dẫn nằm ngang và nối thông chất lỏng với đường dẫn dòng ở giữa. Chi tiết dẫn dòng chảy chính có bề mặt ngoài có hình dạng tiết diện ngang hầu như tròn. Bề mặt ngoài được gia công trên máy sao cho có hình dạng tiết diện ngang hầu như tròn.



- (11) **17197**
- (21) 1-2008-00565 (51)<sup>7</sup> **B01D 39/16**, 39/06, B01J 20/26, D06M 11/83
- (22) 03.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/RU2006/000410 03.08.2006 (87) WO2007/018454 A2 15.02.2007
- (30) 20050125140 08.08.2005 RU

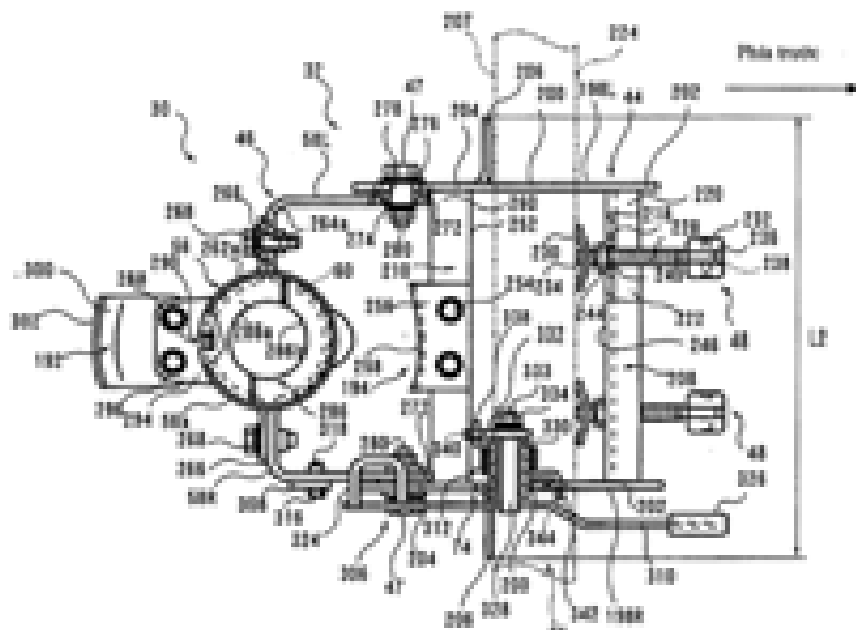
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.03.2008

- (71) 1. **ADVANCED POWDER TECHNOLOGIES, LIMITED LIABILITY COMPANY (RU)**  
8/2, pr. Akademichesky, Tomsk, 634021, Russian Federation  
2. **INSTITUTE OF STRENGTH PHYSICS AND MATERIALS SCIENCE SIBERIAN BRANCH OF THE RUSSIAN ACADEMY OF SCIENCES (RU)**  
2/1, pr. Akademichesky, Tomsk, 634021, Russian Federation
- (72) Lerner Marat Izrailievich (RU), RUDENSKIY Gennady Evgenievich (RU), Psakhie Sergey Grigorievich (RU), SVAROVSKAYA Natalia Valentinovna (RU), REPIN Vladimir Evgenievich (RU), PUGACHEV Vladimir Georgievich (RU)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **VẬT LIỆU LỌC, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VẬT LIỆU NÀY, BỘ LỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LỌC**
- (57) Sáng chế đề cập đến việc sản xuất vật liệu lọc để tinh chế và khử trùng nước, các dung dịch nước và các chất lỏng khác, cũng như dùng để lọc tiệt trùng các dung dịch tiêm và các dung dịch khác, cô các phân tử sinh học trong các chất lỏng sinh lý, cô và chiết virut, bào chế nước không gây sốt, sử dụng trong các bình phản ứng có màng ngăn xúc tác sinh học.
- Sáng chế giải quyết được các vấn đề về sản xuất vật liệu lọc mới, khác biệt ở chỗ, vật liệu này có các đặc tính hấp phụ cao, hiệu quả giữ lại cao đối với các hạt submicron có tính âm điện, các vi sinh vật, các hạt submicron không phân cực và các tạp chất hoá học, và đồng thời, khác biệt ở chỗ vật liệu này có độ bền thủy động thấp.
- Lớp nền của vật liệu lọc là vải không dệt bằng polyme hữu cơ tổng hợp, được làm thay đổi bằng cách làm cố định các hạt nhôm hydroxit với bề mặt của các sợi lớp nền để cải thiện các đặc tính hấp phụ của nó và làm cho vật liệu này có điện tích dương.
- Phương pháp sản xuất vật liệu lọc bao gồm các bước : phủ thành phần làm thay đổi lên lớp nền sợi dưới dạng vải không dệt bằng polyme hữu cơ tổng hợp, trong đó thành phần làm thay đổi này chứa các hạt vật liệu trên cơ sở nhôm, thủy phân các hạt vật liệu này để tạo ra các hạt nhôm hydroxit và cố định các hạt nhôm hydroxit này với các sợi lớp nền.
- Phương pháp lọc chất lỏng được tiến hành bằng cách sử dụng vật liệu lọc là vải không dệt bằng polyme hữu cơ tổng hợp mà các hạt nhôm hydroxit được cố định với các sợi vải này.

- (11) **17198**  
 (21) 1-2008-00574 (51)<sup>7</sup> **B63H 20/02**, 20/08  
 (22) 14.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/JP2006/316282 14.08.2006 (87) WO2007/021019 A1 22.02.2007  
 (30) 2005-238763 19.08.2005 JP  
 2006-048428 24.02.2006 JP

- (71) Yamaha Marine Kabushiki Kaisha (JP)  
 1400 Nippashi-cho, Minami-ku, Hamamatsu-shi, Shizuoka-ken 432-8058, Japan  
 (72) Daisuke NAKAMURA (JP), Isao FUJII (JP), Yusuke TAKAHASHI (JP), Hideaki MATSUSHITA (JP)  
 (74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)  
 (54) **CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG GẮN NGOÀI CÓ CỤM GẮN**

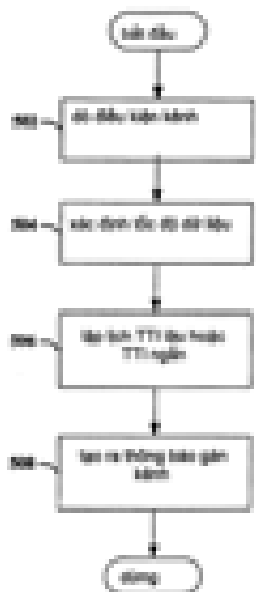
- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu dẫn động gắn ngoài bao gồm một cụm dẫn động. Giá đỡ kẹp chặt được lắp vào phần bong đuôi của xuồng máy. Giá đỡ khớp xoay được lắp vào giá đỡ kẹp chặt để chuyển động quay quanh đường tâm nghiêng kéo dài theo phương nằm ngang. Giá đỡ khớp xoay mang cụm dẫn động để chuyển động quay quanh đường tâm lái kéo dài theo phương thẳng đứng. Giá đỡ kẹp chặt bao gồm cần giá đỡ thứ nhất và cần giá đỡ thứ hai được bố trí cách nhau theo phương nằm ngang. Ít nhất là một thành phần nối ngang kéo dài giữa các cần giá đỡ thứ nhất và thứ hai. Giá đỡ khớp xoay có đầu thứ nhất và đầu thứ hai. Đầu thứ nhất của giá đỡ khớp xoay được lắp với một đầu của cần giá đỡ thứ nhất để chuyển động quay quanh đường tâm nghiêng. Đầu thứ hai của giá đỡ khớp xoay được lắp với một đầu của cần giá đỡ thứ hai để chuyển động quay quanh đường tâm nghiêng.



- |      |                   |                   |                  |                             |
|------|-------------------|-------------------|------------------|-----------------------------|
| (11) | <b>17199</b>      |                   |                  |                             |
| (21) | 1-2008-00583      | (51) <sup>7</sup> | <b>H04L 1/00</b> |                             |
| (22) | 24.08.2006        | (43)              | 26.05.2008       |                             |
| (86) | PCT/US2006/033269 | 24.08.2006        | (87)             | WO2007/025160 A2 01.03.2007 |
| (30) | 60/711,145        | 24.08.2005        | US               |                             |
|      | 11/260,932        | 27.10.2005        | US               |                             |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.03.2008

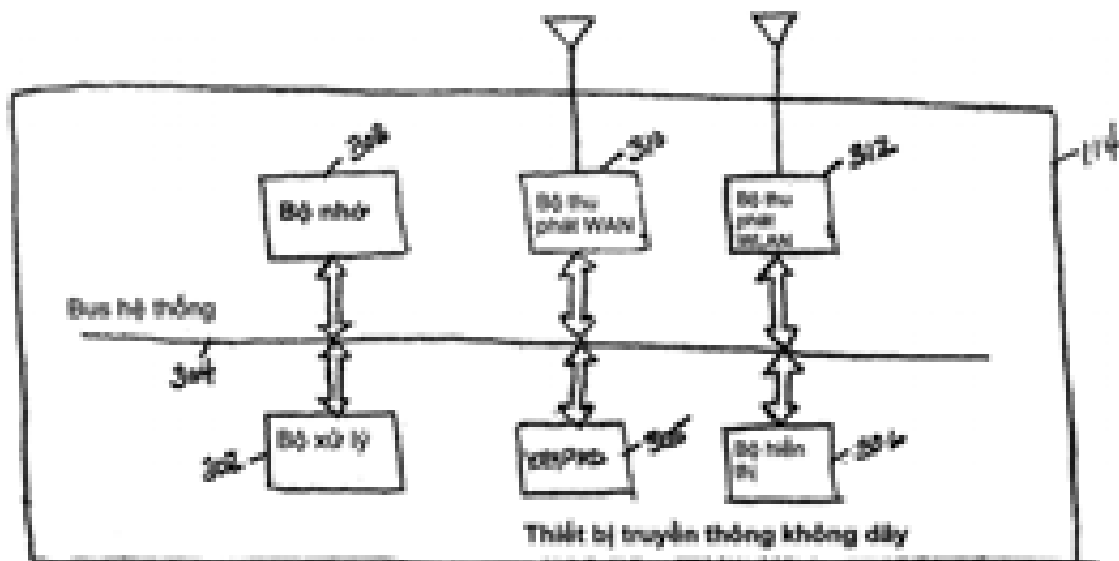
- (71) Qualcomm Incorporated (US)  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
- (72) GOROKHOV, Alexei (FR), TEAGUE, Edward H. (US), KHANDEKAR, Aamod (IN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP GÁN KHOẢNG THỜI GIAN TRUYỀN, BỘ LẬP LỊCH, BỘ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG TIỆN ĐỌC
- (57) Các phương án mô tả khoảng thời gian truyền thay đổi trong hệ thống truyền thông không dây. Theo một số phương án, sáng chế đề xuất phương pháp gán khoảng thời gian truyền. Phương pháp có thể bao gồm bước định lượng điều kiện kênh và/hoặc tốc độ dữ liệu gói truyền bởi ít nhất một thiết bị không dây. Một phần dựa trên tốc độ dữ liệu và/hoặc thông tin điều kiện kênh, việc xác định có thể thực hiện xem có lập lịch khoảng thời gian truyền lâu hoặc khoảng thời gian truyền ngắn cho gói hay không. Khoảng thời gian truyền lâu có thể được lập lịch nếu điều kiện kênh xấu và/hoặc tốc độ dữ liệu chậm. Khoảng thời gian truyền ngắn có thể được lập lịch nếu điều kiện kênh tốt và/hoặc tốc độ dữ liệu cao hoặc nhanh. Phương pháp có thể được lập lại cho nhiều thiết bị không dây. Hệ thống cũng có thể bao gồm cấu trúc làn khác hỗ trợ cả các khoảng thời gian truyền lâu lẫn các khoảng thời gian truyền ngắn.



- (11) **17200**  
 (21) 1-2008-00584 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38**  
 (22) 10.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/031497 10.08.2006 (87) WO2007/022005 22.02.2007  
 (30) 60/707,209 10.08.2005 US  
 60/753,259 21.12.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.03.2008

- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) GOGIC, Aleksandar (US), DESHPANDE, Manoj M. (US), JAIN, Nikhil (US),  
 NANDA, Sanjiv (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TẠO DẤU VÂN TAY CHO MẠNG KHÔNG DÂY  
 (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị truyền thông không dây và phương pháp sử dụng thiết bị này. Thiết bị truyền thông không dây có thể được sử dụng bằng cách truy cập thông tin trong bộ nhớ, thông tin này liên quan đến mạng truyền thông thứ nhất. Thông tin này cùng với một hoặc nhiều hơn một tín hiệu tham chiếu từ mạng truyền thông thứ hai được sử dụng để xác định thiết bị truyền thông không dây đang ở vùng lân cận của mạng truyền thông thứ nhất hay không.



- (11) **17201**
- (21) 1-2008-00603 (51)<sup>7</sup> **C04B 7/22**, 18/00, 18/08, 20/06, 22/06, 22/16, 28/30, 9/04
- (22) 11.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/AU2006/001155 11.08.2006 (87) WO/2007/019612 22.02.2007
- (30) 2005904370 12.08.2005 AU
- (71) IRON CEMENT PTY LTD (AU)  
C/- Tony Otton & Associates, 134 Alexander Parade, Alexander Headland, in the State of Queensland, 4572, Australia
- (72) DAWSON, Malcolm (AU)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỖN HỢP XI MĂNG KHÔNG CÓ VÔI VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA HỖN HỢP XI MĂNG NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hỗn hợp xi măng không có vôi bao gồm: thành phần sắt oxit chứa một hoặc nhiều oxit sắt; và chất hoạt hoá. Chất hoạt hoá này được chọn từ một hoặc nhiều muối không phải clorua, không phải oxyclorua của kim loại. Chất hoạt hoá này cũng được chọn từ các hợp chất mà có thể tạo ra một hoặc nhiều phân tử cựa thạch với thành phần sắt oxit khi được cùng hoạt hoá với nước. Sáng chế cũng đề cập đến hỗn hợp xi măng không có vôi bao gồm thành phần sắt oxit chứa một hoặc nhiều oxit sắt; thành phần silicat chứa một hoặc nhiều silicat kim loại nung; và chất hoạt hoá được chọn từ một hoặc nhiều muối không phải clorua của kim loại mà có thể tạo ra một hoặc nhiều phân tử cựa thạch với thành phần sắt oxit và/hoặc thành phần silicat khi được cùng hoạt hoá với nước.

- (11) **17202**  
(21) 1-2008-00606 (51)<sup>7</sup> **A22B 3/08**  
(22) 11.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/NL2006/000420 11.08.2006 (87) WO/2007/021178 22.02.2007  
(30) 1029721 12.08.2005 NL  
1030379 09.11.2005 NL

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.03.2008

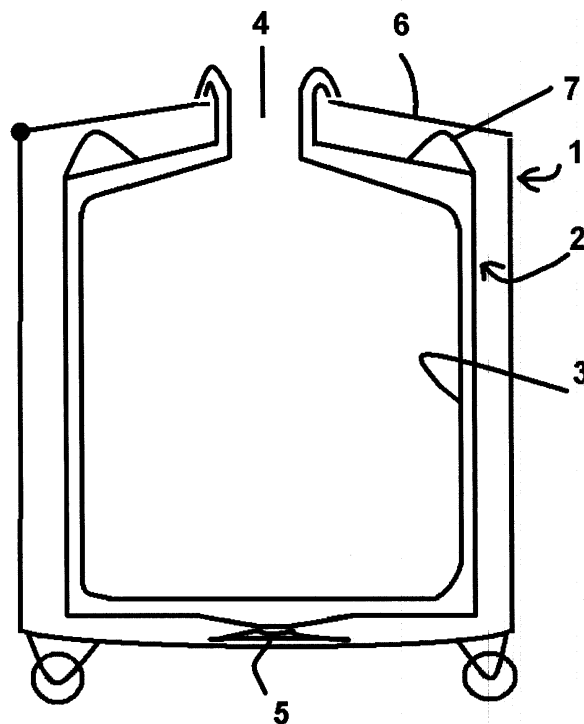
(75) KIEZEBRINK, Harm (NL)

Europalaan 14, NL-8161 ZA Epe, The Netherlands

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

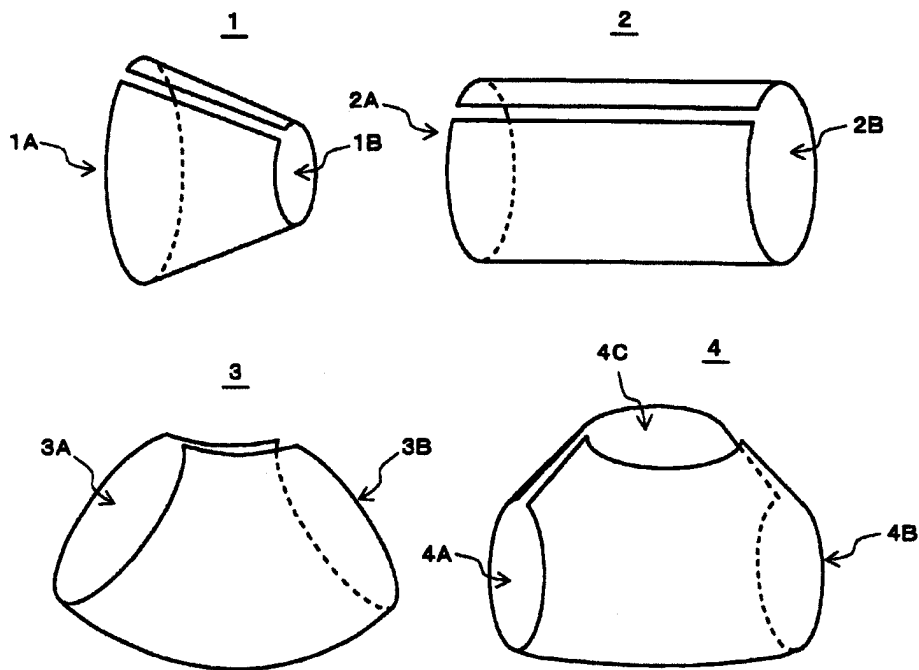
(54) PHƯƠNG PHÁP GIẾT MỔ VỆ SINH ĐỂ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT VÀ TÚI ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp giết mổ vệ sinh để giết mổ động vật. Sáng chế đặc biệt thích hợp để giết mổ vệ sinh gia cầm như gà, vịt và gia cầm tương tự, trong trường hợp bùng phát bệnh truyền nhiễm. Phương pháp theo sáng chế khác biệt ở chỗ, ít nhất một phần thân được chọn trong số mũi và miệng của con vật được phủ bằng bột được tạo ra từ chất lỏng và chất khí, trong đó chất lỏng chứa chất hoạt động bề mặt, và chất khí được sử dụng để tạo bột chứa thành phần khí có tính chất để giết và/hoặc gây mê con vật. Thành phần khí thích hợp là cacbon dioxid chẳng hạn. Sáng chế còn đề cập đến túi thích hợp để thực hiện quy trình này.





- (11) **17203**
- (21) 1-2008-00611 (51)<sup>7</sup> **F16L 57/00, 58/00**
- (22) 11.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/JP2006/315965 11.08.2006 (87) WO2007/020903 A1 22.02.2007
- (30) 2005-235031 12.08.2005 JP
- (71) TOKYO NISSHIN JABARA CO., LTD. (JP)  
2-5-11, Uchi-Kanda, Chiyoda-ku, Tokyo 1010047, Japan
- (72) TSUKADA Ken (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **BỘ CHI TIẾT LẮP RÁP BAO BỌC ỐNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ chi tiết lắp ráp bao bọc ống có bốn loại chi tiết gồm chi tiết hình nón, chi tiết hình trụ, chi tiết dạng ống cong, và chi tiết dạng chữ T, trong đó tấm nhựa được tạo thành dạng ống hoặc dạng túi để bọc, ở bên ngoài, phần nối giữa các ống có trong hệ thống ống, nhờ đó chất lưu rò rỉ hoặc hoặc phát tán được lưu giữ tạm thời.



- (11) **17204**  
 (21) 1-2008-00612 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/36**  
 (22) 10.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/031403 10.08.2006 (87) WO2007/021950 A1 22.02.2007  
 (30) 11/203,038 12.08.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.03.2008

(71) QUALCOMM INCORPORATED (US)

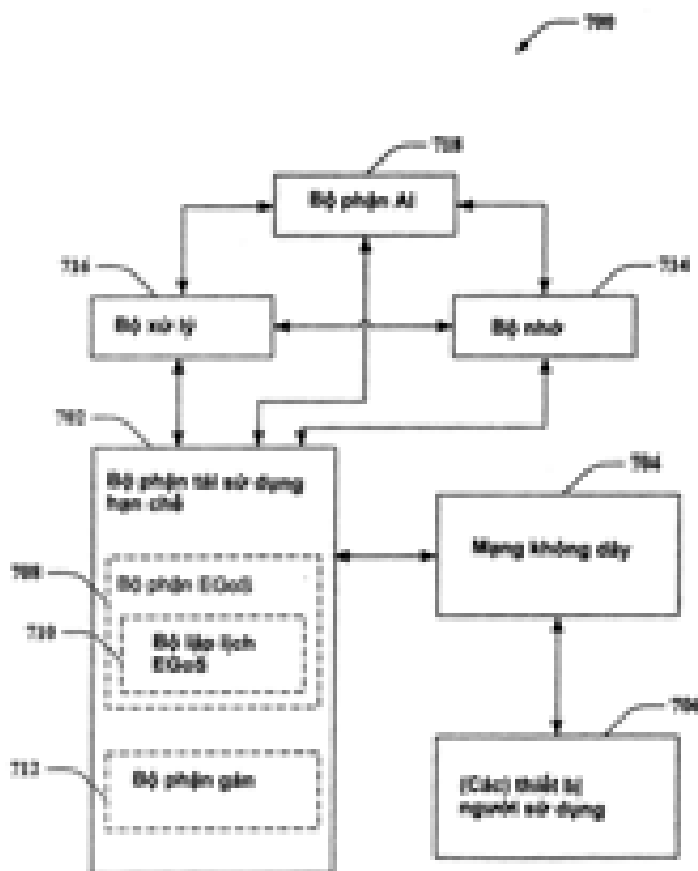
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA

(72) Ji, Tingfang (CN)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TỐI ƯU HOÁ THÔNG LƯỢNG TRUYỀN TÍN HIỆU, PHƯƠNG TIỆN CHỨA VÀ BỘ XỬ LÝ THỰC HIỆN

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống, thiết bị và phương pháp hỗ trợ việc quản lý tập tài nguyên tái sử dụng hạn chế có mức bình đẳng dịch vụ trên cuộc truyền đường liên kết xuôi. Thông lượng người sử dụng trên tập tái sử dụng tài nguyên có thể được đánh giá, và phương pháp lập được sử dụng để cấp phát lại người sử dụng có hiệu suất phổ kém cho các tập tái sử dụng có thông lượng cao để tối ưu hóa thông lượng tổng trong mạng không dây hoặc một phần của mạng.



(11) **17205**

(21) 1-2008-00614

(22) 25.08.2006

(86) PCT/CN2006/002178 25.08.2006

(30) 200520106272.6 26.08.2005 CN

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.05.2008

(75) SHANG JIANZHONG (CN)

No. 19-5, Yuqingli, Xinwu District, Wuhu City, Anhui Province, 241000, P.R.China

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO CO., LTD.)

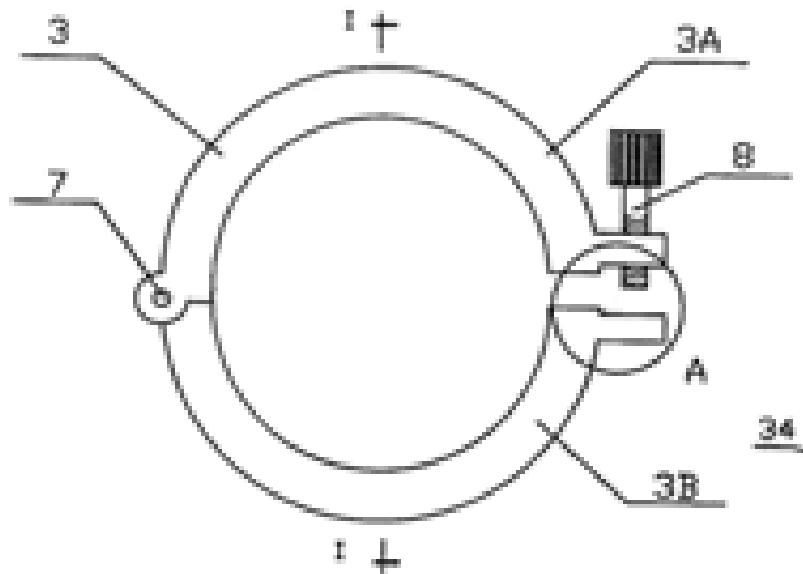
(54) DỤNG CỤ CẮT BAO QUY ĐẦU

(57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ cắt bao quy đầu bao gồm cơ cấu cố định (3) và đai chuỗi đầu dương vật (1). Cơ cấu cố định (3) có một lỗ. Phần nổi lưỡi trên (311A) và phần nổi lưỡi dưới (311B) được bố trí trên phần đầu của lỗ. Các góc tròn (311) được tạo ra ở các mép của phần nổi lưỡi trên (311A) và phần nổi lưỡi dưới (311B).

(51)<sup>7</sup> **A61B 17/326**

(43) 26.05.2008

(87) WO2007/022730 A1 01.03.2007



- (11) **17206**  
(21) 1-2008-00618 (51)<sup>7</sup> **C13K 1/02**, B09B 3/00  
(22) 31.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/JP2006/31721231.08.2006 (87) WO/2007/026817 08.03.2007  
(30) 2005-250860 31.08.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.03.2008

- (71) 1. MIE UNIVERSITY (JP)  
1577, Kurimamachiya-cho, Tsu-shi, Mie-ken, Japan  
2. OJI PAPER CO., LTD. (JP)  
7-5, Ginza 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan  
(72) HISAMATSU, Makoto (JP), FURUJYO, Atsushi (JP)  
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)  
(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT HỢP PHẦN SACARIT BẰNG SINH KHỐI  
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất ba dạng hợp phần sacant lần lượt có chứa dạng oligosacant hemixenluloza, dạng oligosacarit xenluloza và glucoza, đặc trưng bởi phương pháp này gồm bước tách riêng và thu hồi các loại hợp phần sacarit khác nhau bằng cách xử lý liên tiếp sinh khối rắn bằng ít nhất hai dạng dịch lỏng xử lý axit có nồng độ axit khác nhau, trong đó hỗn hợp phản ứng dạng lỏng thu được trong mỗi bước xử lý axit được tách riêng thành dịch nổi bề mặt và chất rắn, sau đó cho chất rắn đã được phân tách qua bước xử lý axit tiếp theo.

- (11) **17207**  
(21) 1-2008-00622 (51)<sup>7</sup> **B67D 1/04**, 1/08  
(22) 10.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/DK2006/000435 10.08.2006 (87) WO2007/019848 22.02.2007  
(30) PA 2005 01147 12.08.2005 DK  
PA 2006 00363 14.03.2006 DK

(71) CARLSBERG BREWERIES A/S (DK)

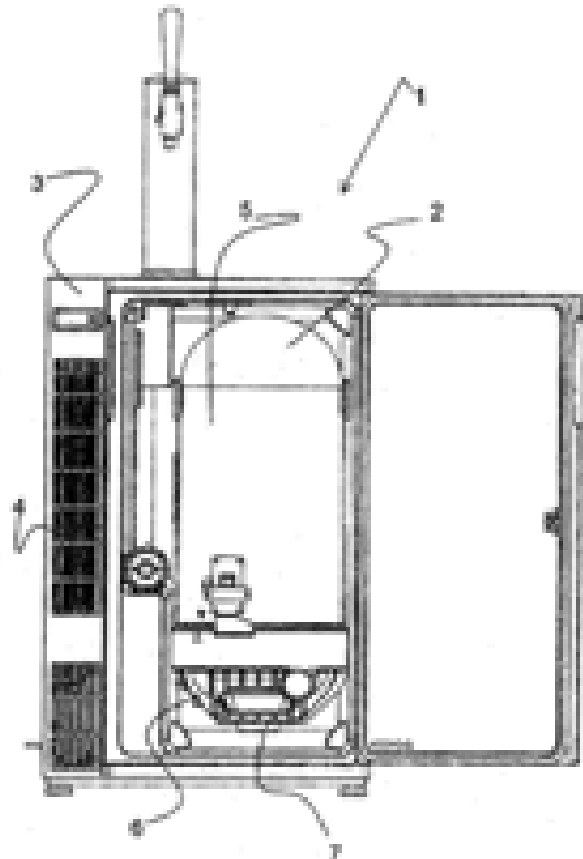
Ny Carlsberg Vej 100, DK-1760 Copenhagen, Demark

(72) RASMUSSEN, Jan Norager (DK)

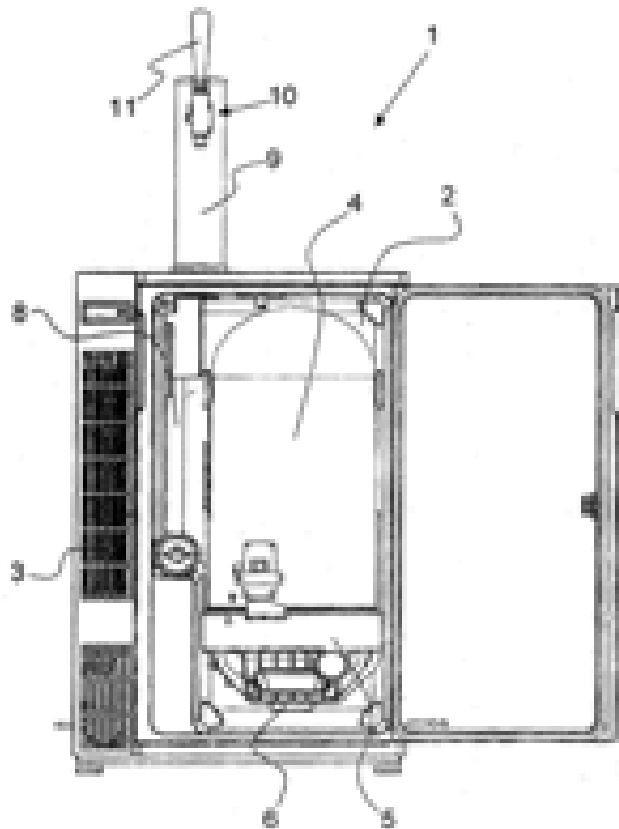
(74) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(54) DÂY CHUYỀN PHÂN PHỐI ĐỒ UỐNG

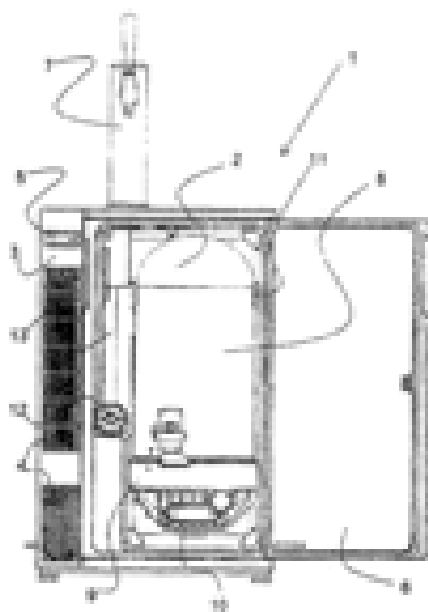
(57) Sáng chế đề cập đến dây chuyền phân phối đồ uống (1,1') . Dây chuyền theo sáng chế bao gồm buồng áp suất (2) được lắp để chứa bình chứa đồ uống trong khi sử dụng. Bình chứa đồ uống được chế tạo từ vật liệu có thể xếp được và bao gồm phần cổ (13) với đầu cuối ra. Phần tử kết nối (12) được bố trí tại phần cổ của thùng chứa, phần tử kết nối này bao gồm phương tiện nhận (27) để nhận đầu vào (22) của đường ống phân phối (19); và buồng áp suất đã nêu (2) bao gồm tường (5) và nắp (6) xác định chỗ chứa bình chứa đồ uống. Hơn nữa, phần tử kết nối kết nối với nắp (6) của buồng áp suất để đạt sự bịt kín giữa nắp và bình chứa đồ uống trong khi sử dụng.



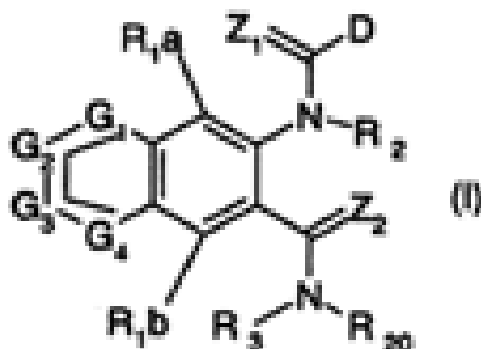
- (11) **17208**
- (21) 1-2008-00623 (51)<sup>7</sup> **B67D 1/04**, 1/08
- (22) 10.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000436 10.08.2006 (87) WO2007/019849 22.02.2007
- (30) PA 2005 01146 12.08.2005 DK
- (71) CARLSBERG BREWERIES A/S (DK)  
Ny Carlsberg Vej 100, DK-1760 Copenhagen, Demark
- (72) RASMUSSEN, Jan Norager (DK)
- (74) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)
- (54) **DÂY CHUYỀN PHÂN PHỐI VÀ LÀM LẠNH ĐỒ UỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM LẠNH ĐỒ UỐNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến dây chuyền phân phối đồ uống (1) bao gồm tháp (9) và hệ thống làm lạnh (3). Tháp (9) có tường ngoài tạo thành lòng trong của kênh thứ nhất (14) nằm giữa đầu cuối thứ nhất (12) và đầu cuối thứ hai (13) của tháp (9). Có ít nhất hai kênh được bố trí trong kênh thứ nhất (14): kênh thứ hai (15) dùng để đặt đường ống phân phối (7), kênh thứ ba (16) được nối thông chất lỏng với kênh thứ hai (15) nối trên tại đầu cuối thứ hai (13) của tháp (9). Sáng chế còn đề cập đến tháp chứa (9) được sử dụng trong dây chuyền phân phối (1) để phân phối đồ uống và phương pháp làm lạnh đường ống phân phối (7).



- (11) **17209**
- (21) 1-2008-00626 (51)<sup>7</sup> **B67D 1/04**, 1/08, 1/14, 1/06, 1/12
- (22) 10.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/DK2006/000440 10.08.2006 (87) WO2007/019853 22.02.2007
- (30) PA 2005 01148 12.08.2005 DK  
PA 2006 00364 14.03.2006 DK  
PA 2006 00794 12.06.2006 DK
- (71) CARLSBERG BREWERIES A/S (DK)  
Ny Carlsberg Vej 100, DK-1760 Copenhagen, Demark
- (72) RASMUSSEN, Jan Norager (DK)
- (74) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)
- (54) **DÂY CHUYỀN ĐỂ PHÂN PHỐI ĐỒ UỐNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến dây chuyền phân phối đồ uống. Dây chuyền phân phối đồ uống bao gồm hệ thống truyền nhiệt, hệ thống truyền nhiệt đã nêu được lắp để làm lạnh hoặc làm nóng cho ít nhất một buồng áp suất; buồng áp suất đó được lắp vào trong khi sử dụng để đặt bình chứa đồ uống, bình chứa đồ uống đã nêu được chế tạo từ vật liệu có thể xếp lại được và phần tử kết nối được bố trí tại đầu ra của bình chứa đồ uống; buồng áp suất đã nêu bao gồm tường và nắp xác định chỗ lắp bình chứa đồ uống; buồng áp suất đã nêu có nguồn áp suất, nguồn áp suất đó được lắp để cung cấp áp suất định trước cho buồng áp suất; và khi sử dụng dây chuyền phân phối, đường ống phân phối được nối với đầu ra của bình chứa đồ uống đã nêu, và đi ra từ đầu ra xuyên qua lỗ mở trong nắp của buồng áp suất, đến vòi phân phối. Việc phân phối đồ uống được thực hiện nhờ tác động của áp suất định trước đối với buồng áp suất, khi đường ống phân phối được mở tại vòi phân phối, áp suất tác động lên tường ngoài của bình chứa đồ uống làm nó bắt đầu xẹp xuống, nhờ đó đồ uống bị ép chảy ra ngoài bình chứa đồ uống vào đường ống phân phối và được rót ra ngoài qua vòi phân phối, đồ uống được phân phối y nguyên như nó có khi được cung cấp, mà không được phân phối cùng với hoặc phân phối kết hợp với bất kì khí gaz nào.



- (11) **17210**
- (21) 1-2008-00640 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/14**, 417/14, 413/14, A01N 43/60
- (22) 14.08.2006 (43) 26.05.2008
- (86) PCT/EP2006/008040 14.08.2006 (87) WO2007/020050 22.02.2007
- (30) 0516703.6 15.08.2005 GB
- (71) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)  
Schwarzwaldallee 215, CH-4058, Basel, Switzerland
- (72) JEANGUENAT, Andre (CH), HALL, Roger, Graham (GB), LOISELEUR, Olivier (CH), TRAH, Stephan (DE), DURIEUX, Patricia (FR), EDMUNDS, Andrew (GB), STOLLER, Andre (CH)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) THUỐC DIỆT CÔN TRÙNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức (I),



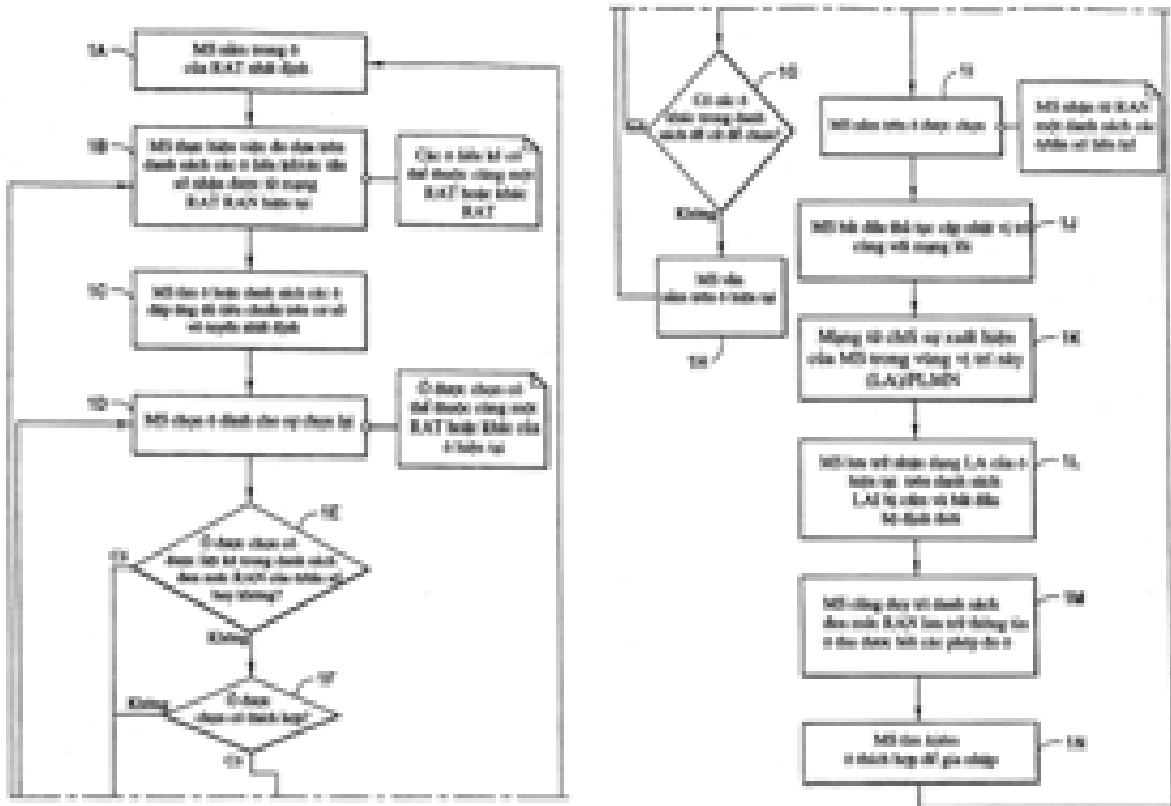
trong đó các phân tử thế là như nêu trong điểm (1), và muối chấp nhận được về mặt nông hoá và tất cả các dạng chất đồng phân lập thể và chất hỗn biến của các hợp chất có công thức (I) có thể được sử dụng làm thành phần hoạt tính nông hoá và có thể được điều chế theo cách đã biết.



- |      |                   |                   |                  |               |            |
|------|-------------------|-------------------|------------------|---------------|------------|
| (11) | <b>17211</b>      |                   |                  |               |            |
| (21) | 1-2008-00650      | (51) <sup>7</sup> | <b>H04Q 7/38</b> |               |            |
| (22) | 14.08.2006        | (43)              | 26.05.2008       |               |            |
| (86) | PCT/IB2006/002214 | 14.08.2006        | (87)             | WO2007/020515 | 22.02.2007 |
| (30) | 60/708,808        | 15.08.2005        | US               |               |            |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.03.2008

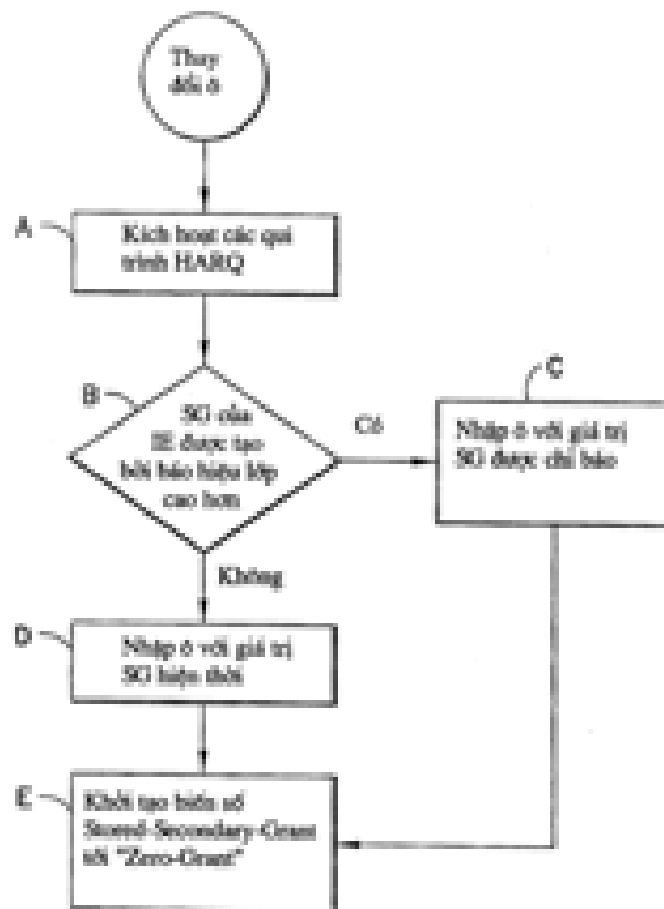
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland
- (72) DALSGAARD Lars (DK), YEO Whui Mei (SG), JOKINEN Harri (FI), HIETALAHI Hannu (FI)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) THIẾT BỊ, PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT GHI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH CÓ THÔNG TIN VÙNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG BẢN TIN PHÁT RỘNG VÀ DUY TRÌ DANH SÁCH ĐEN MẠNG TRUY NHẬP VÔ TUYẾN
- (57) Phương pháp bao gồm nhận thông tin liên quan vùng địa phương, kết hợp thông tin liên quan vùng địa phương với thông tin ô liên kề để xác định nếu ô thuộc vùng địa phương bị cấm, và tránh chọn ô nếu ô được xác định thuộc về vùng địa phương bị cấm. Các phương án đã mô tả bao gồm UE, thành phần mạng, máy tính chương trình sản phẩm, và mạch tích hợp.



- (11) **17212**  
 (21) 1-2008-00652 (51)<sup>7</sup> **H04Q 7/38**  
 (22) 14.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/IB2006/002212 14.08.2006 (87) WO2007/020513 22.02.2007  
 (30) 60/708,721 15.08.2005 US  
 11/320,988 28.12.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.03.2008

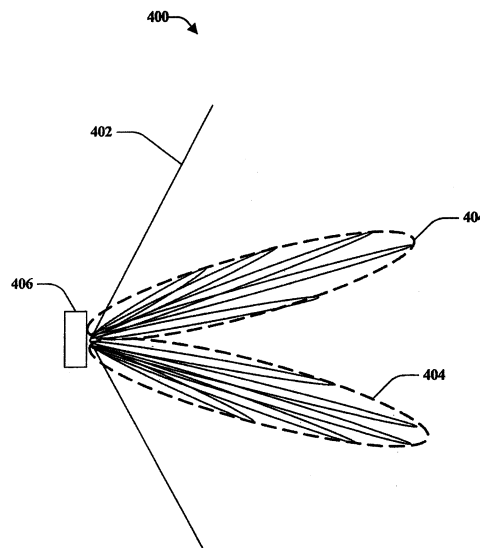
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
 Keilalahdentie 4, FIN-02150 Espoo, Finland  
 (72) SEBIRE Benoist (FR)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ DUY TRÌ CẤP PHÉP PHỤC VỤ THIẾT BỊ NGƯỜI SỬ DỤNG KHI THAY ĐỔI Ô  
 (57) Sáng chế đề xuất phương pháp lưu trữ giá trị cấp phép phục vụ (SG) thứ nhất để sử dụng trong ô phục vụ thứ nhất, nhập vào ô phục vụ thứ hai, nhận phân tử thông tin từ lớp cao hơn, duy trì giá trị SG thứ nhất nếu phân tử thông tin này không chứa giá trị SG thứ hai, và thay đổi giá trị SG thứ nhất thành giá trị SG thứ hai nếu phân tử thông tin nêu trên chứa giá trị SG thứ hai.



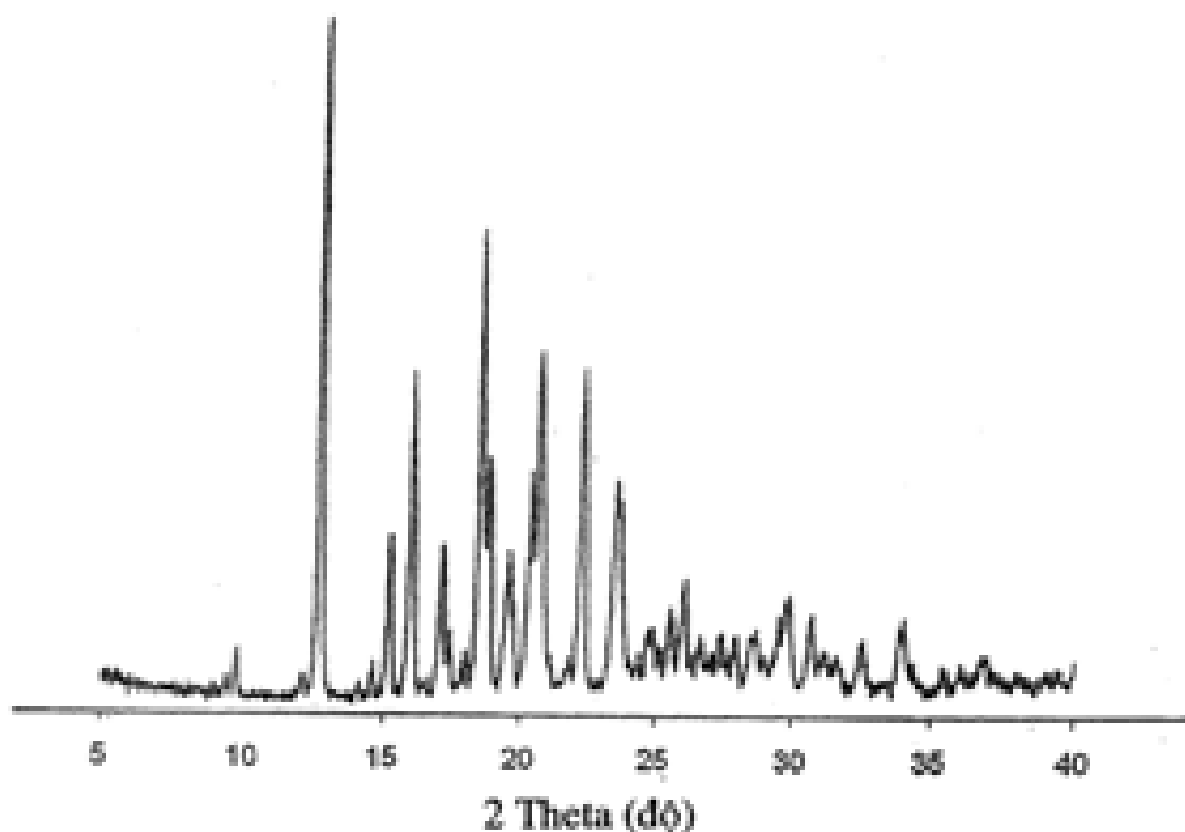
- (11) **17213**  
 (21) 1-2008-00655 (51)<sup>7</sup> **H04L 1/06**, H04Q 7/36, H04L 1/00, H04B 7/04, 7/06  
 (22) 30.08.2006 (43) 26.05.2008  
 (86) PCT/US2006/033937 30.08.2006 (87) WO2007/027825 08.03.2007  
 (30) 60/713,029 30.08.2005 US  
 60/731,014 27.10.2005 US  
 11/401,979 10.04.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.03.2008

- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) GOROKHOV, Alexei (FR), GORE, Dhananjay Ashok (IN), BARRIAC, Gwendolyn D. (US), WANG, Jibing (CN), KADOUS, Tamer (EG)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ NÂNG CAO HIỆU SUẤT TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY, PHƯƠNG TIỆN ĐỌC  
 (57) Các phương án được mô tả ở đây đề cập đến việc nâng cao hiệu suất trong hệ thống truyền thông không dây bằng cách sử dụng kỹ thuật số mã. Theo một phương án, sáng chế đề xuất phương pháp nâng cao hiệu suất trong môi trường truyền thông không dây. Phương pháp có thể bao gồm bước nhận sở thích người dùng cho chế độ truyền, kết hợp sở thích người dùng với một mục nhập hoặc các mục nhập trong số mã, và gán người dùng cho chế độ truyền tương ứng với mục nhập hoặc các mục nhập. Chế độ truyền có thể là chế độ mã hoá trước, đa truy nhập phân chia theo không gian (SDMA), mã hoá trước SDMA, nhiều đầu vào nhiều đầu ra (MIMO), mã hoá trước MIMO, SDMA-MIMO và phân tập. Mỗi mục nhập có thể tương ứng với một chế độ truyền.



- (11) **17214**  
(21) 1-2008-00689 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/20**, 31/404  
(22) 23.08.2006 (43) 26.05.2008  
(86) PCT/US2006/032935 23.08.2006 (87) WO/2007/024961 01.03.2007  
(30) 60/710,761 24.08.2005 US  
(71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
(72) SHAH, Syed, M. (US), DIORIO, Christopher, R. (US), EHRNSPERGER, Eric, C. (US), ALI, Kadum, A. (IQ)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) **DUỐC PHẨM CHỨA BAZEDOXIFEN AXETAT**  
(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa bazedoxifen axetat có sự biến đổi đa hình giảm, dạng bào chế chứa dược phẩm này, phương pháp bào chế nó.



PHẦN II

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(11) **1119**

(21) 2-2006-00202

(51)<sup>7</sup> **A01M 23/02**, 23/08, 23/38

(22) 07.11.2006

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.10.2007

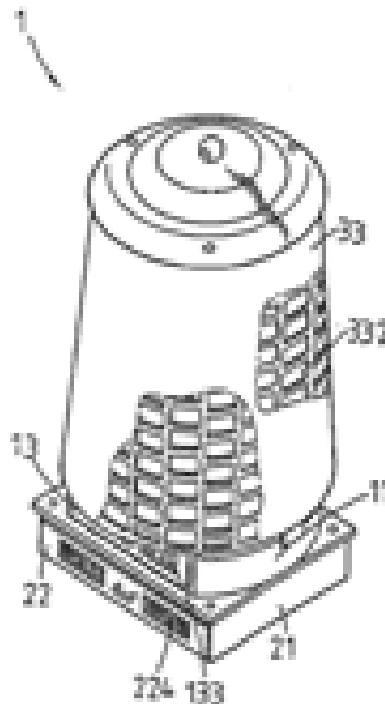
(75) HSIN-CHIH CHEN (TW)

No. 1-5 Wundi Road, Shih-chao Village, Jiaosi Township, Yilan County 262, Taiwan

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) BÃY RUỒI, MUỐI VÀ GIÁN

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến bẫy gồm đế có một khoảng không và bình được nối với miệng hở của đế. Ngăn kéo thứ nhất chứa môi nhử ăn khớp di chuyển được với đế và có ít nhất một lỗ thông để ruồi bay vào. Khung được nối cố định với mặt bên dưới của đế và ngăn kéo thứ hai ăn khớp di chuyển được với khe thứ hai của khung. Ít nhất một lối vào được tạo ra ở ngăn kéo thứ hai và tấm chắn một chiều được nối vào mặt trong của ngăn kéo thứ hai để tấm chắn một chiều chỉ có thể quay vào phía trong. Gián bị môi nhử trong ngăn kéo thứ hai thu hút qua tấm chắn một chiều. Một bộ đèn, cụm thanh dẫn điện và vỏ ngoài được lắp tương ứng trên đế sao cho muối bị bộ đèn thu hút và bị chết do chạm vào các thanh dẫn điện.



(11) **1120**

(21) 2-2007-00128

(51)<sup>7</sup> **B65D 1/10**

(22) 20.08.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095219199 31.10.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.08.2007

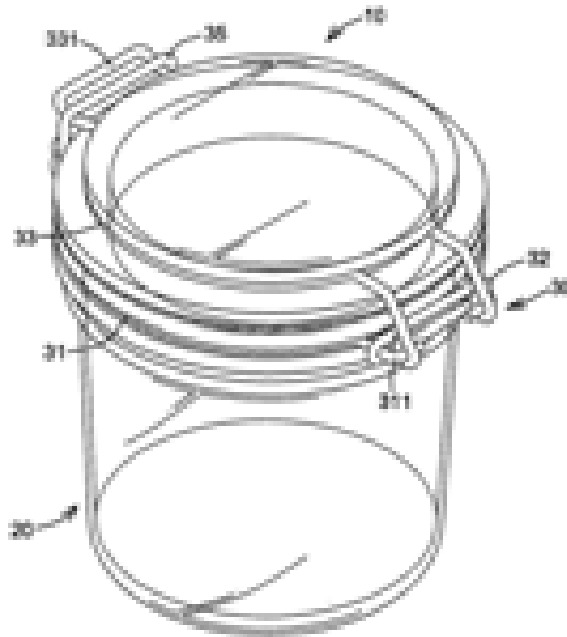
(75) SR PACKAGING INC. (TW)

550, HSI SHIH RD., FENG YUAN CITY, TAICHUNG HSIEN, TAIWAN

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) BÌNH ĐỰNG CÓ CƠ CẤU KHOÁ

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến bình đựng có cơ cấu khoá bao gồm nắp, thân và cụm gá lắp. Cụm gá lắp được chế tạo bằng cách uốn các dây kim loại, được lắp trên nắp và thân và bao gồm dây thân, dây nắp, dây khoá và dây siết chặt. Dây thân được lắp trên thân và có hai đầu và đoạn giữa. Dây nắp được lắp trên nắp, được nối quay được với dây thân và có phần nhô ra gài chặt. Phần nhô ra gài chặt nhô ra từ mép của nắp và tương ứng với đoạn giữa của dây thân. Dây khoá được nối quay được với dây thân. Dây siết chặt được nối quay được với dây khoá và có đoạn giữa được gài có chọn lựa với phần nhô ra gài chặt của dây nắp. Việc giảm độ phức tạp và số lượng chi tiết đã làm giảm chi phí chế tạo.



(11) **1121**

(21) 2-2007-00178

(51)<sup>7</sup> **A43D 35/00**

(22) 02.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095220110 15.11.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.11.2007

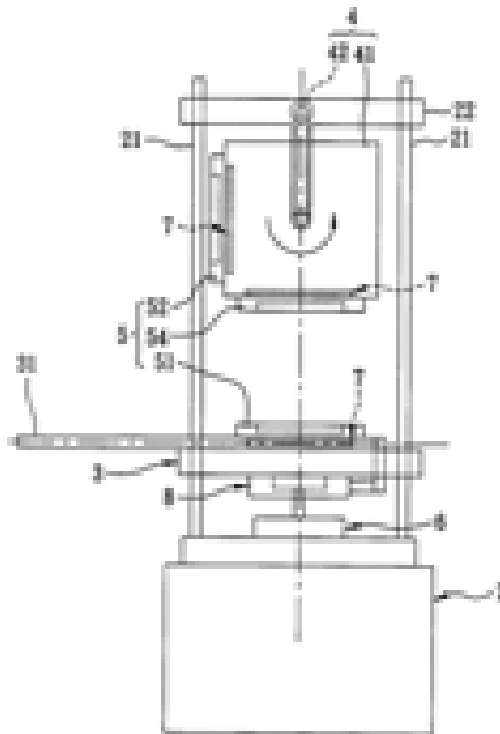
(75) YUAN-YI CHEN (TW)

No. 318, Yung-Lung 8th St., Ta-Li City, Taichung Hsien, Taiwan

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) THIẾT BỊ TẠO HÌNH DÙNG CHO ĐỂ NGOÀI CỦA GIẤY

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến thiết bị tạo hình bao gồm: khung máy (2); thân quay (41) được lắp quay được vào khung máy (2); chi tiết tạo hình bên dưới (51) được bố trí trên khung máy (2) bên dưới thân quay (41) để di chuyển lên trên và xuống dưới; các chi tiết tạo hình bên trên thứ nhất (52) và thứ hai (54) được bố trí trên thân quay (41) và cách nhau một góc quanh trục quay của thân quay (41); cụm quay (42) được đỡ bởi khung máy (2) để quay thân quay (41) giữa vị trí thứ nhất, trong đó chi tiết tạo hình bên trên thứ nhất (52) thẳng hàng với chi tiết tạo hình bên dưới (51), và vị trí thứ hai, trong đó chi tiết tạo hình bên trên thứ hai (54) thẳng hàng với chi tiết tạo hình bên dưới (51), và cơ cấu dẫn động thứ nhất (6) để di chuyển chi tiết tạo hình bên dưới (51) lên trên để tiếp giáp chi tiết tạo hình bên dưới (51) tỳ vào một trong các chi tiết tạo hình bên trên thứ nhất (52) và thứ hai (54), hoặc để di chuyển chi tiết tạo hình bên dưới (51) xuống phía dưới và tách khỏi thân quay (41).



(11) **1122**

(21) 2-2007-00182

(51)<sup>7</sup> **B26B 19/12**, 19/38

(22) 09.11.2007

(43) 26.05.2008

(30) 095219929 10.11.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 09.11.2007

(75) 1. CHEN CHIN-CHUAN (TW)

No. 25, Alley 53, Lane 514, Chung-Cheng Road, Hsin-Chuang City 24255, Taipei County, Taiwan

2. CHEN YANG YU HSIA (TW)

No. 25, Alley 53, Lane 514, Chung-Cheng Road, Hsin-Chuang City 24255, Taipei County, Taiwan

3. CHEN CHENG-HSIANG (TW)

No. 25, Alley 53, Lane 514, Chung-Cheng Road, Hsin-Chuang City 24255, Taipei County, Taiwan

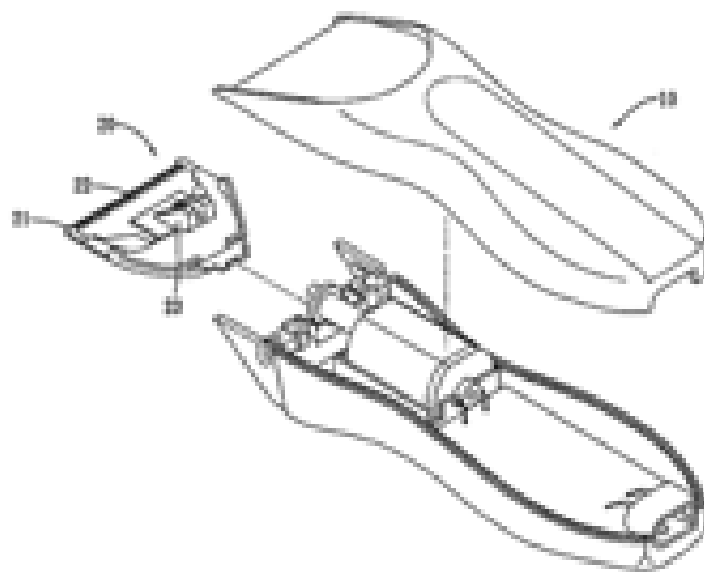
4. CHEN CHENG-I (TW)

No. 25, Alley 53, Lane 514, Chung-Cheng Road, Hsin-Chuang City 24255, Taipei County, Taiwan

(74) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(54) LƯỚI ĐAO CỦA ĐAO XÉN TÓC ĐIỆN

(57) Sáng chế đề cập đến lưới dao của dao xén tóc điện có bộ lưới dao, bao gồm lưới dao cố định, lưới dao di động và trục dao động được điều khiển bởi động cơ. Phần trước của lưới dao cố định và lưới dao di động có các răng để cắt tóc nhờ chuyển động qua lại luân phiên. Phần dưới của mặt dày trên hai mặt bên của răng của lưới dao di động được mở rộng ra phía ngoài từ trên xuống dưới tạo nên mặt cắt mở rộng có góc cắt nhọn. Do đó, khi cắt tóc, diện tích tiếp xúc giữa mặt dày dao và tóc giảm đi, nhờ đó làm giảm đáng kể lực cản, nâng tốc độ và hiệu quả của việc cắt tóc, ngăn ngừa tóc bị hỏng trong khi cắt. Ngoài ra, sáng chế còn có tác dụng làm tăng tuổi thọ dao cắt dùng trong dao xén tóc điện.





(11) **1123**

(21) 2-2007-00216

(51)<sup>7</sup> **A42B 1/06**

(22) 24.12.2007

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.02.2008

(75) WANG, SHAO-HUA (TW)

5F-1, No. 8, Sec. 3, Shuangshih Rd, Banciao City, Taipei County 220, Taiwan

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(54) **KẾT CẤU LẮP RÁP MŨ LƯỚI TRAI VỚI CÁC PHỤ KIỆN KHÁC NHAU**

(57) Sáng chế đề cập tới kết cấu lắp ráp mũ lưới trai với các phụ kiện khác nhau bao gồm rãnh trượt trên phần lưới trai và khối neo trượt tương ứng với phụ kiện, trong đó con trượt gài gần như có dạng hình chữ H được bố trí giữa khối neo trượt và phụ kiện để được lắp vào rãnh trượt, và rãnh trượt có một khe hở cài để bọc ngoài con trượt gài gần như có dạng hình chữ H của khối neo trượt, rãnh trượt này kéo dài từ khe hở cài đến tận đầu kia sao cho rãnh trượt có ít nhất một mép rìa có tạo ra các rãnh dạng răng cưa để khoá với con trượt gài gần như có dạng hình chữ H nhằm cho phép người sử dụng có thể lắp, tháo, dịch chuyển và thay thế các phụ kiện, và còn có thể giữ các phụ kiện này trong các chi tiết giữ khi phụ kiện bất kỳ trong số này không được sử dụng.

(11) **1124**

(21) 2-2008-00095

(51)<sup>7</sup> **C02F 1/50**, 1/72

(22) 12.05.2008

(43) 26.05.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.05.2008

(75) 1. LÊ THANH HÙNG (VN)

Trung tâm Công nghệ cao Hoà Lạc, Hà Tây

2. NGUYỄN PHÚ TUÂN (VN)

Trung tâm công nghệ cao Hoà Lạc, Hà Tây

3. NGUYỄN VĂN LẠNG (VN)

Trung tâm công nghệ cao Hoà Lạc, Hà Tây

(54) **CHẾ PHẨM LTH-100 DÙNG ĐỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHỜ SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY.**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến chế phẩm LTH- 100 để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, bao gồm các thành phần: hydro peroxit 5%- 20%; axit peraxetic 5% - 10%; axit xitric 1% - 5%; rỉ đường 2%-10%; nước sạch 55%-87%.

Giải pháp hữu ích còn đề cập đến phương pháp xử lý nước thải sử dụng chế phẩm nêu trên.